VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

saramago, nobel 1998

nguyễn quốc trụ

tưởng niệm bùi giáng

nguyễn hoàng văn ● cung trầm tưởng...

ám ảnh hoa trong truyện kiều

dỗ minh tuấn

tiểu thuyết xuất hiện ở nam kỳ

thế uyên & schafer

những vần thơ mới viết

khoa hữu

truyện

song thao ● lâm chương ● trần thu miên
hoàng bích đào ● lê thị huệ ● hàn song tường
khánh hà ● trần mộng tú ● nguyễn hoài phương

thơ

nguyễn khánh hòa ● đan hà ● hoàng xuân sơn
sương mai ● đặng phú phong ● nguyễn nam an
thành tôn ● thái tú hạp ● hồ minh dũng ● hoàng bắc
nhu chi ● cao xuân tứ ● kinh dương vương

SỐ 152 ● THÁNG 12 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 152 • tháng 12, 1998

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN HOÀNG VĂN	3	về nơi cố quận...
CUNG TRẦM TƯỞNG VÀ CÁC TÁC GIẢ KHÁC	9	*thơ tiếc thương thi sĩ Bùi Giáng*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	13	saramago, nobel văn 1998
SCHAFER & THẾ UYÊN	20	tiểu thuyết xuất hiện ở nam kỳ
ĐỖ MINH TUẤN	35	ám ảnh hoa trong truyện kiều
ĐỖ NGỌC YẾN	47	chí phèo, bản thân bản ngã việt
KHOA HỮU	56	*những vần thơ mới viết*
SONG THAO	58	chớp mắt ngoái lại
THÀNH TÔN	68	*rượu, đời ta*
LÂM CHƯƠNG	69	gió ngược
THÁI TÚ HẠP	83	*dòng sông chảy ngược*
TRẦN THU MIÊN	84	đám tang người khách hàng
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC	92	*bữa đó*
LÊ THỊ HUỆ	93	đà lạt mỵ nương sầu
NGUYỄN KHÁNH HÒA	98	*hiểu ra duyên nợ*
HÀN SONG TƯỜNG	99	trốn tuyết
HỒ MINH DŨNG	105	*tạ ơn*
KHÁNH HÀ	106	một chút quê nhà
CAO XUÂN TỨ	109	*có thể*
TRẦN MỘNG TÚ	110	người thuê phòng
HOÀNG BÍCH ĐÀO	117	tâm sự dòng sông
NHƯ CHI	122	*lời cỏ*
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	123	chương phềnh
NGUYỄN NAM AN	131	*khai quang*
ĐẶNG PHÚ PHONG	132	người muốn lấy cái đã mất
NGUYỄN QUỐC TRỤ	135	tạp ghi
VĂN HỌC	145	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

Thư Tòa soạn

Văn Học

Trong một tháng Văn Học tạm nghỉ sau khi ra số đôi đặc biệt Văn nghiệp Võ Phiến, có hai biến cố quan trọng xảy ra: đó là tin nhà văn Bồ Đào Nha Jose Saramago đoạt giải Nobel Văn chương năm 1998, và tin nhà thơ Bùi Giáng qua đời ở Việt Nam. Cả hai biến cố đều lớn, nếu Văn Học ra vào đầu tháng 11 như thường lệ, chắc chắn Ban Chủ biên sẽ dành một số lớn trang để tường thuật chi tiết về hai biến cố này. Các báo bạn đã thông tin đầy đủ diễn tiến của hai biến cố trên, cho nên Văn Học chỉ có hai bài nhận định chung về Saramago và Bùi Giáng trong phần tiểu luận để khỏi tụt hậu trong thời sự. Sau này, Văn Học sẽ dành một số báo đặc biệt về Thi nghiệp Bùi Giáng, giống như số đặc biệt về Văn nghiệp Võ Phiến bạn đọc vừa nhận được hai tháng trước.

Phần tiểu luận văn học trên số này có đăng bản dịch bài khảo cứu của John C. Chafer và Thế Uyên về "Tiểu thuyết xuất hiện tại Nam Kỳ" theo lời yêu cầu của nhà văn Thế Uyên. Trong khi tranh luận về Nguyễn Đình Chiểu, một vài bạn văn có ý trách anh Thế Uyên đã không nhận ra được tầm quan trọng của văn chương miền Nam khi đánh giá Nguyễn Đình Chiểu. Nhà văn Thế Uyên cho rằng: ngược lại, chính anh là người nhận ra rất sớm vai trò quan trọng của văn chương Miền Nam, và bằng chứng là công trình nghiên cứu của anh về tiểu thuyết Nam Kỳ thời sơ khai anh từng hợp tác sưu khảo, trước hết cùng giáo sư Nguyễn văn Trung, sau đó, cùng với giáo sư John C. Chafer của Đại học Humboldt California.

Cũng trong phần tiểu luận, có bài của hai nhà nghiên cứu trong nước là Đỗ Minh Tuấn và Đỗ Ngọc Yên, mà bạn đọc đã từng theo dõi trên Văn Học trong năm qua.

Sau số báo này, Văn Học chuẩn bị ráo riết để ra số Tết Kỷ Mão 1999.

Một năm cũ đang qua. Xin hẹn với quí bạn một năm mới tràn đầy niềm vui và hy vọng.❐

Về nơi cố quận....

Nguyễn Hoàng Văn

Bây giờ em bảo anh đi
Anh ồ vâng dạ anh đi từ từ
(Gửi em)

Bùi Giáng đã đi hẳn. Trước, tuy đã một cõi riêng mình, nhưng nhà thơ vẫn còn đó bên đời, để cười khóc bâng quơ, để chờn vờn mộng mị. Nay đã là một thế giới khác. Hoàn toàn khác. Hoàn toàn cách xa. Nhà thơ đã về với chốn nào đó để tiếp tục thung thăng "cá sóng phiêu bồng", để tiếp tục "cười khóc bâng quơ", để tiếp tục lãng đãng rong chơi sau những rong chơi phiêu bồng nơi trần thế?

Trong thơ Bùi Giáng luôn bàng bạc hình ảnh của một nơi chốn hồi cố. Ở đó, nếu không bắt gặp hai chữ *cố quận*, chúng ta cũng bắt gặp những *Lời Cố Quận* lẩn khuất đâu đó. Nhưng đâu là *cố quận*? Phải chăng đó là chốn "cuối cùng quê", nơi có đồi sim để ngày nào chàng lãng tử vứt bỏ bút nghiên trở về luà bò vào nằm xuống mơ mộng, thả hồn theo bầu "trời xanh đỏ chín" bên trên, giữa "bốn bề cây lá gió rung rinh" ?

Bàn chân chữ bát em đi
Bước về Đà nẵng nhu mì phục sinh
Điện bàn, Đại lộc cả kinh
Lối về cố quận quanh co lộn hoài...
(Bàn Chân Chữ Bát)

Đã là chốn cũ, cho dù có "quanh co lộn hoài", cũng có nghĩa là nơi mà từ đó người đã đi, và cũng là chốn để người về?

Đi về làng xóm năm xưa
Viếng thăm quê cũ người chưa quên người
Người hỏi tôi: "Từ đâu ông đến đây?"
- "Thưa cô thôn nữ từ đây tôi về"..
(Đi về làng xóm)

"Từ đây tôi về", thì cũng như "ở rất lâu quê nhà"; và, cái chốn cũ để đi và về đó có phải là nơi cút bắt, đợi chờ của tình yêu ban đầu?

.....Em từ dám mộng quan san
Anh từ dắm duối lang thang anh về
Tìm em ở cuối cùng quê
Tình yêu cố quận cứ nghe ngóng hoài.....
(Băng Tâm)

Nhưng yêu cái gì nào? Yêu đời? Yêu thơ? Yêu biển yêu rừng? Yêu cá lội ngoài khe, yêu lau lách trên cồn? Hay một hình bóng "thu ba", một hương sắc?

Trái tim em đập thật nhanh
Ấy là cố quận xuân xanh ngàn đời
Ấy là nhà của muôn nơi
Tấm lòng em một (mà) chơi vơi nghìn trùng.
(Mặt đất)

Như vậy cố quận có phải là nơi tụ hội của những nỗi nhớ niềm nhung, điểm giao thoa cuả những khoảnh khắc thanh bình yên ả trong một tâm hồn luôn ray rứt, đầy mộng mị buồn vui, dù đã vượt hẳn lên trên những băn khoăn phù thế? Và rồi, chốn cố quận ấy có trở nên liêu trai và vĩnh cữu; như thể trời kia, cứ bình thản và thảnh thơi, cứ xanh ngắt một màu, suốt cả ngàn năm?

.....Em xanh cố quận vô ngần
Xa nhau từ độ tử phần chẻ hai.
Gặp nhau mộng tưởng than dài
Nhìn nhau nghi hoặc sau này giết nhau...
(Thân Người Như Thể)

"Vô ngần" và "ngàn đời", hình ảnh về chốn cố quận ấy lại vượt khỏi nơi chốn gắn bó "cuối cùng quê", bay xa vạn dặm, để rồi thương cảm cho số phận của người thiếu nữ yểu mệnh trong *Khung Cửa Hẹp* :

Em nằm với lá trong cây
Bữa hôm nay mộng thấy ngày hôm qua
Môi cười ở cuối sân ga
Phố nào cố quận xưa là tiễn nhau
Lệ vàng xanh mắt mai sau

Chùm bông tuyết trắng pha màu vĩnh ly.

(Xuân Alissa, Cảm tác Khung cửa hẹp)

Nói cho cùng, thật gọn, *cố quận* là đâu? Khó quá. Mơ hồ quá. Thì thôi. Hãy hiểu một *cách* mơ hồ. Và chung chung. Cứ xem đó là chốn xanh đến vô ngần, là nơi xanh đến thiên thu bất tận. Là điểm tụ hội của những nỗi niềm trăn trở. Là một chiến khu điệp trùng ký ức của một bậc tài hoa đang chập chùng giữa tỉnh và điên. Với Bùi Giáng, có lẽ sẽ là một việc làm ngớ ngẩn nếu chúng ta cứ nhọc công tìm tòi và chú giải những điều không thể hiểu được. Cứ đọc và cảm thụ trong một tâm thức buông thả. Đọc thơ Bùi Giáng cũng giống như thưởng thức một hoạ phẩm ấn tượng hay trừu tượng: Cái chính là những ấn tượng, những cảm giác mà những dòng suối ngôn ngữ có khi ào ạt tuôn trào, có khi thao thiết nỉ non, như khơi mở, như rủ rỉ tâm tình. Những dòng suối ngôn ngữ có khi thông tục và bình dị với bó rau muống:

Yêu cầu cô bán cho tôi
Một bó rau muống chịu chơi quê nhà
Thượng thừa nước Việt ta ơi
Rau này sẽ xuất khẩu ra muôn trùng...

(Yêu cầu)

hoặc với quần rách quần lành:

Người con gái hôm nay mặc quần rách
Vì hôm kia đã mặc chiếc quần lành
Lành và rách đều vô cùng trong sạch
Bởi vì là lành rách cũng long lanh..

(Người con gái mặc quần)

Lại có khi thơ ông trở nên cổ điển và trang trọng như thơ Đường, bí ẩn như kinh Phạn với những lịch kiếp, sát na, những phiêu nhiên, bỉ ngạn, những ngọc diện, băng tâm...

Tuy nhiên cơn cớ bao hàm
Dương phi đại ngọc lại càng não nhân
Bĩ hồ thất lữ lục lâm
Hàng lên cấm nguyệt giòng trầm yên hoa..

(Xuân Cảm Nguyệt)

Từ cái man mác, cái ngọt ngào, và cái tròn trịa của vần điệu lục bát; thơ Bùi Giáng trở nên đầy sức thu hút với những hình thức ngôn ngữ mang tính phá phách. Những khối trầm hương, những mẫu gỗ xù xì nhưng lại có thể toát nên cái gì đó thiêng liêng từ mùi hương ngây ngất, tràn lấp hết thảy những gì trần tục. Còn thơ Bùi Giáng, sự phóng túng của thứ chữ nghĩa thách thức mọi ràng buộc lại toát nên những ma lực của sự thoát

tục. Thơ ông chính là những khối trầm hương chữ nghĩa . Và chúng ta bị mê hoặc.

Tách mình khỏi những ràng buộc trần thế để thong dong và nhởn nhơ giữa cuộc đời hối hả, ấy là những bậc trích tiên. Đầu năm nay Mai Thảo, cũng với lối sống trích tiên, đã về cõi bên kia. Giờ đây đến lượt Bùi Giáng. Nhưng một Mai-Thảo-trích-tiên có thể vẫn chưa thoát hẳn những hấp lực của phù thế: Ông phải chiều ngòi bút theo những nhu cầu thời thượng; phải thai nghén những pho tiểu thuyết với những *motif* na ná, từa tựa nhau. Bùi Giáng thì khác, nhà thơ hoàn toàn thoát khỏi những gánh nặng sân si của phù thế. Không một băn khoăn danh vị, không một chút phù phiếm vinh hoa. Chỉ một cõi thơ. Và đôi khi, một chút ngông:

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...
(Tài Hoa)

Lý Bạch - cũng một đấng trích tiên với đời sống ngao du trăng nước "Non xanh nghìn ngọn chờ vờ/ Tiêu dao nào có bao giờ đến năm" - trước lời hạch hỏi của viên quan trấn nhậm Hồ Châu, đã cao ngạo ví mình với Phật:

Thanh Liên, du tử, tiên hồ
Ba mươi năm đã chan hoà cuộc say,
Hồ quan hà có sự gì
Nhiễu nhương thân Phật, tửu đồ, thi tiên?

Thung thăng và phiêu bồng trong cõi bất định, Bùi Giáng cũng tiêu dao "nào có bao giờ đến năm" như bậc "thi tiên" bất tử sống trước mình cả mấy ngàn năm. Và, cũng dám ví mình với Thượng đế:

...Hôm nay ông Thượng đế đề huề
Ngày mai cô độc mỏi mê linh hồn
Hôm nay Thượng đế ăn cơm
Ngày mai ông ăn cá cơn cơn cuộc tình
Hôm nay ông ăn nói đinh ninh
Đàng hoàng rất mực tặng Na Quỳnh bài thơ...
(Hôm nay)

Hôm nay đề huề. Ngày kia cô độc và mỏi mê. Ngày nọ lại cơn cơn cuộc tình. Rồi cũng trở về với đời thực, với Na Quỳnh. Thung thăng và phiêu bồng, chân nọ chân kia; bên điên bên tỉnh, bên ảo bên đời; bên cuồng dại, bên thiên tài; và cuối cùng mang mang cả một cõi thơ, mang mang một vũ trụ riêng mình:

Người điên gân cổ kêu gào
Trái tim vũ trụ kêu gào trong ta

.....

Người điên ngôn ngữ điệp trùng
Dở chừng như mộng dở chừng như mê
Thưa em ngôn ngữ quặt què....
Làm sao nói hết nghiệp nghề người điên.
(Người điên)

Cõi điên ấy, vũ trụ ấy vô lượng, vô ngần. Vô lượng đến nỗi ngôn ngữ trở nên quặt què, không thể nói hết. Và giữa những hôm nay, hôm qua, hôm kia, tỉnh, điên, mộng, mê; cố quận luôn là nơi hồi cố:

Trang buồn tiếp tục trang vui
Trường giang tiếp giáp ngâm ngùi hoàng hoa
Tặng về cố quận trời xa
Mây tuôn gần gũi cũng là chiêm bao..
(Tặng Thơ)

Hướng về cố quận, chập chờn đi dây giữa cái thực của cõi trần thế và cõi ảo của riêng mình, và Bùi Giáng toát nên cái lạ lùng của những khối mâu thuẫn: Trong thế giới tinh thần của riêng mình, tách khỏi phù thế và tự hành hạ thân xác nhưng không ca tụng sự khổ hạnh, coi thường những phù phiếm của trần thế nhưng không hề bỉ thử trần thế; say đắm với nữ sắc, với cái tận cùng cấm kỵ của hình hài nữ sắc nhưng không hề thô bỉ và không bị chi phối bởi nhục thể:

Bây giờ em đứng nơi đâu
Cỏ trong mình mẩy em sầu ra sao
(Tặng thôn nữ Vĩnh Trinh)
hay:
Nâu sồng kết tụ hai chân
Ống tròn trĩnh mộng ống tần ngần đi
Ống đơn sơ trận dậy thì
Ghép về hai mặt tứ chi khuynh thành
Đá lừng cung bậc đạp thanh
Tiếng vang núi vọng hai vành ruộng nương...
(Nâu Sông Kết Tụ)

Giữa những chập chờn ấy, *cố quận* là đâu? Là đâu với cánh chim - không phải cánh chim đến bên đời "ngựa cổ hát chơi" - mà là cánh chim-người:

..Tháng đi theo tháng tìm mồi hắt hiu
Con chim người xuống ban chiều

Cấp ban ban sớm một triều sóng hoa
Linh hồn mộng mị tinh ma
Con chim người đã té ra về trời...
(Con chim)

Về trời? Phải chăng là về cõi chung cuộc, cõi chung cuộc cho một người nằm xuống, bỏ lại đằng sau những "cơn mê cuộc tỉnh", những "phờ phỉnh xuân xanh":

Trận gió thổi từ xa xôi ấy
Bỏ quên đi mình mấy xuân xanh
Người ta trong cõi bước nhanh
Đi về chung cuộc còn tranh giành gì.
(Anh nằm xuống)

Về nơi chung cuộc. Nơi chẳng có tranh giành. Nơi "Càn khôn gieo suốt điệu chào trăm năm", nơi "sách vũ hiệp tới chương kết thúc" chăng?

- Vì sao như thế?

- Vì kết thúc, thì tức nhiên là chấm dứt hết mọi cõi liên tồn. Còn biết lấy đâu mà đeo đuổi chiêm bao được nữa. Hỡi ôi! Đến sách vũ hiệp mà cũng kết thúc, thì Trời Xanh Thượng Đế cũng thi đua nhau tử vong, tiêu tán hết cả ngấn tích di hài...

Bấy giờ ai biết hỏi ai
Dù lòng biển rộng sông dài thênh thênh
(Bạc Bà ghi chép)

Biết hỏi ai? Thì cứ hỏi, như từ bao giờ nhà thơ đã hỏi về mình, để rồi cũng mơ hồ và mông lung:

Hỏi tên rằng biển xanh dâu
Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên rằng một hai ba
Đếm là diệu tưởng đo là nghi tâm
(Mã Giám Sinh)

Biển xanh dâu? Biển xanh của ngàn dâu "ngất một màu" trong lòng người sương phụ và kẻ chinh phu, hay cái xanh chập chùng của bể-dâu chuyển hóa khiến người trông thấy mà đau đớn lòng? Không cần biết. Chỉ biết biển-dâu xanh ấy đã xoá nhoà, sự xoá nhoà đến không cùng. Xoá nhoà không còn biên giới. Bởi, đếm đo chỉ là diệu tưởng, chỉ là nghi tâm. Là quy phạm của con người trần thế. Thế giới của Bùi Giáng không có những quy phạm. Đó là thế giới của cái khôn cùng, cuả cái bất tận. Và nhà thơ đã về với nơi ấy. Về với cõi vô lượng. Về với màu "xanh vô ngần". Trở về với "độ tử phần chẻ hai". Về với chốn "cuối cùng quê", nơi mộng ban đầu vẫn còn đó, chưa xa. Về nơi cố quận:

Đất hoa khóc vĩnh biệt người
Ngàn cây cố quận đổi lời sương thâu...

Khóc vĩnh biệt người. Lời sương thâu nơi ngàn cây cố quận? Và, chao ơi, biết nói gì nơi đây như một lời vĩnh biệt, như nén hương lòng cho một đãng tài hoa ngày nào từng một mình ngồi khóc:

Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con
Khóc rằng trí dũng hãy còn
Mà hai con mắt đã mòn cả hai...❐

Thơ khóc người thơ

Tiếng gọi
CUNG TRẦM TƯỞNG

Ta đi trong chữ tình ta
Thắp nhang trầm chữ dọc ra linh hồn
Còn nồng ấm nụ đời hôn
Thuở tròn trĩnh mẹ đỏ hòn máu tho
Dẫu âm môi ấy ẫm ờ
Mà nghe cái gọi nút bờ thời gian
Con yêu tiếng mẹ vô vàn
Một lời mẹ rớt ra ngàn cổ thu
Nhớ này giòn giã tâm tư
Chữ thi nhân đốt hư vô lửa bùng
Si ca ta cũng một dòng
Vần thơ điên ném làm chùng không gian.

(Đêm nghe tin Bùi Giáng chết)

Sáu chân dung thi sĩ Bàng Giúi
KINH DƯƠNG VƯƠNG

Trần truồng nhu nhộng
Chạy rong đường phố

Đội sịp dàn bà
Hát nghêu hát ngao
Đeo lon chống gậy
Chỉ đường chỉ sá

Quảy một gánh đá
Sợ bay lên trời

Hai tay chống nạnh
Nhảy nhót cà tưng

Thiên hạ vô phương
Anh làm Đạo Dẫn

**. Thi sĩ Bùi Giáng thường gọi mình là Trung niên thi sĩ,*
hoặc nói lái tên ông thành Bàng Giúi, Búi Giàng, Bán Giùi.v.v...

Gọi người giữa chốn bùi ngùi
Giáng hương còn đẫm ướt mùi nghê toan
HOÀNG XUÂN SƠN

Thua em huyền chú bát dàn
hát lên sớt một bàn dàn tụng hai
kể từ cơn mộng phôi thai
đười ươi thoái vị kim bài thảo nguyên
lui về sơn cốc lâm tuyền
lùa bò chín một đồi sim tự tình
mẹ nằm muôn áng sinh linh
lật con sấp ngửa ra mình dấy thôi
tự nhiên đến giữa khóc cười
tự nhiên bước khỏi cuộc đời nhẹ thênh.

Chào Anh
SƯƠNG MAI

Hồn tiên, xác tục chia lìa
Chào anh, lui bước quay về cõi tiên

Cõi ta bà, cõi muộn phiền
Cợt cười, nghiêng ngả, tỉnh điên giữa đời

Ruổi dong dầy một cuộc chơi
Ngao du sơn thủy, khóc cười...bồng dung

Ngu ngơ cái bóng lạc đường
*"Mùa xuân phía trước, miên trường phía sau"**

Cõi người, một cõi tiêu tao
Chào anh, tôi gửi...lời chào biệt ly!

Tiếc thương Bùi Giáng
ĐAN HÀ

Liên tồn xứ Quảng bước ra*
Nhập vào ngôn ngữ nở hoa thượng thừa
*Vườn Ông trái ngọt trái chua**
Nên ông thỉnh thoảng lên chùa nghe kinh
Ngao Du Ngày Tháng một mình*
Mưa Nguồn ông rót vào bình rượu thơ*
Cho nên Sa Mạc bất ngờ*
*Bồng dưng Phát tiết lơ thơ Lá Côn**
Cồn lau cỏ lách sắt son
Đầu đường xó chợ ông còn ngại đâu
*Tên ông giò biển xanh dâu**
Vô thường diệu ấy ông rầu làm chi
Chữ rằng: Sinh ký tử qui
Quảng Nam bị gậy ông đi Sài Gòn
Biên Hoà bệnh viện ân cần
Nhà thương Chợ Quán đôi lần ghé qua

Tham quan xong lại trở ra
*Kim Cương, Phùng Khánh gọi là mẫu thân**
Thương ông tôi biết "mằng rân"
Mần răng nữa để đỡ đần cho nhau
Thôi ông trên cõi nhiệm mầu
Yên vui với những mộng đầu tài hoa...!

** Tên sách và chữ nghĩa của Bùi Giáng*

Khóc Ông Bùi Giáng
ĐẶNG PHÚ PHONG

Nghe Kim Cương đọc điếu văn
khóc ông Bùi Giáng quấn khăn-quần nàng
Kim Cương nước mắt hai hàng
giọt rơi giọt để ngỡ ngàng tử sinh
Ông về cố quận đinh ninh
với Trăng Châu Thổ Sương Bình Nguyên giăng
lệ tôi tuy đã khô cằn
cũng xin một giọt lăn lăn nhớ người
cảm vì chữ nghĩa mấy mươi
phù sinh một kiếp lạy đời Tính Không
Ông về ông nhớ tôi không
còn tôi ở lại nhớ ông bèn cười.

Thu về một chiếc lá rơi
Bảy mươi ba tuổi khóc đời chưa cam

Jose Saramago: Nobel văn chương 1998

Nguyễn Quốc Trụ

Ngôn ngữ Bồ-đào-nha đã phải đợi sự kiện này 100 năm.
José Saramago.

Đèn đường từ đỏ bật qua xanh, nhưng một chiếc xe cứ nằm vạ ngay giữa lộ. Người đàn ông trong xe la lớn, lập đi lập lại nhiều lần ba tiếng: 'Tôi bị mù'. Một người lạ đưa ông về nhà. Tuy tốt bụng, nhưng vốn quen cầm nhầm xe hơi, anh chôm luôn xe nạn nhân. Sau đó ít lâu, anh cũng bị mù.

Dịch quái quỉ gì đây? Người mù đầu tiên đi khám bệnh. Bác sĩ nhãn khoa nói, mù không có nghĩa tối đen, nhưng mà là trắng chói, không thể xuyên qua được. Ông khám mắt bệnh nhân, nhưng không phát hiện một dấu vết bịnh hoạn. Đêm đến, ông lôi hết sách thuốc này tới sách thuốc khác để tra cứu. Đúng là một trường hợp điên đầu. Ông để sách lên giá trở lại: Vật cuối cùng mà ông nhìn thấy là bàn tay của mình trên gáy những cuốn sách.

Người mù đầu tiên, anh trộm xế, vị bác sĩ. Tới cô gái với cặp kính đen, một cậu con trai, một người già... Không ai có tên trong cuốn tiểu thuyết của José Saramago...

(*Mù Lòa*, bản tiếng Anh của Giovanni Pontiero, 249 trang, nhà xb Harcourt Brace & Company NY, 1995. Cuốn tiểu thuyết sau cùng của dịch giả, được chuyển ngữ một cách thật tài tình trong những giờ phút cuối cùng của đời ông).

Gần như chẳng có tên cho bất cứ một sự vật nào ở trong truyện. Thành phố, nơi dịch mù xẩy ra, không hề có nơi chốn, thời điểm. Những con phố không tên. Người đọc liên tưởng tới Kafka, một trong ba nhà văn

vĩ đại nhất của thế kỷ, như Jose Saramago khẳng định. Hai người kia, một là Jorge Luis Borges; với nhà văn Mỹ-châu La-tinh này, mù lòa có lẽ chỉ 'như là một ẩn dụ. Người còn lại, là Pessoa, đã từng tuyên bố, qua một nhân vật của ông: Vấn đề là hiểu, nhìn thế nào/ nhìn thế nào không nghĩ/ nhìn thế nào khi nhìn (That matters is to know how to see/ To know how to see without thinking/ To know how to see when seeing). *Mù lòa* được coi là cuốn tiểu thuyết quan trọng nhất tại Âu-châu thập kỷ này, theo Richard Zenith (TLS Oct 23, 1998). Đây không phải về dịch mù, nhưng về chuyện không hiểu, thế nào là nhìn, hoặc từ chối (không chịu) nhìn. Saramago là một nhà văn bi quan. Ông thú nhận mình 'bi quan đến nỗi tôi tin tưởng nhân loại hết thuốc chữa. Chúng ta đi từ thảm họa này tới thảm họa khác, chẳng bao giờ học được bất cứ một kinh nghiệm gì, từ những lỗi lầm." Nhưng thực sự, ông không đến nỗi tuyệt vọng như vậy.

Nhà cầm quyền thành lập một khu 'tạm dung' ở bìa thành phố để tránh truyền nhiễm. Trong số những bịnh nhân đầu tiên, có một bác sĩ và vợ. Bà vợ đã nói dối để được ở bên chồng. Bà là người độc nhất còn tỏ mắt. Thảm họa chừa bà ra, không hiểu tại sao. Cũng đúng thôi, bởi vì ít nhất phải có một cặp mắt tỏ, trong cõi mù lòa, để cho độc giả và nhân vật bắt đầu nghi ngờ về một điều: rằng mù lòa ở đây là bệnh lý học về lương tâm, hơn là một khuyết tật của mắt, hoặc của kính đeo mắt.

Cùng với số bệnh nhân ngày càng tăng, tình trạng chốn tạm dung ngày càng tệ. Thức ăn không đủ. Một vài người bắt đầu lấy quá phần chia của mình, vậy là có một số đói. Không có thuốc chữa trị. Người nào toan tính 'bỏ đi', là đụng đầu với sức mạnh chết người, từ những người lính, hoặc nhân viên bảo vệ. Những người này quá khiếp đảm, cuối cùng chịu mù luôn. Chốn tạm dung biến thành trại cải tạo. Bệnh nhân mới đem tin tức bên ngoài, dịch lan tràn khắp nơi, tai nạn như cơm bữa, xe cộ đụng nhau, phi công mù máy bay lao xuống đất. Theo dòng thời gian, chốn tạm dung là nơi diễn ra cuộc chiến đấu 'thê lương' vì quyền lực và vì sống còn: Kinh hoàng mù, thù hận mù, và tình yêu mù. 'Họ ngồi bên nhau, tuy tách rời, nhưng tay nắm tay, họ còn trẻ, có thể những tình nhân rủ nhau đi ciné rồi mù luôn ở đó, có thể một tình cờ nhiệm mầu đã đem họ tới bên nhau, tại nơi chốn này, nhưng trong trường hợp như thế, làm sao họ nhận ra nhau, trời ơi, may thay, còn giọng nói, lẽ dĩ nhiên, không chỉ thứ tiếng nói máu mủ không cần đến mắt, nhưng tình yêu, vốn mù lòa như người ta thường nói, có tiếng nói riêng của nó'.

Văn, đúng hơn, thơ xuôi của ông, với rất nhiều dấu phẩy, với sự trộn

trạo thì (tense), người kể chuyện, làm mạnh chất biểu tượng, tính ngụ ngôn của câu chuyện, nơi mọi người đều mù, trừ một. Người đọc chới với theo dòng kể, từ thời gian, đề tài, tới nhân vật, giữa ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, giữa dòng ý thức nội tâm và tính khách quan 'nham nhở': đây là văn phong đúng hiệu Bồ-đào-nha của tiểu thuyết gia, được dịch giả trung thành lâu năm của ông là Giovanni Pontiero chuyển qua Anh ngữ. Như trên đã nói, dịch giả mất sau khi hoàn tất *Mù Lòa*.

Chốn tạm cư đóng lại cùng với cuộc chiến giữa hai băng chiến sĩ mù. Một trận hỏa hoạn xảy ra. Chiến sĩ mù kêu lính cứu nguy, nhưng họ đều đã bỏ đi, những cổng lớn đều mở. Bà vợ ông bác sĩ dẫn dắt đám người mù sống sót vào thành phố, nơi băng đảng công dân mù sục sạo thức ăn, nơi người chết không được chôn cất, trở thành thức ăn cho chó mèo, quạ; xe hơi gỉ sét tại chỗ. Không điện nước, không một phương tiện, dịch vụ công cộng. Rác rưởi, phế vật, phân... khắp nơi. Đối với hầu hết mọi người, sạch không chỉ là vấn đề y tế. Nó là một toan tính cuối cùng nhằm đừng lún trở lại, vào trong mù lòa chót, mù lòa tối đen, nơi không còn tình yêu, không còn những câu chuyện. Sau cùng, một trận mưa đổ xuống, họ bắt đầu kỳ cọ cho nhau; có một ý nghĩa hết sức 'hồ hởi', về sự giải thoát và thanh tẩy: 'Họ không thể tưởng tượng, ba người đàn bà trần trụi như thế, ba người đàn bà trần trụi như khi ra đời, họ như khùng, họ đúng là khùng, những con người không trục trặc cái đầu, đâu có kỳ cọ ngay ngoài bao-lơn cho hàng xóm trông thấy... sạch, thanh hóa, trần trụi...'.

Nhưng mù là gì? Nó tính nói thay cho điều gì ở đây. Những nhân vật lẽ dĩ nhiên phải đặt ra câu hỏi như vậy, tuy khác đi một chút. Đâu là bản chất vấn đề, đâu là nguyên nhân sự mù lòa của họ? Ở những trang cuối, bà vợ vị bác sĩ, với đôi mắt tỏ chịu đựng cả gánh nặng, chứng kiến cơn dịch, đưa ra lời giải thích: 'Tại sao chúng tôi trở nên mù, tôi không biết, có lẽ một ngày nào đó, người ta sẽ tìm ra. Bạn có muốn tôi nói, tôi nghĩ gì, vâng, tôi muốn lắm, tôi không nghĩ chúng tôi 'đã trở nên' mù, tôi nghĩ chúng tôi mù. Mù nhưng nhìn thấy. Những người mù có thể nhìn, nhưng không nhìn.'

Nói như vậy thật phi lý, nhưng mù lòa ở đây là một ám dụ (allegory), theo Andrew Miller (NY Times Book Review Oct 4, 1998), về chuyện không có thể nhìn. Đó là về điều chúng ta nên nhìn, một điều mà Saramago sợ chúng ta không thể nhìn. Ông, một người với tất cả những tháng năm của đời mình, viết, sống, kinh qua độc tài, cách mạng: ông sợ chúng ta không thể nhìn, nỗi sợ của ông hiện diện, tràn đầy, trên từng con chữ...

Jose Saramago chưa hề đưa ra một lời 'ưu ái', đối với chủ nghĩa tư bản toàn cầu, và lẽ dĩ nhiên, tỏ ra thù nghịch với hệ thống kinh tế chính trị kiểu Mỹ, nhưng ông là một thí dụ tuyệt hảo, về một 'văn nhân' thân lập thân, theo một nghĩa sâu xa nhất của từ này. Ở đây, không chỉ là trường hợp một tài năng bản địa phát triển qua lao động cực nhọc, rồi được thừa nhận qua bền bỉ; với ông, tài năng có vẻ là một sản phẩm do kiên nhẫn tạo dựng. Sinh năm 1922 trong một gia đình nông dân nghèo ở Ribatejo, hai năm sau họ dời về Lisbon, ông được gởi đi học tại một trường thương mại, và bắt đầu làm thợ cơ khí, khi 18 tuổi. Đó cũng là thời gian, đêm ở thư viện công cộng, ông tự mình làm quen với văn chương. Tuy *Cẩm Nang Hội Họa Và Viết Chữ Đẹp* (1977) vẫn được coi là cuốn tiểu thuyết đầu tay, nhưng thực ra ông 'khởi nghiệp' với *Terra do Pecado* (Đất Tội Lỗi), được xuất bản năm 1947. Ông bỏ viết luôn sau đó, kéo dài đúng 30 năm.

Trong *Cẩm nang*, một họa sĩ tài năng khiêm tốn, nhưng cái đầu ngạo mạn, được một gia đình mới giầu trong những năm cuối cùng của chế độ Salazar, mướn vẽ chân dung. Liên hệ giữa hai bên trở nên căng thẳng, khách hàng không hài lòng bức vẽ, huỷ bỏ giao kèo. Họ đề nghị trả tiền, theo kiểu 'làm đến đâu trả đến đó', nghĩa là giữ lại tác phẩm. Nhưng họa sĩ chống-trưởng-giả, tên là H., thích 'giữ nguyên' tình trạng dang dở của bức họa cùng với lòng tự trọng của mình. Một cuốn tiểu thuyết 'không được lớn', nhưng điều thú vị ở đây, nó mang tính tự thuật một cách 'ngẫu nhiên': Vào thời điểm này, José Saramago được xếp hạng, chỉ là 'người viết giả tưởng tồi', và điều này 'thấm' vào ông, vốn đã có thói quen nói 'không', lại càng trở nên bướng bỉnh hơn, cứ lùi lũi đi theo con đường tự chọn, và nó đã dẫn ông trở thành một trong những nhà văn nổi tiếng nhất của hậu thế kỷ hai mươi.

Như trên đã nói, ông bỏ viết 30 năm, sau khi bị văn chương quyến rũ, với mối tình đầu *Land of Sin*. Đúng là một quyết định 'khôn ngoan', theo R. Zenith, trên TLS. *Vùng Đất Tội Lỗi* đã được viết bằng văn phong thế kỷ 19, chẳng có một dấu hiệu nào báo trước thiên tài, cha đẻ *Baltasar & Blimund* (nguyên đề *Memorial do Convendo*, 1982), và sáu cuốn tiểu thuyết đàn em tiếp theo. *'Trong 15 năm đầu tiên của cuộc đời, chúng ta nên học, rồi làm việc, rồi tàn lụi, héo hắt đi'*, đó là lời khuyên của ông; trong những năm học nghề như thế đó, trong những 'thành quả', còn có: một hôn nhân, một ái nữ, những cần câu cơm với nhà nước, một công ty bảo hiểm, một nhà xuất bản, và viết báo - không phải ký giả, mà nhà phê bình văn chương, bình luận chính trị. Những bài báo của ông sau được in thành vài cuốn sách và được xuất bản vào đầu thập niên 1970, ông còn xuất bản ba tập thơ. Dấn thân hết mình vào lực lượng Tả phái, trong việc

chống lại chế độ Salazar, ông gia nhập Đảng CS Bồ-đào-nha vào năm 1969. Một năm sau Cách mạng, ông là đồng-chủ bút tờ báo lớn ở Lisbon, *Diaro de Noticia*, nhưng ông bị ép buộc phải từ chức vào tháng 11 năm 1975, khi thành phần chủ trương ôn hòa hơn nữa trong Cách mạng, loại bỏ Đảng CS.

Mấy năm sau đó, ông đổi qua dịch thuật, cũng là một trong những phương tiện nhằm đạt mục đích. Ông còn nhận viết một cuốn tiểu thuyết du lịch, theo đơn đặt hàng: *Hành trình tới Bồ-đào-nha* (1981). Và ông viết truyện giả tưởng trở lại. *Cẩm nang Hội họa*, tuy không thực sự là một cuốn tiểu thuyết nhưng nó đúng là một khẳng định bền bỉ cho một 'lý thuyết văn chương': nghệ thuật liên minh với tư tưởng, lý tưởng; với diễn đạt bằng chữ, của kinh nghiệm. 'Tuyên ngôn' bắt đầu 'ra hoa' trong **Được** *Nuôi Nấng từ Đất* (1980), một *saga* (câu chuyện nhiều tập) nhiều tầng về những công nhân nông trại ở Alentejo, trong cuộc chiến đấu chống lại áp bức, đói rét kéo dài ba phần tư đầu thế kỷ; rồi được 'kết trái' trong *Balsatar & Blimunda*, nhan đề tiếng Anh là về cuộc tình phảng phất bên trên, và bên trong những biến động thê lương của lịch sử Bồ-đào-nha trong những năm đầu thế kỷ 18, khi Hoàng đế Joao V 'thông minh, nhưng dần', bắt hàng ngàn dân chúng còng lưng xây dựng Nữ Tu Viện Mafrat, một công trình đồ sộ như là sự vô dụng của nó. Ý hướng chính trị là một trong những thông điệp của cuốn tiểu thuyết, nhưng không giản dị như là chuyện giai cấp đấu tranh, những kẻ áp bức chống lại những con người bị thống trị. Chỉ giai cấp Bồ-đào-nha ở trên được hưởng lợi, từ xứ thuộc địa Brazil đổ về, nhưng qua đó, là sự ngu dốt của con người, sự mù lòa, và khát máu; những trận đấu bò, những cuộc hành quyết của mật vụ nhà thờ (Inquisition) là những cuộc vui cho dân giầu cũng như nghèo.

Jose Saramago, cho đến ngày nay, vẫn mang thẻ đảng viên CS, chưa hề chậm chạp đưa ngón tay chỉ thẳng vào những người 'có' bóc lột những người 'không có', nhưng ông càng ngày càng lo buồn vì tình trạng băng hoại, tham nhũng của bản chất con người. Nhìn hay không nhìn là những hình ảnh tái đi tái lại, là những đề tài chính của tác giả, cùng với nó, là nghệ thuật về sự cảm nhận chính xác. Người cựu binh Baltasar, còn được gọi là Bẩy Mặt Trời, bởi vì anh ta chỉ có thể nhìn trong ánh sáng, đã tương tư cô nàng nhìn xa trông rộng Blimunda, còn có tên Bẩy Mặt Trăng, bởi vì nàng chỉ nhìn được trong bóng tối. Cả hai cùng trèo lên Passarola, một kiểu máy bay được chế tạo bởi Padre Bartolomeu, một nhân vật lịch sử bị đẩy vô tiểu thuyết, cùng với một nhân vật lịch sử khác nữa, Domenico Scaltti, chỉ quan tâm đến 'bay' thay vì làm tròn bổn phận một ông thầy âm nhạc cho con gái Hoàng đế. Những nhân vật bổ túc cái nhìn cho nhau, tin

tưởng ở nhau, và ở người khác, tìm cách bay lên khỏi định mệnh thuyết lịch sử. Đó là niềm tin mãnh liệt của con người, theo như Padre, nhờ vậy máy bay đã bay được.

Thênh thang, tráng lệ, trộn lẫn tài tình điều kỳ ảo dị thường với lịch sử, sử dụng cách kể khôi hài nhưng tình cảm, *Baltasar & Blimunda* là cuốn tiểu thuyết vĩ đại đầu tiên, một thành công mang tầm vóc thế giới của ông. Với *Năm Chết Của Ricardo Reis* (1984), biên niên đại chuyển tới năm 1936, nơi chốn Lisbon, trong khi tính hài hước và những suy tưởng mang tính bản thể học sâu đậm và trở nên khúc mắc nhiều hơn. Dr Ricardo Reis, một nhân vật cùng tên (đánh vần như nhau, nhưng đọc khác, nghĩa cũng khác) do Fernando Pessoa (1888-1935) tạo ra, vì có cảm tình với vương triều nên phải bỏ chạy qua Brazil vào năm 1936, giả dụ vậy. Giả tưởng (tiểu thuyết) của José Saramago tiếp liền sau đó: được tin Pessoa mất, từ một người bạn trùng tên nhưng dị âm dị nghĩa, Alvaro de Campos; Reis theo tầu trở về Lisbon, tính làm quen trở lại với thành phố quê hương, những gốc rễ văn hóa; và với bóng ma người sáng tạo ra anh. Bóng ma này thăm viếng, nói chuyện với anh, y hệt như còn sống. Pessoa là một nhà thơ vĩ đại nhất của Bồ-đào-nha sau Camoes. Saramago biết rõ Pessoa của mình, ông đùa rỡn và cũng là một cách vinh danh nhà thơ. Cuốn tiểu thuyết hoạt động theo nhiều 'kênh' khác nhau, và những độc giả nước ngoài, ngay cả khi không nắm vững trò chơi dị âm dị nghĩa, liên-văn bản, họ vẫn sững sờ vì nơi chốn xẩy ra cuộc chơi: một Lisbon u tối, mưa, phát-xít; càng u tối hơn do những bóng đen của Cuộc Nội Chiến Tây-ban-nha, những người qua lại tượng trưng xã hội Bồ-đào-nha với những tầng lớp dân chúng của nó, những tấm gương, những mê cung theo kiểu Borges, và sau cùng là một kết quả lý thú, đầy chất trí tuệ. Ngay cả những độc giả hụt hẫng, lạc lối, một cách đọc nhầy quãng cũng thật là tuyệt vời.

Jose Saramago đôi khi bị buộc tội lạm dụng hình thức tu từ, lại không đưa ra một bảng tham chiếu, điều chúng ta thường mong đợi ở một cuốn tiểu thuyết, nhưng *The Year of the Death of Ricardo Reis* phản bác lại một lời buộc tội như thế. Bức tranh mà cuốn truyện dâng hiến cho chúng ta, một Lisbon vào những năm 1930, là đúng kiểu James Joyce. Một vài người đã gọi ông là một nhà hiện thực huyền ảo, nhưng ông thích một định nghĩa khác về ông: một nhà hiện thực sâu (a deep realist), theo nghĩa, hiện thực chủ nghĩa của ông nằm bên dưới, hoặc đằng sau câu chuyện tức thời. Nhân vật Ricardo Reis đã từng đưa ra nhận xét: 'mục đích của nghệ thuật không phải bắt chước thực tại, nhưng mà là phát minh một thế-thực tại (alternate reality), nhờ nó thực tại mà con người ước mong truyền đạt, trở nên 'tốt đẹp' hơn. Sự khác biệt giữa chúng, chứng minh, giải thích, và

đo lường cả hai, thực tại như một phát minh/bịa đặt, và thực tại như nó sẽ là.'. Saramago đã 'lại' đem đến sức mạnh cho truyền thống Lục-địa (Âu-châu) của tiểu thuyết, vốn được tạo thành nhờ tư tưởng, thay vì một hình thức tiểu thuyết luẩn quẩn với những chuyện tầm phào, chuyện 'trong nhà', theo kiểu dòng đời cứ thế trôi, câu chuyện cứ thế được kể; theo R. Zenith (TLS), đây là mẫu mã của nhà văn Mỹ, Updike, vốn đã và đang tràn lan từ Hoa-kỳ qua Âu-châu.

Một trong những ý nghĩ ám ảnh Saramago, là làm sao những lỗi nhỏ - do tình cờ, hoặc do cố ý - lại có thể gây ra những hậu quả khủng khiếp. Đây là đề tài cuốn *Lịch Sử Cuộc Vây Hãm Lisbon* (1989), trong đó, Raimundo, làm nghề 'kiểm tra' bản thảo cho một nhà xuất bản. Tuy cả thẹn, nhút nhát, nhưng anh liều lĩnh 'tái kiểm tra lịch sử', đưa ra một tiểu chú, lật ngược cái nhìn lịch sử cuộc vây hãm Lisbon của vua Bồ-đào-nha, thành phố khi đó bị cai trị bởi những người Moor, vào năm 1147. Nhà xuất bản khám phá ra lỗi lầm, trước khi quá muộn, nhưng bà chủ trực tiếp của anh, Maria Sara, quá thích thú vì hành động 'can đảm' này; đến lượt anh, lại liều lĩnh 'thích thú' bà chủ! Maria đã khuyến khích anh viết một câu chuyện, dựa trên những sự kiện dởm, do anh bịa đặt ra, về cuộc vây hãm Lisbon. Lẽ dĩ nhiên là anh làm theo, cuốn tiểu thuyết 'vẽ ra' một cuộc đụng đầu thật tuyệt vời giữa lịch sử thật và giả; giữa Bồ-đào-nha bây giờ với Bồ-đào-nha thế kỷ 12; giữa tình yêu của kiểm tra viên dành cho 'bà sếp' với tình yêu của một anh lính thời trung cổ, một nàng Ouroana nào đó; giữa Ca-tô-giáo và Hồi-giáo.

Cuốn tiểu thuyết mới nhất của José Saramago *Tất Cả Những Cái Tên*, (Todos os Nomes) (1997) là về một nhân viên tại một phòng lưu trữ hồ sơ của nhà nước. Anh bị ám ảnh, cố kiếm cho ra, những dữ kiện về một người đàn bà sinh và mất ở Lisbon. Một trong những chủ đề cũ kỹ, đáng yêu của Saramago: những con người bình thường tìm kiếm nhau, tìm kiếm tình yêu, chẳng cần thiết phải biết nhau, đâu cần biết người đó là ai. Người nhân viên có thể là bất cứ người nào, có thể chính là tác giả. Cuộc tìm kiếm chẳng dễ dàng gì, anh ta chẳng hề biết tên thực của người đàn bà, nhưng cuộc tìm kiếm cứ thế tiếp tục, và nó không phải là vô hy vọng. Ở cuối *Mù Lòa*, một vài người lại nhìn được, một trong số họ đưa ra nhận xét, 'kinh nghiệm thời gian đã dậy chúng ta một điều rằng, chẳng hề có người mù, chỉ có sự mù lòa'.❐

Tiểu thuyết xuất hiện tại Nam Kỳ

John C. Schafer và Thế Uyên

Các học giả Việt Nam xưa nay đều cho rằng tiểu thuyết hiện đại Việt Nam xuất hiện đầu tiên tại miền Bắc với hai tác phẩm cùng xuất bản vào năm 1925 là *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách và *Quả Dưa Đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật. Nhưng gần đây một khuynh hướng mới chấp nhận rằng tiểu thuyết Việt Nam đã ra đời ở miền Nam trước. Trần Chánh Chiếu xuất bản cuốn *Hoàng Tố Anh Hàm Oan* năm 1910, cùng một năm với Trương Duy Toản, tác giả cuốn *Phan Yên Ngoại Sử*. Hồ Biểu Chánh, một tác giả nổi tiếng sau này vì đã viết rất nhiều tiểu thuyết, năm 1912 đã cho ra đời cuốn đầu tiên: *Ai Làm Được* (1).

Hồ Biểu Chánh, Trần Chánh Chiếu, và Trương Duy Toản rất xứng đáng được tuyên dương là những tiểu thuyết gia đầu tiên của Việt Nam. Họ đã đi từ thể loại truyện thơ bằng chữ Nôm sang truyện dài văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ, thay thế các nhân vật cổ điển bằng những nhân vật hiện đại với đầy đủ ham mê dục vọng của con người, từ lòng tham lam tiền bạc, yêu thương và hận thù, cho đến cả vấn đề tình dục nữa. Họ cũng từ bỏ lối kể chuyện đường thẳng, thay thế bằng những bút pháp bao gồm nhiều miêu tả cảnh vật và biến đổi tâm lý của nhân vật.

Truyện hiệp khách và truyện tài tử giai nhân

Trước khi bàn tới sự xuất hiện và phát triển của tiểu thuyết miền Nam, chúng tôi xin bàn một chút về hai chủ đề kể chuyện đã có từ nhiều thế kỷ, trước khi tiểu thuyết xuất hiện. Hai chủ đề đó là *hiệp khách* và *tài tử giai nhân*.

Truyện hiệp khách xuất hiện vào khoảng ba, bốn trăm năm trước Công nguyên. Những hiệp khách này đi từ vùng này sang vùng khác làm

việc nghĩa, cứu nguy kẻ khốn cùng, giúp đỡ kẻ nghèo khó mà không đòi tưởng thưởng công lao. Hiệp khách, khác với người quân tử của Khổng giáo, không những chỉ lo cho gia đình, mà còn giúp đỡ người xa lạ không kể thân hay sơ. Và hiệp khách cũng khác với người hùng trong những chuyện thường gọi là "tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc" (như *Tam Quốc Chí* chẳng hạn). Người hùng trong truyện hiệp khách không cầm quân xung trận mà chỉ làm việc nghĩa với tính cách cá nhân, thường thường là để chống lại hệ thống quan lại quyền bính đương thời.

Còn truyện tài tử giai nhân được dùng để chỉ ít ra là 50 cuốn truyện văn xuôi được phổ biến rộng rãi ở Trung Hoa từ thế kỷ XVII. Các truyện tài tử giai nhân cũng không khác xa lắm với những truyện Hiệp khách. Thường thường người hùng trong truyện tài tử giai nhân là một thi sĩ đẹp trai giỏi tài thơ phú, còn người hùng trong truyện hiệp khách thì võ nghệ cao cường. Truyện tài tử giai nhân thường thường được mô phỏng theo một công thức như sau: "Tài tử gặp giai nhân, đôi trẻ yêu nhau, vượt qua mọi trở ngại khó khăn, chàng thi đỗ làm quan, cưới nàng và đôi uyên ương sắt cầm hòa hiệp, bách niên giai lão" (2).

Hai chủ đề này bộc lộ rõ trong hai tác phẩm xuất hiện trước tiểu thuyết hiện đại là *Kim Vân Kiều* và *Lục Vân Tiên*. Truyện *Lục Vân Tiên* văn võ kiêm toàn, vừa là hiệp khách vừa là tài tử. Còn *Kim Vân Kiều* là một truyện tài tử giai nhân, nhưng không hẳn là một truyện tiêu biểu của loại văn này. Nguyễn Du đã lấy đề tài *Truyện Kiều* từ một truyện tài tử giai nhân viết vào cuối thế kỷ XVII của một văn sĩ Trung Hoa là Thanh Tâm Tài Nhân. Khác với những tài tử giai nhân khác, *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân lấy các nhân vật chính xuất thân từ gia đình khiêm tốn, bình thường hơn; truyện còn miêu tả đam mê nhục thể trong nhiều đoạn chứ không hoàn toàn thanh cao như các truyện tài tử giai nhân khác. Ý thức hệ chi phối *Kim Vân Kiều Truyện* cũng không phải là Khổng giáo thuần túy mà là một thứ Khổng giáo pha lẫn với Phật giáo.

Kim Vân Kiều, các truyện nghĩa hiệp và tài tử giai nhân khác đã ảnh hưởng tới Hồ Biểu Chánh và các nhà tiểu thuyết tiền bối như thế nào? Trước hết, đa số những truyện nghĩa hiệp và tài tử giai nhân đều khá hiện thực. Chàng và nàng đôi khi phải biểu diễn một vài động tác phi thường nhưng mọi sự xảy ra trong khả năng con người có thể làm được. Nếu có thêm một vài tình tiết hoang đường thì độc giả cũng dễ dàng chấp nhận. Thứ hai, những diễn tiến trong các truyện này tương đối ngắn gọn và các tình tiết hướng về một chủ đích nhất định, vì thế chúng gần gũi với tiểu thuyết hiện đại hơn các truyện cổ điển Tàu.

Thứ ba, thứ Khổng giáo biến thể và pha trộn với Phật giáo của Nguyễn

Du trong Kim Vân Kiều đã mở đường cho các tiểu thuyết gia đi sau dám bàn tới những đề tài cấm kỵ như tình yêu xác thịt. Hồ Biểu Chánh tuy có đề cao đạo lý Khổng giáo trong các tác phẩm của mình, nhưng ông cũng công nhận một thực tại khó chối cãi là sự thèm muốn trần tục của thân xác con người. Khuynh hướng kiềm chế dục vọng của thế kỷ XIX đã bị phá tan trong các tác phẩm của Hồ Biểu Chánh. Ngay trong truyện dài đầu tay bằng thơ *U Tình Lục*, Hồ Biểu Chánh đã để chàng và nàng chung chăn gối trước khi cưới hỏi. Trong tác phẩm thứ hai tác giả cho nàng bị hiếp dâm. Trong cuốn thứ tư, nàng bị người anh họ dụ dỗ ăn nằm đến mang bầu. Chưa hết, người anh họ này lại còn là con nuôi của mẹ nàng nên truyện còn mang một chút không khí loạn luân.

Sau cùng, loại truyện hiệp sĩ đã mang lại cho các tiểu thuyết gia đầu tiên của Việt Nam cách dựng truyện, nhân vật, tình tiết và đề tài khác với loại tài tử giai nhân. Truyện nghĩa hiệp đem các nhân vật của mình ra khỏi khuê viên quyền quí, tung họ đi giang hồ hành hiệp khắp nơi. Nhân vật trong các truyện cũng dũng mãnh hơn các tài tử. Những yếu tố này đã làm cho các tiểu thuyết gia đầu tiên thấy gần gũi và thích đọc những truyện của Alexandre Dumas bố, Victor Hugo và Hector Malot.

Mặc dầu bị ảnh hưởng rất nặng của hai loại truyện hiệp khách và tài tử giai nhân, các nhà tiểu thuyết đầu tiên của miền Nam cũng đã vượt ra ngoài khuôn khổ của hai loại truyện này. Tác phẩm của họ không còn dựa trên các biến cố lịch sử, mà xảy ra trong thời gian và không gian hiện đại. Về bút pháp, họ không còn dùng câu văn biền ngẫu bóng bẩy nữa mà thay vào đó dùng một lối văn bình dân, giản dị như lời nói hàng ngày. Về hành văn, họ dùng lối văn mô tả để trình bày tình cảm, không dùng nhiều khuôn sáo như trước.

Thời kỳ thai nghén tiểu thuyết: U Tình Lục của Hồ Biểu Chánh

Sau khi nhìn qua các truyền thống văn học đã ảnh hưởng đến Hồ Biểu Chánh chúng ta hãy tìm hiểu cuộc đời của ông để cắt nghĩa vì sao tác giả đã bắt đầu là một nhà thơ và dần dần trở thành một tiểu thuyết gia ở miền Nam. Hồ Văn Trung, lấy bút hiệu là Hồ Biểu Chánh, là con của một xã trưởng, sinh năm 1885 tại xã Bình Thạnh, tỉnh Gò Công. Khi ông ra đời thì Nam Kỳ đã thành thuộc địa của Pháp được 18 năm. Vào thời kỳ này Nho học đã thoái trào nhưng nhiều gia đình vẫn còn cho con đi học chữ Hán. Năm lên tám, Hồ Biểu Chánh bắt đầu đi học chữ Hán với một ông thầy đồ trong làng. Đến năm 1896 ông vào trường Pháp - Việt, bắt đầu học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Suốt thời kỳ đi học ông đã phải đổi

nhiều trường từ tỉnh nhỏ sang tỉnh lớn. Ông được học bổng để học trường cấp 2 ở Mỹ Tho và sau đó đậu kỳ thi tuyển vào trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn. Năm 1905 ông đỗ bằng Thành Chung. Năm 1906 ông được tuyển vào làm công chức và phục vụ suốt 35 năm cho chính quyền thuộc địa Pháp. Ông giữ nhiều chức vụ khác nhau tại nhiều nơi ở Lục tỉnh, được cả cấp trên lẫn dân quý mến. Năm 1941, khi về hưu, ông được chính quyền Pháp tưởng thưởng Bắc Đẩu bội tinh. Trong khi nhiều công chức thuộc địa khác lợi dụng quyền thế để làm giàu, Hồ Biểu Chánh nổi tiếng là một người thanh liêm (3).

Cũng như đa số các tiểu thuyết gia Việt Nam khác, Hồ Biểu Chánh vừa là nhà văn vừa là nhà báo. Cùng với một số bạn bè ông đã xuất bản Đại Việt tập chí ở Long Xuyên năm 1918 và cũng đã hợp tác với nhiều tờ báo khác nữa. Bất bình với chế độ kiểm duyệt của người Pháp, ông bỏ nghề làm báo, lấy viết văn làm nghề tay trái. Ông chỉ quan tâm đến chấn hưng đạo đức chứ không chú trọng đến chính trị. Các tác phẩm của ông mô tả những cảnh cùng cực gây ra bởi lòng tham lam, nghèo cực và thối nát chứ không hề đưa ra một giải pháp chính trị nào. Ông chỉ có một mục đích là duy trì đạo lý Khổng Mạnh.

Tác phẩm đầu tay *U Tình Lục* vẫn còn mang nặng rất nhiều đặc tính của các truyện thơ cổ truyền. Điểm thứ nhất là nó được viết bằng thơ lục bát, một thể thơ đã được dùng trong ca dao và trong *Truyện Kiều*. *U Tình Lục* là một ví dụ cụ thể chứng minh ảnh hưởng lớn lao của *Truyện Kiều* đối với các nhà văn đi sau Nguyễn Du.

Về tình tiết thì *U Tình Lục* quả thật là một truyện tài tử giai nhân: chàng tài tử gặp nàng giai nhân, hai người hứa hôn với nhau nhưng rồi phải xa cách bởi âm mưu của một nàng khác cũng yêu chàng. Nhân vật thứ ba này viết thư vu cáo nàng đã thất thân với một người khác, làm chàng nổi giận bỏ đi lên phương Bắc. Trong thời gian xa cách đôi trẻ đã gặp đủ tai ương nhưng rồi đều qua khỏi và kết cục là hai người thành vợ chồng.

Đề tài và nhân vật của *U Tình Lục* cũng giống như các truyện dài bằng thơ của thế kỷ XIX. Các đề tài chính vẫn là thuyết tiền định, và trung hiếu tiết nghĩa của Khổng giáo. Mặc dù nhân vật của *U Tình Lục* có vẻ phức tạp hơn nhưng vẫn chưa ra khỏi lề lối kẻ thiện người ác, người thiện được thưởng, người ác bị trừng phạt. Nói tóm lại, kết cục của *U Tình Lục* rất có hậu, và cũng như các truyện thơ khác, *U Tình Lục* chỉ nhắm đến một mục đích là dạy người đời ăn ở hiền lành.

Nhưng *U Tình Lục* đã thể hiện rất nhiều đổi mới. Các truyện thơ của thế kỷ XIX trước đều viết bằng chữ Nôm. *U Tình Lục* viết bằng chữ Quốc

ngữ. Đây là một sự đổi mới quan trọng vì nhiều lý do. Chữ Nôm đã được sáng chế từ thế kỷ XIII, chữ Nôm dùng chữ Hán để viết tiếng Việt theo lối đọc của người Việt. Muốn hoặc chữ Nôm phải học chữ Hán trước. Vì vậy chỉ một số rất nhỏ người trí thức thời bấy giờ biết đọc và viết chữ Nôm. Sự thiếu vắng một thứ chữ dễ đọc và dễ viết là lý do tại sao văn xuôi đã xuất hiện muộn tại Việt Nam. Văn vần vì có vần có điệu nên dễ nhớ và dễ truyền bá trong quảng đại quần chúng. Văn xuôi trái lại vì khó nhớ nên phải đợi đến khi có một thứ chữ dễ đọc hơn chữ Nôm xuất hiện.

Chữ Quốc ngữ do các nhà truyền giáo Pháp sáng chế ra vào khoảng năm 1651, nhưng ít ai dùng chữ này cho mãi đến đầu thế kỷ thứ XX. Tại sao một thứ chữ dễ học như chữ Quốc ngữ lại phải đợi quá lâu như vậy mới được phổ biến? Lý do thứ nhất là vì các nhà truyền giáo không cố ý truyền bá chữ này ngoài vòng giáo dân. Thứ hai là vì các viên chức cao cấp Pháp trong chính quyền thuộc địa không đồng ý với nhau nên dùng thứ chữ mới này hay dùng chữ Pháp ở trường học. Lý do sau cùng là vì rất nhiều người Việt không muốn học chữ Quốc ngữ. Họ coi thứ chữ này là một dụng cụ của chính sách thực dân Pháp (4).

Mãi đến thập niên 80 của thế kỷ XIX chữ Quốc ngữ mới bắt đầu phát triển mạnh tại miền Nam. Đấy là lúc các tác phẩm nổi tiếng như *Truyện Kiều*, *Nhị Độ Mai*, *Lục Vân Tiên* được ghi lại bằng chữ Quốc ngữ. Những truyện cổ điển Trung Hoa như *Tam Quốc Chí* và *Đông Chu Liệt Quốc* cũng được dịch sang chữ Quốc ngữ.

Một đổi mới khác trong *U Tình Lục* là Hồ Biểu Chánh đã cho hai nhân vật chính xuất thân từ Gia Định, một địa phương quen thuộc của miền Nam chứ không phải là một nơi xa xôi nào bên Tầu.

Tấn Nhơn theo học ở Mỹ Tho, còn nàng Cúc Hương thì khổ đau ở Sài Gòn. Thời gian xảy ra truyện là năm 1880, không xa lắm thời gian của tác giả và độc giả. Những truyện sau cũng vậy, không những Hồ Biểu Chánh đều cho xảy ra tại Nam Kỳ vào đầu thế kỷ XX mà thôi, ông còn thành công trong việc miêu tả nếp sống của người Việt trong những thành phố cùng làng xã của vùng châu thổ sông Cửu Long. Ông ghi lại rõ nét lòng tham lam và sự thối nát của các công chức địa phương và địa chủ, sự bóc lột tàn tệ của các tay cho vay nặng lãi người Hoa lai Ấn. Ông cũng không quên mô tả chuyện những cô gái gị gia đình gả ép vì lý do tài chính. Với *U Tình Lục*, Hồ Biểu Chánh bắt đầu rời khỏi truyền thống nghĩa hiệp và tài tử giai nhân để bước sang lãnh vực của tiểu thuyết mới. Lý do của sự chuyển hướng ấy có lẽ không phải vì Hồ Biểu Chánh muốn bắt chước tiểu thuyết Pháp, mà đúng hơn là vì ông thấy rõ thị hiếu của độc giả thời bấy giờ, thị hiếu muốn đọc những truyện gần gũi với họ.

Hồ Biểu Chánh cũng bắt đầu thí nghiệm đưa ra những nhân vật khác với truyền thống xưa. Mặc dầu đôi trẻ trong *U Tình Lục* còn cư xử theo kiểu "nam nữ thụ thụ bất thân" như Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, nhưng đôi khi Hồ Biểu Chánh cũng để cho các nhân vật của mình biểu lộ đam mê, bị lôi cuốn theo nhục dục. Thúy Kiều đã suy nghĩ rất nhiều trước khi bán mình chuộc cha. Các nhân vật trong U Tình Lục trái lại, hoàn toàn để mình bị lôi cuốn vào đam mê, không một chút đắn đo hai chữ tình và hiếu. Tuy vậy Hồ Biểu Chánh không phải là nhà văn Việt Nam đầu tiên viết đến vấn đề tình dục. Ở miền Bắc, từ đầu thế kỷ XIX Hồ Xuân Hương đã tài tình viết những bài thơ tả cảnh sông núi, nhưng sự thật là bàn đến những chuyện phòng the của nam nữ. Hơn nữa phong ca dao cũng như trong thơ truyện như thơ Sáu Trọng ở miền Nam vấn đề trai gái cũng rất thường được bàn đến mà không che đậy chút nào (5).

Tiểu thuyết đầu tiên của Hồ Biểu Chánh: Ai Làm Được

Năm 1912, Hồ Biểu Chánh được bổ nhiệm tới Cà Mau. Đây là nơi ông đã quyết định từ bỏ văn vần để chú tâm vào viết tiểu thuyết. Cuốn tiểu thuyết đầu tay là *Ai Làm Được*.

Ai Làm Được vẫn theo một vài khuôn sáo cũ, nhưng khó chối cãi đây là một tiểu thuyết nếu chúng ta đồng ý rằng tiểu thuyết là một truyện viết bằng văn xuôi, tường thuật một câu chuyện diễn ra trong không gian và thời gian đồng thời với tác giả. Bố cục *Ai Làm Được* tương tự như một truyện tài tử giai nhân, trong đó tài tử là những chàng thư ký Chí Đại và giai nhân là nàng con gái nhà lành Bạch Tuyết, con của một ông Tri phủ. Sau khi đã qua khỏi biết bao gian truân gây nên bởi bà dì ghẻ, hai người đã được đoàn tụ và sắt cầm hòa hiệp. Ngoài câu chuyện tình của Chí Đại, Bạch Tuyết còn có một truyện tình phụ trong *Ai Làm Được* và hai truyện tình diễn biến song song giống y hệt như các truyện tài tử giai nhân cổ truyền khác.

Hồ Biểu Chánh chia cuốn *Ai Làm Được* ra làm 27 hồi, mỗi hồi khoảng 1000 chữ, bắt đầu bằng một nhan đề tóm tắt những gì sắp xảy ra như "Ông cháu gặp nhau", "Phu phụ tương ly", hay "Tái đáo Sài Gòn"... Về đề tài, *Ai Làm Được* cũng rất cổ truyền. Mặc dầu Chí Đại và Bạch Tuyết phải trải qua nhiều thử thách bất công, tác giả không hề ngụ ý oán trách ai ngoài bà dì ghẻ độc ác và ông chồng Tri phủ nhu nhược. Hay nói một cách khác, không như *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, *Ai Làm Được* không phải đả phá luân lý Khổng giáo mà chủ đích của Hồ Biểu Chánh là tố cáo lòng tham lam, tính ích kỷ.

Tuy nhiên *Ai Làm Được* cũng chứng minh được rằng đây là một cuốn truyện khác hẳn với truyện cổ truyền. Nhan đề, dưới hình thức một câu hỏi, là một điểm mới. Điểm mới thứ hai là Hồ Biểu Chánh đã kể chuyện dưới hình thức văn xuôi. Ngôn ngữ của *Ai Làm Được* là ngôn ngữ thường nhật của người miệt Cà Mau. Các nhân vật nói với nhau rất tự nhiên, không ngâm thơ, cũng không dùng điển tích văn hoa. Hơn nữa hai nhân vật chính còn chung sống với nhau như vợ chồng mặc dầu chưa có hôn thú.

Giống như nàng Kiều, Bạch Tuyết cũng phải trải qua một thời gian thử thách rất lâu dài. Nhưng trong truyện của Hồ Biểu Chánh, thử thách này không xảy ra vào một thời xa xưa nào đó ở Trung Hoa mà ngay ở đất Sài Gòn, và những kẻ ác là những ông chủ bóc lột, những người Hoa cho vay nặng lãi, những chuyện rất thường tình của một xóm lao động trong thành phố. Ai Làm Được là một truyện nửa ái tình, nửa phiêu lưu mạo hiểm, nhưng cũng là một truyện hiện thực miêu tả cuộc sống của người dân miền Nam vào đầu thế kỷ XX. Đây là điểm làm cho *Ai Làm Được* khác hẳn với các truyện văn vần trước đó như *Kim Vân Kiều* và *Lục Vân Tiên*.

Ba nhà văn Miền Nam trước Hồ Biểu Chánh

Ngoài ảnh hưởng của các truyện Pháp và Tàu, chúng ta cũng được biết rằng các nhà văn miền Nam cùng thời với Hồ Biểu Chánh cũng ảnh hưởng rất nhiều đến các truyện của ông. Các nhà nghiên cứu văn học sử Việt Nam đã hoàn toàn không nhắc gì đến những nhà văn miền Nam tiền bối này mặc dù họ viết văn 15 năm trước khi *Tố Tâm* ra đời. Trong một bài tiểu sử do Nguyễn Khuê sưu khảo, Hồ Biểu Chánh đã nói rằng sau khi hoàn tất truyện dài bằng thơ *U Tình Lục*, ông đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của ba nhà văn miền Nam đương thời là: Nguyễn Trọng Quản với cuốn *Truyện Thầy Lazaro Phiền*, Trương Duy Toản với cuốn *Phan Yên Ngoại Sử* và Trần Chánh Chiếu với cuốn *Hoàng Tố Anh Hàm Oan* (6). Ba tác phẩm này khác hẳn nhau nhưng đều có chung một điểm là đều xảy ra tại Lục tỉnh Nam Kỳ và các nhân vật đều là những con người bình thường trong xã hội. Hồ Biểu Chánh đã nói rằng những tác phẩm này, và nhất là truyện *Hoàng Tố Anh Hàm Oan*, đã khiến cho ông chuyển hướng viết văn vần ra văn xuôi. Mặc dù Hồ Biểu Chánh đã viết rất nhiều tiểu thuyết, ông không phải là nhà văn miền Nam đầu tiên đã viết những truyện bằng văn xuôi mang một bối cảnh địa phương và các nhân vật hoàn toàn từ địa phương. Ông là một thành phần của cộng đồng văn sĩ và ký giả miền

Nam đã bắt đầu chuyển sang thể nghiệm một thể văn mới khi thấy thể văn vần đã thoái trào.

Tác phẩm đầu tiên viết bằng văn xuôi, *Truyện Thầy Lazaro Phiền* (1887), không phải là một tiểu thuyết, mà là một truyện ngắn. Tác giả Nguyễn Trọng Quản là một người Công giáo, đã du học ở Lycée d'Alger ở Algérie và sau đó trở thành hiệu trưởng một trường tiểu học. Ông còn là một họa sĩ, và các tranh của ông xuất hiện trong *Phan Yên Ngoại Sử* và *Hoàng Tố Anh Hàm Oan*.

Câu chuyện được xây dựng một cách khéo léo quanh nhân vật chính là Lazaro Phiền, một người thông ngôn cho chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ. Phiền đã giết vợ và bạn thân vì nghi ngờ hai người thông dâm với nhau. Nhân vật xấu là một phụ nữ Việt có chồng Pháp để tâm đến Phiền nhưng không được đáp ứng nên đã cung cấp những tin tức sai lạc cốt để đánh lừa Phiền. Bị giày vò vì hối hận đã giết vợ và bạn, nhất là sau khi được biết cả hai đều vô tội, Phiền đau khổ đến tuyệt vọng và dần dần đi đến cái chết.

Truyện ngắn này có nhiều yếu tố rất hiện đại. Đây là một câu chuyện trong một câu chuyện: Lazaro thú tội của mình với một bạn đồng hành cùng chuyến tàu đi Bà Rịa. Người này trở thành kẻ tường thuật câu chuyện của Lazaro cho độc giả. Lối tường thuật bằng ngôi thứ nhất, kết cục đau buồn, lối hành văn miêu tả, đối thoại tự nhiên và nội dung bao hàm tư tưởng Thiên Chúa giáo là những yếu tố làm cho câu chuyện này trở thành một hiện tượng mới lạ khi xuất hiện tại miền Nam vào thập niên 80 của thế kỷ XIX. Những yếu tố mới lạ táo bạo này cùng đề tài Thiên Chúa giáo đã giải thích tại sao chuyện đã không được đón tiếp nồng hậu khi xuất hiện vào năm 1887. Nguyễn Văn Trung đã cắt nghĩa rằng chỉ cái nhan đề thôi cũng đủ làm cho độc giả tưởng rằng đây là một truyện đạo và không thèm đếm xỉa đến (7).

Truyện của Nguyễn Trọng Quản đã ảnh hưởng đến Hồ Biểu Chánh như thế nào? Trước hết trong *Truyện Thầy Lazaro Phiền*, Nguyễn Trọng Quản đã dứt khoát từ bỏ loại truyện tài tử giai nhân, không như Hồ Biểu Chánh còn vương vấn khi viết Ai Làm Được vào năm 1912. Vốn là một Phật tử và là môn đệ của Khổng Mạnh, Hồ Biểu Chánh lẽ dĩ nhiên không có ý định xây dựng truyện trên ý niệm tội lỗi hay thú tội của đạo Công giáo. Tiểu thuyết đầu tiên của Hồ Biểu Chánh rất cổ truyền trên phương diện hình thức cũng như nội dung: *Ai Làm Được* kể lại tình duyên trắc trở giữa một chàng thư sinh và một cô gái nhà lành và kết cục tốt đẹp ở cuối truyện rất thích hợp với luân lý Khổng Mạnh cổ truyền. Trong *Truyện Thầy Lazaro Phiền*, trái lại nhân vật chính đã chết vì sự cấn rứt của lương

tâm và sự giày vò của hối hận.

Có lẽ ảnh hưởng lớn nhất của Nguyễn Trọng Quản là đã thuyết phục Hồ Biểu Chánh rằng ông có thể viết truyện lấy đề tài từ khung cảnh địa phương với những nhân vật bình thường ở ngay tại miền Nam. Nguyễn Trọng Quản cũng gợi ý cho Hồ Biểu Chánh rằng những đam mê xưa nay bị cấm đoán và những tội ác như trả thù và hành hung đều có thể dùng làm đề tài cho nhà văn. Bạo lực và trả thù là hai đề tài khá thông thường trong các truyện nghĩa hiệp nhưng hoàn toàn vắng mặt trong các truyện tài tử giai nhân. Tuy nhiên trong *Ai Làm Được* và *Truyện Thầy Lazaro Phiên*, đề tài trả thù đạt đến một mức độ rất cao.

Trương Duy Toản và Trần Chánh Chiếu là hai thành viên tích cực của nhóm Duy Tân Hội trong phong trào kháng Pháp thời đó. Duy Tân Hội được cụ Phan Bội Châu – một sĩ phu đã theo gót nhóm Cần Vương trong phong trào kháng Pháp sáng lập. Khởi đầu cụ Phan Bội Châu và các đồng chí tin rằng cần có một minh chủ trong phong trào kháng Pháp thuộc giới hoàng tộc nên đã chọn hoàng thân Cường Để thuộc dòng dõi hoàng tử Cảnh. Khi Cường Để sang châu Âu năm 1913 để vận động chống Pháp, ông có mang theo một người tháp tùng thông thạo tiếng Pháp để làm thông ngôn. Khi sang Anh Quốc, Cường Để gởi người này sang Pháp hoạt động, nhưng rủi ro người này bị bắt và bị giam vào khám Santé. Sau đó người này bị trả về Việt Nam vào năm 1916 và bắt đầu viết báo, sáng tác tuồng cải lương.

Người thông ngôn và sau này là tác giả của một số tuồng cải lương nổi tiếng không ai khác hơn là Trương Duy Toản. Trước khi rời châu Âu, Trương Duy Toản đã cho xuất bản cuốn *Phan Yên Ngoại Sử - Tiết Phụ Gian Truân* vào năm 1910. Phan Yên là tên cũ của vùng Gia Định. Truyện Phan Yên là một truyện xây dựng hoàn toàn theo truyền thống nghĩa hiệp cộng với tài tử giai nhân: một chàng trai cứu một cô gái khỏi nạn côn đồ rồi sau đó ra đi cứu nhân độ thế. Sau một thời gian luân lạc gian truân hai người đoàn tụ vui vẻ.

Truyện Phan Yên rất cổ điển cho nên Hoài Anh đã dùng từ "truyện chí" để gọi cuốn này, một từ mà ông đã dùng để gọi những truyện cổ điển như *Tam Quốc Chí* (8). Tuy nhiên truyện Phan Yên cũng mang một yếu tố mới, đó là dùng khung cảnh của thời Tây Sơn khởi nghĩa chứ không phải ở bên Tàu. Trương Duy Toản so sánh người Pháp với Tây Sơn và để cho nhân vật chính giúp Nguyễn Ánh "từ bỏ chiến thuyền, sắm sanh khí giới đặng có tận diệt bọn Nhạc, Huệ". Trương Duy Toản đã làm cho câu truyện của mình rất hợp thời.

Truyện Phan Yên có thể đã giúp cho Hồ Biểu Chánh đi đến kết luận

rằng hai truyền thống nghĩa hiệp và tài tử giai nhân có thể phối hợp với nhau trong văn xuôi cũng như ở trong văn vần. Người hùng trong truyện Phan Yên vừa là một thư sinh mà cũng vừa là một hiệp sĩ. Hồ Biểu Chánh có vẻ rất hâm mộ những tình tiết gay cấn như thoát hiểm trong phút chót, đương đầu với kẻ bắt cóc hay đắm tàu ngoài khơi... Những tình tiết gay cấn này không xuất hiện nhiều trong cuốn truyện đầu tay *Ai Làm Được* nhưng đầy rẫy trong hai truyện tiếp theo là *Chúa Tầu Kim Quy* và *Cay Đắng Mùi Đời*. Hồ Biểu Chánh đã mô phỏng hai truyện này dựa theo *Comte de Monte-Cristo* và *Sans Famille* cho nên yếu tố mạo hiểm lại càng thêm phần quan trọng. Tuy nhiên, ông đã rất khâm phục khía cạnh phiêu lưu của truyện *Phan Yên Ngoại Sử*. Chính truyện Phan Yên và các truyện phiêu lưu Pháp đã thúc đẩy ông chú trọng đến yếu tố mạo hiểm trong các truyện sau này.

Một nhà văn khác liên quan đến phong trào chống Pháp và cũng ảnh hưởng rất nhiều đến nghiệp văn của Hồ Biểu Chánh là Trần Chánh Chiếu, tức là Gilbert Chiểu, hay Trần Thiên Trung, hay Trần Nhựt Thăng. Là một nhân vật quan trọng trong Duy Tân Hội của cụ Phan, Trần Chánh Chiếu hoạt động tích cực để nâng cao cải thiện đạo đức chính trị và kinh tế. Sinh trưởng ở Rạch Giá, trong một gia đình giầu có, ông theo học Collège d'Adran ở Sài Gòn, rồi sau đó làm thông ngôn, chủ khách sạn, chủ bút, chủ xí nghiệp. Vốn mang hai quốc tịch Việt và Pháp, ông có thể hoạt động dễ dàng và táo bạo hơn các đồng chí khác.

Khi chính quyền Pháp dẹp tan những hoạt động của phong trào Duy Tân, Trần Chánh Chiếu quay về viết tiểu thuyết *Hoàng Tố Anh Hàm Oan* không có vẻ của một tiểu thuyết chính trị. Giống như tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, truyện của Trần Chánh Chiếu là một câu chuyện đạo đức. Tuy nhiên, truyện *Hoàng Tố Anh Hàm Oan* cũng không hẳn là không có mục đích chính trị vì Trương Duy Toản đồng ý với Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu rằng muốn giành độc lập phải mở mang dân trí và chấn hưng đạo đức trước.

Hoàng Tố Anh là một cô gái bán trầu nghèo ở Sài Gòn, bị xe của hai bố con một nhà giàu đâm phải. Thấy cô gái xinh đẹp, hai bố con đưa Tố Anh về nhà, nói là để điều trị, nhưng thật ra là để lợi dụng. Con gái của ông chủ là Kim Tiên trở thành bạn thân của Tố Anh. Kim Tiên có một ông bố chơi bời phóng đãng, rượu chè cờ bạc đâm ra mắc nợ rồi xui Kim Tiên viết giấy tờ giả mạo để rút tiền của bố khỏi ngân hàng. Tố Anh được trao cho nhiệm vụ ra ngân hàng rút tiền. Sau đó Tố Anh bị hai bố con nhà giàu tìm cách cưỡng hiếp nên nàng quyết định đi trốn. Khi cảnh sát khám phá ra vụ rút tiền gian lận, Tố Anh bị tống giam. Một thời gian sau Tố Anh

được minh oan và trở về xóm cũ lấy một người láng giềng ngày xưa tuy nghèo nhưng tốt bụng. Chuyện kết thúc bằng một bí mật được sáng tỏ: Tố Anh thật sự là con riêng của vợ ông nhà giàu, kết quả của một chuyện tình được ém nhẹm. Một ông cậu, em của mẹ Tố Anh, xuất hiện trong đoạn cuối câu chuyện và mua cho vợ chồng Tố Anh một căn nhà xinh xắn.

Về hình thức *Hoàng Tố Anh Hàm Oan* rất gần gũi với các truyện cổ truyền. Truyện dài khoảng 20.000 chữ và chia làm 15 hồi, mỗi hồi đều bắt đầu bằng hai câu ngắn loan báo tóm tắt nội dung sắp xảy ra và khi chuyển đoạn tác giả cũng dùng những công thức khuôn sáo cũ. Nhân vật trong **Hoàng Tố Anh Hàm Oan** là những nhân vật rập theo khuôn mẫu của người tốt hay người xấu và kết luận cũng không đi khỏi luân lý thông thường là ở hiền gặp lành.

Như vậy, Hồ Biểu Chánh đã học được những gì ở Trần Chánh Chiếu ngoài việc để cho câu chuyện xảy ra ở Việt Nam và sử dụng ngôn ngữ thông dụng hàng ngày? Hồ Biểu Chánh có thể đã thán phục Trần Chánh Chiếu ở chỗ tác giả này đã mạnh dạn phê phán những người cậy thế, cậy quyền để bóc lột người hèn kém và để thỏa mãn dục vọng riêng tư. Truyện của Hồ Biểu Chánh đầy rẫy những chỉ trích tương tự. Lẽ dĩ nhiên ta có thể nói rằng Hồ Biểu Chánh đã chứng kiến những cảnh áp bức như vậy trong đời sống hàng ngày ở Lục tỉnh nhưng Trần Chánh Chiếu đã giúp cho Hồ Biểu Chánh thấy rằng có thể dùng tiểu thuyết như một công cụ để phê phán xã hội.

Từ kể chuyện theo đường thẳng đến tiểu thuyết hiện đại

Khi Hồ Biểu Chánh viết *Ai Làm Được* năm 1912, ông đang dò dẫm tìm một phương pháp mới để kể chuyện. Trước 1912 ông đã cho xuất bản một truyện thơ là *U Tình Lục*. Sau đó ông có cảm tưởng rằng độc giả có vẻ khoái truyện viết bằng văn xuôi hơn nên ông chuyển sang viết văn xuôi. Năm 1922 ông nhuận sắc lại *Ai Làm Được*, sửa đổi rất nhiều trước khi xuất bản cuốn truyện dài này lần thứ hai. So sánh hai bản 1912 và 1922, chúng ta thấy rằng Hồ Biểu Chánh đã từ bỏ lối kể chuyện theo đường thẳng và sử dụng một phương pháp mới để kể chuyện theo lối tiểu thuyết hiện đại.

Phạm Quỳnh, chủ bút của tạp chí Nam Phong tại miền Bắc, đã viết một bài tiểu luận về lối kể chuyện theo đường thẳng vào năm 1921. Theo Phạm Quỳnh, lối kể chuyện này được các văn sĩ cổ truyền Việt Nam và Trung Hoa rất ưa chuộng, cứ cái gì xảy trước thì kể trước, cái gì xảy sau thì kể sau, y như một cuốn biên niên sử. Câu chuyện vì vậy không liên

quan gì đến cảnh vật bên ngoài hay tâm lý bên trong. Câu chuyện chính nhiều khi phải bị gián đoạn một lúc để cho các câu chuyện phụ bắt đầu từ đầu đến cuối rồi sau đó chuyện chính lại được tiếp tục, Phạm Quỳnh nhận xét rằng văn sĩ Tây phương dùng một lối kể chuyện gián tiếp và tự nhiên hơn. Họ còn biết cách đan kết chuyện chính và chuyện phụ với nhau một cách khéo léo. Ngoài tường thuật lại câu chuyện, họ cũng miêu tả cảnh vật và dùng rất nhiều đối thoại để cho câu chuyện thêm phần sống động.

Có thể Hồ Biểu Chánh đã đọc bài tiểu luận này của Phạm Quỳnh. Cũng có thể ông nhận xét như Phạm Quỳnh sau khi đọc tiểu thuyết Pháp và viết truyện dựa trên tiểu thuyết Pháp. Dầu sao, phân tích kỹ bản in lần thứ hai của *Ai Làm Được*, ta thấy ông đã đáp ứng những điểm mà Phạm Quỳnh đã nêu lên: *Ai Làm Được* đã biến hóa từ một câu chuyện kể theo đường thẳng đến một tiểu thuyết dựa theo khuôn mẫu phương Tây. Tác giả không thay đổi bao nhiêu cốt truyện nhưng trên hình thức ông đã thay đổi rất nhiều. Từ một cuốn truyện với 27 hồi, ông đã sử lại thành 6 chương, trung bình mỗi chương vào khoảng 30 trang. Thay vì những câu giới thiệu tóm tắt câu chuyện ở đầu mỗi chương, ông thay thế bằng một con số giản dị. Ông cũng loại bỏ những câu giới thiệu vụng về của người kể chuyện mỗi khi câu chuyện chuyển hướng. Bản in 1922 dài hơn vào khoảng 15,000 chữ vì Hồ Biểu Chánh đã thêm thắt nhiều đoạn tả cảnh và dùng nhiều đối thoại để làm cho câu chuyện thêm phần sống động. Những đổi thay này đã làm cho bản in lần thứ hai đọc y hệt một tiểu thuyết hiện đại.

Kết luận: Những dị biệt giữa hai miền

Vì là thuộc địa của Pháp ngay từ 1867, Nam Kỳ chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp sớm và mạnh hơn hai miền đất bảo hộ Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Tại Nam Kỳ, hệ thống giáo dục Pháp-Việt đã thay thế khá nhanh hệ thống giáo dục Hán Nho cổ truyền. Vì hai miền khác nhau như vậy cho nên câu hỏi chúng ta sắp đặt ra sẽ không phải là vì sao tiểu thuyết xuất hiện ở miền Nam trước mà là tại sao các nhà biên khảo văn học lại gần như không biết đến những tác phẩm trong Nam. Tác phẩm của những văn sĩ tiền bối miền Nam chỉ được xếp vào thư viện tư nhân rất khó kiếm. Nếu những truyện này được đăng nhiều kỳ trên báo chí thì lại càng khó trích dẫn và tìm kiếm hơn... Ngay Vũ Ngọc Phan năm 1941 cũng viết rằng ông được biết Hồ Biểu Chánh đã xuất bản 6 truyện dài trước 1928, nhưng ông bảo là những truyện này không có bán tại các nhà sách miền Bắc (9). Biết đâu nếu đọc được những truyện dài miền Nam, Vũ Ngọc Phan lại không xác nhận rằng tiểu thuyết đã xuất hiện ở miền Nam trước. Sưu tầm lại những văn bản cũ

của các tác giả tiền bối miền Nam cũng đã là một vấn đề khó khăn cho chúng tôi và những nhà nghiên cứu khác.

Lý do thứ hai là thành kiến địa phương, hay nói cho đúng hơn, thứ thành kiến cho rằng văn chương của đại chúng không đáng được quan tâm. Phạm Thế Ngũ chẳng hạn, đã không thích văn chương miền Nam vì cho rằng thứ văn chương này sử dụng âm điệu và ngôn ngữ hàng ngày của địa phương. Người miền Bắc thích thứ văn chương trau chuốt chứ không thích thứ văn chương đầy tiếng địa phương.

Một lý do khác nữa là người miền Nam không mấy ai quan tâm đến vấn đề văn học sử. Nguyễn Văn Trung đã đưa ra một nhận định rằng những nhà văn miền Nam tiền bối này đã bị bỏ quên một phần vì người miền Nam đã tự bỏ quên mình (10). Người miền Nam để mặc việc biên khảo cho người miền Bắc mà người miền Bắc thì hoặc không nắm được những tác phẩm miền Nam, hoặc là có đọc nhưng cho rằng đây chỉ là những truyện nhảm nhí.

Một câu hỏi nữa cần đặt ra là tại sao những truyện dài đầu tiên ở miền Nam không gây chấn động nhiều như *Tố Tâm* ở miền Bắc? Tại sao sự xuất hiện của tiểu thuyết ở miền Bắc là một sự cắt đứt dứt khoát với các giá trị cổ truyền trong khi các truyện mới ở miền Nam đã đến một cách liên tục và trầm lặng? Đáng lẽ những vấn đề tình dục, luyến ái nêu ra trong truyện *Hoàng Tố Anh Hàm Oan* và *Ai Làm Được* đã gây xáo trộn trong giới độc giả nhiều hơn *Tố Tâm* mới phải. Mặc dầu *Tố Tâm* là một cô gái mới, cô và Đạm Thủy đâu có dám ăn nằm với nhau trước khi cưới như các nhân vật của Hồ Biểu Chánh. Thế thì tại sao *Tố Tâm* đã gây sóng gió trong thế giới trẻ thời đó, trong khi *Ai Làm Được* lại được chấp nhận một cách dễ dàng?

Có nhiều cách trả lời những câu hỏi nêu trên. Thứ nhất, cần phải nói ngay rằng không có gì dâm dục trong truyện *Ai Làm Được* hay *Hoàng Tố Anh Hàm Oan*. Không có một đoạn nào tả với đầy đủ chi tiết cảnh làm tình của đôi trai gái. Trong *Ai Làm Được*, Chí Đại và Bạch Tuyết ở chung với nhau vì một lẽ giản dị là Bạch Tuyết không còn một chỗ nào dung thân khác nữa.

Lý do thứ hai là những truyện như *Ai Làm Được* (xuất bản lần thứ nhất) và *U Tình Lục* đã dọn đường cho độc giả miền Nam đón nhận thể văn mới là tiểu thuyết. Thể văn mới này như chúng ta đã bàn ở trên không xuất hiện một cách đột ngột ở miền Nam. Nhưng ở miền Bắc thì trái lại, Tố Tâm xuất hiện như một quả bom rớt quá mạnh mà không có gì báo trước.

Lý do thứ ba là ở miền Nam những truyện dài văn xuôi trong giai đoạn chuyển tiếp này đều vẫn còn các chủ đích đề cao luân lý Khổng

Mạnh. Trừ truyện ngắn *Truyện Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, một tác phẩm quá bị ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo nên không được mấy ai để ý, những truyện khác đều có hậu, đều chấm dứt một cách tốt đẹp, người hiền được hưởng, người ác bị phạt. Duy trì cái hậu này đã cho phép các tác giả miền Nam nói đến những đam mê, nhất là đam mê tình dục, một cách dễ dàng hơn. Lý do là vì tác giả sau khi viết về những điều cấm này xong cuối cùng sẽ có dịp điều chỉnh những nhân vật đã vi phạm luân lý Khổng Mạnh. Mọi tội đều được đổ vào các nhân vật xấu, tác giả hoàn toàn vô tội.

Tại sao văn sĩ miền Nam không dùng ngòi bút để đả phá giá trị cổ truyền? Tại sao họ lại trao hết sứ mệnh này cho người miền Bắc, trước hết cho Hoàng Ngọc Phách và sau đó cho nhóm Tự Lực Văn Đoàn? Theo Nguyễn Văn Trung, lý do khiến người miền Nam bám chặt vào các giá trị truyền thống rất đặc biệt. Người miền Nam vì là dân thuộc địa, luôn luôn mang nặng một mặc cảm mất gốc, cho nên thấy cần phải bám víu vào những gì là truyền thống để xoa dịu cái mặc cảm này. Nguyễn Văn Trung tin rằng người miền Nam, cũng như các dân tộc di cư đến các vùng đất mới khác, có quyền tự do mang theo những gì họ muốn đến vùng đất mới, hoặc từ bỏ những gì họ muốn từ bỏ. Người miền Nam lúc đó đã chọn lựa không từ bỏ luân lý Khổng Mạnh.

Lý do cuối cùng là sự khác nhau của độc giả hai miền. Độc giả của Hoàng Ngọc Phách là những người trí thức trẻ ở Hà Nội, thành phần của giai cấp tiểu tư sản đang lên. Họ biết đọc chữ Quốc ngữ và thích đọc trong những truyện tương tự như những truyện tình cảm Pháp của Lamartine hay Alexandre Dumas mà họ đã học ở trường. Truyện *Tố Tâm* trước khi được in thành sách đã được đăng từng kỳ trên báo của trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội. Tố Tâm và Đạm Thủy đều rất thanh lịch và sành văn chương. Cả hai đều có bút hiệu, thích làm thơ, thích dẫn thơ từ Le Lac của Lamartine và thường xuyên bàn về tiểu thuyết Pháp. Thế giới của hai người này hoàn toàn khác hẳn thế giới của các đôi trai gái trong các truyện của Hồ Biểu Chánh. Tố Tâm và Đạm Thủy chắc sẽ cho những nhân vật chính trong truyện của Hồ Biểu Chánh quá thô tục, nhất là những lúc họ vi phạm những nguyên tắc của tình yêu lãng mạn trong phòng ngủ.

Hồ Biểu Chánh, trái lại, viết cho một lớp độc giả phức tạp hơn và trải rộng hơn. Các truyện của Hồ Biểu Chánh đều xuất hiện đầu tiên trên nhật báo, và đôi khi được đăng trong những tập quảng cáo thuốc bắc. Hồ Biểu Chánh biết rằng chuyện trai gái yêu nhau ngoài vòng lễ giáo, tuy là điều cấm kỵ, nhưng cũng là một chuyện thường xuyên của đời sống trong làng xóm. Và ông cũng tin rằng tam cương ngũ thường, dù sao đi nữa cũng là

cội rễ của nếp sống đạo đức. Cho nên trong hơn 60 truyện dài của ông, ông đã lặp đi lặp lại những điều răn mà ông biết độc giả chờ đợi ở ông.

Vì Hồ Biểu Chánh khăng khăng một mực không muốn từ chối luân lý Khổng Mạnh nên các học giả Việt Nam đã phủ nhận công trạng của ông trong địa hạt tiểu thuyết, nhất là trên phương diện kỹ thuật. Ông và các văn sĩ miền Nam đương thời đã biến đổi một thể truyện cổ truyền bằng thơ sang một thể truyện dài bằng văn xuôi mà ngày nay chúng ta gọi là tiểu thuyết. Thật hãy còn sớm để khẳng định rằng miền Nam hay miền Bắc, miền nào có công hơn trong việc biến thể một nền văn hóa dựa trên chữ Nôm sang một nền văn hóa dựa trên chữ Quốc ngữ. Năm 1944 Ung Ngọc Kỳ đã tóm tắt những thành tựu của văn học miền Nam như sau: "Trước hết, luồng sóng văn Hán và văn Nôm đã đi từ Bắc vô Nam" và "Bây giờ luồng sóng Quốc ngữ lại đi ngược từ Nam ra Bắc" (11). Muốn chứng minh lời khẳng định táo bạo này chúng ta cần phải nghiên cứu thêm trên các lĩnh vực khác như dịch thuật, báo chí, thi ca, kịch nghệ và tự điển học. Trong địa hạt tiểu thuyết, chúng ta có thể quả quyết rằng miền Nam đã đóng một vai trò rất quan trọng, một vai trò mà các học giả trong tương lai không còn lý do nào để tiếp tục chối bỏ.❐

(1), (11) Bằng Giang: Văn Học Quốc Ngữ ở Nam Kỳ: 1865-1930.
Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1992.
(2) Hessney, Richard C. Beautiful, Talented, and Brave:
Seventeenth - Century Chinese Scholar - Beauty Romances. Ph.D. diss,
Columbia University, 1979.
(3) Huỳnh Minh: Gò Công: Xưa Và Nay. Cánh Bằng; Sài Gòn, 1969.
(4) De Francis, John, Colonialism and Language Policy in Vietnam:
The Hague: Moutan, 1977.
(5) Bùi Đức Tịnh: Phần Đóng Góp Của Văn Học Miền Nam:
Những Bước Đầu Của Báo Chí, Tiểu Thuyết Và Thơ Mới.
Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1974.
(6) Trần Chánh Chiếu: Hoàng Tố Anh Hàm Oan. Phát Toán, Sài Gòn, 1910.
(7), (10) Nguyễn Văn Trung. Những Áng Văn Chương Quốc Ngữ Đầu Tiên.
Trường Đại Học Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh,
T.P. Hồ Chí Minh, 1987.
(8) Hoài Anh, Thành Nguyên, Hồ Sĩ Hiệp. Văn Học Nam Bộ Từ Đầu
Đến Giữa Thế Kỷ XX (1900-1954). Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 1988.
(9) Vũ Ngọc Phan. Nhà Văn Hiện Đại (Contemporary Writers). 5 vols.
Glendale, Calif. Dainam, 1941.

Ám ảnh hoa trong Truyện Kiều

Đỗ Minh Tuấn

Lịch sử thăng trầm biến động liên miên trong thân phận nhược tiểu đã tạo nên trong tâm thức người Việt một cảm thức văn hóa về cái tạm bợ mong manh, chập chờn bất định, một mặt biển hiện ra trong mặc cảm lo âu với những ám ảnh về cái bấp bênh trôi nổi, mặt khác thể hiện ra trong mỹ cảm và trong những nguyên tắc mỹ học không thành văn. Tâm thức đó và mỹ cảm đó là hệ quả của những ám ảnh dằn vặt khắc khoải trước dòng đời, trước thời gian, thăng hoa lên thành những biểu tượng, những hình tượng, những môtíp nghệ thuật đậm đà bản sắc Việt.

Không phải ngẫu nhiên các biển tượng cơ bản của văn hoá Việt là biểu tượng chim lạc và biểu tượng con rồng, đều ẩn chứa những yếu tố ảo và bất định. Tính chất ước lệ bất định về không gian trong sân khấu, hội hoạ cũng phản ánh cái tâm thức ám ảnh bởi thời gian và sự thích ứng mỹ học với cái nhất thời cái tạm bợ. Mở rộng ra, cái linh hoạt Việt Nam thực chất là sự thích ứng về phương pháp luận với những khoảnh khắc tạm bợ, nó phát lộ một phương thức văn hoá đào sâu vào khoảnh khắc, cộng sinh cùng khoảnh khắc. Hình tượng Trạng Quỳnh vẽ giun để thắng trong cuộc thi vẽ con vật trong một hồi trống khá điển hình cho bản lĩnh Việt nam: tìm ra những biện pháp mang tính đơn giản hoá để giành thắng lợi trong khoảnh khắc. Nhưng trên sân khấu chèo, bằng những nguyên tắc ước lệ, người nghệ sĩ có thể đi từ biển cả sông sâu lên núi cao cũng chỉ sau một hồi trống - đó là bản lĩnh văn hoá thứ hai hình thành từ tâm thức bị ám ảnh bởi cái phù du bất định. Có thể nói, thói đơn giản hoá và tính ước lệ cao trong tư duy nghệ thuật là hai mặt của cùng một bản lĩnh văn hoá Việt do số phận lịch sử và tâm thức văn hoá đặc thù tạo nên. Tất nhiên trong văn Việt có sự tiếp thu, cải biến, tổ hợp cùng với các yếu tố tư tưởng và văn hoá ngoại nhập như Nho, Phật, Lão và các dòng nghệ thuật đầy tính chất

của nó là sự nghiệm sinh và cộng sinh chứ không phải là vay mượn ghép nối siêu hình.

Truyện Kiều của Nguyễn Du, với số phận lênh đênh trôi nổi của Kiều qua các biến động và các lần hợp tác, cộng sinh với các mô hình nhân cách văn hoá khác nhau để giữ lấy mục đích riêng và bản lĩnh riêng đồng dạng với số phận của dân tộc Việt Nam, đồng điệu với tâm thức văn hoá phổ biến của người Việt với nỗi ám ảnh về sự lênh đênh bất định và mặc cảm về sự tha hoá (mặc cảm điếm). Người Việt Nam đồng cảm với số phận của Kiều trước hết là nhìn thấy trong số phận đó đó chính số phận của mình, sau nữa, tìm thấy trong sự cắt nghĩa của Kim Trọng về chữ Trinh của Kiều một biện pháp giải mặc cảm về sự lai tạp, đàng điếm, không chung thuỷ. Đó là nguyên nhân tâm lý sâu thẳm khiến cho đoạn đoàn viên gượng ép được chấp nhận như một sự tất yếu, một bộ phận không thể thiếu trong cấu trúc văn hoá của Truyện Kiều.

Trước đây, nhiều người lý giải đoạn đoàn viên chỉ từ góc độ thi pháp cổ điển mà chưa ai cắt nghĩa từ góc độ văn hoá và tâm thức văn hoá. Do đó, các kiến giải đều bất cập ở chỗ không cắt nghĩa được sự chấp thuận của quần chúng. Ngay cả kết có hậu trong các chuyện cổ tích cũng thường chỉ được coi là một hiện tượng văn học, tâm lý học văn học mà chưa được cắt nghĩa thoả đáng và chính thức từ góc nhìn của văn hoá học.

Trong *Truyện Kiều* ta có thể tìm thấy rất nhiều hình tượng bộc lộ nỗi ám ảnh về cái bấp bênh, trôi nổi, tạm bợ, nhất thời của số phận riêng và của cõi đời chung. Đó là những ám ảnh về tính chất khoảnh khắc, tính vô thường chập chờn và bất định, mong manh của cuộc sống mà Kiều đang nếm trải, của cảnh vật mà Kiều đang đối diện, của số phận mà Kiều đang gánh chịu:

Kiếp hồng nhan có mong manh

...Nỗi niềm tưởng đến mà đau
Thấy người nằm đó biết sau thế nào

Một mình lưỡng lự canh chầy
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh
Hoa trôi bèo dạt đã đành
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi

Bây giờ rõ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa, chẳng là chiêm bao

Phận sao phận bạc như vôi
Cũng đành nước chảy, hoa trôi lỡ làng

Nước trôi hoa rụng đã yên

Nàng rằng: "Chiếc bánh sóng dào
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may"

Phận bèo bao quản nước sa
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh

Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau

Rồi đây bèo hợp mây tan
Biết đâu hạc nội, mây ngàn là đâu

Nghĩ mình mặt nước cánh bèo
Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều gian truân

Chân trời mặt bể lênh đênh
Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào

Rằng: "Tôi trót quá chân ra
Để cho đến nỗi trôi hoa giạt bèo"

Ngọn bèo chân sóng lạc loài...

Hoa trôi nước chảy xuôi dòng....

Hình tượng cánh bèo trôi dạt, đám mây trôi nổi là hình tượng ám ảnh Nguyễn Du, bộc lộ cái tâm thức lo âu, bất định. Những cái đẹp cũng được hiện diện ra dưới hình thức thật chập chờn, thấp thoáng, mong manh:

Sương in mặt, tuyết pha thân
Sen vàng lãng đãng khi gần khi xa

Lơ thơ tơ liễu buông mành
Con oanh học nói trên cành mỉa mai

Gió chiều như giục cơn sầu
Vi lô hiu hắt như màn khơi trêu

Tiếng sen khẽ động giấc hoè
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần

Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới ra nửa nời
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa

Trông chừng khói ngất song thưa
Hoa trôi giạt thắm liễu xơ xác vàng

Long lanh sóng nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông mặt nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu

Đêm khuya gió lọt song đào
Nửa vành trăng khuyết, bao sao giữa trời

Bóng hoa đầy đất, vẻ ngân ngang trời

Tất cả cảnh vật và cõi lòng Kiều đều như được tạo dựng bằng sương, khói, gió, hoa và những chất liệu mong manh, chập chờn hư ảo khác. Đó là hệ quả sự thăng hoa của một tâm thức ám ảnh về cái phù du bất định, cái yếu ớt, mong manh. Hình tượng bông hoa có thể coi là nơi kết tụ mọi cạnh khía của tâm thức văn hoá đặc thù này, nó là nơi phóng chiếu cái tâm thức run rẩy lo âu, nửa hư nửa thực, vừa đẹp vừa mong manh, vừa lộng lẫy vừa tàn tạ, vừa cao vời vợi như một thế giới huyền thoại đáng tôn thờ ngưỡng mộ lại vừa xác xơ, hiu hắt và lăn lóc như những thứ rác rưởi bị xéo giầy, sỉ nhục, khinh chê.

Có thể nói *Truyện Kiều là thế giới đầy hoa, thế giới của hoa, thế giới làm bằng hoa*. Hình tượng bông hoa ẩn hiện chập chờn giữa tư cách một bông hoa thật, tươi thắm lộng lẫy trong vườn xuân và tư cách một tín hiệu

nghệ thuật trong thế giới tín hiệu, biểu trưng văn hoá. Dù là hoa thật hay hoa biểu trưng, dù là hoa tươi hay hoa héo, dù là bông hoa nhỏ hay thảm hoa mênh mông - hoa luôn luôn là một thường trực ám ảnh nhất, một tín hiệu nghệ thuật mang những thông điệp quan trọng nhất, của cuộc đời Kiều.

Trong *Truyện Kiều* có hơn một trăm lần Nguyễn Du nhắc đến chữ hoa, mỗi lần hình tượng hoa mang một sứ mệnh nghệ thuật khác nhau.

Hoa hoá thân thành vẻ đẹp thân thể và tâm hồn người phụ nữ trở thành "gót sen", "tiếng sen", "nét hoa", "tay hoa". Và khi đã cộng sinh với con người, trở thành vẻ đẹp của con người thì hoa trở nên lộng lẫy hơn, nó phải ghen với chính hình ảnh nhân hoá của nó:

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Hoa hoá thân thành người phụ nữ và thông qua sức ám ảnh của người phụ nữ, nó ám ảnh khắp mọi nơi, hoá thân vào từng không gian, từng đồ vật như một dấu vết kép, trở thành "Tiên hoa", "trướng hoa", "trướng hồng", "cẩm hoa", "trướng đào", "buồng đào", "thềm hoa", "then hoa", "sân hoa", "sân đào", "sân mai", "kiệu hoa" v.v... Gọi là dấu vết kép vì trong đó vừa có bóng hoa vừa có bóng phụ nữ. Hoa và phụ nữ lồng vào nhau, thẩm thấu vào nhau. Người phụ nữ hoa đó lại sống trong một vũ trụ hoa. Không gian của *Truyện Kiều* là một thế giới đầy hoa. Hoa trải đầy mặt đất:

"Bóng hoa đầy đất vẻ ngâm ngang trời"
"Hoa trôi dạt thắm liễu xơ xác vàng"
"Hoa trôi man mác biết là về đâu"

Hoa luôn luôn nhích tới, trườn tới con người

"Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần"

Nó làm cho cuộc sống của Kiều luôn luôn là cuộc sống gần hoa, trong hoa, bị vây hãm bởi hoa:

"Hai Kiều e lệ, nép vào dưới hoa"
"Nàng từ lách gót vườn hoa"
"Vội về giữa chốn vườn hoa"
"Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông"

"Sẵn Quan âm các vườn ta
Có cây trăm thước có hoa bốn mùa"
"Đòi phen gió tựa hoa kề
Nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu
Cảnh nào cảnh chẳng deo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ
Đòi phen nét vẽ câu thơ
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa"
"Băng mình qua dãy tường hoa"

Hoa cũng trở thành nơi ẩn nấp của các thế lực hắc ám sẵn sàng hiện diện:

"Dưới hoa đầy lũ ác nhân"
"Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào"

Hoa không chỉ là vẻ đẹp, là phẩm cách, không chỉ là ám ảnh, là sự bao vây, hoa còn nuốt chửng số phận người phụ nữ. Ta thấy hiện lên cái hành trình êm ả mà tàn khốc của những loài hoa ăn thịt người, trong Truyện Kiều nó bao vây những Kiều, những Đạm Tiên, nó ngả bóng vào trong thịt da và tâm trí để dần dần biến những con người tài sắc đó thành những bông hoa trôi dạt, tàn úa, xác xơ trong bão lốc của xã hội phong kiến. Kể từ khi Kiều tự ví mình như bông hoa rã cánh:

"Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây"

thì số phận Kiều đã trở thành số phận của hoa "cái số hoa đào". Từ đó, mọi buồn vui yêu thương hạn phúc và bất hạnh của Kiều bị giam trong số phận một cành hoa:

"Xót nàng chút phận thuyền quyên
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn"

"Khi về hỏi liễu Chương Đài
Cành hoa đã bẻ cho người chuyên tay"

"Thề hoa chưa ráo chén vàng
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa"

"Biết thân đến bước lạc loài
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung"
"Hoa sao hoa khéo đoạ đầy bấy hoa"

"Dang tay vùi liễu dập hoa tơi bời"

"Ba cây chập lại một cành mẫu đơn"

"Một tay chôn mất mấy cành phù dung"

"Tiếc thay một đoá trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về
Một cơn mưa gió nặng nề
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương
Đêm xuân một giấc mơ màng
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ"

"Đào tiên dã bén tay phàm
Thì vin cành quýt cho cam sự đời
Dưới trần mấy mặt làng chơi
Chơi hoa dễ đã mấy người biết hoa"

Nàng rằng "chút phận hoa rơi"

Thiếp như hoa đã lìa cành
Chàng như con bướm, lượn vành mà chơi
v.v... và v.v...

Ngay cả khi, cuộc đời Kiều le lói chút hạnh phúc thì đó cũng chỉ là cái hạnh phúc mong manh của một kiếp hoa, của bông hoa nhỏ nhoi lẽ mọn thêm vào vườn hoa của Thúc Sinh:

Từ nghe vườn mới thêm hoa

và cái cuộc sống lẽ mọn lén lút ấy cũng ướp trong hương hoa và giữ nhịp bởi hoa:

"Huệ lan sực nức một nhà
Càng cay đắng lại mặn mà hơn xưa

Mảng vui rượu sớm trà trưa
Đào đã phai thắm, sen vừa nẩy xanh

Những kỷ niệm với tình cũ cũng chỉ hiện ra trong bóng hoa:

"Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông"
"Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng"

Số phận của Kiều không phải chỉ là số phận của "cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn", bị tàn héo, tả tơi, rơi rụng qua những quăng quật và va đập, mà còn trở thành một thứ hoa khô, hoa ép, hoa tín hiệu không còn sinh khí của cuộc đời nữa, chỉ còn hiện ra như là những linh kiện ngôn ngữ gói ghém cái bản chất bi thảm của cõi người. Biết bao nhiêu thành ngữ Nguyễn Du sáng tạo ra bằng hình tượng đoá hoa: "Sớm mận tối đào", "sen ngó đào tơ", "hoa xưa ong cũ", "hoa thải hương thừa", "hoa rụng hương bay", "hoa trôi nước chảy", "cỏ nội hoa hèn", "trăng tủi hoa sầu", "liễu ngõ hoa tường", "ngọc nát hoa tàn" v.v...

Một thế giới hoa lập thể, Kiều là bóng hoa, là cành hoa, là xác hoa, sống trong hoa, nép vào hoa, bị vây giữa hoa, bị hoa ám ảnh, bị hoa đe doạ, bị hoa thẩm thấu. Đến chín mười tầng hoa lớp lớp phủ lên cuộc đời Kiều.

Hoa trong *Truyện Kiều* vừa là con người, vừa là thế giới, vừa là biểu trưng của người phụ nữ, vừa là hiện thân của hạnh phúc, vừa là dấu vết của bất hạnh vừa là kẻ tòng phạm của tình yêu và tội lỗi. Hoa trôi nổi, đàng điếm trong nội dung, hình thức và cốt cách, y như đời Kiều vậy, nhưng sau hết thảy những biến ảo phù du ấy, hoa là bản thể của người phụ nữ, là dấu vết của người phụ nữ hằn rõ trên mọi nẻo tâm tư và mọi miền thế giới, trở nên một ám ảnh nghệ thuật vừa day dứt hằn sâu như vết hằn của định mệnh, vừa chập chờn bất định mong manh như hạnh phúc, tình yêu trong cõi thế nhục nhằn này.

Phải chăng, ám ảnh hoa trong *Truyện Kiều* là sự thăng hoa của mặc cảm lo âu về cái mong manh, ngắn ngủi, phù du một nét đặc trưng của tâm thức Việt?

Hoa trong *Truyện Kiều* vẫn có nội dung phổ biến của biểu tượng hoa trong mọi nền văn hoá là biểu trưng của cái thụ động nhưng nó là sự thụ động có mang chứa những khoảnh khắc rực rỡ của khát vọng giải phóng, khát vọng tự do. Như trong đoạn Kiều sống với Thúc Sinh, Kiều là số phận lẽ mọn, tầm gửi hoàn toàn thụ động trở thành nơi ẩn náu cho lũ ác nhân. Cái tên "hoa nô" nghĩa là một bông hoa nô lệ, là sự chỉ mặt gọi tên,

phũ phàng nhất dành cho kẻ tài hoa. Nhưng hình ảnh những bông hoa trong đoạn đời này thật rạo rực, lộng lẫy, dường như số phận đã mỉm cười với Kiều qua những đoá hoa trong trời đất, dường như cái khát vọng hạnh phúc, cái niềm vui lẽ mọn bé nhỏ tội nghiệp kia đã được phóng chiếu lên:

Kíp truyền sắm sửa lễ công
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng điểm sao
Bày hàng cổ súy xôn xao
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi

Huệ lan sực nức một nhà
Càng cay đắng lại mặn mà hơn xưa
Mảng vui rượu sớm trà trưa
Đào dần phai thắm sen vừa nẩy xanh

Cửa Thiền vừa cữ cuối xuân
Bóng hoa đầy đất vẻ ngân ngang trời

Qua những khoảnh khắc rực lên như thế, những bông hoa hé lộ cái tâm thức thoả mãn trong khoảnh khắc, tự do trong lệ thuộc, tự do trong chiêm nghiệm của người Việt. Cảnh ngộ của Kiều trong đoạn đời với Thúc Sinh là một thứ tù giam lỏng, một cảnh ngộ nô lệ sâu sắc, đánh đàn, tụng kinh như một thứ nô lệ văn hoá và nô lệ tôn giáo. "*Chúa xuân để tội một mình cho hoa*", câu thơ ấy thú nhận một sự hy sinh cái riêng cho cái chung. Thúc Sinh "Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân" là tiếc cái vẻ riêng của Kiều trong cái lỗi lầm phổ quát của thời đại. Nhưng khi cái bông "hoa đã lìa cành" đó hiện diện ngay trước mặt Thúc Sinh trong tư cách đoá hoa nô lệ, với tiếng đàn "như khóc như than", với tiếng mõ giữa mảnh vườn "hoa bốn mùa" rực rỡ, Thúc lại cảm thấy ê chề đắng cay hơn bao giờ hết. Thúc "tiếc hoa" là tiếc cái bông hoa tự do. Khi Kiều và Thúc gặp nhau trong nhà chứa, Kiều cũng là một thứ nô lệ của Tú Bà, Kiều có tự do đâu? Nhưng Thúc vẫn nhìn thấy trong cái thân thể "ong qua bướm lại đã thừa xấu xa" ấy một "toà thiên nhiên" lộng lẫy, Thúc cảm được chữ Trinh của Kiều, cái bất khuất nguyên vẹn về tinh thần của Kiều. Nhưng khi Kiều trở thành hoa nô, trở thành nô lệ bằng con người tinh thần, Thúc bị mất đi tất cả. Trong cái nô lệ tột cùng đó, thế giới đầy hoa quanh Kiều và Thúc dường như không còn bị Kiều chiếm lĩnh nữa, chúng được giải phóng khỏi tư cách tín hiệu ước lệ để rực rỡ lên cái đẹp của đất trời, cái vui của cõi Đạo, cái đôn hậu của Nguyễn Du. Và sự thoát xác của những bông

hoa đó chính là sự cứu rỗi của cái Đẹp giành cho bản ngã văn hoá của Kiều. Dường như là cái bản ngã văn hoá ấy khi đã bị đày đoạ tận trong thân phận nô lệ, nó siêu thoát vào trong trời đất và hiện diện trong những bông hoa rực rỡ kia, như một sự giải phóng siêu việt của tâm linh khỏi cõi đời tục luỵ. Sự giải phóng siêu việt ấy, cái tâm thức thiền sư vượt thoát khỏi cảnh ngộ thực tế đầy những đau khổ, nhục nhằn và tù túng để hư vô hoá nó, bình thường hoá nó, thanh thản nở hoa trùm lên nó là cái phương thức giải phóng rất độc đáo của người dân Việt Nam. Chấp nhận thực tại, chắt chiu những khoảnh khắc hạnh phúc tự do hiếm hoi trong thực tại nô lệ ấy, để nở hoa, đó là một khía cạnh của cái tâm thức văn hoá khá đặc biệt trong chiều sâu con người Việt Nam.

Trong đoạn đời Kiều gặp Từ Hải, hầu như không thấy Nguyễn Du nhắc đến hình tượng bông hoa. Buồng ngủ giờ đây không còn là "buồng đào" nữa, mà là buồng riêng: "Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn, đặt giường thất bảo vây màn bát tiên". Điều đó càng khẳng định biểu tượng hoa là một mẫu gốc phản ánh cái thụ động. Gặp Từ, Kiều đã trở thành Vương phu nhân, "dưới cờ gươm tuốt nắp ra" đầy thế chủ động, chủ động đến mức lôi cả Từ Hải theo những toan tính thực tế và nông nổi của mình, vậy thì biểu tượng hoa không còn phù hợp với số phận của Kiều nữa. Mặt khác, gặp Từ Hải, Kiều đã chuyển đổi từ tư cách một thân phận văn hoá sang tư cách thân phận thực tế. Những bông hoa không còn cần thiết để Kiều ký thác khát vọng văn hoá và khát vọng tự do. Sự vắng mặt của những bông hoa trong đoạn đời Kiều gặp Từ Hải đã tố giác sự vắng thiếu đời sống tâm linh văn hoá của Kiều trong đoạn đời oanh liệt ấy. Điều đó cũng rất nhất quán với sự vắng thiếu tiếng đàn trong lúc Kiều lồng lộng quyền uy. Từ Hải không được nghe đàn, không được sống trong hoa, đó không hề là sự bất công của Nguyễn Du, mà đó là hệ quả của cái cảm thức tách biệt, đối lập giữa tồn tại và văn hoá, giữa quyền lực và nghệ thuật trong tâm thức người Việt. Kiều đã có "buồng riêng", bờ cõi riêng, quyền lực riêng, nhưng Kiều đã bị mất cái thế giới riêng của người nghệ sĩ tài hoa. Nguyễn Du không biết rằng cái tư tưởng tài mệnh tương đố cần được chứng minh bằng cái định lý đảo trong đoạn đời Kiều vinh hiển cùng Từ Hải! Thay thế vào biểu tượng đoá hoa là biểu tượng về cánh bèo, chiếc bách. Tâm thức về cái mong manh tầm gửi trong biểu tượng hoa được thay thế bằng cảm thức về cái phù du bất định chông chênh trong biểu tượng cánh bèo, chiếc bách. Sự xuất hiện cảm thức này trong chính thời điểm Kiều hạnh phúc nhất cũng phản ánh cái biện chứng của hồn Việt, khi tột cùng đau khổ thì thăng hoa siêu thoát, khi tột cùng hạnh phúc lại thảng thốt lo âu. Cả hai trạng thái đó đều phản ánh nỗi ám ảnh về quyền

uy của khoảnh khắc trong chiều sâu tâm thức Việt. Bản chất triết học của tâm thức đó là một thái độ trực giác trước thế giới. Trực giác của người Việt xuyên thấu những khoảnh khắc, hút nhuỵ những khoảnh khắc như con ong hút nhuỵ những bông hoa, bám chặt lấy một khoảnh khắc để thăng hoa rực rỡ để rồi lại chuyển sang khoảnh khắc khác với một sự thăng hoa khác hoặc âu lo khác. Không có một tư tưởng duy lý xuyên thấu chuỗi khoảnh khắc để làm nên định hướng và chiến lược, cái tâm thức nặng tình, nặng trực giác của người Việt luôn luôn như con ong bay lượn phù du vô định từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc kia. Cho nên, thật dễ hiểu khi hôm nay nó phơi phới thăng hoa, ngày mai nó u sầu, ủ dột. Cái tâm thức nghệ sĩ đó của người Việt luôn lắc lư giữa hai cực "máu và hoa", tự do và nô lệ, thực tế và văn hoá, thiết thực và ảo vọng thuỷ chung và tạm bợ. Bản chất của thái độ đó là sự dấn thân vào khoảnh khắc và sự thụ động trước thời gian. Hành trình tâm tưởng của Kiều phát lộ trong hình tượng đóa hoa đã phản ánh phép biện chứng của tâm thức đó.

Trong thơ ca Trung Quốc, hình tượng bông hoa mang cá tính riêng tuỳ theo từng loại hoa. Hoa mai, hoa cúc đều là tượng trưng cho người quân tử, nhưng nếu hoa mai biểu hiện cái trong trắng, cái đi trước thời gian, cái vững bền trong gió tuyết, thì hoa cúc lại thể hiện tính chất ẩn mình, tao nhã. Hoa mẫu đơn tượng trưng cho người phụ nữ đã nở lộng lẫy trong thơ Lý Bạch viết về Dương Quý Phi. Còn những đoá hoa trong thơ thiền chỉ là những nụ cười mỉm của vũ trụ huyền bí, nó không bao giờ là tín hiệu của số phận con người, dù đó là con người vương giả hay kẻ cùng đinh trong dám nữ nhi. Nó tiềm tàng một vẻ đẹp siêu việt trong bản lai diện mục của nó, khiến nó có thể lộng lẫy hơn bất cứ một vị vua hay hoàng hậu nào trong cả nghĩa bóng và nghĩa đen.

Có lẽ không có ở đâu hình tượng bông hoa lại choán hết cả trời đất tâm linh và số phận con người như ở trong *Truyện Kiều*. Hoa mang nhiều tư cách, đóng nhiều vai trò, hiện diện trong mọi hình thức mang những bản chất và sắc thái trái ngược nhau. Hoa vừa là nó vừa là vật chứa nó, vừa là không gian, vừa là thời gian, vừa là biểu tượng về người con gái ở cả sự rực rỡ, vẻ đẹp, sự tàn tạ, sự mong manh và sự phù du. Hình tượng đoá hoa trở nên một dung môi cho các chiều kích văn hoá và thực tại thẩm thấu, đan xen vào nhau, người trở thành hoa, hoa trở thành người, hoa trong người, người trong hoa, hoa phản chiếu người, người phản chiếu hoa y như một thế giới gương, một mê cung kỳ ảo. Cái mê cung của hoa đó rất đặc thù cho cái tâm thức hỗn dung, giao thoa, cộng sinh trong tâm thức Việt đầy màu sắc vật linh giáo. Kiều nói với Thuý Vân.

Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này
Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về

là một sự tuyên bố thành lời cái chủ nghĩa vật linh bàng bạc khắp thế giới TruyệnKiều, trong đó những bông hoa ở nơi thấp nhất bị xéo dầy được nâng lên thành vật thờ phản ánh cái tô tem giáo của Nguyễn Du. Cái tâm thức dung hợp giữa các đối cực đã phóng chiếu vào biểu tượng đoá hoa trong *Truyện Kiều* một cách phong phú và sinh động, tạo nên sự phù du biến ảo của nó trong tư cách vừa là tín hiệu ước lệ đầy ký ức văn hoá, vừa là hiện thực đầy sinh khí, đầy tính khoảnh khắc và cũng ứ đầy dự cảm lo âu. ❐

(Trích từ *Hồn Việt trong truyện Kiều*, sắp xuất bản)

tin mừng

Nhận được hồng thiếp báo tin
nhà thơ Trịnh Y Thư
nguyên chủ nhiệm và chủ bút tạp chí Văn Học
sẽ làm lễ thành hôn với Cô
Lê Thiện Quỳnh Anh
tại Thánh đường St. Columban, Garden Grove
ngày 27 tháng 11 năm 1998.

Ban Chủ biên, cùng tất cả văn hữu cộng tác với Văn Học xin chia mừng cùng Anh Chị Trịnh Y Thư- Quỳnh Anh, và cầu chúc Anh Chị trăm năm hạnh phúc.

Châu Văn Thọ, Nguyễn Xuân Hoàng, Mai Kim Ngọc, Lê Thọ Giáo, Nguyễn Mộng Giác, Võ Thắng Tiết, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Nguyễn Đức Lập, Khánh Trường, Thụy Khuê, Ngu Yên, Nguyễn văn Khanh, Nguyễn Khánh Hòa, Nguyễn Khắc Phú

Chí Phèo - hiện thân bản ngã Việt

Đỗ Ngọc Yên

Từ trước tới nay, con người luôn tìm kiếm những mẫu người lý tưởng bằng xương bằng thịt, tồn tại trong đời sống thực để ký thác những giá trị tâm linh tiềm ẩn, những xung lực tâm lý sâu sắc mà với những hoạt động thường nhật của nó không thể nào dung nạp được. Nhưng con người luôn thất bại. Thay vì điều đó, nó đã sáng tạo các hình tượng chính trị, tôn giáo, đạo đức, văn học, nghệ thuật để thoả mãn cuồng vọng của mình. Trong các loại hình tượng trên chỉ có hình tượng văn học nghệ thuật mới tồn tại đích thực bản thể người của nó còn các loại hình tượng khác thường là những định đề tư tưởng có sẵn và mang tính áp đặt.

Đương nhiên, do sự chế định của các điều kiện kinh tế, lịch sử, chính trị, xã hội và văn hoá, nên ngay cả các hình tượng văn học nghệ thuật cũng thường bị các hình thức khoa học, tôn giáo, chính trị hoặc đạo đức làm cho nó lu mờ và méo mó đi. Không phải bất cứ dân tộc nào, thời đại nào cũng sản sinh được những hình tượng văn học nghệ thuật mang nội dung của mẫu người lý tưởng theo đúng nghĩa của nó, mặc dù sự nỗ lực cá nhân cũng như các tài năng không bao giờ thiếu. Điều đó được cắt nghĩa bởi chính các nhu cầu kinh tế, chính trị, lịch sử và xã hội khách quan trước mắt luôn đặt bản thân con người trên tư thế ''bệ phóng'' sẵn sàng lao lên phía trước để khẳng định sự tồn tại của chính mình. Song trạng thái ''bệ phóng'' của con người cũng không thể nào tồn tại vĩnh cửu. Có nghĩa là con người không thể cứ lao lên phía trước mãi được. Vì trạng thái ''bệ phóng'' cũng chỉ là một trong trăm nghìn cách tồn tại khác nhau của con người trong thế giới vô cùng vô tận. Hoá ra sự tồn tại vĩnh hằng của con người và vũ trụ là sự đan xen, kết nối hoà, tan vào các trạng thái vận động thẳng tiến lên phía trước, giật lùi về phía sau, sang trái, sang phải, xoay tròn quanh mình và cả đứng im nữa.

Với quan điểm đó, chúng tôi cho rằng trong lịch sử văn học Việt Nam chỉ có Chí Phèo mới là một hình tượng đích thực. Chí Phèo là hiện thân của sự tồn tại vĩnh cửu của bản ngã Việt.

Nếu so sánh với các hình tượng văn học trước đó, Chí Phèo không giống các hình tượng tướng lĩnh, các hiệp sĩ, các anh hùng hảo hán theo kiểu Lục Vân Tiên hay Từ Hải trong văn học cổ, các nho sĩ, thư sinh trong truyện nôm khuyết danh, hay các cậu ấm của dòng văn học lãng mạn những năm đầu thế kỷ. Tất cả họ đều sống theo những tôn chỉ chính trị và đạo đức Nho giáo. Hay nói đúng hơn họ là những phương tiện để chở cái ''đạo'' theo quan niệm của Nho giáo.

Trong văn học đương đại Chí Phèo càng xa lạ với hình tượng những người cán bộ kháng chiến, cán bộ phong trào trong ''Tầm nhìn xa'', ''Hãy đi xa hơn nữa''... Những người chiến sĩ ''năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt, máu trộn bùn non, gan không núng, chí không mòn''... Chí Phèo cũng không sống theo một ''Dáng đứng Việt Nam'', mà chỉ là một Con người lừng lững đi giữa cuộc đời, không mong cầu, không oán trách luôn luôn say mềm trong cái bản ngã vô can.

Đương nhiên tất cả các hình tượng con người lý tưởng trên đều đáng để cho chúng ta trân trọng và khâm phục một thời. Họ là những con người của một thời sống có mục đích, lý thưởng rõ ràng, dù đó là lý tưởng chính trị, đạo đức hay tôn giáo. Họ dám xả thân cho một cái gì đó mà họ tin rằng là có thật. Họ không cần giữ lại gì cho riêng mình ngay cả ''một tấm hình, một dòng địa chỉ''. Thực chất những con người bằng xương bằng thịt đã trở thành những hình tượng văn học phi ngã. Họ đã sống cho người mà không cho mình.

Nhưng lịch sử càng lùi xa thì những mẫu người đó trở nên ngày càng xa lạ hơn với chính bản thân chủ thể sáng tạo ra nó. Ngay những con người vừa rút chân ra khỏi cuộc chiến, đại bộ phận đã không thể sống theo gương những ''vị chúa phi tôn giáo'' của thời chiến được. Họ buộc phải đem các vị lên trên bàn thờ hay cho vào viện bảo tàng vái ba vái để ra đi tìm đường cứu mình. Cứu nước là nhiệm vụ chung của cả cộng đồng, cả dân tộc, còn cứu mình lại dường như là việc riêng của mỗi người. Có thể nói những mẫu người chiến đấu vì lý tưởng chung đã một thời ăn sâu vào máu thịt mỗi cá nhân và cả cộng đồng dân tộc Việt như cơm ăn, nước uống; thì nay nó chỉ được nhắc đến xuân thu nhị kỳ trong các dịp kỷ niệm, hoặc trong các trang sách học trò như một giáo lý tôn giáo. Cuộc sống bao giờ cũng khôn ngoan và láu cá hơn những điều người ta huyễn hoặc ra để áp đặt cho kẻ khác.

Vậy là, cả những người ngoài cuộc, những người trong cuộc, và cả

những kẻ sinh sau đẻ muộn đã nhanh chóng tự tạo cho mình cách tồn tại riêng, khi cuộc sống đã có những bàn giao lịch sử của nó. Thực ra, những kẻ chỉ biết sống theo những giáo lý áp đặt từ bên ngoài chỉ có một cách ứng xử duy nhất là ''tử vì đạo''. Từ đời này sang đời khác nó tạo thành lẽ phải thông thường trong nhận thức của người đời. ''Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh'', đích thị đấy là một lẽ phải thông thường nó đã trở thành truyền thống đạo đức của người Việt mỗi khi đất nước có giặc giã. Và lẽ đương nhiên là những người có công trong đánh giặc nhanh chóng được đề cao như một mẫu người lý tưởng sống xả thân vì mọi người. Nhưng những mẫu người loại này thực chất chỉ là sự biểu hiện của nhận thức chính trị, xã hội, đạo đức và tôn giáo. Họ không xa lạ mấy với những kẻ bề tôi trong học thuyết Nho giáo, những con chiên ngoan đạo trong giáo lý Thiên chúa giáo. Mới nghe qua, biết qua tưởng là một cái gì đó rất cao siêu, nhưng thực chất nó rất sơ lược, giản đơn, và một chiều. Dường như nó được treo lơ lửng ở đâu đó giống như chúa Giê su bị đóng đinh trên giá câu rút. Và cần phải thấy rằng những hình tượng chính trị, tôn giáo, đạo đức thực chất chỉ là những hình ảnh minh hoạ một cách thô thiển cho các học thuyết tư tưởng mang đầy tính chất chủ quan và áp đặt. Nó không thể nào đặt tới độ sâu và sự đa chiều của một bản ngã Chí Phèo. Hay nói đúng hơn chúng không thể tự tồn tại trên mảnh đất riêng của nó được, vì thế văn học nghệ thuật là mảnh đất mầu mỡ để người ta gieo cấy những hình tượng trên.

Theo tôi, chỉ có Chí Phèo mới đích thực là hình tượng văn học theo đúng nội dung, bản chất của khái niệm. Bản thân hắn ta không mang trong mình bất cứ một định đề tôn giáo, chính trị, đạo đức nào có sẵn. Trước hết hắn ta tồn tại như bất cứ sự vật nào. Mọi hành vi của Chí Phèo dù lúc tỉnh hay lúc say, dù ở nhà mình, ở ngoài miếu, khi đi mua rượu chịu hay là đến xin đểu cha con Lý Cường... cũng chỉ là cái cách tồn tại của một Chí Phèo làng Vũ Đại Việt Nam. Hắn ta chưa bao giờ biết mình sinh ra để làm gì, và có thực sự đang tồn tại trên thế gian này hay không.

Câu tuyên ngôn cuối cùng của Chí Phèo ở nhà Bá Kiến trước lúc hắn rút dao ra đâm chết lão Bá để rồi tự đưa mình về cõi vĩnh hằng của chúng sinh là: ''Tao cần lương thiện''. Thực ra Chí Phèo chưa bao giờ là kẻ ác, ngay cả khi hắn đi cướp giật hay xin đểu. Một người như Chí Phèo chẳng thể nào ác với ai được. Hắn ta không có mưu đồ hại người thì làm sao có thể làm được điều ác. Cái ác chỉ có thể có ở kẻ mạnh tiền của, quyền lực và mưu mẹo. Những thứ đó Chí Phèo chưa bao giờ có. Sự trớ trêu của cuộc đời là người lương thiện đến với Chí Phèo luôn bị ám ảnh mình là một kẻ bất lương. Còn những kẻ bất lương như gia đình lão Bá lại luôn

cho mình là lương thiện. Do đó hắn mới đòi ''lương thiện'' ở lão Bá. Nỗi ám ảnh của Chí Phèo là một đối trọng tất yếu của cơ sở kinh tế xã hội, các thiết chế chính trị và đạo đức lúc bấy giờ. Nếu những kẻ như gia đình lão Bá là người thì những kẻ như Chí Phèo là con giun con dế và ngược lại. Nhưng dù là giun dế, sâu mọt hay là người thì trước hết vẫn phải tồn tại. Cuộc chiến giữa một bên là Năm Thọ, Binh Chức và Chí Phèo và bên kia là những Đội Tảo, Tư Đạm, Bát Tùng và cha con nhà Bá Kiến, không đơn giản chỉ là cuộc đấu tranh giai cấp như các nhà nghiên cứu trước đây thường nghĩ, mà theo tôi trước hết đó là cuộc vật lộn sinh tồn. Tính chất của cuộc vận lộn này gay gắt, quyết liệt, và sâu sắc hơn nhiều những cuộc đấu tranh vì các quyền lợi kinh tế, chính trị và đạo đức. Trong cuộc chiến sinh tồn chưa hẳn kẻ có nhiều tiền của, quyền lực và lắm mưu mẹo lúc nào cũng thắng. Rõ ràng Chí Phèo luôn dồn cha con Bá Kiến vào thế chân tường, mặc dù thế và lực của họ luôn tỏ ra mạnh hơn hắn. Họ luôn phải xuống thang từng bước để cuối cùng lão Bá nhận lấy cái chết giản đơn, như là kết thúc tấm bi hài kịch của một loại thú hình nhân. Chí Phèo chống lại Bá Kiến không vì những cái mà trước đây người ta vẫn tưởng: Cần tiền uống rượu thì lão Bá đã cho, cần ruộng vườn nhà cửa thì cũng đã có. Vậy Chí Phèo còn cần gì nữa ? Một mụ đàn bà ư ? Thì đã có Thị Nở đấy thôi. Cái duy nhất mà Chí Phèo cần là ''lương thiện''.

Nhưng nếu ''lương thiện'' chỉ là những quan hệ giao hoà với đồng loại thì Chí Phèo đâu có thiếu. Hắn không chỉ đối xử tử tế với Thị Nở mà còn đem lại hạnh phúc cho thị để đến khi hắn chết đi thị vẫn thầm biết ơn là mình đang mang trong người một hòn máu của Chí Phèo. Hắn cũng không phải là kẻ luôn gây sự với những người dân lành chỉ biết làm lụng, kiếm ăn sinh sống.

Vậy cái ''lương thiện'' mà Chí Phèo đòi ở đây là gì ? Công bằng xã hội ư ? Chắc chắn là không vì Chí Phèo không có mảy may một chút ý thức về xã hội, thì làm sao hắn có thể đứng ra đòi công bằng cho xã hội. Và chắc chắn Chí Phèo cũng chưa bao giờ có ý thức cần phải đấu tranh chống lại giai cấp thống trị như nhiều nhà nghiên cứu trước đây vẫn khẳng định điều này như một chân lý vĩnh hằng. Cũng cần phải nói rằng cách tiếp cận văn học theo kiểu xã hội học dung tục, đem các thước đo chính trị, đạo đức để thẩm định giá trị hình tượng nghệ thuật, cố tình bằng mọi cách để chứng minh cho các định đề tư tưởng và đạo đức có sẵn đã từng làm cho các hình tượng văn học trở nên méo mó, mất hẳn tính nhân bản của nó - cái làm nên giá trị đích thực và sâu sắc nhất của hình tượng văn học. Chính vì thế kết quả những phương pháp nghiên cứu này đã làm cho bao thế hệ công chúng hiểu sai hình tượng, tác phẩm văn học và tác giả

hiện còn rất phổ biến ở nước ta từ trước đến nay. Đã từ lâu người ta qui cho Chí Phèo đủ mọi thói hư tật xấu và kể cả những cái hay cái tốt mà hắn ta không hề có hoặc chí ít bản thân hình tượng Chí Phèo của Nam Cao cũng không hề *nói* lên điều đó. Chẳng hạn, nhiều nhà nghiên cứu qui cho *Chí Phèo* là kẻ vô chính phủ, là hạng người dưới đáy xã hội, là kẻ méo mó về nhân cách, suốt đời lúc nào cũng say khướt... hay Chí Phèo là kẻ đại diện cho những người nông dân thời kỳ trước cách mạng tháng Tám dám đứng lên đấu tranh chống lại Bá Kiến - kẻ đại diện cho giai cấp thống trị. v.v và v.v. Những suy nghĩ như vậy thực chất là sự suy diễn và áp đặt vô lối . Chí Phèo không phải là kẻ vô chính phủ. Hắn không chống lại xã hội cũng không chống lại giai cấp thống trị. Dưới con mắt của hắn, xã hội chỉ là một đám hỗn mang không có trên, không có dưới, không có *trật* tự kỷ cương, không có đúng, sai, phải, trái ... không có kẻ thống trị cũng không có kẻ bị trị, mà chỉ có các sinh thể đang tồn tại. Một người như Chí Phèo không cha, không *mẹ*, không người thân thích, không được giáo dục, học hành từ khi sinh ra cho đến lúc chết, làm sao có thể hiểu được bất công và công bằng. Và hắn cũng không thể nào hiểu nổi cái khốn khổ, khốn nạn của mình và của người là do đâu. Thực ra Chí Phèo chưa bao giờ để tâm tới việc đó. Hắn chỉ đòi làm một con người đích thực, theo đúng nghĩa của nó. Hắn chưa từng sống theo bất cứ một tôn chỉ đạo đức, chính trị hay tôn giáo nào. Khát thì uống. Uống rượu cũng chẳng sướng gì hơn uống nước lã. Rượu làm cho hắn say, say rồi chửi, chửi rồi ngủ, rồi làm tình với Thị Nở và cuối cùng là đâm chết Bá Kiến và tự kết liễu đời mình.

Chính Bá Kiến cho hắn tiền để uống rượu mới là mưu đồ của những kẻ bốn đời làm Lý trưởng như y. Thực ra đấy là cách giết người của những kẻ ác tâm, nhiều tiền của, quyền lực và mưu chước nhưng lại không ý thức nổi bản ngã của chính mình. Chí Phèo đâu có nghĩ được rằng cần phải chống lại Bá Kiến như những kẻ thống trị hắn, làm cho hắn khổ. Kể cả ý thức về sự sướng - khổ, hạnh phúc - bất hạnh... chỉ là những cái sau này người ta áp đặt cho hắn. Từ khi sinh ra cho đến lúc lìa khỏi cõi đời này, Chí Phèo luôn sống theo cái mình muốn - tức là sống theo bản năng tồn tại của chính hắn. Muốn uống rượu có rượu; muốn tiền có tiền; muốn làm tình, có Thị Nở; muốn nhà cửa ruộng vườn thì cha con lão Bá cho ngay và cuối cùng muốn chết cũng không hề khó khăn đối với hắn. Cái khổ của Chí Phèo không phải là thiếu một cái gì đó, mà chính là cái khổ của kiếp người, cái khổ của chúng sinh.

Thử làm một phép so sánh giữa Chí Phèo và Bá Kiến xem ai sướng, khổ hơn ai. Giữa hai sinh thể này không có sự hơn kém nhau về sướng - khổ, hay - dở, hạnh phúc - bất hạnh, mà chỉ có sự biểu hiển khác nhau của

các quan niệm về những vấn đề này mà thôi. Là người sinh ra trong một gia đình đã bốn đời làm Lý trưởng như cha con Bá Kiến, cả làng xã, huyện phủ ai cũng kiềng mặt, chỉ trừ có Chí Phèo. Nhưng thử hỏi mấy ai tôn trọng và quí mến chúng. Là một người lương thiện chắc chắn điều đầu tiên cần phải biết là không nên ăn thịt đồng loại. Vì qui luật sinh tồn ''ăn miếng phải trả miếng'' không bằng cách này thì cách khác. Cái chết của Bá Kiến chứng tỏ hắn không đáng làm người mà chỉ đáng làm một con vật mà thôi. Bá Kiến chết như một con chó bị cắt tiết không hơn không kém. Hỏi như vậy là sướng hay khổ ? Còn Chí Phèo cảm thấy mình không là con người nên hắn đã tự hoá thân làm kiếp khác thì có gì là khó và khổ đâu.

Cái khổ của Chí Phèo không phải là ở kinh tế hay đạo đức mà chính là sự dằn vặt trong bản thể tồn tại với tư cách người của hắn. Những mặc cảm về thân phận làm người luôn ám ảnh. Một sự ám ảnh chìm sâu trong vô thức. Uống rượu, ăn vạ, làm tình, giết người và tự giết mình là một chuỗi kết nối các hành động vô thức. Chí Phèo ăn vạ không phải để đòi quyền lợi, uống rượu không để thưởng thức rượu ngon, làm tình với Thị Nở không phải để tìm kiếm người nối dõi tông đường; cũng không để chứng tỏ hắn và Thị yêu nhau, mà chỉ đơn thuần là hắn cần phải làm như vậy. Cuối cùng hành động giết Bá Kiến đối với hắn không nhằm mục đích trả thù cho gia đình, dòng họ, bởi vì hắn làm gì có những thứ đó; hay chống lại bất công đòi quyền bình đẳng xã hội, đòi tiền bạc, quyền lực. Chẳng qua bản ngã tồn tại của Chí Phèo bị dồn nén tích tụ trong vô thức đến mức hắn không thể làm khác được. Cần phải thấy rằng, nếu người nào đó ý thức rõ rệt về các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức và tôn giáo thì chắc chắn không thể nào có sức mạnh hành động như Chí Phèo. Đối với hắn không thể có một thế lực nào ngăn cản trên con đường đi đến khẳng định bản ngã của chính mình. Con đường rong ruổi đến cõi tự do tuyệt đối của Chí Phèo chỉ là một quá trình giải Stress mà tiền kiếp đã ký thác vào thực thể người của hắn. Chí Phèo không phải là kẻ đại diện cho một đẳng cấp xã hội nào. Hắn ta chỉ là một sứ giả khoác trên mình bức thông điệp về thân phận làm người.

Trong văn học thế giới hình tượng Hamlet của Shakspeare, chàng công tử nước Anh khi biết rõ người chú là kẻ giết cha mình để lấy mẹ thì luôn dằn vặt đau khổ. Chàng luôn tự căn vặn ''To be or not to be''. Nhưng đấy là sự dằn vặt về ý thức danh dự, lớp hào quang mà giới quý tộc nước Anh thời bấy giờ đã khoác trên người chàng. Sự dằn vặt của Hamlet để tìm kiếm các giá trị đạo đức và chính trị đương thời hơn là các giá trị nhân bản. Đấy là những vấn đề nhận thức các quan hệ xã hội chứ không phải là

những vấn đề bản thể tồn tại. Hamlet đã cho diễn lại vở kịch để nhận chân chính xác thủ phạm, rồi tìm cách trả thù cho cha của chàng. Việc làm này không hề nhằm mục đích bảo vệ bản ngã của anh ta mà là sự bảo tồn danh dự cho dòng họ, cho giới quí tộc nước Anh thời phục hưng. Sự cảnh báo cuối cùng của Hamlet là loài người hãy ''hoài nghi'' tất cả. Đúng là như vậy. Trong thực trạng của Hamlet cần phải hoài nghi các định chế chính trị, tôn giáo và đạo đức của xã hội đương thời. Âu đấy cũng là một sự mong cầu mang ý nghĩa đạo đức hoặc cùng lắm cũng chỉ mang ý nghĩa nhận thức luận.

Còn Chí Phèo không mưu chước, không mong cầu, đòi hỏi về đạo đức, danh dự cá nhân, gia đình và dòng họ. Hoàn toàn khác với Hamlet, chàng luôn trăn trở về cái chết của cha mình như là một sự oan ức trái với lẽ phải thông thường, một sự xuống cấp của đạo đức xã hội. Còn Chí Phèo dằn vặt, trăn trở để được tồn tại như một sinh thể đích thực, chưa hề biết đến các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức và tôn giáo. Hắn ta không căn vặn về việc không có cha mẹ, người thân, thậm chí cả miếng ăn để nuôi sống cái xác thịt đa lù lù ra đấy, hắn ta không hề bận tâm. Có thì ăn, khát thì uống, uống đến chán, đến say, còn thì vứt bỏ, hết thì đi xin, không cần lo toan định liệu, không biết quá khứ không cần tương lai, chỉ có hôm nay mới là hiện hữu. Thế thì hắn cần gì cái thứ đạo đức, nhân cách giả tạo do các người bày đặt ra. Hắn làm gì có danh dự và phẩm giá để dằn vặt và đau khổ như những chàng công tử phong kiến. Ngay cả việc giản đơn là đi đúng đường thì đối với Chí Phèo xem ra cũng là một cái gì đó xa vời, nằm ngoài ý thức của hắn. Kết cục hắn định đi đến nhà bà cô để tìm Thị Nở, kẻ duy nhất có thể làm thức dậy bản tính người trong hắn, thì bóng ma vô thức đã ám ảnh đưa hắn đến nhà Bá Kiến. Hành động đâm chết Bá Kiến của hắn cũng là vô thức, vì lão Bá làm gì có thù oán cá nhân với hắn, thậm chí còn có thể là bố đẻ ra Chí Phèo, như một số người đã nghĩ. ý kiến này là khả lý. Chí Phèo cũng không hề ý thức được lão Bá là kẻ bóc lột và đầy ải hắn. Vậy là hành động giết người và tự giết mình của hắn là sự giải toả khát vọng làm người đã dồn nén, tích tụ trong bản năng vô thức của hắn từ bao đời nay mà chưa thực hiện được !

Thị Nở cũng là một thực thể tồn tại đồng đẳng về mặt phẩm chất với Chí Phèo. Hai thực thể này cộng sinh với nhau đã làm bật dậy cái nhân bé xíu như một tín hiệu vô ngôn khiến người đời có thể nhận ra họ là những thực thể đang tồn tại trên thế gian này. Đối với họ làm gì có tình yêu. Ngay cả sự ân ái, để rồi cuối cùng Chí Phèo ký thác giọt máu của mình vào Thị Nở cũng chỉ là một hành vi bộc lộ bản năng sinh tồn trong vô thức của hắn chứ không phải bộc lộ những khía cạnh tâm lý như người ta

đã tưởng.

Thực chất những biểu hiện của quá trình bộc lộ tâm lý, tính cách của họ mà độc giả đã nhận được lại là phần gia vị thêm vào món cháo triết học mà chỉ có thiên tài của Nam Cao mới tạo dựng nên được. Toàn bộ tác phẩm, ngoài những câu chửi và những câu đòi lão Bá cho ''lương thiện'', còn có một vài câu Chí Phèo nói với Thị Nở sau cái đêm thực hiện hành vi sinh tồn của hắn. Chính nhờ những câu nói đấy mà công chúng mới đón nhận một Chí Phèo bằng xương bằng thịt, vừa gần gũi, vừa xa lạ ở cái làng Vũ Đại, Việt Nam này. Nhưng cách tỏ tình ấy xem ra không phù hợp với logic phát triển nội tại của bản ngã Chí Phèo. Vì sức mạnh của hắn là vô ngôn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tiến tới cõi vĩnh hằng bằng con đường tu luyện từ hữu ngôn đến vô ngôn, đấy là sự tu luyện của trí tuệ, có ý thức rõ ràng về bản ngã, song con đường dẫn Thích Ca Mâu Ni đến cõi Niết Bàn thật cao siêu và gian truân vất cả. Nhưng đấy là một con đường lớn trong trăm nghìn con đường để tiến đến bản ngã. Và cách trở về bản ngã của Chí Phèo cũng là một con đường đắc dụng , độc đáo, tuy nham nhở, lầy lội, ít hoa thơm cỏ lạ ,nhưng thực chất cũng nằm trên tuyến đường Đức Phật đã khai quang . Chí Phèo là người Việt Nam duy nhất trên thế gian này có thể đi lùi để trở về với bản ngã. Xét cho cùng trong vũ trụ vô thường thì tiến hay lùi chỉ là các qui ước đầy tính chủ quan của con người. Những thước đo giá trị ấy là đúng nhưng chỉ có thể áp dụng đối với con người. Còn đối với bản thể vũ trụ nó hoàn toàn vô nghĩa. Nếu lấy con người hiện hữu làm mốc giới và bản thân con người hiện hữu ấy đã chữa sẵn phôi của bản thể vũ trụ thì sự đạt tới bản ngã xét cho cùng chỉ có một. Nếu có sự phân biệt nào đấy chỉ là các dạng thức và quá trình khác nhau tiến tới bản ngã mà thôi.

Con đường đạt tới cõi vĩnh hằng của nhiều đạo sư vĩ đại không giống Chí Phèo, nhưng không vì thế mà con đường của Chí Phèo là bất khả dụng, hoặc giả là con đường này đắc địa hơn con đường kia hay một con đường thì trơn tru, sáng sủa còn một con đường thì gồ ghề u tối. Mọi con đường tiến tới bản ngã đều phải vượt qua những lẽ phải thông thường, vượt qua sự ràng buộc của các quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội, đạo đức và tôn giáo; rũ bỏ tất thảy những nhiễu nhương thường nhật. Nhiều vị đạo sư đạt tới cõi vĩnh hằng như là sự thắng lợi của ý chí tôn giáo, mang nặng tính chất răn đe và nêu gương về đạo đức cho người khác. Còn Chí Phèo đạt đến sự thắng lợi của bản ngã tự nhiên lại mang tính chất cảnh báo về giới hạn của hai trạng thái: Tồn tại và ý thức về sự tồn tại đó. Cũng vì thế nó mang tính chất phổ quát, có giá trị triết học sâu sắc. Chúng ta biết rằng

hình tượng tôn giáo, chính trị và đạo đức dù viên mãn đến mấy cũng chỉ đạt đến sự thức tỉnh của ý thức về ''chân - thiện - mỹ''. Hay nói một cách khác nó cũng chỉ đạt đến sự ý thức về bản ngã. Còn hình tượng văn học viên mãn là đạt đến bản ngã. Về khía cạnh này hình tượng văn học nghệ thuật sâu sắc và đa chiều hơn so với các loại hình tượng khác, do tính chất đặc thù của phương thức tư duy nghệ thuật qui định cùng với năng lực thụ cảm đặc biệt của nhà nghệ sĩ thông qua những trải nghiệm cá nhân ý thức và vô thức, lắng đọng tự nhiên trong anh ta tạo nên tính chất đa tầng của hình tượng nghệ thuật không thể bóc tách được bằng các thước đo giá trị của chính trị, xã hội, đạo đức, tôn giáo.

Như vậy, trong trò chơi ú tim săn tìm bản ngã, Chí Phèo là hình tượng duy nhất trong văn học Việt Nam đã làm được một việc phi thường là tự trở về với bản ngã chính mình. Kết cục cái ''lương thiện'' mà Chí Phèo đòi chính là bản ngã đích thực, cái luôn tìm ẩn và thường trực trong vô thức của hắn ta.

Nếu có điều kiện chúng tôi sẽ luận tiếp về Nam Cao, người đã khai sinh ra một bản ngã Việt Nam trong văn học.❐

Các tài liệu tham khảo

1. Nam Cao - Truyện ngắn tuyển chọn, Nxb Văn học., HN - 1998.
2. Lịch sử văn học Việt Nam - Nxb Giáo dục., HN - 1998.
3. Shakspeare - Toàn tập - Nxb Văn học., HN - 1970
4. Thơ Tố Hữu - Nxb Giáo dục., HN - 1994
5. G.F.W Hegel: Mỹ Học (Bản dịch của Nhữ Thành, in Rônêô, tài liệu Viện Văn học).
6. Giải nhất văn chương - Nxb Hội nhà văn., HN - 1998
7. Almanach - Những nền văn minh thế giới - Nxb Văn hoá Thông tin., HN - 1997.
8. Nhà văn Việt Nam hiện đại - Nxb Hội nhà văn., HN - 1997.
9. La Sơn Yên Hồ - Hoàng Xuân Hãn - Nxb Giáo dục., HN - 1998.
10. Đỗ Minh Tuấn - Ngày văn học lên ngôi - Nxb Văn học., HN - 1996

Thơ Khoa Hữu

Từ máng cỏ đến đồi Gogotha

Noel, đêm Giáng sinh tôi
dàn rung chuông nguyện lời lời thánh kinh
hai ngàn năm Chúa hành hình
tưởng nhu vết máu bất bình còn đây
tội xưa, oán đến đời này
cỏ mang sự tích, đá bày sắt son
Chúa ơi, đêm thập giá con
tiếng gông tiếng xích đau dồn bước chân.

Thảo khấu

Rượu này uống, huyết Chúa
bánh này thịt anh em
điểm đầu lũ hiếu tử
mặt thảo khấu từng tên

Bánh này ăn, thịt Chúa
rượu uống, máu anh em
say môi mềm dã lả
sống một thời dã điên

Hạnh phúc đời bất hối
nỗi buồn cơn động kinh
bịt mắt ngồi thú tội
da nhăn vết nhục hình

Tội ấy nặng bằng núi
đeo cổ này cái gông
máu đào chảy thành suối
mang đời đi trôi sông

vót đau thương mũi dáo
bạo hành cuộc trăm năm
bút thế thiên hành đạo
chữ nghĩa mài như guơm

Chút nghĩa khí tìm thấy
hai mươi năm lao tù.

Đêm

Đêm toàn râu với tóc
ta trẻ thơ như trăng
em hằng hà nhan sắc
ta ngồi hệ lụy thân

Đêm đen như mặt nhọ
ta đen tuyền như than

Chớp mắt ngoái lại

Song Thao

Ngày cưới, Nghĩa không có được niềm vui trọn vẹn. Chẳng phải vì đám cưới có gì trục trặc. Mọi việc diễn tiến hoàn hảo đúng như dự trù của anh. Cũng chẳng phải vì anh bị ép buộc gì. Anh và Diệu yêu nhau, lấy nhau giữa sự vui mừng của cả hai gia đình. Cái khoảng hụt hẫng của anh chính là vì thiếu sự hiện diện của hai người bạn nối khố từ những ngày mài đũng quần ở trường tiểu học.

Vũ đang dạy ở trường Võ Bị Đà Lạt một hai đoan quyết thế nào cũng về. *Tao mà không có mặt thì đám cưới mày đâu có thành được*. Vậy mà cái lệnh cấm trại trăm phần trăm đã níu chân anh. Khoác vào người bộ đồ lính thì cuộc sống có gì là chắc chắn kể chi tới cái phép đã cầm trong tay mà giờ chót lại trở thành tờ giấy lộn. Sáng sớm ngày cưới, đoàn người đi rước dâu chưa ra khỏi cổng, một bó hoa hồng đỏ au tươi rói gửi về từ Đà Lạt đã thay Vũ nói lời chúc mừng với người bạn thiết. Kèm theo bó hoa là một cánh thiệp đẹp và trang nhã. *Gửi tới hai đứa mày những lời chúc mừng đẹp đẽ nhất. Tao đã dành sẵn một phòng tại Palace cho tuần trăng mật của tụi mày. Thằng Tước có về làm phép cưới cho mày không?*

"Thằng" Tước nay đã là một linh mục. Nhưng, với Vũ, bạn bè ngày cũ muốn làm gì thì làm, vẫn cứ là thằng hết. Ba thằng học chung lớp với nhau suốt năm năm tiểu học tại trường nhà thờ Hàm Long ở Hà Nội. Tại sao thân với nhau thì chỉ có trời biết. Vì trời sinh ra ba đứa tính tình khác hẳn nhau. Tước củ mỉ cù mì luôn nhường nhịn và nhỏ nhẹ vớibạn bè nhưng có tính khôi hài lạnh rất tới. Nghĩa thì tròn như hòn bi chẳng có cái gai nào của cuộc đời có thể chích làm anh mưng mủ được. Vũ bộc trực chẳng có điều gì nằm ở trong bụng anh lâu quá được một phút, lại có cái miệng nói năng thẳng băng chẳng ngán thằng tây nào cả. Học ở trường đạo dĩ nhiên Hiệu Trưởng là một linh mục. Một bữa, trong giờ ra chơi, Vũ

đứng há miệng nghe lén cha Hiệu Trưởng nói chuyện với bà mẹ già tới thăm ở ngoài sân. Nghe cho đã xong, Vũ hộc tốc đi tìm Nghĩa và Tước.

"Thật là buồn cười!"

Nghe cái giọng vừa hậm hực vừa mỉa mai của Vũ, Nghĩa biết trong bụng Vũ óc ách có cái gì sắp sửa chui ra khỏi miệng. Nhưng, để cho đỡ mất giờ chơi, Nghĩa hỏi đưa.

"Lại chuyện gì nữa đó ông nội?"

"Hai mẹ con nói chuyện với nhau. Con thì gọi mẹ xưng tôi, mẹ thì gọi cha xưng con, tao chẳng hiểu ra làm sao cả. Mẹ con thì suốt đời là mẹ con chứ thoắt một cái, con đi tu làm linh mục, mẹ phải gọi con bằng cha là sao? Tao đếch hiểu nổi!"

Tước có cái miệng hơi hô, phảng phất giống như hàm ếch, nhưng cười thì lại thấy có duyên và ấm áp vô cùng. Anh thủng thẳng tiếng một với Vũ.

"Mẹ con thì lúc nào chẳng là mẹ con. Nhưng đối với những người ngoan đạo, chức linh mục là một chức thánh đáng kính nên nằm trên các quan hệ ngoài đời. Thành ra gọi thì gọi bằng cha nhưng vẫn đối đãi như con."

Vũ cướp lời Tước.

"Rắc rối bỏ cha! Nói gì thì nói tao vẫn đếch chịu được. Tao nói cho mày biết, sau này nếu mày có đi tu làm cha thì tao vẫn gọi mày bằng thằng như thường. Đừng có hòng tao gọi mày bằng cha đâu nghe con!"

Tước nhe răng cười. Nụ cười ấm áp và vị tha trông ra đã có dáng vẻ nụ cười của một ông cha hiền từ. Tước là con út trong một gia đình có tám anh chị em tất cả. Trừ người anh cả lấy vợ, sinh con nối dõi dòng họ, sáu người kia, trai cũng như gái, đều dâng mình cho Chúa. Một ngươi đã thành cha, hai người đã thành sơ, còn ba ngườivẫn ăn cơm nhà dòng chờ ngày chịu chức thánh. Việc Tước đi tu nghe ra là việc trước sau gì cũng tới.

Mùa hè, ba đứa có cái thú đi bắt ve sầu. Con đường Ngô Thời Nhiệm chạy dọc bên nhà thờ Hàm Long, đầy cây cao bóng cả, ve sầu kêu ra rả suốt ngày, là đất hoạt động lý tưởng của cả bọn. Ban ngày trời nắng chang chang, Vũ vác cây sào dài, Nghĩa ôm lọ keo chế bằng những đế dép crêpe cũ ngâm xăng, Tước ôm chiếc hộp có đục lỗ để nhốt các anh ve tù tội. Ba cặp chân lê bước chậm chậm để ba cặp mắt nhìn ngất ngưởng lên những tàn lá cao vòi vọi. Trông thấy chú ve sầu nào đang gân cổ lên ca là nhúng keo vào đầu sào, hì hục giơ lên chấm vào cánh ve dính ngắc. Hạ sào xuống, nhẹ nhàng gỡ cánh ve cho khỏi rách, mang về buộc ve bằng sợi chỉ cột vào những cây cảnh nho nhỏ ở nhà, nghe ve than khóc cho số kiếp

tù đày. Buổi tối chơi cách khác. Mỗi đứa cầm một đèn pin tự chế bằng một cục pin phế thải của quân đội cột dây cao su cho dính vào một bóng đèn có dây điện nối vào hai cực của pin. Những chú sâu từ dưới đất chui lên, bám vào các thân cây chờ lột xác thành ve, là mục tiêu của ba tên học trò. Chỉ việc soi đèn, giơ tay ra chộp là xong. Đêm đó, sau khi buông màn đi ngủ, cho sâu bám vào màn, nằm nhìn sâu chờ giờ hóa xác mà giấc ngủ chập chờn không yên. Sáng sớm tỉnh dậy đã thấy ve sầu bay túi bụi trong màn. Sướng cách chi!

Chính trong một buổi trưa đi bắt ve sầu vào những ngày cuối năm học lớp nhất, Tước đã giơ khuôn mặt mồ hôi mồ kê nhễ nhại ra, giọng run run cảm động.

"Tao sắp đi tu!"

Hai khuôn mặt lem luốc của Nghĩa và Vũ khựng nhìn bạn. Nghĩa ngập ngừng nhìn Tước chưa biết nói gì thì Vũ đã nhanh miệng.

"Biết là mày cũng sẽ đi tu như các anh các chị mày nhưng tao hỏi thật nghe. Tu có gì thú vị mà cả nhà mày rủ nhau đi tu vậy?"

Tước cúi mặt rơm rớm nước mắt.

"Tu có gì thú vị không thì tao không biết, nhưng từ nhỏ tới giờ tao vẫn cứ nghĩ là tao sẽ đi tu. Bây giờ đủ tuổi nhập Tiểu Chủng Viện thì tao đi. Có điều là tao sẽ nhớ hai đứa mày lắm."

Ba đứa lặng thinh nhìn nhau. Tiếng ve sầu ra rả trên cao như vọng về từ một cõi nào xa xôi lắm. Chiếc sào dài vô tình nằm chắn ngang ở giữa chia ra một bên là Tước và một bên là hai cặp mắt đang đăm đăm nhìn xuống đất. Tước phá vỡ mùi chia ly quanh quất giữa ba cái bóng hắt hiu trên mặt đất bằng nụ cười gượng gạo.

"Tao hứa sẽ về làm phép cưới cho chúng mày khi chúng mày lấy vợ."

Trong những ngày bận rộn sửa soạn đám cưới, Nghĩa đã cố công tìm Tước. Anh đã phóng vespa trên xa lộ nắng chang chang từ Saigon xuống Hố Nai, vô nhà thờ gặp một ông anh của Tước. Nắm được cái địa chỉ dài dằng dặc của bạn nơi một xóm làng hẻo lánh tuốt tận ngoài Quảng Ngãi, Nghĩa tưởng đã có bàn tay của cha Tước làm phép kết hợp chồng vợ cho anh với Diệu. Nhưng thư đi thì có mà tin về thì không. Anh sốt ruột gửi tới ba lá thư. Chẳng vân mòng gì. Cú điện tín anh đánh đi vào những ngày áp cưới như một tiếng kêu hối hả cũng chẳng bắt được tay Tước. Không có Tước , không có Vũ, hớp rượu lễ anh nhận trong lễ cưới vừa đắng vừa chua.

Tuần trăng mật, vợ chồng Nghĩa cũng không có mặt trong căn phòng nơi khách sạn Palace mà Vũ đã dành sẵn. Đường bộ mất an ninh, đường máy bay Saigon-Đà Lạt không dễ gì mua được vé, tiếng súng ngày càng

gắt gỏng đã giữ chân cặp tân hôn tại Saigon. Cả Nghĩa lẫn Diệu tiếc ngẩn tiếc ngơ. Cuộc tình của họ khởi đi từ Đà Lạt nhưng chẳng được thăng hoa tại vùng cao này. Trên thành phố hiu hắt, người lẩn khuất sau cuộc tình của bạn đã lặng lẽ hồi lại căn phòng trăng mật đã đặt trước.

Vũ đi ra đi vào, hết đọc sách đọc báo lại thừ người nằm nghe nhạc. Bài vở cần soạn cần chấm nằm bừa bộn trên bàn mà anh chẳng muốn động tới. Sáng nay anh cáo ốm xin nằm nghỉ tại cư xá, sĩ quan chỉ huy đã linh động gật đầu. Dù sao giữa đơn vị và cư xá sĩ quan độc thân chỉ cách nhau một đường dây điện thoại lúc nào cũng có thể reng chuông được. Đầu Vũ vẫn cấn cái về cái lỗi hẹn một đời với Nghĩa. Ngày nào Nghĩa còn nườm nượp bay từ Saigon lên ở căn phòng này nuôi cuộc tình với Diệu. Hôm nay, cuộc tình chín anh lại chẳng có mặt cho trọn tình bạn khởi đi từ những năm tháng ngây ngô. Vũ nằm lơ mơ nghĩ tới chuyện xưa cười buồn một mình. *Cái thằng!*

Nghĩa bắt được Diệu lúc nào, Vũ không biết. Cư xá sĩ quan độc thân Thủy Tiên của trường Võ Bị nằm trên đồi cao đối diện với học xá nữ sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt. Chẳng biết bằng cách nào mà thằng bạn nối khố lên ở nhờ phòng anh lại vượt qua được con đường hẹp giơ tay qua phía bên học xá nắm được tay người con gái đang chăm chỉ dùi mài đèn sách. Chỉ khi cuộc tình đã lớn, Nghĩa mới rủ anh đi ăn ở nhà hàng Shangai để giới thiệu Diệu. Vừa ngồi yên chỗ, Vũ đã oang oang.

"Bà ở bên học xá à? Sao tôi không bao giờ thấy bà?"

Máu tếu của Diệu ỡm ờ nhỏ nhẹ.

"Tôi ở trong phòng chứ có ở ngoài đường đâu mà ông thấy được!"

Vũ tức tối.

"Thế sao cái thằng ma gà này thỉnh thoảng mới lên ở phòng tôi mà nó lại thấy được?"

Nghĩa chậm rãi.

"Thế mới có chuyện hữu duyên và vô duyên chứ!"

Vũ gắt chơi với Nghĩa.

"Sư này! Mày ăn gì mà mắt tinh thế. Câm miệng lại để tao nói chuyện với bà này!"

Từ đó Vũ là con thoi giữa hai người mỗi khi có chuyện về Saigon. Mà Vũ thì về Saigon lia chia. Trước khi đi bao giờ Vũ cũng tạt qua học xá xem Diệu có gửi gì về cho Nghĩa không. Về tới Saigon, bao giờ Vũ cũng dùng cái giọng hách dịch gọi Nghĩa ra quán Pagode. Chờ cho ly cà phê sữa nóng được đặt trên bàn, hớp vội một hớp, liếm môi xong, Vũ mới giở cái giọng mai mỉa ra.

"Trình mày, lần này mẹ mày gửi cho mày bức tình thư dày cộm." Vũ

móc túi áo ném bức thư trên bàn. "Chắc mẹ mày thức cả đêm mới ra nhiều chữ đến thế."

Nghĩa làm bộ bất cần chẳng để ý tới bức thư nằm tênh hênh trên bàn. Vũ ngứa mắt bồi thêm.

"Sư mày! Còn làm bộ làm tịch! Làm ơn mở thư ra đọc dùm tao đi. Tao biết tỏng là bụng thì như lửa đốt mà mặt thì cứ gân lên ra cái điều tỉnh bơ như không. Trông chướng mắt đếch chịu được!"

Mắng xong, Vũ quay ghế ngồi nhìn mông ra đường, nhấm nháp cà phê, không quên thỉnh thoảng liếc nhìn Nghĩa đang chôn mắt vào những giòng chữ thân thương. Khi Nghĩa thẫn thờ xếp những tờ thư lại, Vũ mới quay ghế trở lại, hách xì xằng.

"Sao? Mẹ mày ra lệnh bao giờ phải lên hầu? Có lên thì làm ơn ngôn cho tao một tiếng trước để tao dọn dẹp phòng. Mốt tao về lại. Có tí chữ nghĩa nào thì thở ra cho hết đi, tao mang lên cho. Mẹ kiếp! Chắc mẹ mày thích hiện vật hơn mớ chữ nghĩa tào lao của mày. Liệu mà đi bắt chai nước hoa coi bộ có lý hơn!"

Lệnh giới nghiêm trăm phần trăm lằng nhằng như một con đỉa đói. Nó chẳng bao giờ tha cho Vũ về Saigon mở miệng nói lời chúc mừng cho phải phép. Nhưng cuối cùng anh cũng về được Saigon: trong đoàn quân từ trường Võ Bị Đà Lạt di tản về Saigon khi Đà Lạt sắp thất thủ.

Trong tình thế dở khóc dở cười đó thì miệng mồm đâu mà chúc với mừng. Gặp lại nhau, ai cũng chỉ tính tới chuyện đi. Nhưng tính là một chuyện mà đi được hay không là cái số. Số của Vũ và vợ chồng Nghĩa không phải là con số hên. Ngày Saigon đổi chủ họ vẫn còn ở nguyên trong nhà. Cũng chẳng được lâu. Cuộc đổi đời phũ phàng đã đưa Nghĩa và Vũ vào trại cải tạo. Hai người, hai cái ba lô lép kẹp, cùng đi trình diện một chỗ nên cùng ở chung một trại. Thời gian đầu, nhờ thế, cũng bớt cô quạnh. Cái cốt ở tù có bao giờ là không rũ người ra, nhất là cái loại tù không có thời gian giam giữ nhất định. Người Nghĩa hao mòn mau chóng. Vũ cũng chẳng hơn gì nhưng, chỉ một thời gian sau, thấy buồn mãi cũng chẳng ăn cái giải gì, Vũ trở lại với con người cũ. Miệng anh lại rổn rảng mắng mỏ ban.

"Sướng chưa con? Ai bảo táy máy lấy vợ, bây giờ rũ ra như tàu lá chết. Cứ cu ki như tao là đếch có gì phải lo. ở thì ở, về thì về, mặc mẹ chúng nó muốn làm gì thì làm. Ông chấp hết."

Vũ sống nghênh ngang bất cần nhưng cũng đủ khôn ngoan để không bị cán bộ hay quản giáo chú ý. Anh thương bạn xuống tinh thần, đầu óc chỉ tơ tưởng tới chuyện về. Những lúc kiếm được củ khoai, miếng cháy hoặc bắt được con rắn, con ếch, anh chẳng bao giờ quên Nghĩa. Thương

đó nhưng nhiều lúc thương quá anh lại vênh mỏ lên mắng mỏ lay tỉnh bạn. Thường thì Nghĩa chỉ nhếch miệng cười gượng cho vui lòng Vũ. Ruột gan anh vẫn bời bời lo lắng cho Diệu ở nhà. Ngày nhận được gói quà thăm nuôi đầu tiên của vợ qua bưu điện, Nghĩa ngồi ôm gói quà năm kí, hồn như đi lạc đâu đâu, nước mắt nhẩn nha lăn trên gò má hom hem. Vũ ngồi lặng yên bên cạnh lòng nặng trĩu như đeo đá. Có cái gì chắn ngang miệng làm anh không nói được gì. Khi mặt trời đã khuất sau đám ruộng cằn cỗi trước mặt, anh mới ngăn tiếng thở dài, nhỏ nhẹ thúc dục bạn.

"Cất gói quà rồi đi tắm chứ!"

Nghĩa vẫn nước mắt lăn dài, đưa gói quà cho Vũ, đứng dậy bước chậm rãi ra mép ruộng, nhặt từng cục đất, giang thẳng tay ném mạnh vào mục tiêu vô hình trước mặt.

Cuộc chuyển trại đầu tiên đã tách Vũ ra khỏi Nghĩa. Hai người từ đó chẳng còn tin tức gì của nhau. Cái thân tù tội như trái banh mặc tình bị ném qua hết trại này đến trại khác. Có năm di chuyển tới ba lần, bạn bè rơi rụng dần hết. Khi Nghĩa lê được tấm thân héo úa về với Diệu thì anh nghe tin Vũ đã vọt đi được rồi. Mừng cho bạn nhưng cũng cay đắng cho mình. Cuộc sống vật vờ tiêu hao ngày tháng bên lề xã hội thúc đẩy vợ chồng Nghĩa kiếm đường đi. Đường thì có nhưng đi được thì không.

Cũng vì không đi được nên Nghĩa đã có dịp há hốc miệng, ôm chầm lấy Tước vào một sáng Chủ Nhật khi Tước khoan thai bước qua cửa nhà Nghĩa. Tước chẳng áo chùng thâm, chẳng thánh giá trên áo, chẳng miếng mi ca trắng trên cổ, chỉ lè phè áo bỏ ngoài quần nhầu nát trông như một anh ba tầu buôn bán tạp hóa. Nụ cười vẫn ấm áp, bộ điệu vẫn khoan thai hiền hòa, chỉ có cặp mắt đỏ hoe bày tỏ chút xúc động. Tước vỗ vỗ vai Nghĩa.

"Chúa thương mình còn gặp lại nhau. Sao cậu gầy thế?"

Nghĩa quả có lúng túng trong cách xưng hô với Tước. Mày tao như xưa thì không ổn mà cha con thì ngượng miệng. Tiếng "cậu" của Tước làm Nghĩa thoải mái. Tuy vậy anh cũng chưa biết tự xưng là gì cho ổn. Đành nuốt hết chủ từ cho chắc ăn.

"Chơi trò cải tạo thì cậu nghĩ mập làm sao được?"

"Giêsu lạy Chúa tôi, cậu phải đi cải tạo à? Thôi, lành lặn mà về được với vợ con là phúc rồi. Chị ấy đâu? Cho tớ chào chị ấy chứ!"

Thấy Diệu bước ra, Tước chắp hai tay cúi đầu.

"Chào chị! Tôi đến đây để tạ lỗi với anh chị. Tôi đến chậm mất mười năm."

Diệu luống cuống trước vẻ trịnh trọng của Tước.

"Thưa cha..."

"Tôi xin chị. Tôi là bạn với anh Nghĩa. Chị cho tôi tiếng "anh" là quí rồi."

Diệu quả không được chuẩn bị cho tình huống này. Nàng lí nhí lời chào rồi xin phép tháo lui. Còn lại hai người, Nghĩa đã chíp được tiếng "tớ" của Tước trước đó, hồn nhiên với bạn.

"Thế ra cậu có nhận được thư của tớ hồi đó hả?"

"Tớ nhận được nhưng trễ mất gần một năm. Dạo đó vùng quê rất thiếu linh mục nên tớ phải đi rong mỗi chỗ một chút. Khi biết tin cậu lập gia đình, tớ chỉ có thể âm thầm dâng lễ cầu nguyện cho vợ chồng cậu. Này, tớ nói thật với cậu nghe. Không được làm phép cưới cho cậu như đã hứa, tớ khó chịu vô cùng."

Nghĩa hạ nhỏ giọng, bông đùa.

"Khó chịu chi! Để lúc nào lấy vợ hai tớ sẽ nhờ tới bàn tay của cậu!"

Tước phá ra cười giọng tỉnh bơ.

"Xong ngay. Tớ sẽ làm phép bằng tay trái!"

Khởi đầu bữa cơm trưa hôm đó, Tước đã làm phép thực phẩm bằng tay mặt. Cơm đãi khách mà lèo tèo gọn ghẽ. Tước cầm đũa gắp đồ ăn cho hai đứa con của Nghĩa.

"Mình chịu cực khổ quen rồi không sao. Chỉ tội cho đám con nít!"

Hai đứa con của Nghĩa thấy bữa ăn hôm nay có vẻ trịnh trọng khác thường. Chúng đã tròn mắt nhìn ông bạn của bố giơ tay múa may trước khi chúng được cầm đũa. Mẹ chúng thì nghiêm trang như đang ở trong nhà thờ. Khi Nghĩa bảo chúng Tước là một ông cha thì chúng càng ngạc nhiên hơn. Cha gì mà kỳ cục chẳng giống cha trong nhà thờ. Nhưng được cái ông cha này nói chuyện vui và luôn tay gắp thức ăn vào chén của chúng.

Bữa ăn kết thúc chóng vánh. Nghĩa kéo Tước ra ngồi uống trà ngoài hàng hiên. Khoảng sân rộng trước nhà rậm rạp những hành ngò thơm húng. Những luống hoa ngày xưa nay chẳng còn dấu vết. Hai người lặng thinh nhìn vào đám lá xanh buồn bã nhưng thực tế. Tước lên tiếng hỏi Nghĩa mà như không chờ câu trả lời.

"Vũ nó đi được rồi phải không?"

"Cũng hơn năm nay rồi."

"Còn cậu tính sao?"

"Tính đã vài lần nhưng tiền mất tật mang."

"Còn tính nữa không?"

"Tính thì lúc nào chẳng tính. Nhưng láng đâu còn bao nhiêu."

"Để tớ tính cho nghe! Tụi nhỏ không thể lớn lên ở đây được đâu!"

"Cậu cũng tính luôn chứ?"

"Không! Tớ đã hiến mình để phục vụ. Nơi nào cần, tớ phải có mặt ở đó. Chưa bao giờ ở đây lại cần linh mục như bây giờ."

Đường dây Tước đưa gia đình Nghĩa đi là do một bổn đạo thân tín của anh tổ chức. Êm ả và hữu hiệu. Một tuần trên biển, một năm trên đảo, gia đình Nghĩa đã có mặt ở Canada. Một tháng sau, tiếng Vũ đã ậm ừ trên điện thoại.

"Thưa có phải ông Nghĩa đấy không ạ?"

Mắt Nghĩa mờ đi khi nghe lại được cái giọng quen thuộc. Anh muốn nằm lăn trên sàn nhà, duỗi thẳng chân tay để tận hưởng cái sảng khoái này. Nghĩa vừa thở vừa hồi hộp thả giọng nhỏ.

"Mày đấy hả Vũ?"

"Chứ còn ai nữa! Lâu lắm mới nghe lại cái giọng của mày mà sao câu đầu đã thấy vô duyên."

Nghĩa không kềm được câu chửi thề.

"Sư mày! Mày ở đâu vậy?"

"Ở xa mày lắm. Muốn máy bay nó đưa đi thì tốn mất tám tiếng đồng hồ và gần một xín tiền mẽo."

"Lại giở cái giọng úp mở! Bao nhiêu năm mà mày vẫn chẳng đứng đắn thêm được chút nào. Mà sao biết tao ở đây vậy?"

"Trình mày, tao ra lệnh cho cả CIA lẫn FBI kiếm thì dù mày có là con kiến chúng nó cũng kiếm ra. Diệu khỏe chứ? Mấy nhóc vui chứ? Mà tụi mày có mấy đứa tất cả? Tao phải cập nhật hóa chứ tụi mày lộn xộn hồi nào tao đâu có biết được."

"Cám ơn mày khỏe cả. Tụi tao vẫn chỉ có hai đứa thôi. Còn mày, vợ con gì chưa?"

"Mẹ kiếp, đầm nhiều quá làm sao lấy vợ được?"

"Thì đừng lấy hết. Lấy một đứa thôi."

"Tội chúng nó, mày!"

"Không lấy, mai mốt già đáu chó nó lấy!"

"Thảm kịch là ở chỗ đó. Già thì phải lấy già trong khi đầm thì toàn đầm non."

"Sư mày! Làm như ngon lắm!"

"Hạt già mới là hạt quí, mày! Thôi không giỡn nữa. Tao với mày thử nói chuyện đứng đắn một chút coi có được không. Mày đã có việc vàng gì chưa?"

"Đang cố kiếm tí việc đây nhưng coi bộ hơi vất vả."

"Nhân danh bạn mày, tao nhập môn cho vài điều. Thứ nhất, ở bên này đếch đói được đâu, đừng lo. Thứ hai, chỗ nào nó cho mượn tiền thì cứ giơ tay ra, đừng sợ nợ. Thứ ba, tạm thời tao sẽ gửi cho mày ít tiền chi dùng

lúc ban đầu, sau đó sẽ tính sau, đừng từ chối. Rõ chưa?"

"Nghe như vẫn còn giọng thầy giao ấy nhỉ?"

"Lên chức rồi. Bây giờ là thợ tiện ca ba!"

Tiếng điện thoại của nhà Nghĩa đã quen reo lên mỗi sáng Chủ Nhật, đúng chín giờ, không bao giờ sai chệch. Vũ thường nói chuyện với Nghĩa, nhưng đôi khi với Diệu, lúc với hai đứa con của Nghĩa. Anh như một thiên thần bản mệnh chăm lo cho gia đình bạn. Một thiên thần chăm chỉ nhưng biết chửi thề vung vít.

Có một lần điện thoại reo chệch giờ. Mười hai giờ khuya. Thứ bảy. Giọng Vũ thiếu rổn rảng.

"Nghĩa hả mày? Ngủ chưa? Sao tao vừa nằm xuống thấy bụng cấn cái. Đưa tay nắn thấy u lên một cục bằng trái chanh. Chẳng biết là cái đếch gì đây. Cũng hơi giật mình nên kêu mày."

"Cái gì thì cũng phải đi bác sĩ coi. Mai đi liền đi. Chẳng nên để lâu."

Giọng Vũ chán chường.

"Ngại bỏ mẹ đi. Phanh bụng cho mấy anh lang tây khám thì ra nhiều chuyện lắm. Nhưng chắc cũng phải đi."

Trái chanh bất thường đó gây nhiều chuyện thật. Khi biết chắc mình bị dính ung thư, Vũ như mất phương hướng. Anh gọi báo tin cho Nghĩa, giữ điện thoại cả giờ xoay quanh nói chuyện với cả Diệu và hai đứa con Nghĩa. Nghĩa phờ người chán chường. Anh quyết định bỏ việc qua thăm Vũ. Vũ gay gắt gạt đi.

"Qua làm gì, vô ích! Đừng bỏ công ăn việc làm. Tao buồn là từ nay chẳng giúp gì được gia đình mày nữa."

"Đừng nghĩ tới mấy chuyện vặt đó. Tao muốn có một thời gian ở bên mày trong lúc mày bệnh hoạn."

"Tao bảo không là không. Đừng có cãi lời tao!"

Nghĩa muốn đi lắm. Diệu cũng dục Nghĩa phải đi cho trọn tình bạn. Nhưng mỗi lần hỏi là mỗi lần Vũ nổi cục. Nghĩa lo ngại cho sức khỏe bạn nên không muốn làm trái ý Vũ. Anh chỉ còn cách điện thoại thăm hỏi cầm chừng. Sức khỏe Vũ mỗi ngày thêm tệ hại. Giọng nói bơ thờ dần. Mỗi lần điện thoại, Nghĩa vẫn để Diệu nói ít câu với bạn. Anh nghĩ tiếng nói của người đàn bà trong lúc này ít ra cũng mang lại chút êm ả cho Vũ.

Một bữa khuya thật khuya, Vũ điện thoại qua.

"Tao trằn trọc không ngủ được, nằm nghĩ lại chuyện xưa, nhẩm tính ra thì tới tháng tám này, chúng mày cưới nhau được hai mươi lăm năm rồi ấy chứ nhỉ? Chớp mắt đã cưới bạc rồi đó! Lần này chẳng ai cấm trại mà tao cũng chẳng có mặt được. Chó má thiệt!"

"Mày còn nhớ được như vậy làm tao cảm động lắm. Chắc tụi tao

cũng chẳng tổ chức gì đâu!"

Tiếng rè rè trong máy cộm lên. Khá lâu Nghĩa không thấy Vũ nói gì.

"Mày có nghe tao nói không Vũ?"

"Nghe chứ. Tao có chút chuyện muốn nói với mày."

"Chuyện gì vậy?"

Lại tiếng máy âm âm rè rè. Nghĩa áp sát ống nghe vào tai đón tiếng Vũ. Mãi mới nghe được một giọng ngập ngừng.

"Nhớ thương yêu Diệu suốt đời nghe!"

Nghĩa ngẩn người không biết trả lời sao. Anh nghe Vũ nói tiếp.

"Mày hứa với tao chứ?"

Nghĩa chiều ý bạn.

"Tao hứa!"

"Cám ơn mày! Thôi nghe!"

Tiếng điện thoại chậm chạp gác xuống. Nghĩa nghe tiếng trật vuột một hồi rồi điện thoại mới cúp hẳn. Đó là lần chót Vũ điện thoại cho Nghĩa. Anh mất hai ngày sau đó.

Tháng tám, hai đứa con Nghĩa ngỏ ý muốn tổ chức lễ cưới bạc cho bố mẹ. Nghĩa đang buồn, bảo thôi. Hai đứa nài nỉ, Nghĩa chiều con nhưng căn dặn chỉ làm thật đơn giản và chỉ mời những người thật thân. Gần tới ngày, nghe con hỏi muốn mời những ai, Nghĩa tần ngần ngồi lặng thinh. Tước ở xa không thể tới được, Vũ còn xa hơn nữa. Anh buồn bã bảo các con.

"Chẳng có ai đâu! Thôi, chỉ gia đình mình với nhau vậy!"❐

Văn Học Tết Kỷ Mão 1999

sẽ phát hành vào ngày 15 tháng 1 năm 1999

một tháng trước ngày Tết Âm lịch

Bìa in màu rất mỹ thuật trang nhã

Bài vở phong phú, giá trị

Dày 240 trang

Kính mời quí bạn văn đóng góp bài vở, chậm nhất là trước ngày 20 tháng 12 năm 1998.

Bạn đọc có thể gửi mua Văn Học để tặng cho bạn bè phương xa như một món quà Xuân. Mỗi số giá 8 MK. Tòa soạn sẽ gửi thẳng về địa chỉ người nhận.

Rượu, đời ta

THÀNH TÔN

Hãy tưởng tượng chúng ta là rượu
Rót cho nhau chất ấm, ly đời
Men dủ ngấm cho hồn bát ngát
Nỗi sầu nào dôi cánh không vơi

Rót cho đầy chiếc ly hạnh phúc
Và cạn đi đôi cốc bi thương
Lòng chuếnh choáng cõi đời vó giục
Ngựa giang hồ gõ lạnh khuya sương

Ta chất ngất men đời dã thấm
Hồn thênh thang một cõi, cho dù
Tim bé bỏng dòng dòng mạch ngậm
Cũng nồng nàn nỗi gió muôn thu

Đã nghe thấy cõi lòng thanh thản
Rượu đời, ta cứ cạn ly nhau
Cạn đi những bi hùng bi tráng
Kẻo bọt sầu hớp rượu tan mau

Tan vào trong tủy xương, sự sống
Ly còn trơ cảm giác bàng hoàng
Dù có cạn trăm năm rung động
Chút men đời, rót rượu hoang mang.

Gió ngược

Lâm Chương

Sơn Ca và mèo ngủ chung, mèo nằm trong lòng, gối đầu lên cánh tay nó như một đứa em cưng. Nó thường vuốt ve, nhiều lúc còn hôn lên cái mũi đỏ hồng của mèo nữa.

Ông Lâm nói: "Con không nên hôn mèo."

"Why?" Nó hỏi.

Ông Lâm không thích lối hỏi cộc lốc theo kiểu người Mỹ. Ông dặn các con, ngoài thì giờ ở trường, về nhà phải nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt. Tập cái lễ độ của người Đông Phương, gọi dạ bảo vâng. Ông sợ con ông quên nguồn gốc giống nòi, và kể với nó về chuyện Lạc Long - Âu Cơ, trăm trứng trăm con.

Nó hỏi lại: "Chuyện ấy có thật không?"

"Đã bảo rằng truyền thuyết, thì đừng hỏi thật hay giả. Hỏi thế chẳng khác nào con móc họng ba."

"Móc họng là gì vậy ba?"

"Là kê tủ đứng chận họng không cho người ta nói."

"Nhưng con hỏi để tìm hiểu."

"Tìm hiểu thì phải biết lắng nghe, chứ không phải hỏi có tính cách bắt bí."

Trong gia đình, ông Lâm cảm thấy có điều gì không ổn đối với các con. Chẳng hạn, khi ông nhắc về một xứ sở xa xôi có một nền văn hiến bốn ngàn năm đầy tự hào của ông. Nghe xong, đứa con gái lớn ngồi trầm ngâm. Tưởng nó đã thấm nhuần tư tưởng do ông truyền đạt. Ông đặt câu hỏi để rà lại sự hiểu biết của nó.

"Con nghĩ thế nào?"

"Con nghĩ, Mỹ chỉ có hai trăm năm lập quốc mà tiến bộ văn minh kinh khủng. Còn bốn ngàn năm văn hiến sao èo uột quá."

"So sánh thế là bất công với tổ tiên mình. Nhìn tới nhưng phải biết ngó lui, con ạ!"

Và ông nêu những sự kiện trong quá khứ dân tộc, để con ông ngó lui.

Nó nhận xét: "Cả một pho lịch sử thấm đầy máu và nước mắt."

"Chỉ có thế thôi sao?"

"Thế thôi!"

"Con không thấy tiền nhân của mình rất anh hùng sao?"

Đứa con gái e dè hỏi lại: "Ba cho phép con nói thật không?"

"Nói đi. Thanh thật là đức tính đáng quý."

"Anh hùng nhưng hiếu chiến quá."

"Tổ cha bây! Chưa chi đã phản lại giống nòi. Đạp cứt ngoại lai! Chống lại thằng ăn cướp, đánh đuổi ngoại xâm, là ý chí quật cường mà gọi rằng hiếu chiến à?"

Thấy ông Lâm nổi sùng, đưa con gái không dám mở miệng. Nó đã có kinh nghiệm, khi ba nó trừng mắt lớn tiếng, nó nên cút đi nơi khác.

Cũng vì nguồn gốc dân tộc và bảo tồn văn hoá, đôi khi ông Lâm làm người khác phải ngỡ ngàng. Có lần, ông đến thăm người bạn, gặp lúc nhà đang đông khách.

Con của bạn và các bạn của nó chào ông bằng cách đưa tay vẫy vẫy, miệng nói:"Hi! Hi!"

Ông Lâm khó chịu với kiểu chào có vẻ đồng đẳng này, ông cho thế là trịch thượng. Ông miễn cưỡng chào lại, và hỏi cho có chuyện để hỏi: "Các cháu còn đi học hay đã đi làm?"

Chúng cứ ngớ ra, không hiểu.

Vợ người bạn vội đỡ lời: "Tụi nó không biết tiếng Việt đâu. Tất cả đã ra trường, đã đi làm. Toàn là bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư cả đấy."

Cách giới thiệu của bà, ông Lâm thấy có hàm ý hãnh diện khoe khoang.

Ông nói: "Tụi nó là những con dơi."

"What's koan giơi?" Chúng trố mắt nhìn nhau.

Có đứa thông dịch: "The bats"

"Why? Why?"

Lại cũng kiểu hỏi cộc lốc. Ông Lâm cười cười khỉnh khỉnh: "Con dơi nhập bầy với chim. Chim nói, mày không phải chim, mày có mỏ chuột lông mao, hãy về chơi với chuột. Dơi về nhập bầy với chuột. Chuột nói, mày không phải chuột, mày có cánh biết bay như chim, hãy về chơi với chim. Các cháu cũng thế. Mỹ không nhận mũi tẹt da vàng là người đồng chủng. Quay về với Việt, thì không biết nói tiếng Việt, làm sao hội nhập?

Sau khi nghe thông dịch, chúng kêu lên: "Koan giơi. Koan giơi." Và

nhún vai cười hố hố.

Bà vợ ông chủ nhà hơi ngượng, vì ông Lâm chẳng những đã không tâng bốc vị nể các sĩ các sư, lại còn giở giọng châm biếm mỉa mai một cách kỳ quặc. Ngày ấy trở đi, hai bên ít khi lui tới.

Đối với Sơn Ca, ông đã dặn rồi nhưng một lúc bất chợt nào đó, nó vẫn "why" với ông. Lần này, ông chỉ thoáng nhíu mày.

"Lông mèo vào phổi sẽ bị ho lao."

"Cô giáo của con không dạy như thế."

"Nhưng ngày ba còn nhỏ, bà nội của con đã dạy ba như thế."

Con bé có vẻ suy nghĩ: "Ho lao là do vi trùng. Lông mèo đâu phải vi trùng. Sao bà nội dạy ba kỳ vậy cà?"

"Không kỳ cà gì cả. Hít lông mèo vào mũi, nếu không ho lao thì cũng bị hen suyển."

"Con phải hỏi lại cô giáo."

Sơn Ca coi cô giáo của nó là nhất. Trong gia đình, ông Lâm đã giảm uy tín từ ngày tiểu bang và nhà trường phát động chương trình kêu gọi mọi người bỏ hút thuốc. Cô giáo dạy rằng hút thuốc có hại cho sức khoẻ, và làm ảnh hưởng luôn những người chung quanh. Về nhà, nó năn nĩ ông bỏ hút. Ông hứa, và bỏ được hai ngày. Sau đó, ông hút lại còn dữ hơn khi chưa bỏ. Nó mách với cô giáo về chuyện ông thất hứa. Cô khuyên hãy "kiên trì tranh đấu cho đến thắng lợi sau cùng: bãi bỏ hút thuốc." Ở nhà, con bé có mẹ và chị em nó đồng lòng sát cánh đấu tranh không mệt mỏi. Bên ngoài, nó có cô giáo hậu thuẫn làm đồng minh không bao giờ phản bội. Ông Lâm bị cô lập, đối nội đối ngoại đều thất thế. Nhưng ông hút đã mấy mươi năm rồi, không dễ gì một sớm một chiều, ai lung lay được cái nền tảng vững chắc của nicotine thấm nhuần trong máu, và thói quen phì phà khói thuốc. Cuộc chiến hút và chống hút còn đang dằn co chưa biết ngã ngũ ra sao.

Một hôm con bé đi học về, nhảy cà tưng mừng rỡ: "Ba ơi. Ba ơi. Con được honeroll rồi."

"Được honor roll thì tốt thôi. Con giỏi lắm." Ông Lâm xoa đầu tán dương nó.

"Ba có hứa, nếu con học giỏi thì ba thưởng. Con đã nói trước phần thưởng gì, ba nhớ không?"

"Một con mèo."

"Mai ba dẫn con ra Pet Shop mua mèo đi ba."

"Pet Shop chỉ bán chó con."

"Có cả mèo nữa. Con đã vào coi một lần rồi."

Để lấy lại uy tín, hòng lèo lái các con ông đi vào con đường bảo tồn

văn hoá dân tộc, ông Lâm giữ lời, và đưa Sơn Ca ra tiệm chó mèo. Nó chọn một con mèo con, lông trắng như cục tuyết, cái mũi hồng hồng. Có con mèo, nó không thích chơi với những con "sea monkey", một loại sinh vật có nhiều chân như con rít, nhỏ như con lăn quăn, bơi trong lọ nước. Sơn Ca nuôi "sea monkey" chẳng làm phiền gì ai. Nó đặt lọ nước lên bàn, soi thêm cái kính lúp, và chúi mũi vào ngắm nhìn những con vật li ti bơi qua bơi lại. Thế thôi. Nhưng, nuôi mèo thì phiền. Nhà thuê ở tầng cao, mèo không có nơi phóng uế bên ngoài. Thỉnh thoảng, nghe cái mùi thum thủm chua chua nhức óc, ông Lâm rà mũi đánh hơi khắp các góc kẹt trong nhà, tìm cho ra nơi phát xuất. Chỉ vài thỏi cứt nhỏ bằng ngón tay út, nhưng sức công phá khứu giác thật dữ dội. Nước đái mèo cũng không dễ ngửi. Đó là mùi khai của nước đái trẻ con có pha thêm chút giấm. Nếu không phát hiện sớm, để lâu bốc mùi nồng gắt còn hơn nước đái quỷ. Ông Lâm đề nghị trục xuất con mèo ra khỏi nhà. Đề nghị cũng là một trò chơi dân chủ. Sang tới xứ này rồi, chế độ quân chủ đã lỗi thời, người cha không phải là một ông vua nhỏ có quyền áp đặt mọi thứ trong gia đình. Tất cả đều được hợp bàn để lấy biểu quyết chung, nhưng quyền quyết định tối hậu vẫn là ông. Vì muốn thu phục nhân tâm, nên ít khi ông Lâm dùng quyền phủ quyết. Một buổi tối, cả nhà ngồi lại bàn thảo với nhau. Mười người mười ý. Cuối cùng, đi đến thoả thuận chung. Sơn Ca được tiếp tục nuôi con mèo, nhưng nó phải đảm trách công việc lau nhà. Mục đích chính là lau nước đái và hốt cứt mèo.

Vì Sơn Ca sẽ hỏi lại cô giáo về tác hại của lông mèo, nên ông Lâm điện thoại đến nhà cô giáo trước, kể chuyện Sơn Ca hôn mèo, và nhờ cô nói giúp là lông mèo làm ho lao hoặc hen suyễn.

Cô giáo phản đối: "Tôi không thể nói điều trái khoa học."

"Thế cô cũng tán đồng cho nó hôn mèo?"

"Không phải. Tôi chỉ nói không nên hôn mèo vì vấn đề vệ sinh."

"Nếu đặt vấn đề vệ sinh, thì mèo đâu phải con vật dơ bẩn?"

"Thưa ông, không nên đi quá xa mục đích yêu cầu của ông. Cứ hãy nhìn lên TV, người Mỹ họ ôm ẳm chó mèo trong lòng và hôn hít, đã có sao đâu. Ông không muốn thế, tôi sẽ khuyên Sơn Ca đừng hôn mèo. Đơn giản chỉ có thế.

"Cô cũng nên cho nó biết thêm, rằng chó mèo có thể gây ra dị ứng về đường hô hấp, như một số người dị ứng với phấn hoa thảo mộc."

"Lại nữa! Điều này có lẽ ông phải nhờ một bác sĩ giải thích cho con ông. Tôi là một cô giáo, không có khả năng ôm đồm nhiều thứ."

"Nhưng con tôi nó tin cô."

"Chính vì thế mà tôi không thể nói những gì ngoài lãnh vực hiểu

biết chuyên môn. Đối với trẻ em, một lần nói sai hoặc thất hứa, những lần sau nó không tin nữa."

Sơn Ca đặt tên con mèo là Snowball. Nó réo Snowball cả ngày, nhưng con mèo cứ trơ ra như không phải gọi nó.

Ông Lâm nói: "Nó đã có tên rồi. Nó không thích ai gọi nó là Snowball."

"Tên gì?"

"Meo."

"Ai đặt cho nó vậy?"

"Má nó đặt từ khi mới sinh ra."

"Meo. Tên xấu tệ."

"Nhưng nó thích. Con thử gọi Meo đi."

Sơn Ca giả giọng mèo kêu meo meo. Con mèo liền đến ngay.

"Còn tên của con, ai đặt vậy?"

"Má mày."

"Tại sao đặt Sơn Ca?"

"Ở Việt Nam ngày trước, có cô ca sĩ tên Sơn Ca, hát rất hay. Má con thích giọng hát của cô ấy, và lấy tên cô đặt cho con. Sơn Ca cũng là tên của một loài chim có tiếng hót líu lo vui tai lắm. Con có thích tên của con không?"

"Thích. Nhưng người Mỹ gọi con là Sơn Khê."

"Họ gọi là gì, kệ họ. Con cứ giữ tên con. Ba rất ghét những mũi tẹt da vàng mà gọi là Mai Cô, là Biu, là Bóp, là Hé Lìn, là Xí Nì ..."

"Người Mỹ gọi tên ba thế nào?"

"Lâm nhưng họ phát âm thành Lem."

"Lamb là con cừu nhỏ, hiền lành dễ thương lắm. Nhưng ba dữ quá à!"

Ông Lâm cười, trìu mến ôm đứa con gái nhỏ vào lòng. Ông hi vọng rằng với đứa con này, ông sẽ dạy nó theo ý của ông. Uốn măng từ lúc còn non. Dạy con từ thuở còn thơ... Mấy đứa con lớn, ông coi như sắp vuột ra khỏi tầm tay rồi.

Con Meo Snowball gợi nhớ về một quãng đời cũ, có con Miêu Nữ, con nuôi của Biên Khuỳnh. Trong trại có hai Biên. Để phân biệt, Biên thuộc đội đi rừng kéo gỗ, anh em đặt là Biên Xe Be. Còn Biên tay cán vá của đội Xây Dựng là Biên Khuỳnh.

Miêu Nữ được Biên Khuỳnh đem về nuôi từ ngày còn tấm bé. Trưa, anh nằm nghỉ ngơi trên chiếc võng, Miêu Nữ nằm trên mình anh. Cũng có

lúc, anh đặt Miêu Nữ một mình trên võng, ngồi một bên đưa qua đưa lại như người mẹ dỗ giấc con thơ. Tôm khô, lạp xưởng là loại thực phẩm cao cấp của tù, anh nhịn ăn, dành cho Miêu Nữ. Phải nhìn những lúc Biên Khuỳnh nằm nghiêng trên lán sạp, cầm từng con tôm khô đút cho Miêu Nữ ăn, mới thấy hết cái tình của Biên Khuỳnh đối với Miêu Nữ. Cũng có khi anh vuốt ve Miêu Nữ, mà đôi mắt buồn xa vắng như đang nhìn về một cõi đâu đâu. Anh em trong đội rất cảm thông giờ phút "sầu đứt ruột" ấy của Biên Khuỳnh.

Những năm tù cải tạo ngoài miền Bắc, Biên Khuỳnh không ai thăm nuôi. Lâu lâu, nhận được thư mẹ già, cũng chỉ những lời hỏi thăm và căn dặn yên tâm học tập tốt để sớm về đoàn tụ với gia đình. Nếu không viết như thế, khi qua tay kiểm duyệt, bức thư sẽ đi thẳng vào sọt rác. Đó là những câu phải viết theo "thủ tục hiện hành". Nhưng bà còn phải đáp ứng cho Biên Khuỳnh biết gia đình vợ con ra sao chứ? Không, bức thư không cho anh biết thêm điều gì, ngoài hai câu trích dẫn trong truyện Kiều:

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Xã hội nào mà không có những điều đau đớn lòng. Nhưng điều đau đớn lòng, mẹ anh trông thấy là điều gì? Biên Khuỳnh mù tịt!

Năm 1983, Biên Khuỳnh được chuyển về Long Khánh, ở trại Xuân Lộc. Theo lời cán bộ, đưa đợt tù này về Nam, tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục cải tạo tốt. Nghe tin, mẹ anh từ Nha Trang, đáp tàu đi Long Khánh, lên xe đò đi Xuân Lộc, ngồi xe Lam vào Gia Rai, lội bộ thêm một khoảng đường giữa hai hàng cây so đủa, dẫn tới nhà khách thăm nuôi. Lần đầu tiên sau bao năm đi tù, Biên Khuỳnh được thăm nuôi. Gặp nhau, hai mẹ con đều rớt nước mắt, vì thấy tình trạng sa sút đến thảm hại của người thân. Không biết mẹ già đã nói những gì, Biên Khuỳnh buồn hiu, tịnh khẩu mấy ngày. Dần dần rồi anh em đội Xây Dựng cũng hiểu ra nỗi niềm của anh. Người đàn bà hết dạ yêu anh một thuở, tưởng "sông có cạn, núi có mòn, tình vẫn không thay đổi", đã đành đoạn cuốn gói đi theo người khác. Mà người khác lại đang thời hãnh tiến, thuộc phía đối nghịch cùng anh. Hai đứa con anh như cụm lục bình trôi theo mẹ, bềnh bồng vất vưởng, bữa đói bữa no. *"Trải qua một cuộc bể dâu. Những điều trông thấy mà đau đớn lòng"*, mẹ Biên Khùynh viết trong thư là thế.

Trong trại, không chỉ Biên Khuỳnh bị vợ bỏ. Nhiều người cũng ở vào trường hợp tương tự như anh, nhưng mỗi người hành sử mỗi khác. ở tù là một bất hạnh. Gia đình vợ con tan nát là thêm một bất hạnh nữa. Nỗi đau khổ chồng chất quá lớn đã xô con người vào đường cùng. Có người cắt động mạch, hoặc thắt cổ tự vận. Có người lao đầu vào lò lửa đang

cháy rực, tự nướng mình. Có người nhảy vô chảo nước sôi, tự luộc mình. Anh em bằng hữu sợ một lúc quẩn trí nào đó, Biên Khuỳnh liều mạng. Nhưng anh không làm thế.

Anh nói: "Đàn bà trắc nết mê trai, bạc tình là chuyện thường. Chỉ tội cho con cái khổ lụy vì người mẹ tội lỗi."

Để khuây khoả nỗi buồn, Biên Khuỳnh xin một con mèo nhỏ đem về nuôi. Ngoài những giờ đi lao động, anh và mèo quấn quít bên nhau. Tình thương hai đứa con trôi giạt, anh phả hết vào con mèo. Anh em đội Xây Dựng đặt tên cho mèo là Miêu Nữ, con nuôi của Biên Khuỳnh.

Miêu Nữ dễ thương hết sức. Hai tròng mắt xanh lục màu ve chai. Bộ lông trắng mịn, vá thêm mảng lông màu vàng nhạt, như một thiếu nữ quàng tấm khăn san trên cổ. Nó bước đi nhẹ nhàng, ăn uống nhỏ nhẻ. Lật ngửa nó ra, lấy ngón tay cù vào nách. Nó uốn éo thân hình, quơ bốn chân bấu lấy bàn tay, kề miệng ngoạm nhẹ ngón tay rồi nhả ra ngay. Khi đùa, Miêu Nữ không bao giờ cắn mạnh, và cũng không vươn móng vuốt. Biên Khuỳnh bày trò chơi, cột miếng vải vào một đầu sợi dây, nhữ cho Miêu Nữ nhào tới chụp. Anh liền kéo miếng vải đi nơi khác, và Miêu Nữ chụp hụt. Anh nói, để tập cho nó lanh lẹ khi bắt chuột. Anh lại cầm sợi dây, thòng miếng vải xuống giật giật như câu ếch, Miêu Nữ phóng lên chụp. Đôi lúc phóng quá đà, Miêu Nữ té ngửa. Anh nói, để tập cho nó nhảy cao.

Thời gian rồi cũng làm cho nỗi đau buồn của Biên Khuỳnh nguôi ngoai dần, vết thương thành sẹo. Miêu nữ lớn lên trong tình thương của anh. Đến kỳ Miêu Nữ "biết yêu", anh em đội Xây Dựng có rất nhiều đề tài để nói.

Ở tù không biết ngày nào ra, hơi đâu mà buồn hoài. Yếu tố tinh thần rất quan trọng. Nếu cảm thấy ngột ngạt là nhà tù, thoải mái là nhà mình. Có khi mình đóng cửa nằm nhà cả ngày, đã có sao đâu. Nhưng nếu ở trong phòng giam, mình cảm thấy khó chịu. Tất cả đều do cảm ứng tinh thần mà ra. Hãy bỏ qua hết mọi thứ phiền não để mà sống, và cũng đừng tự hỏi sống như thế có ý nghĩa gì không. ở tù, hãy lo mạng sống trước, còn sống thế nào cho ý nghĩa, dành cho những người đang được tự do. Cứ coi như đây là nhà của mình, thì thời gian năm năm, mười năm sẽ qua vèo như giấc ngủ trưa. Chàng Moritz trong "Giờ Thứ Hai Mươi Lăm" sống qua được hai mươi năm trong tù, nhờ cái đầu anh ta ít suy nghĩ. Triết gia Tristan tự tử sau một thời gian ngắn bị giam cầm, chính vì cái đầu nhiều khúc mắc của anh đã hại anh. Có người lý luận như thế, đù chỉ để an ủi mình. Nhưng nhiều đêm nằm trăn trở trên sạp gỗ, bị lũ rệp tấn công không ngủ được, nghĩ lại cái triết lý sống trong tù ấy, không phải là không đúng. Và Miêu Nữ là một yếu tố quan trọng làm anh em đội Xây Dựng quên thời

gian dài khủng khiếp của trại tù.

Thời kỳ cơ thể Miêu Nữ bắt đầu rạo rực. Một dấu mốc quan trọng đầu đời. Nhiều anh ý kiến, phải tuyển cho Miêu Nữ một tấm chồng thật xứng đôi vừa lứa. Già hết xí quách, không được! Đen đủi xấu xí, không được! ốm o gầy mòn hoặc mập phệ, cũng không được! Tiêu chuẩn làm mẫu được đưa ra: mạnh khoẻ, trẻ trung, và nhất là bộ áo lông khoác bên ngoài phải đẹp là yếu tố hàng đầu. Con đực xấu hình sẽ di truyền một đàn con xấu mã.

Cả trại chỉ có Miêu Nữ là con mèo duy nhất, nhưng khi tới tuổi động tình, không biết loài vật thông tin với nhau bằng cách nào, liền có ngay một chàng mèo mướp xa lạ, từ đâu đến ve vãn làm quen.

Một anh ra vẻ hiểu biết: "Loài vật rượn đực có mùa. Trong thời kỳ rượn đực, âm hộ của con cái nở lớn và tiết ra một mùi rất đặc biệt. Đó là dấu hiệu báo cho con đực."

"Nhưng con Miêu Nữ nhà mình, âm hộ vẫn nhỏ xíu."

"Nhỏ là vì nó còn trinh, cái hoa của nó đã ửng đỏ lên rồi đấy."

"Còn cái mùi, có ai ngửi được mùi gì đặc biệt không?"

"Chỉ con vật nó đánh hơi được mùi của nhau thôi. Con người làm sao ngửi được mùi của con vật?"

Có anh lái vấn đề sang hướng khác: "Thế, đàn bà khi động tình, âm hộ có tiết ra mùi gì không?"

Nhiều tiếng cười hô hố sau câu hỏi.

"Đàn bà, bốn mùa thời tiết nắng mưa, bất kể ngày đêm sáng tối, lúc nào cũng có thể làm tình được. Cần chi phải tiết ra mùi này mùi nọ!"

Biên Khuỳnh lên tiếng: "Tôi xin các ông. Đừng nhắc đến cái loài động vật xương sống thẳng đứng, nhưng không có tình cảm ấy nữa."

"Loài gì xương sống thẳng đứng, không tình cảm nhỉ?"

"Anh ta ám chỉ đàn bà đấy. Cay cú con vợ nhà phản trắc, rồi ghét lây những người đàn bà khác. Thế là bất công!"

"Thôi, bấy nhiêu đủ rồi. Đừng xé vết thương rách ra thêm."

Sau lời can thiệp, mọi người trở lại đề tài mèo.

"Các anh đồng ý chọn chàng Mướp cho Miêu Nữ không?"

"Mướp là ứng phu duy nhất, không chọn nó thì chọn ai?"

Thế là chàng Mướp đương nhiên trúng tuyển. Nhiều người nói, mèo chỉ giao hợp ban đêm, chưa ai thấy được cái pha cụp lạc ấy bao giờ. Và kế hoạch chương trình được đề ra cho cái đêm động phòng của Miêu Nữ, làm sao để mọi người có thể quan sát rõ ràng.

"Đừng tránh né sự thật. Cứ nói thẳng là thị dâm đi."

Buổi tối, trong phòng giam, Miêu Nữ bị cột dưới sàn bằng sợi dây

dài. Mục đích dụ chàng Mướp vào phòng. Miêu Nữ kêu meo meo, có vẻ xốn xang. Mướp lượn vòng bên ngoài, cũng kêu meo meo. Kêu hoài không thấy tình nhân, Mướp chồm lên cửa sổ nhìn vào. Cuối cùng, do tiếng gọi tình yêu thôi thúc, chàng phóng qua cửa sổ, vào với nàng.

Mọi người tránh gây tiếng động, sợ làm Mướp mất bình tỉnh. Một số nằm trên sạp, thòng đầu nhìn xuống sàn. Một số lót tấm nylon, nằm dưới đất nhìn cho rõ.

Lúc đầu, Mướp ta chưa dám xáp gần. Chàng lượn quanh Miêu Nữ, nhìn tới nhìn lui, quan sát động tịnh. Mướp lượn tới đâu, Miêu Nữ quay nhìn theo đó, chứng tỏ nàng đang thèm muốn lắm. Thấy tình hình có vẻ khả quan, Mướp khép vòng lượn, xáp lại gần, cọ mình vào Miêu Nữ. Nàng ngước đầu, vươn cổ đợi chờ. Chàng âu yếm vuốt ve cần cổ êm mướt như nhung của nàng bằng cái đầu của mình. Miêu Nữ đê mê làm cái đuôi xù lông, dựng đứng lên. Mướp tưởng đã có thể tiến thêm một bước nữa, bèn đặt chân trước lên lưng Miêu Nữ, đè xuống, định leo lên. Bất ngờ nàng kêu "méo", và cào vào mặt chàng. Mướp giật mình phóng ra xa.

Có người la lên: "Gái còn trinh mà bị tấn công sỗ sàng quá, nó mắc cỡ. Phải từ từ!"

"Mắc cỡ mẹ gì! Nàng muốn treo giá ngọc đấy. *Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người.*"

"Suỵt! Suỵt! Làm ơn câm bớt mấy cái mồm giùm tôi đi!"

Sau một phút ngỡ ngàng, Mướp lấy lại bình tĩnh, đến gần ve vãn nữa, làm lại cái màn mơn trớn từ đầu. Vài lần như thế, và lần nào khi tới giai đoạn leo lên, Mướp cũng bị Miêu Nữ cào cho rách mặt. Trên tình trường, có lẽ Mướp đã từng nhiều lần xông trận, cho nên có thừa bản lảnh và kinh nghiệm. Gặp trường hợp quá khó, phải dùng biệp pháp mạnh: cưỡng dâm. Mướp cắn cổ, đè Miêu Nữ xuống. Nàng la lớn, vùng vẫy dữ dội. Kẻ bạo dâm chưa làm ăn gì được, đã bị nàng cào cấn tơi bời. Chàng nhảy ra, đứng trơ tráo nhìn nàng và thở. Nàng gồng mình, xù lông, nhe nanh trong tư thế sẵn sàng xé xác con quỷ râu xanh.

"Ha, ha, ha. Miêu Nữ nhà mình gìn giữ tiết trinh quyết liệt hơn Kiều Nữ của Nguyễn Du."

Biết gặp phải chằn tinh nữ quái, chàng thất vọng quay mình phóng qua cửa sổ, ra ngoài.

Mất dịp thị dâm, có anh chưởi thề: "Đù mạ, ép duyên cũng không xong."

"Thế mới biết, trên dời này làm gì có cảnh hiếp dâm. Nếu nó không chịu, cứ giãy giụa hoài, đố thằng nào đút vô cho lọt!" Một anh nói như vừa phát giác ra chân lý.

Mọi người đi ngủ để lấy sức ngày mai lao động. Biên Khuỳnh tháo dây, thả Miêu Nữ.

Không biết Miêu Nữ lẻn ra hồi nào. Giữa khuya, nghe tiếng mèo tru tréo kêu la đau đớn, ngoài hàng rào trại.

Vài anh choàng dậy.

"Xong rồi! Miêu Nữ đã bị phá trinh."

" Mất trinh làm gì mà la dữ dội thế. Đúng là con Miêu Nữ nhà mình bị bệnh khổ dâm."

Nhớ lại thời kỳ Miêu Nữ động đực, ông Lâm cất tiếng gọi: "Sơn Ca ơi, con nuôi Meo Snowball được bao lâu?"

"Con không nhớ rõ. Có lẽ cũng năm hay bảy tháng rồi."

"Con đem nó ra đây cho ba coi."

"Ba cũng thích Meo Snowball của con hả?"

Sơn ca ẳm con mèo đặt vào lòng ông Lâm. Ông nâng nó lên, giở cái đuôi, nhìn vào đít.

"Ba nhìn gì kỳ vậy?" Con bé hỏi.

Ông trả lời tránh né: "Nó ỉa không chùi đít. Ba coi có sạch không."

"Cứt mèo khô queo, không dính đít đâu. Ba đừng lo."

Ông Lâm không phân biệt được cái âm hộ nở lớn, ửng đỏ, có mùi của mèo cái động đực và bình thường ra sao. Nhưng ông tính đã đến kỳ rạo rực của con Meo Snowball.

"Từ nay, ban đêm con thả nó ra hành lang. Đừng giữ nó ở trong phòng."

"Tại sao?"

"Lại nữa, hết "why" rồi tới "tại sao". Lúc nào con cũng hỏi, cũng thắc mắc."

"Cô giáo dạy muốn hiểu biết rõ ràng thì phải hỏi."

"Này nhé, con có bạn để nói chuyện cho vui, thì Meo Snowball cũng cần phải có bạn chứ?"

"Con là bạn của nó."

"Nhưng nó cũng cần thêm vài đứa bạn đồng loại."

"OK."

"Hãy nói "vâng", đừng "OK." với ba."

Con bé cười, vâng dạ.

Miêu Nữ có mang. Chàng Mướp quất ngựa truy phong biến dạng. Trên cõi đời nhiều gian trá này, tên Sở Khanh nào cũng giống nhau. Nói năng đường mật. Chìu chuộng vuốt ve. Thề thốt đủ điều. Không có em,

anh sống không còn ý nghĩa, cho nên anh có thủ sẵn một chai thuốc rầy. Nếu em lắc đầu từ chối, thì anh sẽ nốc cạn chai thuốc này, tự tử trước mặt em. Nàng sợ gây án mạng, xiêu lòng để cho chàng tháo sợi dây lưng quần. Thế là xong! Nhưng khi nàng bắt đầu đặt vấn đề trách nhiệm, là lúc chàng tìm đường tháo lui. Chàng Mướp thuộc loại cao thủ trong các cao thủ Sở Khanh. Cặp bồ với Miêu Nữ một thời gian rất ngắn, Mướp trốn đi không lời từ giả, để lại cho Miêu Nữ một bầu tâm sự.

Biên Khuỳnh trách nhiệm săn sóc "bà bầu", theo dõi thai nhi. Anh em đội Xây Dựng tiếp tay trong vấn đề thực phẩm, có được món ngon cũng chia phần cho Miêu Nữ bồi dưỡng.

Một hôm, Biên Khuỳnh kêu lên: "Tôi nghe nó máy rồi!"

Anh em bu lại, người nào cũng muốn thăm thai Miêu Nữ. Đặt bàn tay lên cái bụng bầu, vuốt nhẹ, để yên, nghe ngóng.

"A ha... Nó chòi cộm cả tay tôi."

"Nó đạp dữ quá!"

"Ấy! Đừng bóp mạnh, coi chừng sẩy thai."

"Tôi nghe lúc nhúc cả một bụng. Lứa này dễ chừng cũng được mười con."

"Làm gì có. Mèo chứ đâu phải heo mà đẻ nhiều thế."

"Anh nghĩ bao nhiêu?"

"Từ ba đến năm là cùng."

"Theo kinh nghiệm, tôi biết mèo cũng như cọp, chỉ đẻ tối đa hai con."

"Bố khỉ! Chả có thằng nào kinh nghiệm hết. Chỉ nói phét!"

"Xin can các ngài. Miêu Nữ mang thai mệt mỏi, nó cần nghỉ ngơi. Các ngài cứ rờ mò, nắn bóp hoài. Sẩy thai mất!"

Đội Xây Dựng trông chờ ngày Miêu Nữ lâm bồn. Chưa chi mà nhiều anh đã đặt cọc trước. Anh nào cũng muốn có một con mèo để nuôi.

Biên Khuỳnh kiếm đâu được cái thùng carton, bỏ vào đấy một manh bố, vài miếng giẻ rách, lót ổ cho Miêu Nữ nằm cử. Và ngày ấy thật vô cùng đặc biệt. Miêu Nữ nằm trong thùng kêu meo meo, bức rức không yên. Biên Khuỳnh ngồi một bên, thỉnh thoảng đưa tay vuốt đầu Miêu Nữ để an ủi. Nhiều người đứng chung quanh, hai tay chống đầu gối, chổng khu nhìn vào. Đây mới là giờ phút "đàn bà đi biển một mình". Miêu Nữ rướn mình. Rặn. Một cái đầu bé tí thò ra. Lại thụt vào. Rặn nữa. Lại thò ra. Rồi nguyên cái đầu lòi ra luôn, tới cổ bị mắc kẹt, khựng lại. Miêu Nữ hết hơi, ngưng rặn, thở lấy sức.

"Phải giúp Miêu Nữ, lôi hài nhi ra." Một bàn tay thò vào.

Biên Khuỳnh cầm chiếc đủa gõ mạnh bàn tay: "Đừng! Để tự nó đẻ."

Có anh sớn sát kêu lên kinh ngạc: "Sao nó đẻ bằng lỗ đít nhỉ?"

"Điên! Chỉ có chị của ông đẻ bằng lỗ đít. Chứ mèo phải đẻ bằng âm hộ."

Hiệp thứ hai. Miêu Nữ lấy hết sức. Rặn nữa. Phọt ra nguyên một sinh vật bằng ngón chân cái, động đậy trong cái bọc nhờn đục. Nhiều người thở phào. Hình như trong lúc Miêu Nữ rặn, nhiều người cũng rặn theo.

Có tiếng reo: "Mèo đẻ bọc điều. Con này đúng là quý tử."

"Con nào mới ra cũng nằm trong bọc như nhau. Chả có gì lạ."

Miêu Nữ quay lại liếm sạch cái bọc nhờn. Sinh vật hiện nguyên hình, hai mí mắt còn dính liền không mở được. Nếu không tận mắt nhìn thấy mèo đẻ, chưa chắc ai đã đoán được sinh vật đang ngo ngoe này là một con mèo con.

Miêu Nữ đẻ chưa xong. Tiếng kẻng từ ngoài cổng vang lên, báo hiệu giờ xuất trại lao động buổi chiều. Mọi người dãn ra, chuẩn bị đi làm. Mấy lần Biên Khuỳnh rời thùng carton, nhưng Miêu Nữ chồm lên, kêu meo meo réo gọi. Anh quay lại, ngồi kế bên. Miêu Nữ lại nằm xuống, chuẩn bị đẻ tiếp. Miêu Nữ cần sự có mặt của Biên Khuỳnh, và anh cũng không nỡ rời xa con vật trong cơn đau đẻ. Lần đầu tiên, anh em đội Xây Dựng thấy được chân tình thiết tha gắn bó giữa người và vật, ai cũng cảm động. Anh em đề nghị Biên Khuỳnh khai bệnh nghỉ lao động, ở lại lán để đỡ đẻ và săn sóc cho Miêu Nữ.

Trước khi rời trại, có anh dặn: "Nhớ giữ cái nhau mèo. Quý lắm đấy."

"Giữ lại làm gì? Các ông định ăn sao? Nghe nói, ăn nhau người để tẩm bổ hay trị bệnh gì đó, nhưng phải là nhau của đàn bà con so mới tốt. Còn nhau mèo, chưa nghe nói có ai ăn. Các ông định tẩm bổ hay trị bệnh?"

"Không phải ăn. Ai làm chủ cái nhau mèo, sẽ gặp nhiều điều hên."

"Nhảm! Thế mà cũng có người tin được."

"Không tin thì để cho người khác tin. Việc gì phải phê bình chỉ trích?"

Một anh lên giọng dạy đời: "Trong cơn tuyệt vọng, đôi khi niềm tin là chiếc phao cứu mạng. Trên đường đời, lấy niềm tin để xoa dịu những bất trắc đớn đau, làm hành trang đi tới. Kẻ nào không có niềm tin, thấy tương lai chỉ là một hố huyệt bi thảm sau cùng."

"Ha, ha, ha... Từ một cái nhau mèo, sinh ra lắm câu triết lý cải lương!"

Suốt khoảng đường từ trại đến hiện trường lao động, cái nhau mèo và niềm tin là đề tài bàn luận của anh em đội Xây Dựng.

Miêu Nữ sinh tư. Một thằng Cu, lông mướp giống bố như in. Ba cái

Bướm, lông trắng vá vàng như mẹ. Miêu Nữ đúng là mẹ đảm, vừa lo bắt chuột nuôi mình, vừa cho con bú mớm chu đáo. Bầy con lớn nhanh như thổi. Sau một thời gian ngắn, thằng Cu Mướp vượt trội và bộc lộ cái tính hung hăng giành giật. Khổng Tử viết: "Nhân chi sơ tính bổn thiện", e rằng không đúng với trường hợp Cu Mướp. Mỗi lần bú, nó đạp con này, hất con kia. Và khi cái vú nó đang bú hết sữa, nó sẵn sàng dùng đầu ủi văng những con khác để chiếm lấy cái vú nào còn mọng sữa. Nhìn bản chất mà đặt tên, anh em đội Xây Dựng đặt cho nó cái tên rất ư là phá hoại xã hội: Thằng Ăn Cướp.

Ban ngày là thời gian Miêu Nữ cho con bú và nghỉ ngơi. Đêm, nó ra ngoài, lẫn vào bóng tối, dầm trong sương đêm, rình rập săn mồi, tha chuột về cho con. Chuột lớn, nó xé ra từng mảnh cho con dễ ăn. Chuột nhỏ, nó không cắn chết, chỉ làm con vật mất đi sự lanh lẹ, để con nó tập vờn, chụp, bắt cho quen việc săn mồi. Lần nào, Thằng Ăn Cướp cũng giành lấy để tập, và ăn một mình. Anh em đội Xây Dựng thường gõ đầu, dạy cho nó biết thế nào là luật công bằng. Nhưng Thằng Ăn Cướp vẫn tính nào tật ấy, không thay đổi.

Chăm chỉ nuôi con được ba tháng, Miêu Nữ bắt đầu ruồng rẫy đàn con. Nó lại động đực và đi tìm tình nhân mới. Khi nó nằm, đứa con nào còn quyến luyến mẹ, mon men tới gần cọ dựa, bị nó vả vào mặt, nhe nanh làm dữ, rồi đứng dậy lạnh lùng bỏ đi.

Dù biết đấy là bản năng thiên tính của loài vật, nhưng có anh cũng mượn cớ chửi xéo: "Đồ hư đốn mê trai, nhẫn tâm dứt tình mẫu tử."

Anh khác thêm vào: "Thế cũng còn khá. Miêu Nữ nhà mình nuôi dạy con cho đến ngày biết tự lập. Nhiều bà vừa đẻ con ra, liền thả trôi sông, hoặc bóp mũi ném vào thùng rác, như ném một món nợ đời. Hạng ấy, còn thua xa Miêu Nữ."

Biên Khuỳnh bực dọc: "Tại sao, chuyện gì các anh cũng bắt quàng sang loài động vật có xương sống thẳng đứng?"

"Đừng cay cú bạn ạ! Trong đội Xây Dựng, bạn không phải là người duy nhất bị vợ bỏ. Và nếu tính cả trại, khối thằng khác còn đau hơn bạn nữa. Hãy chịu khó động não một chút đi. ở tù, có vợ hay không, đều như nhau cả. Mai kia được thả ra ngoài. Thằng nào còn vợ, thì cứ thế mà tiếp tục cuộc chơi. Thằng nào mất vợ, thì bỏ thời gian đi quơ quào đâu đó, cũng kiếm được một con đàn bà điền vào khoảng trống. Trên quả đất lúc nhúc đầy người ta này, không thiếu giống cái."

"Nói nghe dễ! Người chứ đâu phải vật mà bạ đâu xâu đó."

"Hừm! Cứ suy tận cùng bằng số, mọi sự gán ghép giữa nam và nữ, đều vì cái ấy của nhau thôi!"

Một anh lên giọng mô phạm, phê bình: "Đúng là lý luận của bọn háo dâm, tôn thờ dục lạc!"

*

Một ngày, Biên Khuỳnh cùng nhiều người khác, được lệnh tha khỏi trại cải tạo. Trong thời gian chờ làm thủ tục phóng thích tù nhân, Biên Khuỳnh đan một cái lồng trúc, dự định sẽ đem Miêu Nữ về cùng anh. Bằng hữu nói, trong giới xe đò thường tin dị đoan, không chịu chở mèo, sợ bị điềm xui gây ra tai nạn dọc đường. Và khuyên anh nên để Miêu Nữ lại cho đội Xây Dựng nuôi, để chuyến đi về của anh khỏi gặp trắc trở.

Cuộc chia tay nào cũng buồn. Nhưng cuộc chia tay giữa Biên Khuỳnh và Miêu Nữ, có pha thêm nước mắt. Anh ôm Miêu Nữ: "Con ơi, bố không muốn bỏ con, nhưng bố con mình đành phải xa nhau thôi. Một phần máu thịt của con, không biết có hên hay không, nhưng bố giữ nó và luôn mang theo mình như một kỷ vật."

Biên Khuỳnh móc trong đãy nhỏ bằng vải, một cái nhau mèo đã phơi khô, đưa cho Miêu Nữ ngửi như chứng minh lời nói của mình, rồi cẩn thận cất vào trong đãy. Anh bắt tay anh em đội Xây Dựng. Ôm Miêu Nữ lần chót, hai mắt anh đỏ hoe, và cúi mặt xuống sát Miêu Nữ như hôn từ biệt. Mang túi xách lên vai, anh đi thẳng ra cổng trại, không dám quay đầu nhìn lại.

Miêu Nữ không biết đó là lần chia tay cuối cùng với bố nuôi của nó. Nhưng đến tối, nơi chỗ nằm hằng đêm, không thấy Biên Khuỳnh, nó kêu meo meo, và quanh quẩn đi tìm đến tội nghiệp. Những ngày sau, nó vẫn còn thơ thẩn đi tìm. Gặp ai nó cũng ngước lên, kêu meo meo, như hỏi: "Bố tôi đâu rồi?"

Sau đợt thả tù, các trại thưa người. Ban chỉ huy dồn tù nhân lại để dễ bề quản lý. Trại cũ bỏ trống. Anh em đội Xây Dựng đem Miêu Nữ và đám con của nó theo. Nhưng chỉ một đêm, Miêu Nữ bỏ đi đâu mất. Mãi sau này, có người ngang qua trại cũ, ghé vào tìm vài thứ vật dụng còn sót, thấy Miêu Nữ đã về lại nơi đây, lảng vảng nơi chỗ nằm có hơi hướm bố nuôi của nó. Lán trại chỉ còn những đồ đạc phế thải vất ngổn ngang. Và trên sạp gỗ, vẫn còn cái thùng carton lật nghiêng với manh bố rách. Thời gian phủ lên mọi vật một lớp bụi mờ mờ. Biên Khuỳnh đã đi rồi, Miêu Nữ ở với ai?

Dòng đời trôi,
Biên Khuỳnh về đâu?
Miêu Nữ bây giờ ra sao,
giữa những điêu tàn hoang phế?

Giòng sông chảy ngược
THÁI TÚ HẠP

Tặng Luân Hoán - Thành Tôn

Em Tiên Phước - hồn nhiên trăng
Giòng sông chảy ngược băn khoăn cội nguồn
Ta về phố nhớ nhung thương
Đá soi con nước lạnh trường giang hoa
Chiều thơm ý tưởng thục thà
Núi quanh quẩn bọc hồn ta suốt đời
Dặm trăng Tiên Phước thảnh thơi
Giòng sông trầm mặc bóng trời quạnh hiu
Gọi thương em đến vạn chiều
Giòng sông chảy ngược sầu phiêu bạt ngàn
Mây trời viễn xứ lang thang
Lòng ta thăm thẳm Hiên Giằng Trà Mi
Lúa thơm con gái dậy thì
Quế cay mật ngọt mấy khi xa rừng
Dễ chi quên được trầm hương
Hồng Đào chua nhạt một phương ân tình

"Ông đang nói gì thế? Vợ ông Lâm hỏi.

Ông giật mình: "Không! Chẳng nói gì."

Bà nói với các con: "Má thấy nhiều khi ba của tụi bây ngồi lặng hàng giờ, thỉnh thoảng cười vu vơ, hoặc lẩm nhẩm một mình. Đó là dấu hiệu của tuổi già, lẫn rồi đấy."

Đứa con gái lớn: "Con nghe nói những người bị tù cải tạo ở Việt Nam, tinh thần bị khủng hoảng, tâm trí mất bình thường. Hay là con đưa ba đến bác sĩ tâm thần, khám thử xem sao?"

Ông Lâm cười lớn: "Chỉ có mẹ con tụi bây điên thôi. Con có bao giờ nghe nói, tuổi trẻ nhìn tới tương lai, người già nhìn về quá khứ?"

Mấy đứa con vỗ tay: "A... Ba của tụi mình đang nhìn về cái thời còn làm quan, mang hia đội mão!"❐

Đám tang của người khách hàng

Trần Thu Miên

Tặng Nhất Chi Vũ

Liêm ghé qua tiệm tạp hóa sáng sớm để nhận chồng nhật báo. Người giao hàng cũng vừa đến. Cơn bão tuyết đêm qua làm khu phố hầu như tê liệt, đông cứng. Từ ngày làm chủ cửa tiệm này, cũng hơn năm năm rồi, chàng chưa bao giờ đóng cửa sáng Chủ Nhật, ngày lễ lớn, hay cả khi trời giông bão. Hôm nay thì khác. Chàng treo bảng đóng cửa rồi viết thêm hàng chữ, "Sẽ mở cửa lại khoảng một giờ chiều."

Chàng vừa định rời tiệm thì đã có ba người khách quen thuộc xuất hiện. Họ đọc bảng đóng cửa và nhìn chàng ngạc nhiên. Ba vị khách này là những người già sống trong chung cư dành riêng cho người hưu trí. Họ luôn luôn là những người khách đến cửa tiệm chàng vào đúng giờ mở cửa mỗi sáng chủ nhật, trừ khi đau yếu, hay đi xa. Họ là những người già cô đơn. Đối với họ, cửa tiệm tạp hóa của Liêm đã trở thành nơi giải trí, chỗ giết thời giờ, hay tán gẫu cho qua ngày. Liêm bao giờ cũng niềm nở đón tiếp từng người, dù có khi họ lại chơi, đứng chật tiệm mà chả mua thứ gì. Đôi khi chàng còn phải đãi họ nước và bánh ngọt.

Thấy chàng sửa soạn rời tiệm, bà Rose nhìn bà Mary và ông Anthony với đầy vẻ thắc mắc trên mặt.

"Liêm, cháu có chuyện gì mà đóng cửa tiệm sáng nay vậy?"

Chàng chưa kịp trả lời thì bà Mary đã chen vào.

"Nhà cháu có chuyện bận, hay vợ cháu bị bệnh?"

"Cháu phải đi dự đám tang."

"Ồ! đám của ai vậy? Có liên hệ gì với cháu không?" Ông Anthony hỏi vội.

"Cháu đi dự đám tang ông Andrew Wu."

"Cái gì? Ông Wu ở phòng số 613, lầu 6 chung cư số 13 trên đường

Cross phải không?" Bà Rose hỏi với vẻ sửng sốt.

"Chính là ông ấy."

"Chết bao giờ vậy?" Ông Anthony nhíu mắt hỏi.

"Thứ năm vừa rồi."

Chàng phải xin lỗi ba vị khách để đi đến nhà quàng, cách cửa tiệm khoảng một giờ lái xe. Hôm nay nhiều tuyết, đường lại đóng băng nên không lái xe nhanh được. Khi chàng bỏ đi thì bà Mary đưa tay làm dấu thánh giá rồi lẩm bẩm đọc kinh.

Trên đường đến nhà quàng, lòng chàng bâng khuâng khó tả. Những cụm tuyết trắng rớt vào cửa kính xe để bị cánh gạt nước làm tan ngay tức khắc. Chàng chợt nghĩ về ý nghĩa cuộc đời và sự sống. Tất cả đều là tạm bợ. Tất cả đều hiện diện rồi tan biến, xa khuất. Cũng như ông Wu, người chàng mới chào đón thăm hỏi tuần trước bây giờ đã biền biệt cách xa, vĩnh viễn lặng câm. Khoảng cách giữa sự sống và sự chết dường như không có. Nhưng liên hệ giữa người sống và người chết rất lạnh lùng, tàn nhẫn. Nụ cười, giọng nói, và ánh mắt người chết vĩnh viễn lặng câm, rữa tan theo thân xác bốc mùi tanh hôi. Liêm nghĩ thầm trong đầu, "Nếu mình chết ngay lúc này thì sao? Vợ con, gia đình, bạn bè, mộng ước, cửa tiệm sẽ chẳng còn là gì cả! "

Tự nhiên chàng thấy yêu cuộc đời. Điều chàng biết rất rõ trong lúc này là sự sống; còn sự chết nếu có xảy ra chàng cũng không cảm nghiệm hay diễn tả được. Chàng nghĩ miên man về những liên hệ tình cảm trong đời sống. Không biết mình đối xử với vợ con bằng nhân ái khoan dung hay ích kỷ hẹp hòi? Nhiều khi bận rộn quá chàng quên hẳn những người thân ở ngay bên mình. Chàng lầm rằng ý nghĩa cuộc đời chỉ tìm thấy được ở sự thành công trong việc làm hay giao tế ngoài xã hội. Tin ông Wu qua đời làm chàng bừng tỉnh. Liêm chợt nhận thức rằng giá trị thực của cuộc đời này được thể hiện qua những liên hệ và ràng buộc tình cảm. Tiền tài danh vọng chả là gì nếu đời sống không có tình yêu và những liên hệ gia đình, bè bạn.

Ông Wu và Liêm có mối thân tình hiếm có. Ngày chàng khai trương tiệm tạp hoá, ông Wu là người đầu tiên đến mua hàng. Chàng còn nhớ rõ, hôm đó là buổi sáng thứ Tư, đầu mùa Thu, ông Wu ăn mặc chỉnh tề, tay ôm bó hồng tươi thắm, bước vào kệ hàng bánh kẹo, ông chọn một hộp chocolate loại mắc tiền, đưa chàng tờ hai chục, mỉm cười rồi bước ra không nhận tiền thối lại. Lần sau ông đến, chàng đưa ông số tiền còn dư, ông cũng chỉ mỉm cười, lắc đầu không nhận. Rồi cứ thứ Tư ông ghé tiệm, cũng bó hồng tươi thắm, cũng mua một loại kẹo chocolate và cũng đưa chàng tờ hai chục, rồi mỉm cười bỏ đi. Việc làm của ông đều đặn, trang

nghiêm như một tín đồ Công Giáo ngoan đạo, đi lễ Chủ Nhật hàng tuần. Chàng không hề thắc mắc, chỉ niềm nở đón chào mỗi lần ông ghé tiệm.

Có lẽ mối thân tình giữa chàng và ông Wu nẩy nở vì trong khu phố của người da trắng gốc Ý, những người da màu như chàng và ông Wu tự nhiên nổi bật như những vật thừa thãi để không đúng chỗ. Ông Wu dọn vào trong khu phố này vì lý do riêng tư, vì ông muốn tránh xa cộng đồng người Tàu. Còn chàng vào đây làm việc vì kế sinh nhai. Mỗi lần ông Wu vào tiệm, chàng cảm thấy vui vui. Ông Wu cũng muốn ghé lại tiệm chàng thường xuyên để trốn sự cô đơn và cuộc sống cô độc của kẻ tha hương cầu thực vào những ngày cuối cuộc đời bôn ba mệt mỏi. Từ ngày ông Wu và chàng quen thân nhau, thỉnh thoảng vợ chồng Liêm cũng ghé thăm ông. Những lần biết tin ông bị cảm cúm, hay đau bệnh không ra khỏi nhà được, Liêm thường dặn vợ nấu cháo bưng lại cho ông. Nhiều người mới dọn vào khu phố, tưởng chàng là con hay cháu của ông.

Một buổi trưa vắng khách, ông Wu ghé lại tiệm, bưng cho chàng tô mì hoành thánh do chính tay ông nấu. Rồi ông đứng kể chuyện đời cho chàng nghe. Ông Wu là tay giang hồ khắp năm châu bốn bể. Ông tên thật là Wu Kế An, sinh trưởng ở Shanghai, Trung Hoa. Khi gia nhậyp quân đội Mỹ ông đổi tên là Andrew Wu cho dễ gọi. Cha mẹ chết sớm, được làm con nuôi một thuyền trưởng tàu buôn. Ông theo cha nuôi ngược xuôi nhiều xứ sở. Sau thế chiến thứ hai, nhờ sự giúp đỡ của bạn bè cha nuôi, ông xin được làm tay phụ bếp trên một thương thuyền của Hoa Kỳ. Rồi nhờ móc nối, chạy chọt, ông được định cư tại New York. Ông nhập ngũ ngành bộ binh Hoa Kỳ và đã tham chiến ở Đại Hàn. Ông cũng có thời phục vụ tại Âu Châu, Phi Châu, và cả Trung Đông nữa. Sau ngày giải ngũ, ông về Boston chung với bạn bè mở nhà hàng Tàu trong Chinatown. Đã có một thời ông và vài người bạn được coi như là những tay trùm của phố Tàu. Họ kiểm soát hầu hết những sòng bài lậu và những tiệm ăn lớn. Ông Wu đãợ trở nên một thương gia giầu có và thế lực vào bậc nhất phố Tàu. Sau này ông phải bỏ phố Tàu trốn về ở ẩn trong khu người Ý vì đồng bọn của ông đã bị thanh toán trong những vụ gây gỗ ở các sòng bài. Cảnh sát cũng có thời theo dõi ông nhưng không tìm ra bằng chứng gì để kết tội ông.

Ông Wu lập gia đình hai lần. Người vợ thứ nhất của ông là cô y tá phục vụ trong bệnh viện quân sự thời chiến tranh Đại Hàn. Bà ta gốc Ireland. Bà đã bỏ ông sau khi nghi ngờ ông nhúng tay vào những vụ thanh toán đẫm máu ở phố Tàu. Bà bị ung thư vú và chết sau khi ly dị ông được chừng hai năm. Ông có hai người con với bà vợ thứ nhất. Theo ông thì hai người con này đều thành tài thành danh. Con trai ông là một mục sư Tin

Lành và là nhà thuyết giảng nổi tiếng toàn quốc. Con gái ông là giáo sư toán thời danh tại đại học Harvard. Cả hai người con đã có gia đình. Thật ra thì ông chẳng yêu thương gì bà vợ thứ nhất. Ông cưới bà vì thời đó hiếm phụ nữ Tầu và việc về Trung Hoa cưới vợ rất khó khăn. Dù không yêu thương gì vợ, ông Wu đã thật tình thương hai con. Ông đã tìm đủ mọi cách để gửi con đi học ở những trường tư thục nổi tiếng nhất Mỹ. Chỉ tiếc hai người con lai của ông càng ngày càng xa rời ông vì ngôn ngữ và phong tục. Ông cảm thấy như chưa bao giờ ông tâm sự, chia sẻ được với con mình dù khả năng Anh Văn của ông thuộc hạng khá. Ngược lại con ông không thích giao thiệp với người Tầu có lẽ vì chúng gần gũi với bên ngoại hơn. Thêm vào đấy, cả hai đều lập gia đình với người da trắng nên càng ngày ông càng cảm thấy xa rời cách biệt con cháu mình.

Khi còn trẻ ông Wu chả bao giờ nghĩ đến viễn tượng tuổi già. Ông cũng chả bao giờ để ý đến việc dạy con mình về phong tục tập quán người Tầu. Ông chỉ lo làm tiền, và nghĩ rằng tiền có thể giải quyết mọi vấn đề khó khăn trong đời sống. Sự liên hệ của ông đối với các cháu ông thì còn tệ hơn nữa. Chúng tỏ vẻ khinh ông và những người da màu như ông ra mặt.

Bà vợ thứ hai của ông Wu là người Tầu, sinh trưởng ở Đài Loan. Bà là người đã thật sự mang hạnh phúc đến cho ông. Nhưng tiếc thay, hai người sống với nhau được đúng ba năm thì bà bị bạo bệnh và qua đời. Ông bán căn nhà lớn nằm biệt lập trong khu người Ý để dọn vào một chung cư dành cho người già. Thêm vào đó bà vợ thứ của ông được chôn ở nghĩa trang trong khu phố này, nên ông muốn ở gần để lo hương khói. Phải mất một thời gian khá lâu, Liêm mới hiểu được những bó hồng tươi và những hộp kẹo chocolate ông mua mỗi thứ Tư là quà ông mang tới mộ bà.

Mới tuần trước, ông ghé tiệm bảo Liêm là còn vài ngày nữa sinh nhật của ông. Ngày sinh nhật cũng là ngày kỷ niệm đám cưới của ông và bà vợ thứ. Thường thì ông mang lại cho chàng một miếng bánh, hộp trà, hay có khi là chai rượu để chia vui. Chàng còn nhớ rõ buổi chuyện trò với ông tuần trước.

"Sinh nhật và kỷ niệm đám cưới năm nay ông có định làm gì không?"

"Ta sẽ đi xa?"

"Ông về Trung Hoa à?"

"Trung Hoa đã chết trong ta lâu rồi. Chả còn gì để ta lưu luyến cả!"

"Thế ông dự định đi đâu?" Liêm tỏ vẻ thắc mắc và tò mò muốn biết.

"Thật ra thì ta không biết, nhưng ta muốn đi nghỉ hè mãi mãi ở một nơi thật yên lặng bình an." Ông nói rồi mỉm cười bỏ đi.

Bận rộn với công việc và phải đón tiếp khách hàng ra vào cả ngày

làm Liêm cũng quên bẵng việc ông Wu định đi xa. Chàng cũng không để ý đến những thay đổi trên người ông. Lần khác ông trở lại tiết lộ với Liêm về chuyện con ông muốn ông về ở chung.

"Con gái ta muốn ta về ở chung nhà, cháu nghĩ sao?"

"Tốt chứ, để chị ta tiện việc chăm sóc cho ông."

"Ta nói cho cháu biết, ta chưa bao giờ chăm sóc cha mẹ ta một ngày, thì không có lý do gì lại để cho con gái ta chăm sóc ta."

"Ông nói thế! Mỗi đời sống một hoàn cảnh. Cha mẹ ông chết sớm, còn cha mẹ nuôi thì vì hoàn cảnh lưu lạc, chiến tranh, ông không chăm sóc được chứ đâu phải là ông không muốn."

"Ừ! đúng thế, nhưng ta muốn làm chủ cuộc đời ta những ngày còn lại. Ta không muốn phiền hà liên luỵ con cháu."

Ông Wu ngưng nói rồi nhìn đăm chiêu lên trần nhà như người đang tìm một thứ gì mà không biết. Rồi ông nhìn thẳng vào mắt Liêm tâm sự tiếp.

"Con gái ta có gia đình của nó. Ta đã có gia đình của riêng ta. Nó cần có đời sống riêng của nó. Vả lại các con và cháu ta không biết nói tiếng Tàu cũng không thích ăn đồ Tàu. Thử hỏi cháu, làm sao ta chịu nổi?"

"Sao ông lại nghĩ thế? Tình cảm gia đình vô biên giới, không cần câu nệ. Chị ấy muốn ông về ở chung là đúng. Không có người con hiếu thảo nào lại không muốn chăm sóc lo lắng cho cha mẹ mình lúc tuổi già."

Liêm nhìn ông Wu chờ phản ứng nhưng ông ta chỉ đứng im lặng gật gù. Chàng nói tiếp.

"Còn việc ngôn ngữ, cháu chả thấy ông có trở ngại gì cả? Cháu không biết nói tiếng Tàu mà mình vẫn chuyện trò vui vẻ bằng Anh Văn, có sao đâu?"

"Dĩ nhiên là thế, nhưng thực tế lại khác. Sự hiện diện của ta có thể gây phiền cho gia đình nó. Vả lại những đứa cháu của ta là dân Mỹ trăm phần trăm, chúng có yêu thương ta đến mấy cũng khó lòng thông cảm được với ta."

Ông Wu đưa tay vuốt trán rồi nói với giọng thành thật nhưng đượm vẻ chua xót.

"Càng về già ta càng cảm thấy cần được nói và nghe tiếng Tàu thường xuyên. Tuần nào ta cũng tìm cách lang thang vào phố Tàu một mình. Chỉ tiếc những người bạn của ta chả còn ai cả."

Liêm muốn biết ý con trai của ông Wu về việc chăm sóc cho ông.

"Thế con trai ông nghĩ sao về việc ông về ở chung?"

"Nó cũng muốn ta về ở chung. Nhưng con dâu ta lo cho bốn đứa con của chúng nó là đã quá đủ rồi, có ta về chỉ gây thêm khó khăn thôi."

"Sao ông lại cứ nghĩ đến chuyện làm phiền con cái. Cháu vẫn nghĩ là con cái phải có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ mình lúc già yếu."

"Đành là thế, nhưng riêng ta, ta không chấp nhận chuyện này."

Thấy ông khăng khăng về quyết định không về ở chung với con cái, Liêm cũng tìm cách lảng sang chuyện khác. Hình như hôm ấy ông Wu muốn nói với chàng chuyện gì đó mà ông không nói ra được. Còn chàng vì bận bịu khách hàng cũng không hỏi thêm. Chàng nghĩ thầm, ông Wu đã sống một đời ngang dọc quen rồi nên chắc không muốn sống chung hay nhờ vả bất cứ ai kể cả con mình. Bỗng nhiên chàng thấy thương ông Wu như người thân của mình. Không ngờ một người đã bay nhảy vùng vẫy khắp nơi lại phải sống những ngày cuối đời cô đơn buồn tủi như ông.

Ông Wu thỉnh thoảng vẫn nói cho chàng nghe về những lỗi lầm ông đã làm trong cuộc đời. Ông tin là chính ông có trách nhiệm về những chuyện đang xảy ra cho ông trong tuổi già. Thỉnh thoảng ông vẫn tự hỏi, giả như ông cố chờ để cưới vợ người Tàu thì bây giờ con và cháu ông chắc không đến nỗi xa cách ông. Không biết chừng ông lại thích được về ở chung với con cháu lúc tuổi già. Ông có nhiều tiền của, nhưng con ông chẳng cần đến sự giúp đỡ của ông. Đã nhiều lần ông định đi du lịch, nhưng nghĩ lại đi chơi một mình, không vợ con, bạn bè thì có gì là vui. Trong thành phố này có nhà dưỡng lão cho người Tàu, nhưng ông cũng không thấy thích hợp. Ông than là người Tàu lắm chuyện, hay tò mò thọc mạch đời tư nhau. Ông thà ở chung với người da trắng. Buồn, nhưng không ai làm phiền. Ông Wu thật ra là con người khó hiểu và mâu thuẫn. Liêm có gợi ý ông về điều này, nhưng ông chỉ cười rồi bảo chàng chờ đến khi già sẽ hiểu tại sao ông lại mâu thuẫn như thế.

Có lần ông đã kết luận rằng sở dĩ tuổi già của ông buồn tủi cô đơn là do sự mất gốc trong ông. Ông đã tưởng ở Mỹ chỉ cần có nhiều tiền là đời sống hạnh phúc. Khi còn trẻ ông giao du làm ăn với người Tàu, nhưng thật sự ông chả bao giờ để ý đến những phong tục tập quán của người Tàu. Cũng may ông đến Hoa Kỳ lúc ngoài hai mươi nên còn giữ được vốn liếng tiếng Tàu. Ông đã có thời đả phá các bạn người Tàu của ông về những tục lệ như ăn tết hay xây dựng chùa chiền. Ông đã nghĩ ở Mỹ thì phải sống và suy nghĩ như người Mỹ mới thành công. Điều ông nghĩ có vẻ đúng phần nào lúc ông còn trẻ. Bây giờ về già, ông biết mình sai nhưng đã trễ. Ông như người đeo mặt nạ. Trông vào thì giống Tàu nhưng bộ mặt thật thì không giống chút nào. Tệ hơn nữa là con người thật của ông cũng chẳng có gì là thật. Ông là hạng người đứng bên lề. Đứng lửng lơ giữa hai nền văn hoá Tàu và Mỹ. Có nhìn cho kỹ cũng chẳng biết ông đứng ở đâu. Không bên nào thật sự thích hợp với ông. Mỗi lần nghĩ về ông là Liêm

thấy tội nghiệp cho ông và sợ cho chính tương lai chàng.

Sáng qua, thứ Bảy, chàng không thấy ông Wu ghé lại như những thứ Bảy khác nên hơi thắc mắc. Vả lại cũng gần đến tết Nguyên Đán, chàng định mời ông về nhà ăn tết cho vui. Đợi đến quá trưa cũng không thấy ông lại. Liêm sốt ruột, để tiệm lại cho người phụ việc rồi chạy sang nhà ông. Khi đến căn chung cư, chàng bấm chuông, nhưng người trả lời trên ống loa không phải là ông Wu. Lúc bước vào phòng, chàng thấy một người đàn ông và một phụ nữ cỡ trung niên đang nói chuyện với cảnh sát có vẻ rất chăm chú.

"Xin lỗi! Tôi muốn gặp ông Wu." Chàng hỏi với linh tính là có điều gì không lành đã xẩy ra.

"Ông Wu chết rồi!" Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi trả lời với ánh mắt rướm lệ.

Chàng điếng người khi nghe tin ông Wu đã qua đời. Nhưng không biết phải phản ứng ra sao. Đứng tần ngần một lúc rồi chàng tự giới thiệu.

"Tôi là Liêm, chủ tiệm tạp hoá đầu đường và là bạn thân của ông Wu, nếu tôi giúp được việc gì xin cứ tự nhiên cho tôi hay."

Liêm nói rồi cáo lỗi ra về. Tin ông Wu qua đời đã làm chàng ngạc nhiên và hoang mang tột độ. Cả buổi chiều chàng cứ thừ ra như người mất hồn. Cũng may con gái ông Wu ghé lại tiệm cho chàng địa chỉ nhà quàng và giờ tang lễ. Bà ta nhấn mạnh là gia đình bà rất muốn Liêm đi đám tang của ông Wu. Trước khi rời tiệm, bà còn ngoái cổ bảo, "Ông phải đến nhé, cha tôi muốn thế."

Khi chàng đến nhà quàng thì lễ nghi an táng cũng vừa bắt đầu. Mục sư Francis Wu, trưởng nam của ông Wu chủ tế. Người nhạc sĩ đại phong cầm bắt đầu nghi lễ bằng bài Requiem. Tiếng đàng ngân vang như muốn gọi hồn người chết trở lại và đánh động tâm não người sống như nhắc nhở rằng chết là một điều tối thực, không ai tránh thoát. Khi tiếng đàn vừa dứt, mục sư Francis đứng nghiêm trang trong chiếc áo choàng màu đen, đọc một bài Kinh Thánh nói về sự chết và niềm hy vọng phục sinh. Đọc song, ông tháo kiếng khỏi mắt và bắt đầu kể về cuộc đời của cha mình bằng giọng rầu rầu thương nhớ. Thật ra những điều mục sư Francis kể về ông Andrew Wu thì Liêm đã nghe không biết bao nhiêu lần do chính miệng ông kể. Nhưng hôm nay ngồi nhìn quan tài và nghe người con ông kể về ông, chàng bỗng muốn òa khóc. Đến khi nghe nói về chi tiết cái chết của ông nhiều người rươm rướm lệ. Liêm cũng cảm được hai mắt cay cay và chàng lấy giấy lau mắt.

Thì ra ông Wu đã tự tử bằng cách nhảy từ cửa sổ phòng ông trên lầu sáu của chung cư. Ông tự tử sau khi bác sĩ cho hay chứng bệnh ung thư

trong người ông đã đến thời kết liễu. Ông quyết định chấm dứt đời mình khi còn đi đứng tự chủ được. Ông sợ khi bệnh nặng quá sẽ làm phiền con cháu. Quan tài phải đóng kín vì hình hài ông đã nát tan.

Sau khi mục sư Francis chấm dứt nói về cha mình thì đến phiên con gái ông nói. Liêm ngồi yên bùi ngùi nghe những điều người thân của ông Wu thổ lộ trước quan tài ông. Khi không còn ai nói nữa, mục sư Francis nhìn quanh rồi hỏi còn ai muốn nói gì thêm. Không ai phản ứng. Người con gái ông Wu đứng lên nhìn về phiá Liêm.

"Ông Liêm, ông là bạn thân nhất của cha tôi những năm gần đây, ông có điều gì muốn nói không?"

Liêm nhìn người con gái ông Wu rồi gật đầu ra dấu đồng ý. Chàng lặng lẽ đứng lên bước về phía quan tài.

Trên đường đến nhà quàng, Liêm định bụng sẽ hát cho ông Wu một bài thánh ca chàng sáng tác cho lễ cầu hồn trong nhà thờ Công Giáo. Ông Wu vẫn thích đến tiệm nghe chàng hát khi vắng khách. Mỗi lần sáng tác được bài hát mới chàng đều mang ra khoe ông Wu. Là người biết chút ít về âm nhạc, lại có khả năng chơi Vỹ Cầm, nên thỉnh thoảng ông Wu mang đàn đến tiệm chơi những lúc không có khách hàng. Ông Wu đã kéo đàn bản nhạc kinh cầu hồn của chàng và tỏ ra rất ưng ý. Ông đã không ngờ một chủ tiệm tạp hóa như chàng lại là nhạc sĩ thánh ca.

Liêm đứng bên quan tài, nhưng thay vì hát, chàng buột miệng nói lên tâm sự và ý nghĩ mình về sự ra đi của ông Wu. Chàng nhìn về quan tài, nói chậm rãi, rưng rưng nước mắt.

"*...Ông Wu ơi, xin chào ông. Cháu biết sự ra đi của ông là một cuộc lên đường mới. Sự chết là cánh cửa vào thế giới vĩnh cửu. Ông không chờ ai mở cửa cho mình, nhưng tự tay mình mở lấy. Cháu tin rằng ông chọn sự chết vì ông muốn sống. Hay nói thẳng ra là ông muốn thật sự thay đổi đời sống hiện tại để đi vào đời sống khác. Mong ông tìm ra đời sống mà chúng ta không phải đương đầu với cô đơn buồn tủi lúc tuổi già...*"

Chàng cúi xuống hôn nhẹ vào quan tài, nói nhỏ đủ cho mình nghe.

"Thôi ông đi xa bình an nhé!"

Khi buổi lễ kết thúc, mục sư Francis tuyên bố là cha ông muốn được hỏa táng.

Mọi người im lặng theo nhau đi lên đặt tay vào quan tài chào vĩnh biệt. Liêm đến bắt tay người con gái ông Wu, bà ta rưng rưng đưa cho chàng một phong thư.

"Đây là di chúc cha tôi muốn tôi đưa cho ông."

Chàng cầm phong thư với vẻ ngỡ ngàng và không nghĩ ra được điều gì để nói với bà.

Bữa đó

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Nỗi bí mật giữa hai hòn đá ù lì
chạm nhau
bất thần xẹt lửa
bí mật giản dị giữa em và anh xa lạ
cầu kỳ
đột nhiên
một bữa
Bữa đó
dất trời ánh sáng
tiếng động lặng im
ngày đêm
xao xuyến
ngân vang nhạc ngựa tất tả dường trường
Bữa đó
lên dường
tóc lòng bay gió mới
Không thệ hải
không dây lòi tói
buộc dời nhau
bằng một chiếc phao
Hỡi phao
hãy đừng trôi
nơi nao

Bỏ phong thư có tờ di chúc của ông Wu vào túi áo mà lòng chàng rối bời tan tác. Lúc Liêm ra khỏi nhà quàng thì trời đổ mưa lất phất. Chàng nghĩ thầm sẽ đưa phong thư cho vợ đọc tối nay. Liêm ghé lại tiệm hoa mua một bó hồng rồi định bụng sẽ đi thăm mộ bà Wu trước khi về lại tiệm.

Chàng ngồi trong xe với tâm trạng lạnh lùng trống vắng. Tự nhiên chàng đâm ra lo sợ về tuổi già của mình. Chàng tự nhủ, "Chả lẽ rồi mình cũng như ông Wu, sẽ chết ở một nơi không phải là quê hương!" Mưa vẫn còn rớt xuống cửa kính xe như những viên đá đang ném thẳng vào tâm não chàng.❐

Đàlạt Mỵ nương sầu

Lê Thị Huệ

Tôi lẻn về quê hương thăm Đalạt vào một chiều thứ ba sương pha nắng vàng hiu hắt gió một chiều hè tháng sáu.

Tôi có một tuần lễ riêng mình ở Đàlạt. Thành phố thổi vù vù u mọi những năm con gái tươi tốt vạn vỡ đời tôi

– Đàlạt tôi ở khách sạn

– Đàlạt có những cục đá to thách thức tôi. Khều chưn tôi khập khiểng. Những cục đá to chình ình ở ngay trung tâm Hoà Bình môi xinh má hồng của Đàlạt. Những cục đá bắn muôn nghìn hạt bụi dính đỏ quạch váy ví tôi. Những cục đá to tổ chảng thô bỉ chắn lối tôi đi dạo bộ mua áo len tím than thẫm một đêm u trầm. – Đàlạt có những hố đất như những hố thương ngay trong trái tim chợ Đalạt. Trời làm một trận mưa nước ối vỡ bắn đục ngầu áo quần điệu đóm của tôi

Hỡi ơi Đalạt sau bao năm xa cách
Sao xấu đui như cục đất chui
Hai mươi năm sao Đalạt vẫn đen thui
Sao Đalạt vẫn lủi nhủi như một gã lủi thủi

Tôi muốn hỏi cuộc đời một câu hỏi lớn:

Lịch sử ngu si nào chịu trách nhiệm biến Đalạt thành ổ gà ổ voi lộm cộm đau chân sau hai mươi năm hoà bình

– Đàlạt tôi khách lạ đêm đêm gối đầu lên giường khách sạn chạnh lòng sầu nhớ một giàn su su xanh xanh và bữa cơm chiều tịnh tâm của mẹ

Tôi nối với quê hương qua ngôn ngữ và khí hậu

Khí hậu Đàlạt vật ngã những địch thủ khác. Tôi bỏ những dự tính Cần Thơ Tây Ninh Phan Rang để ở lại với Đàlạt. Khí hậu cần thiết và lôi

cuốn lớn lao mà đôi khi người ta không ngờ đến

– Đàlạt tôi tương tư tức khắc những trận mưa rào ngôn ngữ

– Mỹ tôi nhớ thương ngũ âm ngân nga trong ngõ ngách tâm hồn nên thừơng ngồi một mình viết như là một cách khai quật thế sống. Tiếng Việt thắm thiết tĩnh từ nên dù ở Mỹ lâu bằng và ngó bộ muốn lâu hơn sống Việt Nam, mà tôi vẫn thích trầm mình trong những tĩnh từ tiếng mẹ đẻ. Ngôn ngữ mẹ đẻ và kỷ niệm ấu thời quan trọng ghê. Quan trọng hơn số dài của thời gian người lớn sống

– Đàlạt tôi khoái nghe hai cô bé bán chè nóng ở ngõ Ngọc Hiệp hoen ố kể chuyện bán chè Đalạt chiều khách hơn bán chè Vũng Tàu. Thổ âm Đàlạt nhưa nhựa lơ lơ chút Huế chút Quảng chút Nha Trang chút Nam Kỳ. Đàlạt hiền lương của Việt Nam hiếu chiến. Những thành phố lôi cuốn tôi nhất vẫn là những thành phố dân tình dễ thương giữa nhau và dễ mến với du khách. Càng sống lâu ở Đàlạt, con người càng hiền lương. Đó là một bí mật của Đàlat.

– Đàlạt tôi đứng giữa chợ nghe tiếng Việt trả giá ngọt xớt rớt vào hồn

– Đalạt tôi muốn làm thơ theo những cơn mưa bay ngang thành phố lúc ba lúc năm giờ chiều. Bầu trời là những đám bông gòn to xam xám. Mưa phùn lưa thưa. Tôi ngồi nhìn ra cửa sổ trông xuống lũng rau xanh mướt tóc mây Đàlạt. Ngôi nhà bên hiên cửa sổ có những giỏ lan tím treo lủng lẳng. Có người đàn ông ngồi hút một điếu thuốc thả mini mây bay qua ly cà phê qúan vắng. Chợt nhìn lên tôi và ngó sửng một cách rất nhẹ nhàng đầm thắm con trai Đàlạt. Làm tôi rùng mình. Tôi nhìn ra cửa sổ. Mưa lại bay lất phất. Lạnh chun mũi. Vườn xanh trong mắt. Ngồi nghe chút hạnh phúc thiên địa thấm qua da mềm vào lay lệch hầm hồn. Chỉ ở Đalạt mưa bay trong buổi chiều và một ánh mắt đàn ông nhìn mới làm tôi muốn làm thơ

– Đàlạt tôi nằm trong phòng tối đọc *Mari Sến* của Phạm Thị Hoài và *Như Những Ngọn Gió* của Nguyễn Huy Thiệp. Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài hai nhà văn lớn lên ở miền Bắc không biết đến Đalạt. Hai nhà văn tài hoa này mỗi người cầm một con dao phay văn chương. Nguyễn Huy Thiệp chém sự tàn ác. Phạm Thị Hoài lóc sự ngu dốt. Cả hai cùng chọc huyết đúng huyệt địa một bên nào đó của Việt Nam. Một xứ sở bị trấn hiếp và tự mình trấn hiếp mình đến u loạn nhiều trăm năm. Cả hai cùng cường điệu rất đúng gu chữ nghĩa Việt Văn truyền thống hiếu sắc của văn hóa tĩnh từ.

Những tiếng động phù du. Đôi khi nghệ thuật, thơ, văn, nhạc, tranh, phim, chỉ là những cái thùng rỗng kêu to. Âm thanh phù du ấy có khi là

mạch sống trù phú cần thiết của cái tâm hồn không bờ bãi trong mỗi con người

Tôi nói những điều này để biểu lộ sự khuất phục với ngôn ngữ mẹ đẻ. Một ngôn ngữ cực kỳ xanh um giàn âm nhạc mua hương bán phấn tĩnh từ trên tâm hồn Việt Nam. Và những con người Việt Nam thăng trầm phất phơ định mệnh đi vì ngôn ngữ của họ. Ngôn ngữ này chan chứa tĩnh từ tình cảm là sức sống của dân tộc Việt Nam. Ngôn ngữ này đã lôi kéo lê lết tình sử chiến tranh Việt Nam để nó có bộ mặt như ngày nay

– Đàlạt lúc bảy giờ tối, tôi đứng trên dốc đồi xinh xắn nhà thờ Tin Lành đường Hàm Nghi ngó xuống thị phố dưới chân. Những áo lạnh dúi vào nhau xuống phố. Vang rân những tiếng nói và tiếng cười rộn rã của nhân gian phía dưới lẫn trong tiếng tiếng gió trời vi vu huyền diệu của thiên gian phía trên cao. Đàlạt bỗng thòi ra câu hát thanh xuân: "Theo em xuống phố trưa nay đang còn ngất ngất cơn say." Tôi đứng đây và chợt nhớ đã có lần lộng ngôn gửi thư cho người cha đẻ ra âm nhạc của Đàlạt Lê Uyên Phương nói với anh rằng Đàlạt hãy mau mau tạc cho anh một bức tượng và cắm vào trái tim thơ mộng nhất của thành phố là vị trí mà tôi đang đứng đây.

– Đàlạt tôi đi phất phơ giữa đàng để cho bất ngờ gặp thi sĩ.

Thi sĩ đẩy tôi vào Thuỷ Tạ. Quán nước bên Hồ Xuân Hương. Ai biết đặt thơ và biết yêu Đàlạt thì phải có một lần ghé quán Thủy Tạ bên Hồ Xuân Hương. Dù nó là khố rách áo ôm đĩ thập thành kiếm tiền cho Đalạt. Hay nó chốn yêu kiều của người Đàlạt lui tới khi Đàlạt là khách hào hoa phong nhã áo đẹp nhà lành.

Bên ngoài Thủy Tạ sóng nước Hồ Xuân Hương chênh vênh. Bên trong Thủy Tạ thi sĩ ngồi ngó tôi trân trân và nói:

Thôi từ rày về sau em đừng có yêu ai nữa. Thôi từ rày về sau em hãy yêu một mình tôi thôi

Thi sĩ níu áo đòi nợ.

Người đàn ông này đã từng ướp tôi đầm những bài thơ tình. Em gái tôi mê thơ thi sĩ. Bạn gái tôi thuộc lòng những bài thơ tình của thi sĩ. Tôi đã bỏ thi sĩ để đi theo họa sĩ.

Chỉ có thi sĩ mới nói những câu như: anh đọc bài thơ em viết anh muốn chết

Một thi sĩ có ý tưởng chết đi vì những câu thơ, thi sĩ ấy đáng hưởng một bất ngờ.

Tôi hứa. Một lời hứa dịu dàng nhất dành riêng cho thi sĩ bên bờ Hồ Xuân Hương Đàlạt

– Đàlạt tôi có một tình yêu sống và một tình yêu chết

Tôi bỏ họa sĩ rời Việt Nam khi anh còn là một gã con trai tập tành làm họa sĩ. Nghèo mạt. Không nhà cửa. Không bình yên. Không gì cả ngoài một thân hình trai trẻ gồ ghề như một bức tượng và một tình yêu đớn đau tha thiết với tôi. Tôi trở về Đàlạt và M. đã chọn lựa cái chết. Ôi M. Người họa sĩ trẻ đã không thể sống nổi với những thô bỉ của trần gian

Người đàn bà đã ngoài bốn mươi. Qui cố hương. Tôi mang theo mình đôi hia sang trọng và qúy gía tuyển chọn nhất. Đôi giày đính những hàng chỉ nhung mượt ấy bị đày đọa quét thân mòn đau trên những hố đường. Nhuộm bụi đỏ quạch. Vùi dập cùng cỏ dại vương chân. Perry Ellis Portfolio xước đế há mỏ. Sak Fifth Avenue đạp phải cứt chó ở ngang ngõ Ngọc Hiệp. Một đêm tối trời, đứng bên Hồ Xuân Hương dơ bẩn và đục ngầu tôi đã liệng đôi giày xuống lòng nước cùng một tiếng kêu thương rất lớn

– Đàlạt tôi không biết ngôi mộ của họa sĩ ở đâu để đến ngắt một bông hoa bươm bướm cắm lên đấy như một lần đã hứa

Những lời hứa của một con đàn bà nhẹ lòng. Sao vẫn có những người đàn ông cứ muốn nghe lời tôi nói.

– Đàlạt tôi ngồi trong cà phê Tùng nâng niu tập thơ của Nguyễn Bắc Sơn. Người đàn ông đã đặt những nụ hôn thơm nhất lên cánh tay trần của những đàn bà con gái đời thường Nam Phương.

Ôi thi sĩ và những Nam Phương Việt Nam hiền nghèo và đẹp

Người Hoa Khôi Áo Rách, thơ, Nguyễn Bắc Sơn:

"Anh có nghe chuyện đời em lận đận
Những chuyến đi buôn và những chuyến xe đò
Tiếng nói sau lưng lời chua chát nhỏ to
Giòng lệ em khô nhưng vẫn là giòng lệ mặn" (NBS)

Tại sao ở Việt Nam đã để hoa khôi mặc áo rách quá lâu. Tại sao những người đàn ông Việt Nam đi làm lịch sử đã thất bại trong nhiệm vụ kiếm áo lành cho hoa khôi mặc. Tại sao xứ sở này cứ nằm trong tay những tên đàn ông thổ phỉ. Tại sao những người đàn ông lương thiện như thi sĩ không thắng trận để những hoa khôi được mặc áo đẹp, dành thời giờ trang điểm cuộc đời thay vì cứ mất thời giờ đi buôn khoai lang, đi lau chùi khách sạn

"Tiếc câu thơ anh không thể làm cho đời em ấm cúng

Tiếc loài người bày ra xích xiềng huyễn mộng
Đến nỗi quên mình là hạt giống vô biên" (NBS)

Chúng tôi cần những thi sĩ này. Hãy mang họ trở về thành phố. Chúng tôi cần vòng mắt môi ấm nồng của những người đàn ông này

"Đứng trên núi thấy hàng đèn thị trấn
Là thấy mình lạnh buốt mấy nghìn năm
Vì đêm nay trời đất lạnh căm căm
Nên chợt nhớ chút lửa hồng bếp cũ
Đã nhìn mình rất ấm một ngày xưa" (NBS)

Hãy để cho hoa khôi sống cạnh thi sĩ. Hãy để hoa khôi nấu cá bống kho tộ cho thi sĩ đi câu cá

"Ta ngồi câu cá bên bờ sông
Để cho tâm trí được phiêu bồng
Cá chẳng đớp mồi càng thấy thích
Miễn là câu được đám mây bông" (NBS)

Ôi ước chi xứ sở ấy biết trải chiếu hoa về một chân dung đàn ông lương thiện cạnh hoa khôi hiền lương. Là hình ảnh vĩnh cửu hơn là những tượng Chúa tượng Phật đua nhau mọc lên dọc quốc lộ. Là ảnh mầu đáng lồng khuông tôn thờ hơn là những lãnh tụ. Là chỉ tiêu đáng đạt hơn bất cứ chỉ tiêu lịch sử nào khác

Tại sao một tâm hồn hào hoa yêu người như thế không ra chỉ huy văn minh văn hóa nhân loại mà lại đi biến thành người điên. Nguyễn Bắc Sơn, tôi nghe nói anh đang bị điên như muốn chết. Việt Nam hiện đại và danh sách thi sĩ điên. Bùi Giáng, thi sĩ điên. Nguyễn Tất Nhiên, thi sĩ điên, Nguyễn đức Sơn, thi sĩ điên. Nguyễn Bắc Sơn, thi sĩ điên.

Xứ sở nào để cho nhiều thi sĩ điên là xứ sở đó tệ quá đi thôi
Hãy lay động hỡi xứ sở u mê
Hãy thức tỉnh hỡi những xứ sở nô lệ
Hãy choàng tỉnh dậy hỡi những quốc gia mỏi mệt

Tôi rời khỏi cà phê Tùng. Bước đi một mình trong đêm tối. Lại mò mẫm và chân vấp những cục đá to chình ình nằm bổ nghiêng bổ ngửa trên những đại lộ gió bấc Đàlạt.

Hiểu ra duyên nợ
NGUYỄN KHÁNH HÒA

Biết em
hay
thích làm trời
Hiểu ra duyên
nợ
anh ngồi làm thinh

Mặc em
làm-tội-làm-tình
Nhặt
dăm ba chữ
anh rình...làm thơ

Vắt
trang giấy
trắng...
bơ phờ
Gặp ba con chữ làm ngơ,
thôi đành

Bên em
câu nói làm lành
Ôm chồng
bản thảo
Để đành...kiếp sau

Tôi nhân danh là một nàng thơ. Tôi nhân danh là một người nữ trong thơ phản đối xứ sở đã tra tấn những thi sĩ và biến những hoa khôi thành những nàng Mỵ áo rách

Tôi muốn thi sĩ được sống cạnh hoa khôi của anh trên một ngọn đồi thơ mộng ở cao nguyên Việt Nam.❐

Trốn tuyết

Hàn Song Tường

Gởi Mặc Bích

Khi ra tiệm ăn trưa với Như, nắng đã gay gắt lắm, nhìn đồng hồ thấy quá giờ hẹn, tôi lo Như sẽ cằn nhằn nhưng khi đón tôi vào chỗ ngồi Như vẫn cười không thấy khó chịu - nàng bảo - Mày trễ cả nửa tiếng, tao đói thấy mồ - Xin lỗi bạn hiền. Tôi nói rồi gọi ly nước ngọt cho bạn - Như lại cười cười, nụ cười làm tươi khuôn mặt nằng, nụ cười đã cuốn tôi theo Như từ lớp học sáng đến lớp học tối, gần mười năm qua tôi bỏ bạn bỏ trường chạy theo những khát vọng ngầm ngầm mọc rễ vì đâu, rồi giờ trở về sống lặng lẽ với kinh nghiệm - Như bảo - Kinh nghiệm của bậc thầy. ồ dữ như thế sao Như - Chứ không hả - Như chế biến về đời sống. Tôi đã vẫy vùng, môi cong lên rồi bật cười chế nhạo. Có sao đâu - đoạn trường ai có qua cầu mới hay - Nhưng ai nỡ nào cứ đem quá khứ lôi thôi mà vầy vò nó mãi. Nàng cầm tay tôi bóp mạnh - Tao rất nhớ mày. Sao mày đi lâu thế - Mày có biết tao vẫn mong mày trở lại đây, Jeannie đã lớn... Cách đây hơn mười năm tôi và Như đồng ý với nhau dùng một phương pháp để giúp Như có một đứa con. Tôi đã nhận lời đẻ thay bạn, mới ngoài hai mươi tuổi đang bị thất tình tôi làm một việc kể ra hơi quá sức nhưng tôi thương Như quá. Như nói gì tôi lại chẳng nghe. Như than nàng không bao giờ có con, nàng ao ước một đứa bé - nỗi ám ảnh không con khiến nàng chết mất... tôi nhắm mắt tiếng đứa trẻ khóc còn vang bên tai, máu òa vỡ dưới chân. Tiếng Như thổn thức vì mừng, ai đã bày ra trò dâu bể thế này... tôi hỏi - nó có giống tao không dĩ nhiên - nhưng trái trứng của mày mà - nó vẫn cứ giống mày. Chúng tôi cùng bật cười, đó là cuối tháng giêng năm đó trời vẫn còn lạnh và chậu Mộng Lan trồng trong nhà bỗng trổ hoa, tôi bế đứa bé chụp chung tấm ảnh rồi bỏ đi. Khi tôi trở về sống gần bạn - chồng tôi đã chết được một năm, Như mới lập gia đình với người yêu cũ

và Jeannie đã 10 tuổi. Thành phố cũ của tôi, thành phố đón tôi như một đứa con tội nghiệp trở về - Tôi khóc thầm ở thềm cửa nhà bạn. Khó khăn lắm Jeannie mới cho tôi ôm nó vào lòng, tóc nó mềm mầu óng như tơ, chẳng hiểu sao trên đùi con bé lại có một nốt ruồi giống hệt như tôi, Như bảo - vì nó sống trong người tôi đến chín tháng nên nó bị ảnh hưởng - à ra vậy tôi thấy lòng bỗng ấm lại. Tôi hôn lên tay Jeannie thì thầm - Cám ơn Jeannie đã cho tôi bế, con bé thân mật hơn nó dẫn tôi vào phòng chỉ cho tôi xem những đồ chơi, những sách vở nó thích... thời trang đang có một bước tiến nhẩy vọt. Như dẫn tôi đi loanh quanh khắp mọi tiệm quần áo coi, vài nơi khi xưa tôi đã tiêu pha những đồng tiền đầu tiên kiếm được trên xứ Mỹ, năm tháng qua đi giống các đoạn phim thời sự, thời sự xưa chồng chất lên vai tôi nặng trĩu...

Tôi kể - Như dục giã - hãy nói cho tôi nghe 10 năm qua bạn đã làm gì... Tôi đẩy xe cho chồng đi vào tiệm ăn. Tay tôi cầm chặt tay anh khi với lên. Du bảo - anh xin lỗi - tôi im lặng khi tôi cùng uống cà phê với Du, mắt Du sáng long lanh, hàng mi dài của người còn vướng chút máu Âu Châu, Du ăn uống chậm chạp và nhìn tôi trìu mến, Du đã được nhận đi làm trở lại sau một năm chữa bệnh vì tai nạn xe hơi, cũng may hai tay anh còn cử động được và khối óc anh vẫn bền bỉ, anh kể về những công việc mới, làm giấy tờ cho các học sinh xin học bổng, sắp xếp công việc cho sinh viên làm thêm ở trường. Thôi cũng được em ạ, còn hơn ở nhà mãi anh chết mất, tôi gật gù nhưng nhớ lại những ngày anh đứng trong lớp dậy học, dáng điệu ấy nay còn đâu. Khi đẩy xe cho Du qua hành làng nhà hàng trên tường những bức tranh cắt dán có thân thể của người đàn ông bị gẫy gập, những đóa hoa khô không đủ cánh. Vì sao người ta vẫn thích trưng bày điệu đau đớn và mất mát, nào có ai chạy trốn nổi đâu. Đó Như thấy không. Sau khi tôi bỏ học lăn vào những vụ làm giầu mà không thành, bôn ba đó đây, rồi dừng lại lấy chồng... thôi đi, mắt tôi muốn rớm lệ, Du hỏi em nghĩ gì vậy. Không. Du mua cho tôi thật nhiều tem có in hình người nữ tài tử mà tôi thích, tôi nói - em nhớ hoài nụ cười của bà ấy. Nhất là đôi mắt quá buồn của bà. Em nhớ năm còn nhỏ mẹ em treo bức tranh của bà ta ở phòng khách, khi mẹ chết em lại gục lên bức ảnh của người nữ tài tử này mà nhớ mẹ. Tội nghiệp em tôi - Du suýt xoa - anh thương em, lúc ấy em còn nhỏ lắm phải không. Du hôn tay tôi, bóng chiều chiếu trên những cành cây phong cao tít, gió gờn gợn, uốn theo những cành lá như làm cô độc thêm không gian vốn đã cô liêu từ kiếp nào. Tôi đỡ Du ngồi lên xe, bàn tay anh xám lại và lạnh. Tôi cầm tay anh cho ấm hơn, Du bảo có lẽ trời sẽ mưa - ừ trời mưa. Trời mưa thì mặc trời mưa, tôi nói lớn lên vui vẻ, anh cười khi cơn mưa cũng đến thật nhanh.

Phố xá chợt đen đặc lại, tôi thấy Du thở dài. Khi vào được trong nhà chúng tôi đã ướt sũng. Du bảo hãy đứng gần anh, đã từ lâu anh không nhìn em kỹ. Đã từ lâu, tôi cởi bỏ chiếc váy ướt mưa rồi đi lại gần Du. Du ôm chặt lấy tôi, gục mặt lên ngực tôi nức nở, đôi vai anh run lên. Sau khi bị tàn phế anh vẫn khóc như thế khi hôn lên người tôi, Du thì thầm - em hãy đi đi, anh nhìn thấy nỗi buồn của em - Tôi bịt miệng Du. Em không buồn anh đừng nghĩ vậy. Tôi nhìn lên trần nhà những vết nứt như rộng thêm muốn rơi xuống chúng tôi, tôi bỗng ước được chết bên Du, bàn tay Du vẫn nâng ngực tôi, giọt nước mắt rơi xuống đầu vú, tôi không rõ giọt lệ ấy từ mắt anh hay mắt tôi, tôi chỉ biết Du đang ngậm lên và uống nó, trời đất sao cay nghiệt nhỉ - Chúng tôi sẽ tìm cách nào để cùng hủy diệt nhau... Các người bạn cùng sở rủ chúng tôi đi ra bờ hồ chơi cuối tuần. Du bảo tôi nên đi cho khuây khỏa, tôi ngần ngại. Du thúc dục, em cứ đi đi anh ở nhà đọc sách, xem phim. Sao anh không đi, Du không nói, tôi thấy nỗi khổ của Du âm ỉ cháy tỏa trong lòng tôi, tôi hiểu, tôi nói - Thôi em sẽ đi một mình cho anh vui, vài giờ rồi em về. Ngày ấy vào mùa hè ở Chicago trời bỗng nóng ghê gớm, tôi đi theo các bạn cùng sở lang thang ngắm cảnh ở bờ hồ - ăn uống và đùa giỡn. Một vài người hỏi thăm Du, vài người tránh không hỏi tới anh - Không khí vui tươi bỗng dưng tôi quên khuấy đi bao nỗi nhọc nhằn. Như biết không - lúc đó chúng bạn xung quanh đùa với nhau như con nít vậy - Hôm ấy tối mịt tôi mới về đến nhà - tôi xin lỗi Du vì bị kẹt xe, Du cười - thấy không em phải xa anh em mới vui vẻ được. Tôi xịu mặt, Du nói nhỏ - Thật sự chúng ta không còn yêu nhau nữa.

- Không phải.

- Thôi em đừng dối lòng, đàn bà không ai sống mãi bên người đàn ông tàn phế, em còn trẻ lắm.

- Anh lúc nào cũng nói lung tung.

...Những năm tháng sau đó. Những mùa màng trôi đi biền biệt, mặt hồ mùa đông loang loáng một sắc đá lạnh, tiếng kêu tha thiết của bầy chim rủ nhau cùng bay đi mà sao nghe như muốn dừng lại, mùa Đông nơi đây, năm nay lạnh vô cùng, tôi không thể nào kể hết sự lạnh lẽo, đốc thúc từ lòng người cũng lạnh không kém hàng loạt mưa đá đổ xuống mái nhà của chúng tôi. Du nằm vắt tay lên trán, nét mặt chàng lạnh lẽo. Tôi hỏi - Sao Du trông buồn vậy. Anh bảo không. Anh đang đếm từng tiếng rơi của cơn mưa. Tôi hỏi - anh có muốn em sanh một đứa con không - Du phá lên cười - tiếng cười xoáy tít trong lòng tôi đau đớn. Một đứa con. Anh là người tàn phế rồi đừng nói đùa chứ em. - Em không nói đùa, nếu anh muốn, chúng ta vẫn có cách. Anh cười mỉa mai - Cách nào - trừ khi! Thôi anh đừng nghĩ nhảm. Mình đi nhà thương, họ giúp chúng ta hết. Không.

Không. Anh muốn là người bình thường, anh muốn mọi sự bình thường - Em hiểu, em hiểu rồi. Vậy mùa Đông có lạnh bằng tâm hồn chúng tôi đâu - ngay bây giờ - tôi có thể chạy ra sân nằm lên trên mặt tuyết mà không sợ hãi.

...Tôi cởi bỏ quần áo, quì xuống mặt bàn. Du lặng lẽ pha mầu rồi cắm cúi vẽ. Anh bảo chỉ còn chút ít nữa là xong. Chịu khó một tí nữa thôi nghe em. Bức tranh hoàn tất một giờ sau đó. Du nói chỉ cần một chút ánh sáng, vài nét kỷ hà bằng đao - tôi bò về phía anh, gục mặt lên đùi anh - tôi nghĩ đến lời thề nguyền, câu huyền thoại, sự cắt tóc, một lưỡi dao của đạo sĩ, một nhát chém lên tảng đá trăm năm. Tôi dìu Du lên giường ngủ. Tôi nâng Du lên cho anh nằm trên người tôi. Anh cúi xuống hôn lên cổ tôi, đưa tay xoa lên nốt ruồi trên đùi tôi rồi bất động. Đó là cuối mùa đông năm 90 tiếng tuyết rơi rào rạt ngoài cửa sổ, tiếng chó tru ảm đạm và tiếng rên ảo tưởng từ đôi lứa... tôi lại nhận được lá thư thứ năm của Như trong năm, nàng gởi cho tôi một lô ảnh của Jeannie tôi nói nhờ tôi mà Jeannie đẹp như thế. Như nói với tôi cứ tự kiêu, nhưng đừng quên nàng đã vun trồng, chuyện Jeannie Du không hề biết. Tôi chưa kể cho Du nghe bao giờ... Chiếc xe bus ở trường đưa Du về đến nhà. Tôi đón anh ở ngưỡng cửa. Năm nay Du yếu hẳn đi, đôi cánh tay không cử động nhanh lẹ nữa. Anh kể khi anh làm việc nhiều khi đau hết các ngón tay, nhất là lúc đánh máy, tôi nói Du nên nghỉ làm. Du bảo anh sẽ khổ nếu chỉ quanh quẩn ở nhà, lúc ăn cơm Du kể cho tôi nghe về cuốn phim của giáo sư Andy lấy chiếu cho sinh viên lớp sinh ngữ xem, anh cười Andy trông hiền lành thế mà cũng gớm, phim do Juliette Binoche đóng, diễn tả người đàn bà yêu cả hai cha con, cuộc tàn phá ghê gớm bởi sự chết và tình yêu, Du nói Andy vốn sợ đàn bà sau một cuộc ly dị, Andy nhiều lần công khai khích bác, Andy nói đừng để đàn bà thù, họ trả thù hết cả đời anh chưa thỏa, tôi nghe bật cười thì ra ông ta muốn dằn mặt nữ sinh và chỉ dậy cho nam sinh, ông thầy tận tụy thật tình. Du cùng cười theo tôi. Mùa Đông qua đi lúc nào không hay trên những hàng cây trơ trụi bỗng nẩy mầm trổ lá, sức sống mãnh liệt làm sao, mùa xuân bàng hoàng đến trong lòng tôi, tôi đặt tay lên ngực Du, anh đã ngủ say, tôi nằm sát bên anh, nỗi cô liêu đâu đó phủ xuống lòng tôi lặng lẽ, tôi sợ, tôi sợ một ngày chúng tôi sẽ chẳng còn nhau... có khi nào bạn nghĩ đến một người chết bất ngờ không. Không đâu, ai dám phác họa ra cảnh buồn thảm đó, thế mà Du cứ viết bao cái chết cho từng nhân vật trong một truyện dài của anh, phải chăng anh viết bằng nỗi ám ảnh không nguôi đau đớn trong tuổi thanh xuân của mình. Nào ai muốn tham dự vào từng phận bạc mong manh của kiếp người, tôi vẫn đọc và đánh máy hộ Du từng trang sách, cho đến khi kết thúc, có ai

ngờ một tháng sau khi quyển sách in ra thì Du mất, anh chết bình thường như một người bệnh đã lâu, tôi thu xếp và trở về sống gần Như, bên người bạn thân cũ và thành phố đã cưu mang tôi lúc mới vượt biển tìm tự do, hồi đó cả hai tôi và Như vừa rời ngưỡng cửa trung học.

Như hỏi:

- Du mất ở nhà hay ở đâu.
- Ở sở làm, ngồi trên ghế mà chết.
- Động tim.
- Không phải, bị ngạt thở.
- Ngạt thở làm sao được.
- Có chứ, có khi người ta muốn tự ngạt.

Như ôm mặt, đôi vài nàng run, nức nở, tôi nói với Như, có lúc tôi cũng tự hỏi - Làm sao người ta quên thở được, làm sao Du có thể quên tôi. Lúc đó một mình tôi còn đứng ở nghĩa trang, mùa Xuân nồng nàn trên luống hoa và cỏ mướt, những đàn chim đã bay về tổ ấm, tiếng hót lảnh lót gọi nhau trên những cành thông, nghĩa trang vẫn đìu hiu cô đơn tôi một mình khóc theo tiếng chim kêu lặng lẽ, hãy ngủ yên đi anh, thôi anh đừng lo âu về em...

Chỉ vài tháng sau là tôi tìm được việc làm, xung quanh nhà tôi đã trồng thêm nhiều hoa cúc. Như và bé Jeannie vài ngày lại đến nhà thăm tôi, nàng lo cho tôi đủ thứ, tôi nói tôi phải vẽ lại, tôi đã bỏ vẽ gần sáu năm rồi, Như nghe khuyến khích, quả thật vào tuổi trung niên nghệ thuật có nhiều bất gặp bất ngờ bức tranh nào tôi vẽ ra, Như cũng khen ngợi, nàng bảo tôi vẽ lạ, kỳ khôi hơn xưa nhiều. Tôi cười dĩ nhiên lúc ấy tôi mới ra trường và đời chưa sóng gió, tôi vẽ đến bức thứ năm thì Nhu ngồi làm mẫu, tôi vẽ nàng lõa thể, người đàn bà chưa sanh đẻ, đẹp ảo mộng hơn con gái. lúc đó Như vừa 34 tuổi, cái đẹp tròn như mặt trăng, trong tranh nàng ngửa mặt, tay để dưới nhũ hoa, âm hộ đặt dưới giữa hai đùi, Như chửi - Con tà đạo điên loạn vừa thôi - Tôi im lặng không nói, dạo này tôi bán được khá tiền về những bức tôi vẽ nàng, cho đến ngày tôi gặp Khang, người ở rất xa tìm đến xem tranh tôi vẽ. Khang giúp đỡ và khuyên tôi đem tranh đi triển lãm ở vài nơi bên Pháp và Bỉ, quả thật tôi có gặp may mắn và được nhiều người ủng hộ. Sau này Khang trở nên bạn của tôi và Như và anh cũng là người mẫu đàn ông đầu tiên của tôi nữa, đó là ngày hè rực lửa ở Houston, nóng ghê người, tôi rủ Khang đi lang thang ở hồ nước phía Đông, bức tranh vẽ người đàn ông ngồi trên tảng đá ở bờ hồ, trông Khang cô đơn. Tôi nói tôi thương cái vẻ chịu đựng của anh, Khang nói cám ơn kiểu mát mẻ. Tôi che miệng cười... Buổi chiều Như và Jeannie dọn dẹp phụ với tôi vài thùng chứa đồ cũ, tôi kể cho Như nghe giấc mơ đêm qua

của tôi, trong mơ tôi thấy Du cởi trần chạy dưới mưa tuyết, trông anh đẹp đẽ vô cùng. Tôi cố đuổi theo mà không nắm bắt được tay Du, mặc dù anh đưa tay cho tôi cầm mà tôi với mãi không được, tỉnh dậy tôi muốn cảm lạnh. Như nói tại tôi đi trong tuyết nên bị lạnh, Jeannie nghe cười, cười, con nhỏ đã biết nghe chuyện, khôn ghê gớm, tôi bảo Jeannie tôi sợ tuyết lắm, tôi không thấy nó đẹp tôi chỉ thấy lạnh và đau đớn, Jeannie cãi nó lạnh và đau ốm, Như bật cười, tôi hôn lên má Jeannie - Đúng nó lạnh và đau ốm, tôi cũng trốn tuyết về đây, tôi phải trốn về đây.

...Khang gọi - Bạn hãy đứng nhìn xuống đường, người ta đi đông như hội chợ, tôi ra đứng bên Khang nhìn xuống đường. Căn phòng Khang thuê tít trên lầu bảy, ở giữa thành phố, xung quanh là viện bảo tàng, một phía là khu trồng hoa kiểng và nuôi bươm bướm. Mỗi năm người ta vẫn bỏ thì giờ để chọn một loại hoa trồng nở đẹp nhất để tôn làm Nữ Chúa, năm nay là loại hồng vàng. Trông êm như ráng chiều, bông to và khỏe mạnh, tôi nói với Khang chắc họ kéo nhau đi xem khu vườn hồng hoặc họ tổ chức đám cưới ở khu đó. Khang kể ở vùng Khang ở đẹp hơn. Nhưng khi gặp tôi Khang bỗng chẳng muốn quay về. Có điều Khang than tôi khó hiểu quá, điều gì luôn giữ kín trong lòng tôi, tôi khỏa lấp và rủ Khang đi ra tiệm sách... Có gì quá đâu, tấm lòng tôi như cánh chim bay mỏi giữa cơn mưa, làm sao để bay vượt qua lớp mây mù kia cho kịp bây giờ, Khang có hiểu không đôi khi chút kinh nghiệm có từ đắng cay, khiến người ta vẫn khắc khoải một nỗi thương thân. Tôi bỗng thương tôi. Tôi muốn một mình, thỉnh thoảng những bất gặp đâu đó có làm se gợn băn khoăn... Khi từ hiệu sách ra, chia tay Khang về nhà, Khang lại hỏi bao giờ Khang có thể gặp lại tôi... trên đường về, nhà xa bao dặm tôi đọc câu thơ của người bạn *"biển mênh mông, đời nước cũng là chung"* (1) vậy sao, rồi tất cả cũng là chung hết mà. Rồi tôi nhớ đến Jeannie rất nhiều, nó đã nằm trong người tôi thở theo theo cùng nhịp với tôi, vậy mà nó là của Như, tôi thua Như quá vậy, từ hạnh phúc đến dung nhan, không đâu, chẳng lẽ nào nàng đã quên câu văn của Tagore mà nàng đã đọc cho tôi nghe "bạn đừng nghĩ bạn sinh con ra nó đã là của bạn, nó là của nó". Nó là của nó, nếu đúng thế, Như cũng là tôi, Như ơi - bạn cho tôi hòa với bạn cú này.❐

(1) Thơ Như Chi

Tạ ơn

HỒ MINH DŨNG

Nỗi buồn ta. Buồn hơn Vô Ky
Vẽ lên chân mây ngọn sóng ngày
Mai về phố cũ. Qua huyện nhỏ
Đường cái còn nhau, gió heo may.

Em giỗ giùm ta khi trăng khuyết
Có lúc sơn hà nhớ cũng về
Một mảnh hồn trong đùn bụi nắng
Khuất núi. Lòng ơi! Che khuất rồi.

Năm ngoái. Ngồi không. Nhìn bờ dậu
Lấp ló sao hôm nhớ góc dình
Tưởng chiều đã tắt. Vành khăn núi
Bốn phương núi lại lòng phương này.

Mai kia. Về đến chỗ về đến
Một chỗ ngồi không nhìn ra nhau
Cây đa. Bến cũ. Sương mờ lấp
Sóng bạc đầu thương ta bạc đầu.

Mới hay cây cỏ còn dất cát
Dặm núi sông mình có nhu không.

Một chút quê nhà

Khánh Hà

Sáu giờ sáng. Tiếng cúc cu...cúc cu...như những nốt nhạc trầm, bật lên bất ngờ trong tĩnh lặng. Tiếng cu gáy bổ hai thật quen thuộc giữa một nơi xa lạ, trạm dừng xe ven xa lộ Âu-châu, gần Amsterdam.

Trời chưa sáng hẳn. Vòm không gian màu sữa đục lờ thấp thoáng qua kẽ lá đen đậm đặc. Hơi sương mát lạnh. Những con kênh loang loáng nước nằm duỗi mình êm ả giữa cánh đồng xanh. Hàng trăm con quạ bay lên đáp xuống nhộn nhịp bên cạnh đàn bò đang đứng nhởn nhơ gặm cỏ. Những con bò Hoà-Lan mập mạp, lông trắng mịn, loang những vệt màu nâu nhạt như những mảng chocolat chưa chịu hòa tan trong sữa. Thỉnh thoảng một chiếc xe vèo qua trên xa lộ, âm thanh vang vội rồi mất hút. Trong trạm xăng ven đường, đèn sáng choang, những món hàng xếp đẹp đẽ trên kệ, bao bì mang những dòng chữ lạ. Người bán hàng ăn mặc chỉnh tề ngồi sau quầy nở một nụ cười ấm áp với câu chào buổi sáng.

Tiếng cu gáy bên rừng, nụ cười ấm áp và ly cà-phê thơm ngát đầu ngày....

Tám giờ sáng. Tiếng cúc cu ...cu ...cúc cu ...cu...vang lên, cũng thật bất ngờ, trong khuôn viên một chung cư vùng Sous-Poissy, cách Paris hơn bốn mươi cây số. Tiếng cu gáy bổ ba cũng thật quen thuộc giữa một nơi xa lạ. Gió mát rượi thổi về từ sông Seine. Những hàng cây dẻ tàn lá xanh tươi, vun vẩy reo vui trong nắng.

Trên con lộ nhỏ ven chung cư, một chiếc xe hàng vừa đỗ lại. Người tài xế Á-rập mở cửa xe bưng xuống những thùng giấy xếp đầy táo, lê, chuối... và các loại rau, bầy ra một cửa hàng lộ thiên. Người mua đến rải rác. Một người đàn bà mặc chiếc áo đầm xanh điểm hoa trắng, tay xách bao trái cây với ổ bánh mì dài cặp nách, tay dắt đứa con nhỏ tóc vàng óng

bay bay trong nắng sớm. Từ những khung cửa sổ mở rộng, tiếng nhạc vang vang, tiếng trẻ con cười đùa.

Tiếng cu gáy trong khuôn viên êm đềm và những sinh hoạt thân quen đầu ngày....

Mười giờ sáng. Mùa đông ở Na-uy. Vùng ngoại ô Oslo. Trời xanh ngăn ngắt, trong veo như thủy tinh. Mặt trời phản chiếu lấp lánh như sao sa trên cánh đồng tuyết mênh mông. Rừng thông xanh nặng oằn tuyết trắng. Từ một ngọn thông cao vút trước nhà, tiếng cúc cu...cúc cu...nhỏ xuống êm đềm. Tiếng gáy bổ hai của con chim cu quen thuộc. Năm nào cũng vậy, cứ vào khoảng mùa đông, con chim không quên trở về một vài lần, đậu trên cây thông đó, gáy vài tiếng rồi bay đi. Bóng của nó mất hút vào rặng núi xa. Không biết nhà nó ở nơi nào.

Lần đầu tiên nghe tiếng cu gáy trước nhà, đang giữa mùa đông, tôi ngạc nhiên đến sững sờ, tưởng có con cu nào bên xứ ấm áp lạc đường, bay mãi tận lên vùng Bắc cực.

« Cu cu ăn đậu ăn mè
Bồ câu ăn lúa chích chòe ăn khoai"

Mùa đông ở đây ngoài trời chỉ có tuyết và băng, cu tìm đâu cho ra một hạt đậu, hạt mè để ăn. Người địa phương có thói quen treo một bó lúa trên cành cây trước nhà để đãi chim chóc vào mùa Giáng sinh. Chắc chim cu không đủ dạn dĩ để đáp xuống kiếm ăn gần nhà người.

Tiếng cu gáy những buổi sáng mùa đông, ở một nơi cách xa quê nhà hơn nửa quả địa cầu.....

Ở đâu và bao giờ cũng vậy, tiếng cu gáy đánh thức trong tôi một góc quê nhà xa xôi.

Quê nhà. Hai tiếng gợi lên biết bao êm đềm, tha thiết. Là một nơi chốn mãi mãi còn đó. Như không có gì mất mát. Bờ sông cũ có thể lở, có thể bồi nhưng dòng nước vẫn lững lờ trôi chảy trong hồi ức. Chiếc cầu trên bến sông có thể mục đi vì mưa nắng, đã được thay bằng một chiếc cầu khác, nhưng bóng của chiếc cầu xưa đã in trên dòng nước. Cây ngọc lan trước thềm nhà cũ đã già cỗi và chết đi, nơi đó đã mọc lên một loài cây khác, nhưng hương ngọc lan chợt thức dậy một đêm trăng nào. Dường như những chiếc bóng còn in lại từ thời quá vãng chỉ chực thức dậy khi nó trùng lấp với hình ảnh, âm thanh, sắc màu trong hiện tại. Chỉ cần một nhắc nhớ nào đó là mưa nắng mùa xưa ào ạt đổ về.

Tôi sinh ra và lớn lên bên bờ con sông Hậu. Trong tâm thức tôi chảy mãi một dòng sông, xanh mãi những cánh đồng, những khu vườn với

tiếng nắng reo, gió thổi, tiếng chim hót, cu kêu rộn rã suốt thời thơ ấu....

Hình dung những buổi sáng tháng chạp ở quê nhà, trời xanh thăm thẳm, tiếng gió bấc thổi rao rao. Những cơn gió bấc không buốt lạnh mà chỉ vừa đủ se se lòng người, làm xào xạc khóm tre, phơ phất những tàu dừa nghiêng nghiêng soi bóng bên giòng nước. Con sông như một dải lụa mềm trải giữa những bãi bờ xanh ngắt, dẫn đến những cánh đồng vừa gặt xong thơm thơm mùi rạ. Trong vườn, cây cối lớp trổ bông, lớp sai oằn trái ngọt. Cam sành, cam mật, quít đường chín mọng; bưởi thanh, bưởi ổi vàng tươi; mận hồng đào, mận kiến sen mơn mởn, vú sữa no tròn... Bông so đũa trắng muốt chen chúc trên cành, mỗi bông là một bầu mật ngọt làm say sưa lũ bướm ong; bông xoài trắng rợp đong đưa trong gió. Ngoài sân, mai vàng kết nụ; hồng nhung, thược dược, cúc trắng đơm hoa. Hòa trong tiếng gió bấc rao rao, thỉnh thoảng vẳng lên tiếng con chim huýt cô buồn bã. Người ta nói tiền thân của nó là một đứa bé mồ côi nên tiếng kêu của nó não lòng. Ở một góc vườn nào đó, tiếng con cưởng lảnh lót, con chèo bẻo líu lo, con tu hú rộn ràng, con bìm bịp vang vang... Từ trên ngọn cây sao, cây dầu cao vút hay trong bụi tre rậm rạp, văng vẳng tiếng cu gáy êm đềm. Đôi khi tiếng gáy của nó như nôn nả, như giục giã nếu là tiếng con cu mồi đang gáy trong lồng bẫy.

Hình dung trên một bờ ruộng nắng chan hòa , lũ trẻ tíu tít gắn những que tre có quét nhựa vào một cây sào dài. Nhựa được lấy từ thân cây mít già hoặc cây sa-kê mà thân chằng chịt những vết sẹo. Thường ngày, cây sa-kê bị quên lãng ở một góc vườn vì trái của nó không ngon; chỉ khi cần lấy nhựa người ta mới nhớ đến nó. Nhựa sa-kê đem nấu lên thành chất keo dính khắn, chim mắc vào khó bay thoát được. Cây sào có gắn thêm bó lúa, đứng ngất ngưởng trên bờ ruộng như những trạm dừng chân cho chim chóc. Lũ trẻ nấp trong vườn, hồi hộp chờ đợi một con chim, một con cu vô tình đáp xuống... Rồi là một hiên nhà rộn rã tiếng cu kêu. Những chiếc lồng cu treo lủng lẳng. Trong lồng, có cóng sứ đựng nước, đựng hạt đậu, hạt mè; có những con cu cườm ức điểm lấm tấm những chấm trắng như hạt cườm, cu đất có bộ lông màu xám như đất, cu ngói lông ức ửng đỏ như ngói. Những con cu mồi bị ngăn cách trời xanh, ngăn cách nhau bằng bốn bức vách lồng, chỉ còn tiếng gáy gởi đi. Tiếng gáy quyến rũ những con mồi. Người ta đặt lồng cu có phủ lá ngụy trang vào một lùm cây hoặc treo trên cây. Đứng trong lồng, cu mồi gáy mãi, gáy mãi. Những con cu ngoài nghe tiếng gáy bay đến và sa chân vào bẫy sập. Hoặc người ta trải lưới dưới đất, trên rải mấy cọng lúa. Cu mồi có buộc dây ở chân, thong dong đi lại trên lưới, vừa ăn vừa gù. Chờ những con cu ngoài đáp xuống, người ta giật lưới để bắt.

Có thể
CAO XUÂN TỨ

có thể vui là đứa con rơi từ vô thức
và buồn là con đẻ một thoáng phân vân
nếu không có gió bấc rước về cơn phong thấp
làm sao thân xác nghèo thêm mấy đốt xương

nếu không có men lòng ủ trong bia quán cóc
làm sao biết tình này nhu chiếc ghế ba chân
dù lớp kem thời gian có đày trên đa mặt
ngày lại ngày môi mài nhẵn một thỏi son

có thể ở bên kia nhô thêm vài nấm mộ
cướp những bạn bè những thân ái anh em
ai đó hoài nghi đi giữa rừng um tùm câu hỏi
tôi ngồi giữa hàng bạch đương lặng gió bóng im

có thể quả tim vẫn chua quên gõ nhịp
El Nino quất những mưa vàng thu yếu ốm o
cũng có thể tôi chán phèo chẳng buồn quay mặt
để khi kéo rèm không còn nghe tiếng hello

Tiếng cu gáy trong vườn.Tiếng cu gáy dưới mái hiên nhà. Như những tín hiệu được gởi cho nhau và tìm đến nhau của một loài chim háo đá nhưng ngây thơ và chung tình. Nghe tiếng gọi là tìm đến nhau, bất chấp cạm bẫy và sự chết. Lúc nhỏ, mỗi lần nghe tiếng gáy dai dẳng của những con cu mồi, tôi thường tự hỏi đó là tiếng gọi êm đềm, quyến rũ hay là tiếng kêu buồn bã, tuyệt vọng của những con chim lồng.

Cúc cu...cúc cu...Tiếng gáy vang vọng từ một thời thơ ấu êm đềm, ở quê nhà. Những con chim cu đã mang quê nhà của tôi đến nhiều nơi trên địa cầu. Hay là ở bất cứ nơi nào trên địa cầu, trong một bất chợt nào đó, tôi cũng có thể tìm được một chút quê nhà.❐

Người thuê phòng

Trần Mộng Tú

Người đàn ông luống tuổi lái xe rẽ vào một con đường đất nhỏ. Ông chạy chầm chậm, xe đi qua một vườn hoa thược dược, nhà ở đây vườn rộng quá. Cái vườn hoa thược dược nhà ai mà miếng đất nhô hẳn ra phía ngoài như là một vườn hoa chung cho cả xóm. Tháng 7, thược dược khoe muôn vẻ, muôn mầu. Từng loại cánh khác nhau; cánh nhỏ và cong như cúc đại đóa, cánh to như cánh hoa trà, cánh dài như lá răm, cánh ngắn như vạn thọ. Có loại dinnerplate to như chiếc dĩa bàn phải dựng chống bằng hai ba thanh tre để đỡ, có loại chỉ nhỏ bằng cái khuy áo vest của ông. Ông nghĩ thầm trong bụng. Cái cây có bông hoa to đó chẳng khác gì một phụ nữ có thân mình mảnh mai mà mang một trái tim to tát quá! Còn cái cây có bông hoa nhỏ kia chắc là nó giống ông, trái tim khiêm nhường bé xíu. Thược dược dòn và dễ gãy vì thân nó nhỏ mà ruột lại rỗng, chả trách nó không đỡ nổi đóa hoa. Trái tim to tát thì vốn dĩ đa đoan, đóa hoa to tát thì lụy đến thân, đến cành. Bất giác ông thở dài, thấy cay xè ở mắt.

Ông cúi nhìn lại một lần cho kỹ cái địa chỉ đăng trên báo, ông chỉ sợ nhà báo in nhầm số nhà, hay tên đường (chuyện này thì xẩy ra là thường với báo Việt Nam). Hôm qua ông đã gọi điện thoại trước để xác định địa chỉ thì chủ nhà đi vắng, ông không muốn lỡ cơ hội thuê lại một căn buồng để ở nên cứ liều đi ngày hôm nay kẻo chủ nhà lại cho ai thuê mất.

Ông ngừng trước căn nhà, đọc con số treo trên tường, nhìn bao quát mặt tiền căn nhà một lần nữa trước khi bấm chuông. Mặt tiền hướng về phía Đông, nhưng cửa ra vào lại quay về phía Nam. Ông nhớ đến câu nói của người xưa - "Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam". Bất giác ông lại thở dài. Trước nhà là một vuông cỏ khá rộng nhưng không được chăm sóc cẩn thận. Ông nghĩ thầm, nếu họ cho mình thuê lại một buồng ở đây thì vuông cỏ này nhất định phải xanh, phải đẹp hơn.

Cửa mở, chủ nhà là một cặp vợ chồng còn trẻ, họ vồn vã mời ông vào. Ông hỏi lại một lần nữa về căn buồng cho thuê còn không, trước khi ngồi xuống ghế. Họ xác nhận là có đăng báo, là đúng địa chỉ và căn buồng cho thuê vẫn còn trống. Nếu ông bằng lòng giá cả thì ông có thể dọn ngay vào tuần tới.

Ông mừng quá, xin cho được xem qua gian phòng. Họ đưa ông đến một gian phòng nhỏ phía trong nhà gần cửa xuống nhà xe. Căn phòng trung bình không nhỏ lắm, không có đồ đạc trừ một chiếc bàn dài, cũ còn để lại trong đó. Ông bước đến để tay lên chiếc bàn, xoa nhẹ lên mặt gỗ, một lớp bụi dầy bám vào mấy ngón tay ông. Cô chủ nhà trẻ tuổi vội vàng xin lỗi:

– Thưa bác, chiếc bàn này để lại từ hai đời chủ cũ, người mua nhà trước cháu để lại, cháu không dùng đến nên bụi quá, khi bác dọn vào cháu sẽ dẹp chiếc bàn này xuống nhà xe.

Ông từ tốn:

– Không sao, tôi cũng đang cần một chiếc bàn, đồ đạc của tôi rất ít, cô cứ để ở đây cho tôi.

– Vâng, nếu thế thì cháu sẽ lau chùi cho bác, bây giờ thì cháu mời bác đi xem qua nhà, bếp và ngoài vườn.

Ông đi theo chủ nhà đi vào bếp, phòng ăn, phòng giặt và cuối cùng là vườn sau. Nơi nào đi qua, ông cũng cố tình dừng lại vài giây để nhìn cho kỹ, mặc dù chẳng có gì đáng phải lưu tâm. Cái vườn khá rộng nhưng cỏ trong vườn có chỗ bị úa, có chỗ bị khô, hoa bồ công anh mọc rải rác từng đám nhỏ. Những bụi hoa trồng ở chung quanh vườn dưới chân những cây trắc bá, cây tùng, cây khuynh diệp thì bị những đám cỏ dại mọc dài cao lấp cả hoa, những cây hồng thì lá vừa bị sâu ăn, vừa vàng úa. Ông nhìn tận sâu vào những lùm cỏ đó thì thấy có cả những bụi mẫu đơn, dương tú cầu, diên vỹ, đỗ quyên, sơn lựu. Tất cả đều xác xơ không được chăm sóc mặc dù chúng vẫn ra hoa.

Cô chủ nhà nhậy cảm khi thấy ông cúi xuống nhổ một đóa bồ công anh, cô phân trần:

– Chúng cháu đi làm cả ngày lại có hai con nhỏ nên không có thì giờ chăm sóc vườn tược. Cái vườn này to quá, người mua trước cháu nói là chủ cũ giữ vườn rất đẹp, nhưng ông chủ thứ hai không có giờ cho vườn hoa nên ở một năm thì bán lại cho vợ chồng cháu. Nhà cháu chắc là phải nghĩ đến chuyện thuê người làm vườn chứ không để mãi như thế này được.

Ông cầm đóa hoa vàng nhỏ trong hai ngón tay nói khẽ:

– Chắc là nếu ở đây, tôi sẽ để một ít thời giờ cho mảnh vườn này.

– Vâng, nếu thế thì còn gì bằng, chúng cháu xin bớt tiền thuê nhà cho bác.

Ông bảo ngắn, gọn:

– Không cần thiết, tôi thích thì làm, thế thôi.

Ba hôm sau, ông dọn đến, ông nói với chủ nhà:

– Tôi có một cái phong linh cũ, tôi muốn treo ở cái cây thông sát bên patio được không?

Chủ nhà nhanh nhẩu:

– Thưa bác, bác cứ tự nhiên, chúng cháu chẳng biết gì về trang hoàng cả.

Vợ chồng chủ nhà hài lòng với người ở trọ này quá, tiền nhà không bị giảm đi mà lại có người săn sóc vườn tược, nhà cửa. Nhưng ông này thật lạ, dọn đến được hai tuần, rồi hai tháng mà ông ta cứ ở lỳ trong phòng. Khi hai vợ chồng đi làm về chẳng thấy ông ra ngoài phòng khách bao giờ. Bếp, tủ lạnh dấu vết cũ vẫn y nguyên chẳng thấy ông nấu nướng gì cả. Chắc ông ta chỉ ra ngoài đi ăn trong lúc hai người đi làm. Cuối tuần thì ông ra đi từ sáng sớm và về thì cả nhà đã đi ngủ. Chỉ có một lần cách đây hai tuần, cô chủ nhà đang làm cơm trong bếp thì ông bước vào, đứng ngắm nghía cái bếp một lúc, rồi ông bảo:

– Cái hũ dưa chua này đáng lẽ cô nên để ở góc bên trái mới đúng chỗ.

Rồi ông tự động đặt lại vị trí hũ dưa. Cô chủ nhà không lấy làm điều gì cả, vì thấy hình như để hũ dưa vào đấy quả có gọn mắt hơn, cô chỉ mỉm cười, nói:

– Cám ơn bác.

Rồi cũng ngay tối hôm đó, khi cô mời ông một chén chè đậu ván, ông nếm một muỗng xong thì "hừm" nhẹ một tiếng. Đoán là món chè không hợp khẩu vị ông, cô chủ nhà rụt rè, phân trần:

– Món chè đậu ván này là của người Huế, cháu mới học được.

Ông bảo:

– Chưa nấu đúng đâu, nó phải ngọt nữa.

Ông ở hơn ba tháng rồi mà chẳng thấy ông đả động đến vườn trước, vườn sau, người vợ nói với chồng:

– Anh ạ, chắc ông này chỉ nói cho vui miệng thôi chứ cái vườn nhà mình nhiều việc quá, làm sao mà ông ấy săn sóc nổi.

Người chồng nhìn khu vườn xơ xác, cỏ đã úa vàng nói:

– Thôi để đấy rồi anh gọi thợ tới làm. À em có biết là bác ấy vừa ở Việt Nam về không? Mà đi làm việc lâu tới hai, ba năm gì đó lận.

– Làm gì mà hai ba năm?

– Ông ấy nói là làm cho Công Ty Nước Suối Vĩnh Hảo. Vợ con ở cả

bên nhà, ông bỏ đi từ năm 1975. Bây giờ trở về *mua nhà*, mua đất cho gia đình.

– Tội nghiệp quá! Liệu có định đem cả nhà sang đây không?

– Chắc là không. Vì anh có hỏi thì ông ấy nói "Sang làm gì?" Anh không hỏi tiếp nữa.

Tôi nằm trong căn buồng này, căn buồng làm việc của em ngày trước. Mới đây mà đã ba năm. Chiếc bàn của em để lại vẫn kê ở chỗ cũ, lớp bụi này phủi xuống thì lớp bụi khác lại phủ lên. Tôi ngửi được trong không gian mùi hương cũ, mùi thuốc vẽ, mùi thuốc nhuộm, mùi hồ, mùi tơ lụa và hình như có cả mùi da thịt của riêng em. Tất cả những mùi này, trước đây khi sống ở trong nó tôi không hề cảm thấy mặc dù chúng ta đã sống với nhau cả 10 năm. Cái buồng ngủ ở trên kia của mình bây giờ là buồng ngủ của một cặp vợ chồng trẻ, họ là *người chủ thứ* hai của ngôi nhà này (Từ ngày em bỏ đi, ngôi nhà đã đổi chủ hai lần). Quang cảnh của ngôi nhà cũng thay đổi hẳn. Những tấm màn cửa mầu trứng sáo đã xộc xệch và chẳng ai để ý đến, đồ đạc trong nhà không kê đúng cách của em, bếp và buồng ăn thì chắc em sẽ cho là luộm thuộm vì chai lọ, đũa bát lúc nào cũng có mặt trên bàn. Và vườn trước vườn sau thì hoa dại tự do nhẩy múa qua cả hàng rào, những bụi hoa nhỏ đã mất tích vào những đám cỏ dại, và những cây thông, cây bách em trồng đã mất hết cả vẻ trượng phu vì dưới góc nó cỏ cao ngang gối.

Tôi cứ nhủ với lòng là tôi sẽ bỏ thời giờ ra để săn sóc nó như những ngày chúng ta còn ở đây. Thế mà cho đến hôm nay, mảnh vườn chưa hề nhổ cỏ, quét lá, tỉa sâu. Tôi còn quay quắt với căn buồng làm việc của em. Tôi nhớ những vuông lụa *em căng* trên chiếc bàn này, những hộp mầu nằm dưới sàn, cái máy hấp lụa lúc nào cũng xông hơi mờ một góc phòng, cái bóng cao, gầy của em di động mờ mờ ảo ảo trong hơi nước đó. Rồi những chiếc áo dài em vẽ xong, đem may về treo ở giữa phòng. Căn buồng này chẳng khác nào chốn hậu cung của những nàng cung phi thời cổ tích, khi những mầu sắc, những nét họa đó giăng khắp nơi. Em đã để hồn mình chìm vào trong cái thế giới huyền hoặc đó, em đã tô son vẽ mực không phải lên khuôn mặt mộc mạc của em mà lên cái trái tim lãng mạn lúc nào cũng đập sai một nhịp của mình. Còn tôi thì tôi đã thật sự bị đẩy ra xa ngoài cái thế giới huyền hoặc đó. Tôi thực tế, tôi vụng về, tôi ở giữa cõi trần tục lụy và trái tim tôi chỉ đập những nhịp đập bình thường. Nó không biết dừng lại một giây hay tăng thêm một nhịp, nó chỉ làm công việc của một cái đồng hồ cơ bắp. *Trái tim* tôi không biết vẽ tranh, không biết căng lụa không biết viết văn, cũng chẳng biết đọc thơ, nhưng quả thực nó biết đau đớn từ ngày em bỏ ra đi.

Tối tối nằm ngủ trong căn buồng này, tôi mở mắt nhìn lên trần nhà, tưởng tượng lại căn buồng ngủ ở trên lầu, không biết chiếc giường ngủ của vợ chồng người chủ mới có kê ở chỗ cái giường cũ đã kê không? Cái cửa sổ hướng Bắc mỗi đêm rằm mặt trăng chiếu xiên vào một góc cái bàn viết của em có còn dịu dàng như ánh trăng năm cũ? Và ở đó có hay không một cái bàn xếp đầy sách báo để đợi mãi một người. Còn chậu hoa quỳnh nữa, chắc nó đã chết héo hon vì không người chăm tưới. Trong cái tủ quần áo của em những đôi giầy của người chủ mới có cùng mang một số, một kiểu của em không? Sau ba năm rồi còn sợi tóc nào sót lại ở trong buồng tắm vướng ở dưới cái bồn rửa mặt? Tôi vẫn ngửi phảng phất quanh đây mùi xà bông trầm em hay rửa mặt, mùi vỏ chanh em hay xả tóc, và mùi phấn nụ thơm tho.

Trong căn bếp của người chủ mới không có mùi thịt nướng đặc biệt em làm, không có mùi cá kho lối Bắc, không có mùi bún bò Huế em hay đãi bạn bè. Vợ chồng trẻ này họ mộc mạc, hiền lành, cái ăn, cái mặc dản dị. Tôi nghĩ là họ cũng yêu nhau dản dị lắm. Tôi ở đây cũng mấy tháng rồi mà chưa nghe họ to tiếng, hay mất lòng nhau. Không thấy người vợ than phiền vì tính bừa bãi của chồng, họ không phê bình nhau, không khen ngợi cũng không chỉ trích. Tôi nghĩ họ sung sướng hơn tôi và em ngày trước. Họ chấp nhận nhau như thể người kia không đổi khác được hoặc không cần phải đổi cho hài lòng người này. Chồng cứ thế và vợ cứ thế. Người vợ không biết nghe nhạc, vẽ tranh, nhà cửa không vén khéo, ăn mặc cọc cạch, nấu nướng cũng vụng nhạt nhưng lúc nào người vợ ấy cũng cười, cười cả ở cái thô kệch của người chồng. Họ là một cặp vợ chồng hạnh phúc. Họ không từng bất hạnh như chúng mình bất hạnh. Trong 10 năm chung sống với nhau tôi không bao giờ đuổi bắt kịp cái bóng của em. Tôi không đủ mơ mộng để thưởng thức một bài thơ với em, không đủ kiên nhẫn để nghe em đọc một truyện ngắn, truyện dài. Không biết khen một mầu son em mới mua, một bông hoa em vừa mới vẽ. Tôi nông cạn quá nên tôi không cầm giữ được em lâu. Từ khi em bỏ đi tìm về mối tình của ngày mới lớn, tôi cũng trở về quê nhà tìm lại vợ con xưa. Tôi nghĩ người đàn bà quê mùa đó sẽ đem lại cho tôi cái đời sống bình dị của tôi, tôi không còn phải hụt hơi trong một đời sống lúc nào cũng như mất thăng bằng, lúc nào cũng như bị kéo bằng những chiếc dây của một người ngồi trong sân khấu mà tôi chỉ là một hình nộm nhồi bông.

Tôi tưởng đời sống sẽ như tôi sắp đặt, nhưng mà không phải thế. Hơn ba năm về sống ở Việt Nam sống cuộc đời tự do ăn, tự do mặc, nói năng không cần lựa chữ lựa câu, giao thiệp toàn với người dưới tay mình. Tôi đã được hưởng một thời gian dài làm chủ mình và làm chủ người khác. Vợ

con tôi chỉ biết nghe tôi nói, không biết bất bẻ, nói trái ý tôi. Những người làm chung với tôi chỉ biết làm khi tôi ra lệnh. Không biết hay không dám làm khác đi. Tôi bỗng thấy mình có giá trị hẳn lên. Dưới con mắt mọi người tôi là một nhân vật hoàn hảo và tôi sống trong cái hào quang đó. Nhưng em có biết không cái hào quang đó không kéo dài được mãi. Một buổi chiều đi làm về ngồi giữa bàn ăn với vợ con, nghe họ nói chuyện tôi bỗng thấy mình lạc lõng, bỗng thấy thèm được nghe những câu nói cầu kỳ từ miệng em, những lời phê bình cân nhắn của em về một cử chỉ vô ý của tôi, về một tật xấu mà tôi không thể bỏ được. Sao không có ai đến đọc cho tôi nghe một bài thơ? (mà trước đây tôi coi là một cực hình) Sao không có ai đến nhờ tôi phơi dùm vuông lụa, pha hộ gói màu rồi chê là tôi không có khiếu mỹ thuật? (mà trước đây tôi thấy mình bị tổn thương) Tôi biết tôi là một người đàn ông chỉ biết làm công việc của một công chức cần mẫn lên lương, lên ngạch theo thời gian. Tâm hồn tôi như một phiến gỗ, nhìn vào đó người ta không phải tìm tòi suy nghĩ và không hề gây một ngạc nhiên nào cho ai. Em chẳng bao giờ cần phải dùng trí tưởng tượng để tìm hiểu về tôi. Còn tôi, tôi vẫn đứng ở bên lề đời sống em, ở bên ngoài ý nghĩ em, và em là một sinh vật ngoài tầm hiểu biết của tôi. Sống với em tôi là một người mù chữ, một người điếc và một người câm. Dưới mắt em tôi là một người khuyết tật.

Và em đã tìm đủ cách để hướng dẫn tôi sống theo cách sống của em. Chính điều này đã làm tổn thương tôi. Tôi đã phản ứng lại để bảo vệ tự ái của mình bằng cách sống thật trái ngược với em. Tôi hành xử như một người khuyết tật thật sự. Tôi thô bạo, tôi cộc cằn, tôi không có văn hoa, kiểu cách (Tôi cho đó là những trò phù phiếm của bọn làm văn nghệ), tôi kém tế nhị với những người bạn của em. Và chính những phản ứng này của tôi đã đẩy chúng ta mỗi người đi một ngả. Và bạn bè em đã nhìn tôi bằng con mắt khác. Khi tôi rời Việt Nam để trở lại Mỹ tôi nghĩ rằng cái khô, cái nắng của Việt Nam đã làm tôi nhớ mưa nhớ gió ở Seattle. Cái thiếu, cái đủ ở Việt Nam đã làm tôi nhớ những cái dư, cái còn tôi để lại trên mảnh đất này. Nhưng khi đặt chân về Seattle, thở lại cái không khí, cái sinh hoạt quen thuộc tôi vẫn thấy mình hụt hẫng. Tôi biết rằng cái tôi thèm khát được tìm lại chính là khoảng thời gian tôi đã sống với em, chính là những kỷ niệm chúng ta đã có với nhau. Tôi biết những kỷ niệm ta có buồn nhiều hơn vui. Và điều buồn bao giờ cũng làm người ta nhớ lâu hơn.

Những tháng ngày trở lại sống ở Seattle một mình tôi mới nhận rõ được giá trị của nghệ thuật, của văn chương. Tôi mới thấy thấm thía câu em thường nói với tôi "Người ta không phải chỉ sống với bánh mì và nước

lạnh". Trước đây em đã đòi hỏi ở tôi những cái mà tôi không có khả năng để cung cấp cho em. Nhưng bây giờ tôi sẽ đi tìm, và càng ngày tôi càng thấy đó là những điều tôi cần phải có cho chính bản thân tôi. Tôi muốn thăng hoa đời sống mình bằng một cái đẹp mà tôi không chạm tay vào được.

Cô chủ nhà vừa bước ra khỏi xe, bỗng kêu lên thảng thốt với chồng:

– Anh xem kìa, lạ không!

Người chồng tắt máy xe, đi ra nhìn theo ngón tay vợ. Mảnh vườn trước nhà trông lạ hẳn đi, cỏ đã cắt bằng phẳng, chung quanh vườn không một cọng cỏ dại, những bụi hoa như được đem hẳn ra ánh nắng, có thêm rất nhiều hoa mới được trồng thêm vào, trên những cây hoa hồng không còn một chiếc lá xấu, và tất cả các cây hoa vừa được rửa sạch những hạt bụi trên từng nhánh, từng ngọn. Mảnh vườn như một thiếu nữ vừa bước ra khỏi nước.

Người chồng bảo:

– Chắc là bác thuê nhà bắt đầu ra tay đấy em ạ, thế là từ bây giờ mình không phải lo đến chuyện làm vườn nữa. Ra vườn sau xem sao?

ở vườn sau cũng được săn sóc như vườn trước. Hàng phi lao, hàng bạch dương đã lừng lững lấy lại được cái dáng trượng phu, dưới chân những cây đó đám cỏ dại đã bị hủy liến đi chỉ còn những bông hoa e dè khép nép như những cô con gái mới lớn đứng bên cạnh những người đàn ông nghiêm túc. Người chồng hít một hơi dài trong không khí, quay sang vợ nói một câu rất mộc mạc:

– Trông mảnh vườn đã quá em nhỉ!

– ừ, em cũng chỉ mong bác ấy ở hoài với mình, em sẽ bớt tiền nhà xuống.

Vừa nói, người vợ vừa đi vào nhà bếp theo lối cửa sau, để mặc ông chồng đang say sưa với mảnh vườn đẹp đẽ, cô vào để nói lời cám ơn với bác thuê nhà.

Nhưng người thuê nhà không còn ở đây nữa. Căn buồng trống rỗng, cả cái bàn dài cũ cũng được mang đi, bác ta chỉ để lại một tờ giấy nhỏ với mấy dòng chữ xin lỗi đã dọn đi mà không báo trước cùng một tấm ngân phiếu trả tiền mua lại cái bàn cũ với một giá mà cô chủ nhà không phàn nàn vào đâu được. Cô cầm tờ giấy trong tay đứng ngẩn người ra ngắm căn buồng trống một lúc, rồi đi ra, vừa đi vừa nói:

– Cái bác thuê phòng này lạ thật!❐

10-98

Tâm sự dòng sông

Hoàng Bích Đào

Sông Seine thân mến,

Cầm lá thư màu thiên thanh với mùi trầm hương thoang thoảng như tình bạn dễ thương của hai ta, Hương Giang xúc động với những lời chân tình, tha thiết:

- Hương Giang qua đây, Seine sẽ dành một nửa giang san để Hương Giang tha hồ uốn mình lượn khúc. Paris mà có thêm Hương Giang sẽ tăng thêm vẻ mộng mơ cho thành phố, du khách chắc sẽ say đắm, suối tóc xanh màu ngọc bích quí phái cao sang e ấp như các nàng công chúa Nguyễn Triều ngày xưa! Seine rất tiếc vẻ đẹp thiên kiều của Hương Giang phải chôn mình ở vùng đất miền Trung cằn cỗi.

- Xin cảm ơn lời quá khen của bạn, Hương Giang thật sự đã sinh ra nơi vùng "đất cày trên sỏi đá" không như quê hương của bạn là một kinh đô ánh sáng, nhưng Seine ơi, đó là nơi "chôn nhau cắt rốn" của Hương Giang. Và Seine biết không, chỉ cái tên Hương của mình cũng đã gắn liền với lịch sử của Huế nhất là Vương Triều nhà Nguyễn. Có lẽ mình sinh ra từ thuở "Trời đất nổi cơn gió bụi" nhưng tên Hương có được là do Chúa Nguyễn vào "Hoành Sơn nhất đái" để dưng thân và nuôi mộng lập quốc. Lúc nằm mộng, được bà Tiên dạy Chúa thắp một nén hương từ chùa Linh Mụ rồi xuống thuyền theo dòng nước, thuyền trôi cho đến khi tàn nén hương, Chúa lên bờ đó là vùng đất xây thành Phú Xuân, với nén hương đó dòng sông được mang tên là Hương Giang, từ đó!

Hương Giang tuy rất mong manh nhưng cuộc sống đã gắn liền với Huế, với núi Ngự với Hoàng thành... Hương Giang không còn là của riêng một dòng sông, Hương Giang tràn đầy kỷ niệm của bạn bè bà con, của năm tháng mộng mơ, của thăng trầm lịch sử...

Hình thành từ những lũng sâu núi thẳm của dãy Trường Sơn những

ngọn núi đó đã tạo nên Hương Giang từ thuở nào. Tuy rằng không phong phú như Seine, nhưng Hương Giang quanh năm cũng được biển Đông nuôi dưỡng. Cứ mỗi chiều, mỗi sáng, biển Thái Bình gửi về Trường Sơn những đám mây bạc lững lờ tiếp sức cho Hương Giang "Nghĩa biển tình sông" không bao giờ phai nhạt, sẽ mãi đậm đà làm cuộc sống thăng hoa. Những núi dựng đứng của Trường Sơn hùng vĩ đó, đã đưa Hương Giang vào đời, đã dìu Hương Giang vượt qua bao thử thách. Biển Đông đã bồi đắp cho Hương Giang lớn mạnh và cũng đã dung chứa những muộn phiền, bất ổn của Hương Giang. Hương Giang đã có Trường Sơn rừng vàng và Thái Bình biển bạc. Vùng đất có tên là "Tuần" là nơi Hương Giang bắt đầu cuộc hành trình đi vào lòng xứ Huế. Ở đây, mặt sông thật rộng, phẳng lặng như mặt hồ mênh mông, vây quanh là rừng thông và đồi núi chập chùng...

Cuộc đời của Hương Giang như thế đó, một lần nữa cảm ơn Seine, Hương Giang mà đến xứ văn minh thì không sớm muộn gì cũng khô héo yểu mệnh thôi! Nào còi xe rộn rịp huyên náo, du khách tấp nập, Bateau mouche đêm ngày sình sịch ngược xuôi, làm Hương Giang mất đi những phút giây quý báu: mình soi mình đáy nước, sống nội tâm.

Nhìn lại cầu Tràng Tiền, gẫy mấy vại ngày xưa vẫn còn đó lưng gầy guộc chịu với thời gian, chia sẻ đau thương và tang tóc. Chỉ có tưởng tượng nếu ta ra đi, còn lại khoảng đất trống trũng sâu hào khô đầy sỏi đá... lau sậy ngơ ngác, trăng sao lạnh lẽo bơ vơ, trơ thân cây đa tìm không ra bến nước cũ, để đêm đêm như nhớ chị đò... Nếu Hương Giang qua bên ấy, có Paris ánh sáng hoa lệ, nhưng lòng ta vẫn u sầu thương về bến cũ nhớ con đò xưa mà lòng thêm xót xa!

Hương Giang còn nhớ lần đầu tiên ta gặp nhau bên cầu Pont aux Doubles thật đẹp. Sông Seine về đêm thật dịu dàng, gió nao nức từ cuối miền tả ngạn đem về cảm giác lành lạnh, ánh sáng từ những tòa lâu đài, phố sá chiếu xuống dòng sông rực rỡ lấp lánh. Hai bên bờ sông, những hàng lệ liễu như bóng dáng người chinh phụ xõa tóc chờ mong ai... Xa xa những cây cầu lịch sử Alma, Mirabeau, Saint Michel... tựa những cánh tay trìu mến ôm choàng lấy bạn. Buổi tối mặt sông êm đềm, trời xuống thật thấp khói sương mờ mờ, xa xa Tour Eiffel ẩn hiện trong mây mờ ảo... tiếng chuông nhà thờ Notre Dame ngân nga trong gió, như tiếng gọi từ ngàn năm trước thức tỉnh con người mau trở về với Chúa.

Ánh trăng lưỡi liềm vàng vọt le lói trên giòng sông mông lung, trên đồi cao, những lâu đài cổ kính chìm trong sương, chỉ còn nhận thấy mái rong rêu nhạt nhòa theo năm tháng. Trong gió thì thầm nghe như có tiếng nức nở từ miền hoang vu hiu quạnh... Có phải chăng tiếng khóc than của

Hoàng Hậu Marie Antoinette (1) trong lâu đài cổ năm xưa...

Đứng trên dòng sông này làm Hương Giang nhớ đến sông Danube, dòng sông trữ tình với nhạc khúc bất hủ Flots du Danube của J. Strauss, người nhạc sĩ tài, sáng tạo nhịp ba, những đêm xuân đầy trăng trên dòng sông trẩy hội tình yêu những ca khúc thanh thoát dào dạt rót vào lòng người những bâng khuâng thương nhớ... như những mối tình diễm ảo chợt đến chợt đi...

Nhắc đến những chuyện tình ngày xưa, cũng làm cho Hương Giang xao xuyến nhớ chuyện tình lịch sử của Cléopatre và Antoine trên dòng sông Nil... trăng vừa nhô lên từ cuối chân trời rạng rỡ như sự trỗi dậy của miền nhiệt đới mang màu hổ phách, loang loáng trên dòng sông, bàng bạc như phấn hương như tro bụi, gợi nhớ về một thuở xa xưa với hình bóng kiêu sa lộng lẫy của Nữ Hoàng Cléopatre còn in dấu hài trên bờ sông Nil với những du thuyền tráng lệ, nguy nga, hàng trăm cung nữ xinh đẹp của xứ ngàn lẻ một đêm huyền bí thần thoại...

Lòng Hương Giang còn vấn vương hoài cảm... khi đặt chân trên bờ sông Dịch Thủy, ngỡ ngàng trước cảnh thê lương, không cầm giữ nổi xúc động khi nhìn bờ sông với triền cát trăng xóa, thoai thoải bao la ngút ngàn, cái gì u uẩn mang nặng nỗi hờn vong quốc. Nơi đây Kinh Kha ra đi không hẹn ngày trở lại...

Seine biết không, Hương Giang đến thăm sông Venise nơi được mang danh là con sông thơ mộng diễm tình. Một thành phố lâu đài xây dựng trên mặt nước. Những chiếc thuyền tình lững lờ trên dòng sông như mang hạnh phúc lạc vào Đào nguyên...

Nhìn những chiếc thuyền yêu đương nổi trôi làm Hương Giang tưởng nhớ đến một chuyện tình dang dở... gần đấy, Hương Giang đã một lần đứng trước mộ bia của Roméo và Juliette, thiên tình sử được muôn đời nhắc nhở Hương Giang không khỏi ngậm ngùi xót xa mối tình chung thủy của đôi lứa. Không cầm được nước mắt, Hương Giang đã khóc cho cuộc tình không trọn, đành hẹn lại kiếp sau.

Trĩu nặng những hoài cảm vấn vương trong lòng, Hương Giang đi tìm một nơi có nắng ấm để mong nắng có mang lại một chút thanh thoát tâm hồn. Con sông Neva Leningrad đã quá gần gũi mặt trời. Trong ba tháng hè ở đây không có cảnh đất đen đuổi ánh sáng mặt trời. Đêm nơi đây ôm ấp cái ánh sáng thê lương trắng đục ngà ngà. Hương Giang đã ngây ngất với giòng sông nhuộm màu thạch nhũ (2).

Seine ơi, như ta đã kể, nhiều sông danh tiếng cũng không cầm chân ta được. Ta vẫn nhớ Huế vì ta là của Huế đời đời kiếp kiếp. Chừ, ta ngồi đây ôm tràn kỷ niệm của bạn bè của tuổi thơ mộng mơ ta với Huế. Của

những tiếng ve sầu ra rả đón Hạ về, những ngày nắng cháy làm hoa phượng thêm rực rỡ chói chan, những tàng cây buông mình lả lơi như âu yếm lòng ta. Từng đàn bướm trắng, những con chuồn chuồn đạp nước đuổi nhau trên mặt sông làm xao động gợn sóng, lăn tăn...

Đêm hè những sao trời lấm tấm, in hình trên mặt sông như kim cương lấp lánh. Trăng thật sáng, treo ngang sườn núi Ngự soi xuống dòng sông. Con đò lửng lơ, giọng hò dìu dặt như điệu buồn Nam Ai. Trong khoang ánh sáng mập mờ le lói. Cô gái mảnh mai nghiêng mình đẩy mái chèo. Dưới ánh trăng bóng cô đổ xuống mặt sông ẻo lả nhỏ nhắn, mái chèo rẽ nước trôi về đâu đêm nay: Xuôi Đại Lược hay ngược Kim Long...?

Seine biết không, mùa Thu êm dịu đưa ta về quá khứ nào một thuở vàng son, lòng ta lâng lâng theo gió cuốn. Thu về, những con gọng vó chạy tung tăng trên mặt nước, Thu đem những chiếc lá vàng rơi hiu hắt... Bến đò Thừa Phủ, những tà áo nữ sinh, chiếc nón lá bài thơ che lệch mái tóc xõa hững hờ trên đôi vai. Những ánh mắt hồn nhiên e ấp, ríu rít như đàn chim non. Đò qua sông đó đây tiếng cười khúc khích rộn rã bên sân trường Đồng Khánh, Khải Định, hương hoa me thoang thoảng, mùi hoa sứ hoa đại trong sân trường lùa trong nắng thu tản mát như hương trời phiêu bồng trong gió, lồng lộng bay bay tà áo dậy thì... phảng phất hương nồng chùm kết còn vương trên mái tóc thề mềm mại nhung tơ. Bóng trăng lẽo đẽo theo ta, bên kia cánh đồng Nguyệt Biều như giải lụa bạch dưới trăng. Câu Bạch Hổ lạnh lùng, kìa Kim Long trong giấc ngủ kiều diễm mơ màng chiêm bao:

"Kim Long nhiều ả mỹ miều
Trẫm thương Trẫm nhớ Trẫm liều Trẫm đi"

Trong vắng lặng, tiếng chuông ngân nga đìu hiu buồn trong gió đêm. Chùa Thiên Mụ cao vút, đứng suy tư bên rặng thông già vi vu, với ngàn mây trắng xóa. Lòng ta chợt thanh thản, nhẹ nhàng. Tiếng nước róc rách vỗ mạn thuyền, giọng hò như từ miền hoang vu như nức nở, nghẹn ngào xao xuyến cả dòng sông... mái chèo nhịp nhàng rẽ nước lặng buồn trôi... dưới ánh trăng cô lái, con đò như lạc vào sương khói mang theo cả ngàn sao trời lấp lánh...

Đêm đêm Hương Giang lại mê mải đón từ những con kinh chạy về sông mang theo hương sen ngào ngạt trong các hồ Tịnh Tâm thoang thoảng. Bên kia Côn Hến bắp trổ đòng đòng trong gió nồm thơm ngọt. Kìa Vĩ Dạ, hàng cau xanh dưới trăng, những chùm cau tơ non lóng lánh như màu nhũ ngân, mùi hương cau ngan ngát trong đêm.

Thế rồi mùa Thu đi qua, mùa Đông lại đến với những cơn mưa dầm dề, đượm màu ủ dột, nhịp sống của Huế vốn đã hiền hòa, chậm rãi lại càng trở nên trầm lặng, u hoài. Đây là khoảng thời gian để mọi người trở lại sống với nội tâm, nhìn qua màn mưa mà tìm về dĩ vãng vui buồn, và khơi dậy cả những ước mơ chưa trọn.

Hương Giang hòa chung nhịp sống với Huế. Những hạt mưa rơi đều, rơi mãi trên mặt sông, khiến khách hào hoa phải trốn lạnh, chỉ còn thưa thớt ít con đò nghèo, không quản rét mướt phải xuôi ngược kiếm ăn. Đã vắng đi giọng hò mái đẩy, người lái, bạn hàng co ro trong những chiếc tơi lá dùng để che chắn gió mưa. Lòng Hương Giang cũng quặn đau, vì thế trở thành đục màu, không còn trong xanh như những ngày Thu tháng Hạ.

Tuy Huế là xứ mưa dầm, nhưng có cơn mưa nào lại không có lúc tạnh. Khi đàn chim bắt đầu chuyền cánh ríu rít cũng là lúc các cô, cậu bé chạy ra đường theo rãnh nước, thả thuyền giấy đùa vui. Tiếng cười, tiếng nói trẻ thơ làm cho người lớn bớt đi phần nào giá buốt trong lòng. Riêng Hương Giang, những sáng những chiều khi cơn mưa chưa đổ xuống, mặt nước bốc lên những màn khói trắng ảo mờ là đà trên sóng nhẹ, chẳng khác gì bầy tiên đang múa khúc nghê thường, làm sống dậy nét thơ mộng của đất Thần Kinh đã bị chôn vùi trong những mùa Đông giá lạnh.

Seine ơi, có những chiều, ta thường suy tư ngắm hoàng hôn xuống đổi màu tím sẫm, dưới chân đôi Vọng Cảnh. Từng đám mây phiêu lãng, dòng nước chảy lờ đờ cuốn theo những cánh bìm bìm trôi... Khói lam quyện lên trong u hoài, chiều đã nhạt nhòa bao trùm lên cảnh vật. Hương Giang lờ lững qua các lăng tẩm của các Tiên Đế nhà Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng, mà hậu duệ của các vì vua đa tình ấy... Ta tưởng như màu thời gian chưa tàn phai kỷ niệm còn khoắc khoải dấu yêu, có lẽ vong hồn năm tháng cũ trở về lưu luyến đâu đây:

"Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi"

Seine thân mến, Hương Giang đã kể cho Bạn nghe quá nhiều phải không Bạn? Biết làm sao khi Huế với Hương Giang chỉ còn là một. Những nhục, vinh, buồn, vui đều cùng chia sẻ, những thăng trầm của vận nước đều chịu chung. Hương Giang đã chứng kiến cốt nhục tương tàn, anh em giết lẫn nhau. Có đêm Hương Giang thao thức bồi hồi khi nghe tiếng khóc của người cô phụ bị mất chồng con:

"Thuyền ơi ta chở trăng đi

Lời cỏ
NHU CHI

Khởi từ đất rồi trở về với đất
Nặng thâm ân từng khoảnh khắc trần gian
Xin dáng sống từng phút giây được sống
Nâng chân người mỗi bước tới bình an

Mênh mông biển gió thấy gì nữa đâu!
Thuyền ơi! Ta đến bến sầu
Khóc không nước mắt, hoài màu thời gian
Thuyền ơi! tóc chảy đêm vàng
Giai nhân sóng soải hai hàng chiêm bao
Chồng tôi rách nát chiến bào
Vi vu nước mắt bay vào kinh đô"
(Hoàng Cầm)

Bạn thấy đó, làm sao Hương Giang có thể bỏ Huế đi cho đành. Hương Giang cũng như người xứ Huế, trong khổ đau vẫn hiên ngang ngẩng mặt nhìn đời. Từ trong tiềm thức, Huế vẫn là nơi ngàn năm văn vật, với lâu đài thành quách cổ kính, với lịch sử oai hùng. Huế có nhạc trữ tình, văn thơ tuyệt tác. Huế có giai nhân kiều diễm và có Hương Giang, dòng sông thơm ngát với những con đò mang phong chở nguyệt lững lờ trong sương...

Seine ơi! Hãy thông cảm cho nỗi lòng của Hương Giang, nếu phải rời xa Huế, đau khổ biết chừng nào nếu phải từ biệt Cố Đô. Ta vẫn đợi trên trùng khơi nỗi nhớ, trong mòn mỏi chờ mong: Huế của ngày qua, Huế của ngày mai và Huế của tương lai rực rỡ...❑

(1) Đời vua Louis 16 và Hoàng Hậu bị giam cầm, sau đó chạy trốn đã bị bắt xử chém trên đường đào tẩu.

(2) Tại Nga Sô vào tháng 5, 6, và tháng 7 vùng đó không có đêm.

Chương Phềnh

Nguyễn Hoài Phương

Tên gã là Hà Quang Chương. Nhưng bọn bạn bè cùng lớp, cùng trường ngày xưa, đám đồng nghiệp cùng cơ quan dạo còn ở Việt Nam, mấy ông bà lao động hợp tác quốc tế cùng đội lúc ở bên Tiệp, cũng như mấy cô, mấy chú đồng hương tỵ nạn ở đây bây giờ thỉnh thoảng vẫn trêu trọc mà gọi gã bằng một cái tên kép nghe nhẹ phều và vô vị, nhạt phèo phèo là Chương Phềnh. Năm nay Chương Phềnh hơn bốn mươi tuổi. - Chính xác hơn thì là bốn mươi hai, - Gã nói với tôi thế. Tin hay không, tùy các bạn? Còn phần tôi, xin mọi người thông cảm cho, bởi khi viết về bất kỳ một ai đó, tôi vẫn giữ thói quen là hay giới thiệu qua chút ít về họ tên và tuổi tác của họ trước đã.

Điều đầu tiên, và phải nói ngay là khi ngồi viết những dòng chữ này tôi thấy gã đang soi gương. Nói không phải để quảng cáo hộ ai, chứ nhà gã nhiều gương lắm. Không kể rất nhiều những cái loại nhỏ để trong túi áo khoác, túi xách, ba lô, ví tiền, hộp dao cạo râu, hộp thuốc lá, hộp diêm, hộp kính... chỉ riêng những loại từ nửa mét trở lên đến chiếm gần hết chiều cao của một bức tường, trong nhà gã cũng phải có đến hơn chục chiếc gương đủ các kiểu dáng: từ hình chữ nhật nằm, chữ nhật đứng, đến hình tròn, ô - van, bán nguyệt, hình thang ngược, hình thang xuôi, hết hình trái tim, lại đến hình bông hoa, rồi loại quay được, loại kéo ra kéo vào được, loại gấp, loại xếp... vân vân... và... vân vân...

Đi đến đâu, ở bất kỳ vị trí nào, và đang làm gì (tất nhiên là chỉ trong phạm vi cái căn hộ nho nhỏ này của gã mà thôi), Chương Phềnh cũng thấy hình bóng mình trong một tấm gương nào đó. Nói ra đây thế nào cũng có bạn cười thầm, nhưng đúng là kể cả khi ngồi cầu tiêu trong phòng vệ sinh gã cũng có thể soi gương được. Chẳng biết có bạn đọc nào ở đây đã được thấy, được chiêm ngưỡng cái dung nhan của mình trong cái

hoàn cảnh như thế bao giờ chưa. Theo Chương Phềnh thì đúng thật là không có khuôn mặt nào vô duyên đến như vậy. Nó chảy dài thườn thượt, đuồn đuỗn, lỳ xà lỳ xì, thõng xuống, chán đến không thể nào mà tả nổi. Cũng có một vài lần vì thấy mặt mình vô hồn, nhợt nhạt, buồn bã như nặn bằng đất thó, mà gã đã thử nhếch mép, thử nhoẻn miệng cười xem nó có sinh động lên được phần nào không, thì của đáng tội cái nụ cười cố tạo ra ấy trông lại càng chán hơn nữa. Người ta vẫn nói: mặt nghệt ra như thằng ỉa đùn... Còn Chương Phềnh lại nghĩ là dù có ị kiểu gì đi chăng nữa thì cái mặt cũng cứ vẫn nghệt ra như thường, kể cả những khi xuôn xẻ, dễ dàng lẫn những lúc gặp phải trường hợp khó khăn như táo bón, tiêu chảy hoặc kiết lỵ.

Ngày còn ở Việt Nam, ngay từ dạo mới ba bốn tuổi, còn bé tí, Chương Phềnh đã có thói quen soi gương nhiều một ngày đến hàng vài ba chục lần. Lớn lên, tuy trong nhà đã có rất nhiều gương to để soi chung, nhưng cũng như bố mẹ, anh chị, và các em trai, em gái... gã vẫn phải tự sắm riêng cho mình cả chục cái gương nho nhỏ khác, nhét đầy các loại túi. Chương Phềnh bảo với tôi là: ở bất kỳ chỗ nào, cứ có thời cơ là gã rút gương ra soi, và chỉ vài chục phút đồng hồ nếu không tự được nhìn thấy mặt mình đã cảm thấy áy náy, bứt rứt không thể nào chịu nổi. Gì chứ cái chuyện soi mình xuống mặt sông, mặt hồ hay xuống đáy giếng nước, chậu nước, (kể cả là nước rửa bát, rửa rau hoặc nước vo gạo), hay soi vào cửa kính, vào bất kỳ thứ vật liệu nào phản chiếu được ánh sáng, đối với gã là việc rất thường. Cái thú thích soi gương của Chương Phềnh nhiều khi kỳ cục, bệnh hoạn đến mức quá đáng. Có lần đang đứng đái bậy bên vệ đường, (xin bạn đọc lượng thứ cho, nhưng đúng là như vậy thật), theo thói quen gã lại nhớ, lại muốn soi gương. Chẳng hiểu sao, dù đã kiên nhẫn sờ lần hết từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, từ đằng trước ra đằng sau, lục đi lục lại cả chục lần mấy cái túi quần, túi áo, mà Chương Phềnh vẫn không thể tìm đâu ra mấy tấm gương của mình... Nhìn quanh quất, xung quanh đấy lại chẳng hề có lấy một vũng nước nhỏ nào. Thế là gã đành phải kiên nhẫn đứng đợi cho bọt của bãi nước đái tan hết để soi bằng được cái mặt xuống đấy một lúc mới thấy tạm yên tâm.

Chương Phềnh nói với tôi rằng ông già bố của gã là giám đốc công ty thương nghiệp, còn bà già thì là cửa hàng trưởng của một cửa hàng thực phẩm lớn vào loại nhất nhì thành phố. Cả hai ông bà già đều rất nghiện soi gương và rất thích mua sắm gương soi. Nhất là ông già. Gã nghĩ rằng, cái tính mê soi gương của mình có lẽ là do chính ông bà già di truyền sang cho... Gã cũng kể rằng: chẳng hiểu sao mà từ ngày còn nhỏ, mấy anh chị em gã đã rất thính đứng, kể cả là hàng giờ, quên cả học, cả chơi hoặc bỏ cả

làm các việc khác, ngồi ngây người ra ở một góc nào đó, cốt chỉ để xem ông già, bà già tỉa tót trước những tấm gương to, gương nhỏ trong nhà mà không hề cảm thấy nhàm chán.

Mặc dù gã nói với tôi cũng lắm, nhưng tôi vẫn không muốn kể nhiều về chuyện bà già của Chương Phềnh. Vì dẫu sao bà cũng thuộc phái nữ, cái chuyện đứng, ngồi, đi qua, đi lại trước gương hàng buổi là rất bình thường. Tôi thấy, chỉ ông già gã mới đặc biệt. Như trên tôi đã chép, ông già gã là giám đốc một công ty thương nghiệp lớn của thành phố. Vào thời buổi nhất thương nhì thực này thì đây là một chức vụ thuộc loại hết sức mầu mỡ nên ông được rất nhiều loại người quan tâm. Loại luồn cúi, nịnh hót, ra vẻ trọng vọng ông để trục lợi cũng nhiều, mà loại nham hiểm, ngày đêm bày đặt mưu ma chước quỷ cốt dụ ông vào tròng, hòng hất ông bay khỏi ghế để nhảy vào chiếm chỗ cũng lắm...

Nhưng có khi cũng chính vì thế mà ông già Chương Phềnh phải dày công học hỏi cách đối nhân xử thế. Hai quyển sách có tựa đề Tôi là giám đốc tập một và tập hai dịch từ nguyên bản tiếng Nga cùng một loạt những sách học làm người, rèn luyện trí thông minh, đắc nhân tâm của các chuyên gia nổi tiếng khắp thế giới... lấy được từ dạo giải phóng Miền Nam là những tác phẩm gối đầu giường của ông. Ngoài việc đọc, nghiên cứu đủ các loại tài liệu, sách vở để tìm những giải pháp ứng xử đẹp nhất ra, ông già còn rất tích cực thực hành qua những tấm gương. Chương Phềnh nói với tôi là ông phải tập đi tập lại từng động tác. Tập ăn tập mặc, tập đứng, tập ngồi, tập đi lại, nói cười, tập chào, hỏi... vân vân... và... vân vân... Kể cả những việc nhỏ xíu tưởng như không đáng để ý, như ăn xong phải xúc miệng, xỉa răng thì ông cũng phải xúc và xỉa trước gương cho đúng cách.

Có lần Chương Phềnh kể cho tôi nghe chút ít về một việc đơn giản nhất là cái bắt tay mà ông già gã cũng phải chia ra đến cả chục kiểu: Với đám nhân viên, loong toong, tẹp nhẹp trong công ty, ông chỉ đưa mấy ngón tay ra cho họ lắc nhẹ một cái rồi rút ngay về để thọc luôn vào túi áo, túi quần... Đến đám trưởng, phó phòng và mấy vị phó giám đốc thì ông cho phép được bắt tay lâu hơn một tí. Nhưng cũng vì phần lớn trong cái đám này là những bọn đầu gấu, bọn đầu trâu mặt ngựa, cứng cổ, khó dạy bảo và đầu óc chúng chứa đầy những mưu mô thủ đoạn đê tiện, xấu xa, thối tha, bẩn thỉu, bên ngoài thơn thớt nói cười, bên trong thâm hiểm giết người không dao nên cái bắt tay của ông bao giờ cũng bao hàm luôn ý nghĩa răn đe, thách thức và tỏ thái độ cảnh cáo. Với loại nhu nhược, dễ bảo, ông chỉ bắt rất nhẹ nhàng với độ chặt vừa phải, giữ biên độ và tần số dao động không lớn cũng không nhỏ, và thời gian lắc vừa đủ lâu, đủ để truyền cho bọn này hiểu là phải biết điều mà cư xử như thế nào đó, khéo

ăn thì no, khéo co thì ấm. Nhưng còn với loại hung hăng, có sừng, có cựa hoặc đang làm ra vẻ có sừng có cựa định múa rìu qua mắt thợ, thì ông sẽ bắt tay rất chặt, bóp cho đến khi đối phương đau phải chảy nước mắt, phải nhăn mặt lại. Ông già gã vừa cười rất tươi, đồng thời vừa ghìm, không cho đối thủ được rung, lắc tùy hứng theo ý mình, vừa chiếu tướng nhìn thẳng vào mắt, cho đến khi kẻ kia phải nhượng bộ, nem nép cúi gầm mặt, cụm cúp như chó cụp đuôi xuống mới chịu tha cho.

Trong đoạn trên tôi đã chép về một số kiểu bắt tay đối nội của ông già Chương Phềnh. Gã tâm sự với tôi rằng: Có lẽ vì để ý quan tâm đến cả những điều nhỏ nhặt, tầm thường như vậy nên cả công ty không một kẻ nào dám cụ cựa hoặc ho hoe gì với ông. Kể cả là lão bí thư và con mẹ phó bí thư đảng ủy vẫn nổi tiếng là nhiều thủ đoạn ghê gớm. Đường đường là đảng lãnh đạo, đáng lẽ là có thể tác oai, tác quái, muốn làm hành, làm tỏi gì ai thì làm, nhưng khi gặp phải mặt ông già Chương Phềnh thì cả lão và con mẹ đều phải kiềng. Ông già gã chỉ dùng một mẹo nhỏ để cả hai phải chui đầu vào xiếc xong để đấy muốn giật lúc nào thì giật. Tuy nhiên, có một điều xin bạn đọc thông cảm, là đừng bắt tôi phải kể chi tiết cái mẹo nhỏ kia như thế nào. Bởi, dẫu có tuy nhỏ thật, nhưng nó cũng đã quá đủ khốn nạn đến mức bạn phải kinh tởm đến phát nôn oẹ ra đấy.

Còn sau đây xin kể hầu các bạn một số kiểu bắt tay ngoại giao của ông già Chương Phềnh. Đầu tiên, xin loại ngay hai thành phần chính trong xã hội là đại đa số nhân dân lao động và phần lớn khách hàng của công ty. Lý do là đối với những loại này không bao giờ ông già gã thèm chấp. Hàng hóa buôn bán của các loại cửa hàng trong công ty cũng tiếng là loại để phục vụ đến lượt các vị, đến thứ người vẫn được đài, báo và các loại phương tiện truyền thông khác ra rả gọi là chủ nhân của đất nước, nhưng bao giờ cũng chỉ là những của nội địa, xấu xí. Còn hàng của ngoại quốc, nghiêm chỉnh thì phải ưu tiên giành cho các đồng chí lãnh đạo. Cái mà ông già gã quan tâm hơn cả là cách đối xử với các quan trên. Phải nói ngay, đấy là cả một tập thể mà số đông phải nhiều đến gấp mấy lần số nhân viên trong công ty. Từ các quan trực tiếp của ông nằm ở phòng thương nghiệp quận, sở thương nghiệp thành phố cho đến các quan gián tiếp như ủy ban nhân dân quận, ủy ban nhân dân thành, từ các loại quan gần cho đến những loại quan xa... Chương Phềnh kể lại là chính mắt gã đã thấy ông già nhà mình đứng hàng buổi trước gương để tập cách bắt tay với các loại quan trên ấy. Với ông chủ tịch này thì bắt với thời gian bao nhiêu là vừa, vừa nắm tay lại vừa phải khom lưng, nhún gối như thế nào, với bà chủ nhiệm kia thì phải lắc, phải xoa, phải ve vuốt làm sao cho đủ. Thật cứ như là những phương án, những tình huống đề phòng của quái thủ trước

những khi ra trận phải gặp kình địch đáng sợ.

Trước khi sang hợp tác lao động ở Tiệp Khắc, cuộc đời Chương Phềnh kể cũng khá là phẳng lặng, có thể ví von một cách có hình ảnh là phẳng như mặt gương. Tuy nhiên, có lẽ cũng xin cần mở một cái ngoặc nhỏ đối với bạn đọc nào hay tò mò, toọc mạch hoặc thích bắt bẻ, là tôi không hề viết sáng như mặt gương đâu nhé.

Sức khỏe gã thuộc loại tốt. Chương Phềnh nhớ lại là vào những ngày trẻ trung ấy chẳng bao giờ gã phải biết đến viên thuốc sổ mũi, nhức đầu là gì. Đau bụng thì đúng là có một vài lần nhưng là do gã không chú ý giữ gìn, chỉ vì quá ham ăn uống nhiều quá mà đến mức bị bội thực mà thôi.

Tôi không muốn dấu dốt cho Chương Phềnh. Sức học của gã vào loại rất kém. Nhiều bạn bè tôi cũng bảo rằng cứ nói thẳng ra như thế lại hay hơn. Tội quái gì phải lòng vòng, quanh co. Bạn đọc bây giờ tinh tướng lắm. Nhiều ông, nhiều bà không biết cứ vỗ ngực tự xưng hết là giáo sư này, giáo sư kia, lại đến kỹ sư với tiến sỹ, phó tiến sỹ..., rồi nhà báo, nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động chính trị cứ nhan nhản. Nói chung là toàn các vị hứng lên tự phong cho mình những học hàm, học vị đầy người, nhưng rồi ngoài mình ra còn có lừa dối được ai nữa đâu. Thôi thì tôi cứ nói là Chương Phềnh dốt đúng như thực chất của gã... Tuy nhiên, có một điều cần phải nói thêm, là vào thời đại của Chương Phềnh, và nếu không nhầm thì là thời đại cả của tôi và của các bạn nữa, ở cái nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam này, (xin viết hoa cả mấy chữ cho một bạn nào đó đỡ nhầm), người ta chỉ biết đến hai chữ quyền và tiền. Có quyền là có tiền. Mà có tiền là có tất cả. Vậy nên, khi đã có một ông già là giám đốc công ty thương nghiệp và một bà già làm cửa hàng trưởng một cửa hàng thực phẩm lớn, thì trong cái thời buổi đồng tiền là trên hết, là muôn năm này, dẫu có dốt đến mấy đi chăng nữa Chương Phềnh cũng chẳng việc quái gì mà phải sợ, đúng không nào?... Vậy là, mặc dù mỗi năm phải nợ lại cả năm sáu môn học, như những đứa con cái các nhà thành phần khác trong xã hội thì chỉ có nước trượt thẳng cẳng, nhưng vì có những đồng tiền của ông già bà già đi tiên phong nên cuối cùng cửa nào gã cũng vẫn chui lọt cả... Tôi biết, cho đến tận bây giờ mà ngay đến bốn phép tính cộng trừ nhân chia gã cũng chưa thạo. Những môn thuộc lòng dễ như sử, địa, kỹ thuật nông nghiệp... gã cũng tịt mít chứ đừng nói gì đến lý, đến hóa. Tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc một chữ bẻ làm đôi Chương Phềnh cũng không thèm biết. Ấy vậy, nhưng gã vẫn có đến mấy bằng kỹ sư trong tay. Mà bằng đỏ hẳn hoi. Chương Phềnh nói với tôi rằng: - Đấy là ngày trước gã nghĩ như thế là đủ ô kê rồi, chứ muốn cố để lấy thêm cái tiến sỹ hoặc mấy cái phó tiến gì đó để làm cảnh nữa thì cũng chỉ như trò

bàn tay.

Nói có những tấm gương và mấy tập ảnh kỷ niệm làm chứng, tôi thấy Chương Phềnh không phải là loại xấu trai, nếu chẳng muốn nói là đẹp. Ngoại tứ tuần rồi mà trông gã vẫn phong độ như thanh niên. Bây giờ còn như thế thì chắc trước đây gần hai chục năm chắc chắn lại phải càng đẹp hơn. Gã cao gần một mét bảy mươi lăm, đến tận bây giờ vẫn hãy còn là loại chiều cao hết ý chứ chẳng phải hai thập kỷ trước. Lưng, ngực, bụng, hai cánh tay và bộ giò của gã phải nói là rất sport, nghĩa là chỗ nào cần phình to ra thì phình, cần thắt lại thì thắt. Khuôn mặt chữ điền của gã rất nét, dù không phải lúc bia rượu cũng vẫn cứ hồng hào, mái tóc hơi quăn một cách tự nhiên rủ xuống vầng trán rất phẳng, tai, mắt, mũi, mồm đẹp như tạc... Nói chung, dù chỉ mới thoáng nhìn qua thôi thì ai cũng phải mê, bởi mọi thứ tạo hóa ban cho gã quá ư là lý tưởng.

Năm ba mươi mốt tuổi, vừa nhậm chức trưởng phòng cung tiêu, một cái chức mà chỉ mới nghe tên người ta đã tưởng tượng được ngay ra sự mầu mỡ của nó, thì Chương Phềnh cũng được ông già bà già sang tên cho một cơ ngơi trị giá khoảng hơn bốn trăm cây vàng. Đấy là vào thời điểm cách đây hơn chục năm, đến bây giờ chắc chắn là phải hơn. Vì là thằng con trai khéo nịnh và đoán biết ý bố mẹ nhất nên Chương Phềnh được ông bà già quý như vàng. Của chìm, của nổi khác không kể, chỉ riêng khoản phương tiện giao thông gã đã được các cụ cấp hẳn hai cái dream và hai cái pojo con vịt loại cực kỳ xịn. Nhưng với mấy cái xe sáng choang này gã cũng chỉ dùng để chạy loanh quanh trong thành phố, còn mỗi khi cần đi đâu xa thì đã có hẳn tài xế riêng và xe con của ông già là một cái motxcovich rất đẹp.

Đến đây thì thể nào cũng có bạn đọc đã nghĩ rằng chắc số Chương Phềnh phải đào hoa lắm. Vừa đẹp trai vào loại có thẻ, vừa có chức, có quyền, nhiều bổng lộc, vừa con nhà giàu có, cơ ngơi lại đàng hoàng như vậy thì chắc đàn bà, con gái phải theo gã hàng đàn là chuyện bình thường... Và quả là đúng như vậy. Chương Phềnh nói với tôi rằng: - Đúng là nhiều lúc gã phải dùng cả hai tay mà xua cũng không xuể. Thấy các em bu theo mình đông như ruồi, ghen ghét, cấu chí, dọa đấm đá, rạch mặt, đổ a xít vào mắt nhau loạn xị ngậu nhiều khi gã cảm thấy sốt hết cả ruột.

Nói cho công bằng thì trong số đó cũng có em yêu thương gã thiệt tình và làm trái tim gã rung động thật sự...Thế nhưng đúng vào lúc Chương Phềnh xác định phanh cái đà ăn chơi nhảy múa của mình, rắp tâm tu chí làm lại cuộc đời thì gã lại bị chính ông già sút cho một quả đau như trời giáng.

Chả là ngày ấy Chương Phềnh yêu rất tha thiết một em bé con nhà

lành, khá xinh đẹp và rất ngoan ngoãn. Gặp nhau, yêu nhau rồi, biết là em tốt nghiệp đại học ngoại ngữ ra trường đã hơn ba năm mà vẫn chưa kiếm được việc làm Chương Phềnh mới hỏi có thích về làm ở công ty của ông già thì gã sẽ nói giúp một câu. Lúc đầu em hơi ngại là học ngoại ngữ mà đi làm thương nghiệp thì trái ngành nghề. Nhưng sau nghe Chương Phềnh nói vào nói ra chán chê, dày công thuyết phục mãi cuối cùng rồi em cũng chịu nghe lời...

Chương Phềnh kể: Hôm gã đưa người yêu đến văn phòng giám đốc công ty, vừa nhìn thấy em ông già đã bằng lòng ký quyết định biên chế chính thức luôn. Ông chỉ hỏi thử một đôi điều rồi nhận ngay em vào làm thư ký cho giám đốc. Mới nghe qua, tôi đã phải công nhận lý lẽ của ông già gã đưa ra là rất đúng đắn. Đất nước đang bắt đầu vào thời kỳ mở cửa, những sự quan hệ, giao dịch, làm ăn, buôn bán với nước ngoài sẽ rất quan trọng và việc ông giám đốc tuyển được một cô thư ký biết ngoại ngữ là điều chính đáng, cần thiết quá đi chứ còn gì nữa.

Gã cũng nói với tôi rằng đã ngớ ngẩn vui mừng cả một thời gian dài vì vẫn tưởng tượng ra rằng mình đã làm một công mà được đến đôi ba công việc; vừa giúp đỡ được phần nào cho ông già đỡ vất vả, vừa giúp đỡ được cho người yêu..., chứ có đâu học đến chữ ngờ.

Bởi phải chờ cho đến một hôm ở dưới phòng cung tiêu của bọn Chương Phềnh có một số việc rất quan trọng cần thỉnh ý kiến của giám đốc. Gã nhấc điện thoại lên quay số gọi cho ông già nhưng không thấy ai trả lời, cả cô em thư ký thân yêu của gã cũng bặt luôn. Chương Phềnh lấy làm lạ: Vì chỉ mười phút trước đó gã còn thấy ông già vẫn lảng vảng trên hành lang tầng hai của ngôi nhà giành riêng cho ban lãnh đạo công ty, và cũng chỉ nửa giờ trước lúc ở dưới quầy căng tin lên, em gái thư ký còn quẳng vào phòng cho gã gói kẹo, ấm chè và mấy bao thuốc lá... Họ biến đi đâu nhanh như vậy? Chương Phềnh hơi nghi ngờ, tự hỏi, và nhớ lại những nụ cười và ánh mắt khó hiểu, những tiếng úp mở, xì xèo của đồng nghiệp trong thời gian gần đây.

Thế rồi, ngay lúc bấy giờ, chẳng hiểu vì có một động lực gì thúc đẩy mà Chương Phềnh đứng bật lên khỏi ghế. Gã chạy sầm sập lên phòng của ông già và giật mạnh cánh cửa. Cái gì cần xảy ra thì cũng đã xảy ra. Trên chiếc giường cá nhân vẫn kê trong góc phòng để ông già gã ngả mình mỗi khi đau lưng hay mệt mỏi trong người bây giờ là hai cơ thể trần truồng đang cuộn lấy nhau... Và chắc chẳng cần phải nói gì thêm cho rõ ràng hơn, thì bạn đọc cũng vẫn đã thừa hiểu bọn chúng là những đứa nào rồi.

Chương Phềnh nói với tôi là lúc ấy gã tức giận vô cùng. Giá có khẩu súng trong tay chắc chắn là gã đã cho xuyên táo hai kẻ dâm loạn kia ngay

lập tức. Nhưng rồi chẳng biết nghĩ thế nào, gã vẫn đóng sập cánh cửa lại trước khi ông già và em bé ngoại ngữ thư ký nhận ra mình là ai. Hình như là gã đã trót gầm lên vào một lúc nào đó. Và tiếng gầm ấy làm mấy cánh cửa cạnh phòng ông già như tự động cùng một lúc mở toang ra... Những cặp mắt của mấy lão phó giám đốc, lão bí thư đảng ủy, lão thư ký công đoàn, con mụ hội trưởng phụ nữ, thằng bí thư đoàn thanh niên cùng chiếu thẳng vào mắt Chương Phềnh, soi mói như muốn hỏi gã xem có việc gì nghiêm trọng xảy ra vậy. Chắc chắn giá lúc ấy Chương Phềnh chỉ cần hé cánh cửa ra là sự nghiệp xây đắp cả đời của ông già sẽ đi tong và tương lai của em gái ngoại ngữ sẽ đen như mực ngay tức thì. Gã sẽ trả được mối hận. Nhưng Chương Phềnh đã không làm như thế. Gã đứng án ngữ trước cánh cửa, gầm gừ, hung hăng như một con chó dại, canh giữ kiên quyết không cho một kẻ nào đến gần... Rồi đợi thêm mấy phút nữa, đoán chừng cả ông già và em bé đã mặc xong quần áo gã mới lững thững bước xuống cầu thang.

Bỏ dở buổi làm, Chương Phềnh lên xe máy phóng như điên như dại về nhà ngay. Nhìn thấy cái mặt đỏ phừng phừng, ngây ngô, thộn như ngỗng ỉa của mình trong một tấm gương gã tức tối vung nắm đấm lên thụi một thụi thật mạnh. Cái gương vỡ tan tành nhưng cả bàn tay Chương Phềnh cũng chảy máu đỏ lòm. Không thèm băng bó gì, vẫn cứ để máu me chảy ròng ròng như vậy, gã vớ lấy cái búa đập nát tất cả những cái gương khác có trong nhà. Rồi tiện tay gã còn phang luôn những đồ đạc nào có chút phản chiếu hình ảnh mình trong đó, hết những cánh cửa cái, cửa sổ có lắp kính, lại đến giường tủ, bàn ghế đánh véc ni bóng lộn rồi chai lọ, bát đĩa, cốc chén... rồi bóng đèn, phích nước, xoong, chảo... Chẳng để ý gì đến chuyện máu ở bàn tay vẫn chảy càng lúc càng mạnh, Chương Phềnh cứ đập say sưa như thế cho đến khi gục xuống đống thủy tinh vì kiệt sức. Khi tỉnh dậy thì gã thấy mình đã nằm trong bệnh viện, trong bộ quần áo trắng lốp, đầu óc nặng như chì và một bàn tay to bự những bông băng. Ông già gã ngồi bên cạnh và có vẻ hối hận vô cùng. Ông ra vẻ ăn năn, ân hận, xin lỗi, và để rồi cuối cùng thì cầu khẩn một hồi xin gã đừng hở chuyện này với ai. Rồi đợi sau khi thấy gã cứ im lặng mãi mà không nói năng gì, ông mới rút trong túi ra một tờ giấy quyết định đi thực tập sinh ở nước ngoài đặt xuống đầu giường, ôn tồn mà bảo gã rằng thôi tha thứ cho ông và có muốn thì cứ đi vài ba năm cho khuây khỏa và biết đấy biết đó.

Thế là Chương Phềnh sang Tiệp để rồi theo trào lưu có mặt ở Đức ngay vào những ngày đầu tiên sau khi bức tường Bá linh sụp đổ. Gã đã lấy vợ, đã có một con và cũng đã bỏ vợ mấy được vài tháng... Biết Chương

Khai quang
NGUYỄN NAM AN

Khi em vui tủm tỉm cười
Cho tôi gom giữ rạng ngời tháng giêng
Khi em ủ rũ niềm riêng
Cho tôi theo với ngày đêm chia sầu
Em khai quang những niềm đau
Tôi mang theo hạt mầm sau rộn ràng
Em khai quang bước tình đầu
Cho tôi ước chút nhiệm mầu. Hãy khoang!

Phềnh hiện phải làm một công việc rất khốn khổ, lương lậu lại chẳng ra làm sao, ông bà già gã đã mấy lần viết thư sang bảo về đi, ở Việt Nam bây giờ mọi thứ đều đã thay đổi nhiều lắm rồi. Nhưng gã cũng đã viết thư về trả lời hai người rằng dù có khổ đến chết gã cũng cứ ở lại chết ở xứ này chứ không bao giờ thèm về.

Hiện giờ thì gã sống độc thân trong căn hộ thuê lại của một thằng tây này và trở thành một trong số những láng giềng của tôi. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao mà Chương Phềnh lại sắm nhiều gương đến như vậy. Phải chăng là cái máu thích soi gương di truyền trong người gã lại nổi lên. Có thể nói không sai chút nào là đi đến đâu, làm cái gì Chương Phềnh cũng cần phải thấy hình bóng mình trong một tấm gương nào đó. Có nhiều khi cùng một lúc mà gã có mặt trong cả mấy tấm liền. Những tấm gương phản chiếu lẫn nhau làm những hình ảnh chồng chéo của gã méo xệch đi trông kỳ hình dị dạng. Tôi thì đoán già đoán non, có lẽ chính những tấm gương này đã giúp Chương Phềnh dễ dàng nhớ lại những kỷ niệm ngày xa xưa chăng...

Và rất có thể, mặc dù chẳng vui vẻ gì, nhưng cũng chính vì những kỷ niệm ấy của gã mà các bạn được đọc cái truyện ngắn này đấy.❐

Người muốn lấy những cái đã mất

Đặng Phú Phong

Ông ta thả người trên giường thở phào nhẹ nhõm . Gia đình chủ nhà đi nghỉ mát, ông được một vài ngày yên tĩnh . Nhớ đến việc phải làm, ông ngồi bật dậy, bước tới khóa cửa cẩn thận . Ông mò mẫm trong closet, lôi ra cái túi xách, ngồi lại sát ánh đèn ngủ . Ông mở miệng túi lấy mấy cái áo nhàu nhò bỏ sang một bên rồi thật chậm rãi lôi ra từng cuộn giấy bạc . Một đống bạc toàn giấy một trăm, cứ mười tờ một cuộn tròn buộc bằng sợi giây thun . Rồi ông lại xổ hết ra, vuốt thẳng từng tờ, bắt đầu đếm .

Hai chục ngàn . Sau tám tháng trợ cấp và hơn ba năm làm việc cật lực ông có được từng đó. Trên gương mặt ốm nhom và hai hốc mắt mờ mờ của ông ánh lên một nụ cười . Ông tựa người vào thành giường, ngửa mặt nhìn trần nhà lơ mơ nghĩ ngợi .

Cái mùa xuân bảy lăm khốn kiếp đó đẩy ông một cái rẹt vào tù thật ngon ơ, như cái lũ nửa người nửa ngợm ngon ơ ngồi chồm hổm trên bộ salon trong phòng khánh tiết của dinh Độc Lập .Sau mười năm dập bầm lao nô đói khát, suýt chết mấy phen vì bệnh tật, ông trở thành ông cụ năm mươi tuổi trở về . Vợ ông và thằng con độc nhất đã đi mất, nghe đâu đang ở Mỹ . Người ta đưa ông đi kinh tế mới, lại cầm cuốc, rựa đào từng gốc cây để có cái ăn . Cái thân nặng bốn mươi ký cao một thước bảy của ông càng ngày càng oằn xuống như cái lưỡi câu. Ông tự ví mình như vậy và chờ ngày lưỡi câu chun xuống đất móc giun móc dế..

Nhưng cái lưỡi câu ấy may mắn được chính phủ Mỹ giật lên . Tủi một điều là ông không có người thân quen để bảo trợ nên đành làm con nhà thờ vậy . Đến đất Mỹ với hai bộ đồ và với. . . cái bảng tên của mình thật to mang trước ngực, ông dáo dác kiếm tìm người đón mình, lòng ngổn ngang trăm mối . Vị mục sư đón ông về ở tạm nhà thờ vì ông có một thân một mình tiền không đủ mướn *apartment*, chờ tìm phòng *share* .

Quả đất thật tròn,tròn một cách lạ lùng. Người cán sự xã hội làm giấy tờ cho ông lại là thằng bạn chí thân thời còn đi học .

-Trời hỡi mày còn sống đây sao !

- Ai bảo mày tao chết?

- Thì còn ai nữa, vợ mày .

- . . .?

- Hừ...hừ...xin lỗi mày, à mà bà ta cũng ở gần đây . Thôi bỏ chuyện đó đi, bây giờ về ở với tao, nhà dư một phòng, đừng lo gì tiền bạc, giúp mày trong lúc này là bổn phận của tao .

Nhà người bạn rộng rãi, vườn sau một bên là hồ tắm, một bên là hòn non bộ và cây cao bóng mát . Ông thường ngồi cạnh khóm hoa hồng, nhìn vào hòn non bộ, đăm đăm vô bàn cờ của hai ông tiên đang dở dang . Ông muốn chơi tiếp bàn cờ bỏ dở với vợ ông đã mười bảy năm ròng mà giải thưởng là thằng con hai mươi tuổi.

Ông nhờ người bạn tìm điện thoại của vợ ông, gọi, xin gặp mặt thằng con . Giọng bà ta ban đầu hơi xúc động, nhưng chỉ trong giây lát trở nên bình thường rồi tĩnh queo

- À, được rồi, *weekend* này ông Bill đi vắng em và con gặp anh được.

Ông gặp vợ con trong một công viên thật rộng cây cối um tùm . Cuộc gặp không quá hai tiếng đồng hồ và nhạt như nước ốc . Cả hai đều chẳng hỏi gì về nhau nhiều, cái khoảng cách mà bấy lâu nay ông hơi mơ hồ thì bây giờ nó thực sự hiện hữu. Quan sát thằng con, lục lọi trong ký ức thằng bé giống mình rập khuôn bây giờ nó không còn giống ông nữa . Nó nói tiếng Việt ngọng nghịu, hỏi ông có khỏe không và lúc chia tay nó bảo con sẽ gọi ba. Nhưng rồi nó chẳng gọi ông dù một lần .

Sau lần gặp gỡ ông gần như trở thành câm nín, cái lưỡi câu tưởng được vuốt thẳng ra thành luỡi câu của ông Khương Tử Nha giờ nó càng cong hơn nữa . Ông đến một *shop* may xin cắt chỉ và miệt mài với công việc . Tám giờ sáng ông đã có mặt tại *shop*, mười giờ đêm mới dắt xe đạp vô nhà . Ông đặt điều kiện với vợ chồng người bạn nếu không lấy tiền nhà thì ông dọn đi nơi khác. Vợ chồng người bạn đành phải lấy ông mỗi tháng hai trăm. Ngoài số tiền ấy ông chẳng tiêu pha một khoảng nào khác . Và cứ thế tháng này qua tháng khác năm này qua năm khác ông phải thay mấy lần cái túi cất tiền .

Với hai chục ngàn ông nghĩ mình dư sức về Việt Nam lấy một người đẹp hơn bà ta , chung thủy hơn bà ta. Ông sẽ cũng có một thằng con trai thật ngon lành và chắc chắn nó sẽ ở với ông , hiếu thảo với ông chứ không như cái thằng ấy. Càng tưởng tượng ông càng thích chí. Ông hốt từng nắm tiền đưa lên rồi xòe tay cho rớt xuống tứ tung, càng làm ông càng

thấy kích thích. Ông không nắm tiền đưa lên nữa mà ông tung nó lên cho tới trần nhà, những tờ bạc bay tung tóe . Cứ thế ông vừa làm vừa cười sằng sặc rồi la hét nhảy múa . Chiếc giường nệm tung hứng thân hình ông một hồi như hết chịu đựng được nữa nên nó tránh qua một bên . Cái đầu đang chứa một mớ bòng bong của ông lao vút xuống ngay cái góc bàn kính nhỏ kê cạnh chiếc giường ngủ .

Hôm sau gia đình người bạn trở về mới phát giác ra thi thể cong queo của ông, phủ lên trên là những tờ bạc một trăm xanh ngắt.❐

Phân ưu

Được tin

Họa sĩ Nghiêu Đề

đã từ trần lúc 6 giờ 25 chiều ngày 9 tháng 11 năm 1998 tại tư gia ở San Diego California.

Xin phân ưu cùng Chị Nghiêu Đề và gia đình, cùng cầu chúc cho Linh hồn Bạn Nghiêu Đề sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.

Ông Bà Nguyễn ĐứcQuang, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, Ông Bà Vũ Ánh, Ông Bà Võ Phiến , Ông Bà Nhật Tiến, Nghiêm Xuân Hồng , Ông Bà Lê Tất Điều, Ông Bà Lê Đình Điểu, Ông Bà Phạm Phú Minh, Ông Bà Vũ Đình Minh , Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Lê Thọ Giáo , Ông Bà Hoàng Khởi Phong, Ông Bà Cao Xuân Huy, Ông Bà Trịnh Y Thư, Ông Bà Võ Thắng Tiết, Ông Bà Châu văn Thọ, Ông Bà Thành Tôn, Ông Bà Tôn Thất Kỳ, Ông Bà Tôn Thất Khoát, Ông Bà Tôn Thất Ngự, Ông Bà Nguyễn Xuân Nghĩa-Quỳnh Giao, Ông Bà Ngô Thế Vinh, Ông Bà Phạm Quốc Bảo, Ông Bà Hà Thúc Sinh, Phùng Nguyễn, Bùi Bích Hà, Phan Minh Khánh, Ông Bà Hà Thúc Như Hỷ, Ông Bà Song Thao, Ông Bà Trương văn Hùng, Bà Minh Trang, Ông Bà Nguyên Khai, Ông Bà Hồ Thành Đức-Bé Ký, Ông Bà Nguyễn Đồng-Nguyễn thị Hợp, Ông Bà Nguyễn Tuấn Khanh (Họa sĩ Rừng), Ông Bà Nguyễn Trung, Ông Bà Hoàng Mai Đạt-Minh Thủy, Ông Bà Đinh Cường, Trịnh Cung, Ông Bà Nguyễn Khắc Nhân, Ông Bà Nguyễn Bá Trạc, Ông Bà Bùi Vĩnh Phúc, Ông Bà Huỳnh Hữu Ủy, Khánh Trường, Tạ Chí Đại Trường, Vũ Huy Quang

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Tưởng niệm Bùi Giáng

Em thương anh như thương một ông trời hơ vơ...
Thơ Bùi Giáng

Auden: *Gì nữa đây?*

Ký giả: *Tôi tự hỏi, nhà thơ số một hiện đang còn sống được coi là người bảo vệ sự vẹn toàn tiếng Anh của chúng ta, là ai theo ông?*

Auden: *Tại sao (không phải là) tôi, lẽ đĩ nhiên!*

(Chuyện trò, Mùa Thu 1972)

Wilfrid Sheed, trong một bài giới thiệu tuyển tập "Nhà văn khi viết, Writers at work", của tạp chí *The Paris Review*, (Penguin Books, 4th series, 1979) đã coi đây như một dịp "xin lỗi người đọc", về một định kiến của ông đối với những bài phỏng vấn nhà văn/nhà thơ tạp chí này thường thực hiện. Bởi vì có lần tác giả viết: những thông tin ở trong đó chẳng khác gì chuyện ngồi lê đôi mách, làm xàm, "bá láp" về giới viết lách. Chuyện những cây viết chì-số hai của Hemingway, hay Aldous Huxley khi đi ngủ mặc pijama loại nào, thì đâu có ăn nhậu gì tới văn chương? Nhưng rồi tác giả nhận ra, trong những câu chuyện tầm phào như thế, chứa đựng ởnguyên liệu số mộtõ, materia prima, của văn chương.

Liệu chăng, chúng ta có thể vượt lên khỏi cõi đời thường, để hiểu được "một ông trời bơ vơ"?

Bởi vì Bùi Giáng, là cả một kho tàng những giai thoại, thường rất đỗi đáng yêu, nhiều khi rất ngậm ngùi...

Trong một bài viết ở trong nước, "một thú vui tao nhã": thú đọc sách ở thành phố Sài-gòn (cho phép tôi được sửa, một tên gọi ở đây), tác giả Hồng Minh-Hoàng Kim kể, khi tập thơ *Lá* (1988) của Văn Cao được xuất bản, người yêu thơ náo nức chờ đợi, nhưng dù được nhà xb Tác Phẩm Mới của Hội Nhà Văn in với số lượng lớn, vậy mà người viết không làm sao không tìm thấy ở đâu cả. Ông/bà không giải thích lý do, nhưng than, (ôi) *nỗi thất vọng tràn trề. Thế rồi một chiều Tr. phóng đến tìm tôi, tay vung vẩy tập thơ. Đúng là tập Lá, bìa của họa sĩ Trần Ngọc Quỳ đàng hoàng. "Ở đâu?" "Văn Cao tặng tao", Tr. đáp, mặt vênh lên như tay chơi chính hiệu. "Không tin à?" Thì đây, ở đầu tập thơ vẫn còn nét chữ Văn nguệch ngoạc, thứ chữ của một ông già bị nung đủ lửa. Mà lời đề tặng rất tao nhã, rất thơ; "Gửi anh, một chiếc lá đầu - Văn". Cuối cùng Tr. mới thú nhận rằng nó nhặt ở... quầy sách cũ trên đường Điện Biên Phủ, góc đầu Hai Bà Trưng!*

Và đây là đoạn về ông trời bơ vơ giữa chợ sách: *Người có nỗi truân chuyên của người, sách có sự thăng trầm của sách. Tại khu sách cũ Nơ Trang Long một chiều mưa, tôi gặp thi sĩ Bùi Giáng đang chăm chú với một cuốn sách cũ. Cứ ngỡ bậc tiền bối như Bùi tiên sinh thì không còn gì đáng cho ông đọc nữa, nhưng khi ông bỏ cuốn sách xuống đi ra thì tôi lại thấy đó chính là cuốn Tư Tưởng Hiện Đại của... ông. Giở lam nham thấy nhiều trang còn nguyên vết mực tươi, chữ viết ngoằn ngoèo. Thì ra ông tìm đến quầy sách cũ để tiếp tục sửa lại những điều chưa vừa ý trong cuốn sách của mình!*

Cá nhân người viết không tin, chuyện "tìm", "để"; nhưng cảnh tượng ông trời bơ vơ "thưởng thức" một buổi chiều mưa như thế, bằng những nét chữ còn tươi nét mực như vậy, chắc chắn là có thực. Tôi bỗng liên tưởng tới đoạn Zhivago về già, đi làm công cho một gia đình, gặp ông chủ nhỏ đang cắm cúi "ghi chú lia lịa" trên những trang sách, giơ tay vẫy vẫy ra ý xua đuổi, đừng làm rộn... nhân lúc vắng người, Zhivago tò mò lén coi: hóa ra là tác phẩm của mình! Hai hình ảnh, về cùng nhà thơ, một mơ tưởng một cuốn sách đẹp thật đẹp, cùng với nó là trách nhiệm của một người viết, và một (hình như) hài lòng vì thấy tác phẩm "sống dai" hơn mình...

Trong bài viết *Bùi Giáng Và Nỗi Lòng Tô Vũ* (*Thế Kỷ 21*, Nov 1998), Phạm Xuân Đài nhớ lại, kỷ niệm lần đầu ông đọc Bùi Giáng, "vào thập niên 50 trên tờ Phổ Thông do ông Vũ Quốc Thúc chủ trương, xuất bản tại Hà-nội trước cuộc di cư năm 1954". (Đây cũng là một chi tiết thật hiếm quí; đa số độc giả, theo tôi, chỉ biết ông lần đầu, qua tập *Mưa Nguồn*).

"Tuổi học sinh đọc là tôi mê bài ấy ngay, nỗi mê gần giống như khi đọc Những Vì Sao, Les étoiles, của Alphonse Daudet, có lẽ với nhiều cảm động hơn. Một bên là chàng chăn dê giữa rừng núi với tình yêu bầy dê của mình, một bên là chàng chăn cừu với mối tình chớm nở với cô con gái ông chủ. Tuổi thanh niên dễ "bắt" những rung động ấy lắm"..

Theo Phạm Xuân Đài, bài thơ Nỗi Lòng Tô Vũ, kỷ niệm một đoạn đời 15 năm chăn dê ở núi đồi Trung Việt - Nam Ngãi Bình Phú gây thắc mắc cho nhiều người. Ông đã từng gặp thi sĩ, nhưng quên nhờ giải thích: về thời gian, không làm gì có chuyện Bùi Giáng đi chăn dê trong 15 năm, về không gian thì cả vùng đồi núi Nam Ngãi Bình Phú là quá lớn đối với địa bàn chăn dê thật của thi sĩ. Và ông đành tự giải thích, xin tóm tắt đại khái: Thời gian và không gian, tuy có thật, nhưng được nới rộng ra. Mười lăm năm, có lẽ là mượn từ Kiều. Không gian, gợi nên không gian Liên Khu Năm thời kháng chiến chống Pháp. Thời gian ấy, không gian ấy sẽ hỗ trợ cho không khí và nỗi lòng của chàng Tô Vũ mới, và làm cho mối tình của chàng với bầy dê đượm một mầu sắc riêng... Mượn mười lăm năm luân lạc của Kiều để chỉ một thời gian ngắn hơn nhiều của đời mình, Bùi Giáng *"có lẽ đã tiên cảm nỗi bất trắc lớn lao của dân tộc trong vòng vây không thoát được của chủ nghĩa CS... Nỗi lòng của Tô Vũ là nỗi lòng của một kẻ đi đầy"*. Và Phạm Xuân Đài kết luận rõ ràng "đoạn đời 15 năm" và "đồi núi Trung Việt Nam Ngãi Bình Phú" là một lối nói thậm xưng để thành một loại mật ngôn, nhằm chuyển tải một tâm sự. Ngay cả việc chăn dê cũng chỉ là một cái cớ. Nội dung bài thơ chỉ thuần túy nói về việc chăn dê và tình của tác giả với bầy dê, với hình ảnh ý tứ và ngôn từ đẹp, nên thơ, độc đáo. Duy tựa đề và nhất là câu đề từ hơi lạ... nhưng đó chính là một mấu chốt không thể giải của bài thơ *Nỗi Lòng Tô Vũ*.

Theo tôi những nhận định của Phạm Xuân Đài về bài thơ *Nỗi Lòng Tô Vũ*: nội dung bài thơ chỉ thuần túy... cho thấy rất nhiều, nếu không là tất cả về nhà thơ, và điều này được khẳng định qua tập *Mưa Nguồn*, qua những tác phẩm dịch thuật, qua cách ăn ngủ dầm dề với lục bát, cho dòng thơ này làm bạn với chuồn chuồn châu chấu, mẫu thân, người đẹp... Mượn hình ảnh rất đáng yêu, rất ngạo mạn, rất ngổ ngáo, rất "ngồ ngộ", của thi sĩ Anh, Auden, tôi nghĩ, Bùi Giáng cũng muốn trả lời như vậy, khi được hỏi ông muốn gì khi ăn ngủ đi đứng với thơ: ông muốn bảo vệ sự vẹn toàn của tiếng Việt, thoát ra khỏi mọi quyền lực nhằm lạm dụng nó, trước khi nó bị thương tổn nặng nề. Hãy lấy một thí dụ, bây giờ những người tuổi trẻ ở trong nước, hỏi nhau trước khi đi thăm "em út": Mày có "đạn" không? Ngay cả những tiếng nói thật bình thường, những danh từ xưng hô như Bác, Cháu, Anh Hai, Anh Ba.... nhiều khi người được gọi nghe thấy gai

trên mấy đầu ngón tay...

Thời gian, không gian, và một chàng Tô Vũ chăn dê ở đây, là một "lost domaine", nơi tiếng Việt, chàng Tô ẩn náu cùng với bầy dê, trước Kinh Hoàng Lớn sẽ tới.

Lost domaine, Vùng đất đã mất, là một trong những ẩn dụ lớn của văn chương. Một huyền thoại của đời sống: Vườn Địa Đàng, Tuổi Thơ, Nàng Công Chúa Xa Vời, hay dùng ngôn ngữ phân tâm học: người mẹ được thánh hóa, lý tưởng hoá của tuổi thơ (chúng ta gặp mẫu thân Kim Cương ở đây).

Thi sĩ như một ông vua, ông trời, như một kẻ sẽ chẳng bao giờ kinh qua địa ngục, sẽ chẳng bao giờ là nạn nhân...

Anh ta chẳng khác gì nhân vật thần thoại Gryphon(1), được miêu tả trong Lò Luyện Ngục, Canto XXXI: Không ngừng là chính mình, anh ta biến thành cái bóng của chính anh ta; Paz viết về thi sĩ, về kinh nghiệm thi ca: chỉ là mặc khải phận người.(2) Với Bùi Giáng, một phận người thật yêu thương, đôi khi thật ngậm ngùi. Và hình ảnh nhà thơ nhập vào, là ca dao, Truyện Kiều, lục bát, trên tất cả, là tiếng Việt với tất cả những thăng trầm của nó.

Nói về khùng điên, phải có tài của một thi sĩ.(3)
Michel Foucault

Xin vĩnh biệt nhà thơ.

1. Nhân vật mình, chân sư tử, đầu, cánh, tai chim ưng, tượng trưng cho sức mạnh nhanh nhẹn và cái nhìn sắc bén

2. Trong Thi Ca và Lịch Sử (in trong The Bow and the Lire)

3. Bản dịch tiếng Anh: To Speak of madness one must have the talent of a poet.

● Sài-gòn phóng solex như bay...

Thi sĩ Joseph Brodsky, đứa con của St. Petersburg, khi được hỏi, ông cảm thấy thế nào, khi biết tin thành phố trở lại với cái tên lịch sử của nó; ông trả lời: *tôi hạnh phúc quá chừng, quá đỗi! Tôi nói điều này với tất cả hân hoan, và không cần một chút dè dặt, mặc dù hoàn cảnh trớ trêu, có một thành phố St. Petersburg ở trong một Leningrad Region... Nhưng đừng nghĩ tới chúng ta, mà hãy nghĩ tới những cư dân hiện thời, tới những người sẽ sinh ra tại đó. Họ sống trong một thành phố mang tên thánh,*

như vậy chẳng hơn là với một cái tên của quỉ. (1)

Khi được tin nhà thơ Nguyên Sa mất, tôi bỗng nhớ đến câu thơ trên: *Sài-gòn phóng solex như bay*. Nhớ đến J. Brodsky, và câu thơ của ông: *Xứ sở làm chi, phần mộ làm gì, Ta sẽ tới đảo kia để chết. (Neither country nor churchyard will I choose I'll come to Vasilevsky Island to die).*

Nhớ đến thành phố mất tên. Và tôi tự nhủ, câu thơ, và tác giả của nó, đã nhập vào *thiên tài của nơi chốn*. Đã vĩnh viễn thuộc về Sài-gòn rồi. Ở đây, chúng ta hãy vượt lên mọi oan khiên nhất thời, hoặc cuộc đối đầu quốc-cộng, và để ý đến một điều: cái tên gọi Sài-gòn, theo như người viết hiểu, không phải là một từ tiếng Việt, mà là gốc Miên, hoặc Chàm. Tổ tiên của chúng ta, những người mở nước, đã biết kính trọng điều gọi là *thiên tài của nơi chốn, genius loci*, và đã không đặt tên lại cho một vùng đất đã cưu mang họ, bằng một cái tên mang sẵn từ nhà, từ một vùng đất họ đã bắt buộc rời bỏ. Những Los Angeles, Mississauga, Canada... những địa danh ở Bắc Mỹ là một an ủi cho những người Âu châu, so với tất cả những tội ác đối với thổ dân da đỏ.

Tôi thích câu thơ trên, vì Sài-gòn (lẽ dĩ nhiên). Và, vì còn là một Sài-gòn của riêng tôi. *Sài-gòn của tôi* chẳng bao giờ phóng solex như bay, nhưng mỗi lần nhớ đến, câu thơ của Nguyên Sa lại mới nguyên trong tôi, như một vài kỷ niệm còn sót lại, về cô bạn. Về Nguyên Sa, còn một câu thơ nữa, mà tôi vẫn rì rầm hát theo, cùng với nó, và mỗi lần như vậy, lại tự nhủ, nếu có dịp gặp ông, tôi sẽ hỏi, đâu là nguyên bản của nó. Câu thơ được phổ nhạc: *Trời chợt mưa, chợt nắng,* ***chẳng*** *vì đâu*. Câu thơ nguyên bản, như sau này tôi được biết:... ***bởi*** *vì đâu*. Nhưng tôi cứ rì rầm như vầy: *Trời chợt mưa, chợt nắng,* ***chợt*** *vì đâu*. Và tôi cứ cố tình thích chữ *chợt* sau cùng. Bởi vì, cứ khơi khơi, trời *chợt* mưa, *chợt* nắng, cô bạn *chợt* phóng solex vào đời mình: *Chợt vì đâu, solex mãi trong tôi*... Hoặc: *Chợt vì đâu* xô lệch *mãi đời tôi*... Oan khiên nhất thời: so với chiều dài lịch sử, cuộc chiến quả thật chỉ là oan khiên nhất thời. Giữa thời gian và những ký hiệu là những con chữ, hay như ở đây, một câu thơ, lại là một vấn đề lớn lao khác nữa: *Khi thành phố mà tôi vinh danh, đã lụi tàn, mai một, khi những con người bài thơ tôi ca ngợi, đã chìm vào quên lãng, những con chữ sẽ vẫn còn hoài* (Pindar)... Câu thơ cứ còn mãi, dù Sài-gòn không còn phóng solex như bay.... Sài-gòn không còn phóng solex như bay, thi sĩ càng biết rõ điều này hơn chúng ta. Hãy đọc thơ ông, thay cho một lời tưởng niệm: *Em gói câu thơ trong áo bay/ Ba phần gió thổi, một phần mây/ Ngày sau hai đứa mình xa cách/ Anh vẫn được nhìn mây trắng bay*. Thi sĩ biết rất rõ, sẽ có một ngày, người mà câu thơ ca tụng, sẽ cách xa, nhưng không hề

chi, câu thơ sẽ vẫn còn mãi: *Anh vẫn được nhìn mây trắng bay.*

Không phải chỉ em, mà luôn cả anh - nhà thơ, sẽ cách xa: Nghệ sĩ phải làm cho hậu thế tin rằng, anh ta không hề sống trên đời, Flaubert nói. Maupassant ngăn cấm chuyện chân dung ông có trong tuyển tập những nhà văn nổi tiếng: Đời riêng của một người, và bộ mặt của ông ta không phải là để chường ra cho thiên hạ thấy. "Tôi ghét chuyện dí mũi vào đời riêng của mấy ông nhà văn lớn, và chẳng có một cuốn tiểu sử nào giọi chiếu được một mẩu đời tư của tôi," Nabokov nói. Italo Calvino giải thích thêm: Ngu gì mà nói cho bất cứ một ai, dù chỉ một lời, về đời tư của mình! Faulkner mong muốn, chỉ là một người bị huỷ bỏ, được lịch sử gạch đi, chẳng để lại bất cứ một vết tích, ngoại trừ những cuốn sách đã được in. (Milan Kundera khi nhắc lại, đã gạch dưới hai chữ *sách, in*). Theo một ẩn dụ nổi tiếng, nhà văn phá huỷ căn nhà riêng của ông, để, với những viên gạch lấy từ đó ra, xây dựng một căn nhà khác: cuốn tiểu thuyết của ông ta. Khi mà Kafka được người đời chú ý đến, nhiều hơn là (nhân vật) Joseph K., tiến trình hậu - cái chết (mort posthume), của nhà văn bắt đầu.(2)

Solomon Volkov, tác giả cuốn *Chuyện trò với J. Brodsky*, có kể lại: một lần ông hỏi nhà thơ, về một lời chỉ trích ông, của một ký giả lưu vong. Ông này đã buộc tội nhà thơ leo lên đỉnh vinh quang, bằng cách đạp lên ngôn ngữ Nga. J. Brodsky mặt đỏ bừng, tính xổ nho, nhưng đột nhiên ông bật cười la lên: Thú quá, Trời ơi! Làm gì có chuyện nào đẹp hơn, phải không?.

Trong quá khứ, đã có lần, người viết gọi ông, nhà thơ Nguyên Sa, là một nhà văn dễ dãi, và sung sướng. Bây giờ chỉ xin đổi lại: Nguyên Sa là một con người dễ dãi, và hạnh phúc.

Xin vĩnh biệt nhà thơ.

(1) Chuyện trò với J. Brodsky, Solomon Volkov

(2) Nghệ thuật tiểu thuyết, Milan Kundera

● Dương Nghiễm Mậu: Thật chững chạc, thật cảm động...

Nhớ đó là một buổi trưa rảnh rỗi, tôi ghé thăm một diễn đàn bạn. Người bạn đang cắm cúi làm việc. Tôi kéo ghế ngồi hút thuốc lá thấy ở bên cạnh mình một cái sọt rác đựng đầy những bản thảo gởi đăng không đăng và liệng bỏ đi. Buồn tay tôi nhặt lên những tờ bản thảo bị xé bỏ ấy lên coi. Cuối cùng và ở tận đáy cái sọt rác ấy là bản thảo một truyện ngắn.

-Bỏ đi tất cả đấy à?

-Ừ đã đọc rồi bỏ không đăng.

-Moa lấy đi được không?

-Để làm gì vậy?, người bạn ngạc nhiên hỏi.

-Mặc moa, tôi nói và cất cẩn thận cái truyện ngắn bị vất bỏ ở một diễn đàn bạn vào túi áo, trở về đăng ngay nó nguyên văn không sửa một dấu phẩy trên tờ Sáng Tạo số đang làm.

(Mai Thảo, *Chân dung nhà văn*).

Trong thế giới văn chương, những trường hợp như trên không nhiều, nhưng cũng không phải là quá hiếm hoi. Bel Kauffman, tác giả cuốn *En remontant l' escalier qui mène en bas* (tạm dịch *Trong khi lên cầu thang đưa xuống dưới*), kể lại, một bữa bà đưa con đi coi xiếc, trên đường đi, bà mua cho con một trái bóng bay. Đứa bé từ lúc đó, chỉ mải mê phiêu lưu cùng chiếc bong bóng bay trên trời, chẳng thèm để ý đến những chú voi khổng lồ đang diễn trò. Và bà chợt nhận ra, đứa con đã nhìn thấy nhiều hơn là những đứa trẻ khác đang cùng ngồi trong rạp. Trường hợp *En remontant* cũng thật ly kỳ: "tiền thân" của nó là mấy mẩu giấy học trò, trong một giỏ bỏ giấy vụn, tại một trường tiểu học tại New York; một ông Mai Thảo nào đó tò mò lượm lên, rồi được một nhà xb New York đăng (1962). Cuộc phiêu lưu của mấy mẩu giấy vụn chưa chịu ngưng ở đó: nó biến thành những chiếc bóng bay, khi một nhà xuất bản lớn tình cờ đọc mẩu chuyện nho nhỏ, và đã đề nghị tác giả viết lại, từ bốn trang giấy vụn.

Đề tài trong *En remontant* (theo tờ Temps Nouveaux, một tạp chí tiếng Pháp của Liên-xô) có thể tóm gọn: giữa Sự Thực và Tình Thương, cái nào hơn? Câu trả lời: Tình Thương.

Trí nhớ thường lầm lạc, có khi còn do cố ý, hoặc tiềm ẩn, hoặc hiển nhiên; đây là một trong những bản năng của con người, luôn luôn muốn tái tạo quá khứ, cho những nhu cầu hiện tại. Trong *Chân Dung nhà văn*, cùng bài về Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo viết... *kỷ niệm với mỗi người mỗi khác, (với) Thanh Tâm Tuyền, (là) căn gác xép ám khói ở Tòa soạn Dân Chủ (của Vũ Ngọc Các, thập niên 1960), hắn hỏi xin một điếu thuốc và tôi tưởng hắn là thợ sắp chữ.* Trong khi đó, qua bài viết của Thanh Tâm Tuyền trên tạp chí *Thơ* (số Mùa Xuân 1998), nhà thơ nhận ra bạn mình ngay lần gặp mặt đầu tiên, sau khi nhận được một bản thảo đánh máy... *Liếc nhìn dòng chữ đầu tiên của bài gửi, tôi giật mình kinh ngạc...*

Còn điều này nữa, cơ duyên truyện đầu tay, nhiều khi tự nó đã là một giai thoại. Như sau đây, tôi viết lại theo trí nhớ. Qua kể lại của Simone de

Beauvoir, Sartre trong khi viết *Buồn Nôn*/ La Nausée, lúc nào cũng cảm thấy có "cua" bò trên lưng! Gửi bản thảo tới nhà xuất bản Gallimard, bị chê: phần đầu ảnh hưởng Dostoevsky... một cuốn tiểu thuyết bình dân! Sartre thời gian đó, suốt ngày chầu chực ở văn phòng nhà xuất bản; một bữa ông đang ngáp gió, thấy một ông vô, trong khi nói chuyện với bè bạn, ông này lấy thuốc lá, loay hoay tìm hộp quẹt, Satre nhanh nhẩu tới làm cử chỉ đẹp. Ông này hỏi, xin lỗi ông là ai, Sartre tự giới thiệu. Hoá ra là Jean Paulhan, ông chủ nhà xuất bản Gallimard. Phần tiếp theo, chắc các bạn đoán ra được...

Trường hợp Dương Nghiễm Mậu, giả sử Mai Thảo không buồn tay, có thể chúng ta vẫn có một Dương Nghiễm Mậu, nhưng thiếu *Rượu Chưa Đủ*, thì thật là một vô cùng thiếu sót. Bởi vì đây là một truyện ngắn, như một loài chim hiếm quí, khi nó xuất hiện, văn chương sẽ... không còn như trước nữa!

Trong kho chuyện cổ của Trung Hoa, có câu chuyện về một quả chuông, đánh lên không nghe, nhưng lại ngân lên ở một nơi khác. *Rượu Chưa Đủ* bản thân nó cũng là một con chim lạ, đến từ một miền đất khác (1), âm thanh của nó như được nén lại, ra tới nơi quê người, mới thực sự rền rĩ. Ở đây, chúng ta như mường tượng ra bức địa đồ tỉ lệ xích 1/1 của Borges, mà người Việt cố mang ra ngoài để vá víu lại, cho nó như xưa. Chúng ta càng nghe rõ âm thanh của tiếng chuông lạ này, khi đọc Mai Thảo, viết về đoạn kết *Rượu Chưa Đủ*:

Bao năm rồi không đọc lại tôi chẳng thể nhớ hết từng chi tiết của truyện, chỉ nhớ cái anh chàng nào đó, với bút hiệu Dương Nghiễm Mậu đã có ở *Rượu Chưa Đủ* một kết thúc tuyệt hay. Đoạn tả người anh đến đón em ở viện mồ côi. Hai anh em cùng mồ côi cha mẹ từ sớm (một ẩn dụ về một Hà-nội?). Hai anh em đi lang thang một ngày trong thành phố không có một đồng xu nhỏ (những ngày đầu di cư của họ Dương?). Buổi chiều, trước khi đưa em trở về viện, anh dẫn em vào công viên, yên lặng lấy đất đắp thành những mô hình sông núi, thầm nghĩ hai anh em trơ trọi giữa đời, thôi bầy trò chơi đắp hình sông núi với em để có được cùng em, dù một cách rất tội nghiệp, buồn rầu một ý niệm về một điểm tựa, về nguồn gốc. Thật chững chạc và thật cảm động. Đó là truyện ngắn thứ nhất của Dương Nghiễm Mậu. Một công viên vắng lặng... Hình ảnh con đường văn chương Mậu mở ra và đi trên đó một mình... Những mô hình sông núi quê hương. Đứa trẻ mồ côi, nghiêm chỉnh sớm hiểu biết, ý thức trong truyện chính là Dương Nghiễm Mậu, đã đắp xong, rất hoàn chỉnh, những mô hình sông núi cho cõi văn cõi viết của mình... Và Mai Thảo kết luận:

Cuối cùng là đứa trẻ mồ côi trong truyện ngắn đầu tay của Dương Nghiễm Mậu sự thực không bao giờ mồ côi. Mồ côi là những kẻ khác kia.

hay khi đọc Thanh Tâm Tuyền viết về *Đêm Giã Từ:*

Đấy là một truyện không cốt truyện. Sự hấp hẫn bắt đọc là ở lời, giọng kể, ở ma lực của tiếng nói bắt lắng nghe - theo bước di chuyển của nhân vật giữa thành phố bỏ ngỏ trong đêm, sự vật ẩn hiện nổi chìm trong giấc kín bưng triền miên của nó -, ở sự dồn đẩy khôn nguôi của chữ nghĩa tưởng chừng không sao dứt tạo thành những vận tiết mê mải tới chốn nhòa tắt tiếng...

Năm di cư thứ hai mươi (1974), khi viết bài Tử Địa, nghĩ đến những đứa con tư sinh ở cả hai miền lúc ấy...

Khi từ Phú Thọ ra, ghé lại Hà-nội đợi giờ tầu về Nam, lúc chiều tối đứng trên thềm ga Hàng Cỏ, trông xuống phố Hàng Lọng, phố Trần Hưng Đạo sâu hoắm bóng đêm rét lạnh của một ngày cuối năm tôi thầm nhắc thành tiếng bên tai "Nhìn xuống vực thẳm... dưới ấy", câu của Anh vẳng ngân như một câu thơ. (Câu văn là một câu gắn liền trong mạch văn, tách khỏi mạch không ít thì nhiều cũng bất toàn. Câu thơ tách khỏi mạch vẫn tự đầy đủ, tự lập trên cái nền thiếu vắng nó gợi nhắc).

Cái nền thiếu vắng, những mô hình sông núi tưởng tượng, tiếng chuông ngân ở một nơi khác: mồ côi là những kẻ khác, nhưng *Rượu Chưa Đủ, Đêm Giã Từ, Bếp Lửa*... mãi mãi vẫn chỉ là những đứa con tư sinh của một miền đất.

Hình ảnh con đường Mậu mở ra và đi trên đó một mình..., câu này chỉ có thể coi như một nghi vấn, thay vì một khẳng định. Nói một cách khác, không có vụ di cư, không có tờ *Sáng Tạo*, không có Dương Nghiễm Mậu. *Rượu Chưa Đủ* "chưa đủ", nó cần một, hay nhiều hình ảnh khác nữa để tự khẳng định, để hoàn tất: chúng bổ túc cho nhau, những đứa con tư sinh của một miền đất. Nói rõ hơn, Dương Nghiễm Mậu là một thế tục của một Thanh Tâm Tuyền quá trí thức, quá Tây-phương, quá say mê Malraux... Một Thanh Tâm Tuyền "khác", khô, cứng, thật chững chạc, nhưng cũng thật cảm động... Nguyễn Đình Toàn, lại một Thanh Tâm Tuyền "khác" nữa. Nhà văn này, hiểu theo một nghĩa nào đó, là một thế tục khác, của Thanh Tâm Tuyền, một bên là mặt trời, một bên là bóng đêm, chúng bổ túc cho nhau. Dẫn chứng quá nhiều: *Chị Em Hải* (Nguyễn Đình Toàn) là một ấn bản khác của kịch *Ba Chị Em*. (Thanh Tâm Tuyền). *Đêm Lãng Quên*, truyện ngắn được Võ Phiến tuyển trọn ở hải ngoại, khi viết về những tác giả Miền Nam, thoát thai từ một truyện ngắn của Thanh Tâm Tuyền, tôi không còn nhớ tên, viết về ông ông già gác dan, (gác ga-ra?)

cho cặp nhân tình tạm trú, cuối cùng bị gã con trai nện cho sặc máu mũi, gục xuống một đống... Trước khi bỏ đi, gã thét cô bồ: lột cái xú-chiêng ra, ném lên mặt khứa lão! Mùi vị đàn bà, cuộc tình hối hả... làm ông lão tỉnh dậy, thấy mình đang ở Thiên Đàng, hay phía bên kia Địa Ngục (Chiến Tranh)... Hãy so sánh với *Đêm Lãng Quên*, về một già muốn làm con ong hút nhụy từ cô gái.... Chất hung bạo trong thơ Thanh Tâm Tuyền tràn lan ra văn. Ở Nguyễn Đình Toàn, lại là sự tắt nghẹn, hết hơi, của những bóng dáng đàn bà, không còn đủ hơi sức, để kéo lê, thân xác của chính họ: Cái Chết, Cái Sống đều thoi thóp như nhau. Bóng dáng của Thần Chết, của Chiến Tranh lảng vảng ở trước, hoặc sau đời sống: nó vắng mặt, như một từ chối quyết liệt, bởi những con người đứng bên lề...

Dân làng sau đó, tới nơi chuông ngân, làm lễ thỉnh tiếng chuông trở về, từ đó, nó bình thường như mọi quả chuông khác.❐

say

chuyện tình trong ca dao

Muốn say với:

* Mối tình của cậu nghè-kẻ sĩ Tưởng và cô hàng rượu Lý
* Tình dân tộc, tình đất nước, ca dao tục ngữ
* Phong tục cổ xưa:

Thú cô đầu, hát đối, thi cử, lễ Kỳ Phúc, vinh qui bái tổ...

* Thơ của: Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Đoàn thị Điểm, SươngNguyệt Ánh, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phan Bội Châu, Tản Đà, Trần Tế Xương, Bàng Bá Lân...

Tìm đọc

say

của Vũ Thái-Thái Vĩnh Nghiêm

Liên lạc: Vũ Thái-Thái Vĩnh Nghiêm
18030 Brookhurst # 582, Fountain Valley, CA 92708

Giá trong nước Mỹ: 15 MK
Ngoài nước Mỹ: 15 MK + cước phí

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Hoàng Ngọc Biên, ***Đất và người và thần thoại Việt Nam***, thi tập của Hoàng Ngọc Biên, Trình Bầy xuất bản. Dường như tác giả chủ trương in ít để tặng bạn bè chứ không nhằm bán ra thị trường, nên in ấn đơn giản, không đề giá bán. Giống như những tác giả khác trong nhóm Trình Bày, Hoàng Ngọc Biên viết văn, làm thơ, vẽ tranh đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của các trào lưu trí thức văn nghệ tả phái và tiền phong của Tây phương. Thơ trong tập này toàn thể là thơ tự do, nhiều chất trí tuệ, kén độc giả

📖 Tuệ Minh, ***Nẻo về thênh thang***, tác giả xuất bản, bìa màu, Lê Như Hạnh giới thiệu, bạt của thi sĩ Trần Vấn Lệ, dày 100 trang, không thấy đề giá bán.

Tác giả là một tu sĩ Phật giáo, pháp danh Thích Phước Toàn, sinh năm 1960 tại An Bằng, Vinh Lộc, Thừa Thiên. Toàn tập thơ tỏa ra chất thanh tịnh cao khiết của tâm hồn người tu hành, chẳng hạn bốn câu sau đây trong bài Hoa Tâm:

Nghe vọng lại lời kinh thiêng dịu lắng
Ánh mắt thơ lên soi sáng mai chiều
Thân bé nhỏ giữa bầu trời thanh vắng
Đêm nhiệm mầu khơi đóm lửa thương yêu

Địa chỉ liên lạc: Trung tâm Phật giáo VN tại Tacoma
1313 East 48th Street,
Tacoma WA 98404

📖 Lê thị Thấm Vân, ***Yellow Light***, thi tập của tác giả "Đôi bờ", Mùa trăng", tác giả tự xuất bản, in trang nhã, thi tập dày 100 trang, giá 9 MK. Lê thị Thấm Vân thuộc thế hệ những người cầm bút trẻ trưởng thành ở Mỹ, nên ý thơ, hình thức thơ thoát ra ngoài khuôn khổ cũ của thơ Việt.

Hãy đọc một đoạn trong bài thơ tác giả lấy làm nhan sách:

Đèn vàng
Đạp ga: tới đâu tới!
Đạp thắng: thôi thì dừng...
Này người bạn đường ngồi cạnh,
Mẹ đẻ rớt trên bờ đê bờ ruộng luống khoai bãi sắn
Nhưng sao lớn lên trên xa lộ 10 lanes ở Mỹ quốc?
Hỏi những trụ đèn,
sao không chỉ hai mầu xanh, đỏ
có chi thêm màu vàng cảnh giác
Làm tôi phải băn khoăn
bứt rứt
đắn đo
khó nhọc...

Địa chỉ liên lạc:
Lê Quang Tuấn
PO Box 360923, Milpitas CA 95035

📖 Trần Hoài Thư, ***Thơ Trần Hoài Thư***, thi tập sưu tập lại những bài thơ đã làm từ trước đến nay của một cây bút thường được biết đến qua văn xuôi. Tác giả tâm sự: "Gần đây, có dịp lên thư viện đại học Cornell để thu thập những bài văn cũ trước 1975 trên các tạp chí văn chương như Văn, Văn Học, Ý Thức, Khởi Hành, Bách Khoa, tôi mới được dịp đọc lại những bài thơ của một thời, và biết rằng, tôi đã có lỗi đối với thơ tôi. Bởi vậy tôi mạo muội in tập thơ này như là giữ gìn một thời làm thơ hôm qua và hôm nay".

Do đó, thi tập tràn ngập những cảm xúc của dĩ vãng, những dấu tích chiến tranh của một thời.Bạn đọc từng là quân nhân VNCH sẽ tìm thấy trong tập thơ một phần không nhỏ của đời mình.

Sách dày 140 trang, giá 10 MK.
Liên lạc: Trần Hoài Thư
PO Box 58
So. Bound Brook, NJ 08880
Phone: (908) 769-1718

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 ***Tiếng Sông Hương,*** đặc san khảo cứu ra hằng năm do Nguyễn

Cúc-Phương Anh Trang chủ trương biên tập, Dã Oanh-Tâm Liên thực hiện, Dương Bình-Nhật Hoàng lo phần kỹ thuật, xuất bản ở Dallas Texas.

Trong những đặc san do người Huế chủ trương, Tiếng Sông Hương nổi bật vì nội dung bài vở phong phú, các bài nghiên cứu hết sức công phu và khả tín, cách trình bày luôn luôn trang nhã của tờ đặc san này. Chủ đề *Tiếng Sông Hương* năm nay là "Gia Định - Phú Xuân - Sài Gòn 300 năm cũ". Mặc dù chủ đề nêu ra như thế, nhưng hầu hết bài vở đều xoay quanh Huế, và trong những bài viết về Huế, hầu hết là Huế xưa. Một số bài nghiên cứu về quá khứ cố đô là những sử liệu đáng tin cậy, kèm theo nhiều hình ảnh được sao chụp rõ ràng, chẳng hạn các bài: Đẹp mãi ngàn năm tà áo dài Việt Nam, Những người lính đi qua thành phố Huế, Thái giám cung đình, Viện Đại học Huế, Gia tiên nếp cũ, Làng Nam Trung, Trường Nữ Giáo. Những bài liên quan đến Gia Định-Sài Gòn có "Sài Gòn 300 năm cũ, từ Preykor Sài Côn đến Sài Gòn Nguyễn Ánh. Phiên An , thành mới Sài Gòn năm 1836. Sài Gòn thuộc địa", một bài nghiên cứu rất công phu của Nguyên Hương (Nguyễn Cúc), và bài Petrus Trương Vĩnh Ký. Ngoài chủ đề có hai bài nghiên cứu về Đà Nẵng Hội an của Võ văn Dật và Nguyễn Thiệu Lâu. Phần sáng tác có đóng góp của Sương Mai, Trần Mộng Tú, Hồng Nguyên, Bùi Bích Hà, Nguyễn Mộng Giác, Lệ Vân, Dư thị Diễm Buôn, Nguyễn Trung Hối, Linh Chi, Khang Lang, Tôn Thất Kỳ, Tôn Nữ Quỳnh Giao, Trần Kiêm Đoàn, Ái Khanh, Tôn Nữ Tịnh Diệu...

Tiếng Sông Hương dày 224 trang khổ lớn 8.5 x 11, bìa màu theo tranh của họa sĩ Nguyễn Trí Minh. Không thấy đề giá bán.

Địa chỉ liên lạc: Tiếng Sông Hương
6730 Stichter St., Dallas, TX 75230
Điện thoại: (214) 265-8529.

📖 Nguyễn Ngọc Ngạn, ***Xóm Đạo***, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn, Tân Văn (Đông Kinh, Nhật Bản) xuất bản, sách dày 612 trang, giá 25 Mỹ kim. Đây là cuốn tiểu thuyết mới nhất của Nguyễn Ngọc Ngạn, viết từ tháng 11.1996 đến tháng 5/1998 và đã được độc giả tờ Thời Báo ở Canada thích thú theo dõi khi "Xóm Đạo" được đang từng kỳ trên báo.

Trong *Xóm Đạo*, nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn tận dụng được kinh nghiệm sống lâu năm trong vùng công giáo di cư quanh Sài Gòn, tạo cho truyện một không khí đặc biệt hiếm thấy trong tiểu thuyết VN. Truyện đọc hấp hẫn như tất cả các truyện tác giả đã viết, nhờ pha trộn khéo léo các tình tiết hấp dẫn và không làm đau đầu độc giả bằng những tư tưởng nặng nề.

Sách đã bày bán tại các hiệu sách. Địa chỉ liên lạc: Đại diện Tân Văn

tại Hoa Kỳ:

Trần Kim Xuyến
2654 Bonnie Dr., Santa Clara, CA 95051, USA
Phone: 1-408-243-9309

📖 Nguyễn Ngọc Ngạn, ***Dòng đời lặng lẽ***, tập truyện, tác giả tự xuất bản, gồm ba truyện vừa *Ngày trở lại, Dòng đời lặng lẽ, Mưa trong bóng đêm,* truyện nào cũng hấp dẫn ly kỳ có đầy đủ các yếu tố dục tính, bạo lực, tình yêu khác thường, nhân tình thế thái...Nguyễn Ngọc Ngạn là một tác giả được đọc nhiều nhất ở hải ngoại vì ông có tài kể chuyện lôi cuốn. Nhưng nhiều lúc ông lạm dụng vai trò đạo diễn, lèo lái số phận các nhân vật và diễn tiến truyện, khiến truyện có vẻ cổ điển.

Sách dày 182 trang, bìa màu, giá 12 MK. Hiện có bán tại các hiệu sách.

Địa chỉ liên lạc: Thắng Nguyễn
P.O. Box 10311, Westminster CA, 92685, USA
Phone: (714) 891-8423

📖 Thu Hương, ***Nắng và Em,*** tập truyện, Tân Thư xuất bản, bìa Khánh Trường, sách dày 310 trang, giá 14 MK, ngoài Hoa Kỳ 16 MK.

Theo lời giới thiệu của Nguyễn thị Hồng Diệp in đầu sách, "Tuyển tập *Nắng và Em* gồm nhiều đoản văn, truyện ngắn mang hình ảnh của tác giả...Văn phong của Thu Hương mọng những tình cảm, từ tình gia đình, tình yêu đôi lứa, cho tới tình yêu quê hương dân tộc. Những tình cảm ấy trải dài và bàng bạc trên tất cả mọi trang sách, mỗi giòng chữ và mỗi từ ngữ".

Thư từ liên lạc: Nicole Barry
1526 Alki Ave SW # 403
Seattle WA 98116

📖 Trần Hoài Thư, ***Về hướng mặt trời lặn***, tác phẩm thứ ba xuất bản ở hải ngoại của một tác giả sung sức trước 1975 chuyên viết về đời lính và thảm cảnh chiến tranh. "Về hướng mặt trời lặn", giống như hai tác phẩm đã in trước đó, lấy đề tài là người lính VNCH, trong cuộc chiến và sau cuộc chiến, ở chiến trường ngày xưa và ở đất khách bây giờ. Gần như thời gian và sự thay đổi lớn lao trong đời sống không ảnh hưởng gì đến lối viết của Trần Hoài Thư. Anh vẫn say mê viết về những người lính, về đồng đội của mình, với một văn phong còn nhiều lửa. Đọc "Về hướng mặt trời mọc" rồi đọc lại "Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang" (xb năm 1970), không

thấy khác bao nhiêu. Đó là ưu điểm hay là khuyết điểm của tác giả? Khó trả lời được. Nếu một người viết giữ được ngọn lửa nhiệt tình của thủa ban đầu y nguyên cho đến tác phẩm cuối, và truyền được nhiệt tình ấy cho bạn đọc, phải xem đó là một thành công. Ít ra cũng thành công trong các độc giả đồng đội cũ của tác giả, những người lính VNCH trước 1975. Và số bạn đọc này hiện khá nhiều.

Sách dày 170 trang, giá 14 MK. Ngoài HK thêm 2 Mk.

Địa chỉ liên lạc: Trần Hoài Thư
PO Box 58
S. Boundbrook NJ 08880
Phone: (908) 769-1718
Email: tht@saigonline.com

📖 Nguyễn Hùng Vũ, ***Những giọt mưa trên giàn bông giấy***, Văn Nghệ xuất bản, bìa Khánh Trường, sách dày 370 trang, giá 14 MK.

Tìm em trong nắng thu vàng, truyện dài, tiếp theo *Những giọt mưa trên giàn bông giấy*, dày 350 trang, Văn Nghệ xuất bản, giá 14 MK.

Đối với bạn đọc Văn Học, Nguyễn Hùng Vũ là một tên tuổi xa lạ, vì anh có một cách gia nhập làng văn cũng lạ. Thông thường, một tác giả mới thử bút bằng thơ và truyện ngắn, xuất hiện một thời gian trên các tạp chí để tìm hiểu sở trường sở đoản của mình và làm quen với bạn đọc, sau đó mới xuất bản tác phẩm đầu tay gồm những truyện ngắn đã chọn lọc. Nguyễn Hùng Vũ không làm thế. Anh lặng lẽ viết, rồi đột ngột tung ra những truyện dài cỡ trên 300 trang in, hết tập này đến tập khác. Tác giả còn cho biết sau hai truyện dài này, sẽ lần lượt cho in: *Dòng sông trong tim em, Đi tìm linh hồn, và Những ẩn lý của vũ trụ.*

Muốn mua sách, xin liên lạc Nhà xuất bản Văn Nghệ

📖 Nguyễn Tường Bách, ***Việt Nam Một thế Kỷ Qua***, Hồi ký Cuốn I 1916-1946, Thạch Ngữ xuất bản, sách dày 324 trang, giá 16 MK.

Nguyễn Tường Bách là người em trai cuối trong gia đình Nguyễn Tường Tam-Nhất Linh, và là nhân chứng quan trọng còn sống để cho bạn đọc biết những gì xảy ra trong hoạt động của Tự Lực Văn đoàn, Đại Việt Dân Chính và thời cuộc phức tạp của VN trước và sau 1945.

Tập Hồi ký này là Phần I, viết về giai đoạn từ 1916-1946, gồm các đề mục: Tuổi nhỏ, Phong Hoá Ngày Nay, Tự Lực Văn Đoàn, Đại Việt Dân Chính, Quốc Dân Đảng, Bão táp 45-46.

Đây là một tài liệu lịch sử và văn học quí, cần có trong tủ sách gia đình. Sách hiện đã bày bán ở các hiệu sách.

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Tôn Thất Tuân (Sudbury Canada), Tôn thất Thang (Montpellier France), Quang Thanh Nguyễn (Fairfax VA), Ly Le Tran MD (Upper Montclair NJ), Tường Năng Tiến (San Jose CA), Ngô văn Bình (Falls Church VA), Nguyễn Đỗ Mai (San Jose, CA đổi địa chỉ), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Vũ thị Nghĩa (Santa Ana, CA), Nguyễn Văn Vỹ (Richfield MN), Đỗ Xuân Trực (Tulsa OK), Trần Nhu (San Jose CA), Hồ Vĩnh Thủy (Pasadena CA), Phan Q. Vinh (Houston TX), Tôn Nữ Lanh (Santa Clara CA) Nguyễn Thanh Dung (Manburg Germany), Trần văn Huyền (Reutlingen Germany), Bùi Kim Yến (Anaheim Hills CA), Kristine Tu-Hien Nguyên (Katy, TX), Mai Trúc Sơn (Arleta CA), Windy City Weekly (Chicago IL), Dong Tran (Smyrna GA), Phan Xuân Sinh (Stoneham MA), Trần văn Nam (San Gabriel CA), Trần Thành (Chesnut Hill MA), Trần văn Sơn (gt độc giả mới), Ecole Francaise d'Extreme Orient (Paris France), Quang Nguyễn (New York NY), Lê Đức Vi (Portland OR), NP Vietnamese Books (NSW Australia, đổi địa chỉ), Trần Hữu Thục (mua báo cho bạn), Ecole de langues orientales (Paris France), Vũ Nam (Germany), Quan Dương (Gretna LA), Đoàn Khoách (San Diego CA), Dương Phước Luyến (Royal Palm Beach FL), Nguyễn Duy Lân (Orlando FL), Tự Do Bookstore (San Jose CA), Hồng Bàng Bookstore (San Jose CA), Nga Lam (Seattle WA), Hung Phan (Tacoma, WA), Dac T. Mai (Parkland FL), Nguyen Xuan (Dorchester MA), Nguyễn văn Mỹ (Mission Viejo CA), Nguyễn thị Hồng (Bernice LA), Phuong Si Dang (Austin TX), Triet Dang (Houston TX), Nguyễn Nguyên Phương (Denver CO), Nguyễn Khoa Điềm (Reseda CA), Milpitas Community Library (Milpitas CA), Ross Barnum Library (Denver CO), Lê văn Xe (Japan), Lưu Hà (San Diego, CA, gia hạn, đính chính địa chỉ), Nguyễn Q. Trực (Cocoa FL), Lê Ngọc Thọ (Anjou, Canada), Lê văn Trạch (Memphis TN), Nguyễn Vy Khanh (V. St. Laurent QC Canada), Hiệp Phạm (báo bị trả về, Houston TX), Thanh Sung Fleming (Silver Spring MD), Tôn thất Tiết (Paris France), Phương Thảo (Gaithersburg MD), Nguyễn Trung Hối (Portland OR), Hai V. Chu (Kingstowne VA), John C. Diep (Boynton Beach FL), Lan H. Nguyen (Seattle WA), Uviversity of Washington Library (Seattle WA), San Francisco Public Library

(SF, CA), Nguyễn Linh Quang (Paris France), Năng Trần (St. Paul MN), Nguyễn văn Tạ (Chesterhill NSW Australia), Phan v. Thuong (Bellevue WA), Nga Tran (Woodinville WA), Chinh N Hoang (Baton Rouge LA), Vo Nguyên (Eagan MN), Le Auto Service (Santa Ana, CA), Downey Public Library (Downey CA), Đinh Ngọc Can (Norway, Oslo), Hồ Đăng Định (Renton WA), Carie Estelle Doheny Mem Lib (Camarillo CA), University of Berkeley Library (Berkeley CA), Bibliothèque de Ville de Montréal (Montreal, Canada), Chapman Branch Library (Salk Lake City UT), Sheridan Library (Denver CO), Trương văn Dân (Milano Italy), Harvard University Library (Cambridge MA), Trần Huy Bích (Carson CA), Thien Kiep Van (Manchester NH), Phan Uyển Nghi (Garden Grove CA), Bùi thị Bé (Fountain Valley CA), Tien Vo (Charlottesville VA), HB Hillview Branch Library (San Jose CA), MN San Jose Public Library (San Jose CA), EK Educational Park Branch (San Jose CA), ST Seventrees Branch Library (San Jose CA), Vũ Thái-Thái Vĩnh Nghiêm (Fountain Valley CA, quảng cáo sách), Lệ Chi Trần (San Jose, CA), Nguyễn Nga Mỹ (Gahanna OH), Trang Luu (Las Vegas, NV), Dr. Hai Tran (McLean VA), El Monte Public Library (El Monte CA), Nguyễn Hữu Tuấn (Allston MA), Mai Ngọc Phước (Thụy sĩ), Trần Thiện Hiệp (Seattle WA), Hoàng Xuân Thanh (San Francisco CA, đổi địa chỉ), Peter Tran (Richardson TX),, Hoàng Thế Đoàn (Lincoln NE), Trịnh văn Đáng (San Diego CA), Nguyễn Cúc (Dallas TX), Dr. Trần Tiến NGạc (Stockton CA)

● **Bài nhận được trong tháng**:

"Tâm sự dòng sông" gửi từ San Jose CA, "Ngày mai anh ra" gửi từ Moscow Russia, "Mùa thu hải ngoại" gửi từ Rosemead CA, "Một lần Huế-Quảng", "Thời hết thời ở Hội an", "Hỏi ra" gửi từ Memphis TN, "Bữa đó" gửi từ Annadale VA, "Mơ, Em và Tôi" gửi từ Savigny s/ Orge France, "Bài thơ cho con đầu lòng" gửi từ Hawthorne CA, "Đọc sách" gửi từ Tulsa OK, "Tình yêu", "Hiểu ra duyên nợ" gửi từ Harvey LA, "Tơ liễu Huế" gửi từ Rosemead CA, "Seattle" gửi từ Fremont CA, "Giải oan cho Tào Tháo" gửi từ Stoneham MA, "Cảm giác trong phòng tắm ở Mỹ", "Ký ức" gửi từ Gretna LA, "Galang ngày đó...và người tình" gửi từ Portland OR, "Gió ngược" gửi từ Dorchester MA, "Cõi chết" gửi từ Philadelphia PA, "Ngôn ngữ, Ý thức và Bản thể" gửi từ El Paso TX, "Bài cuối tháng Chín", "Nếu trái tim anh không còn ai để nhớ" gửi từ Fountain Valley CA, "Lời cỏ", "Ngẫu hứng" gửi từ Houston TX, "Bài thơ cho chim nhỏ" gửi từ Hawthorne CA, "Trung

niên thi sĩ Bùi Giáng đã vĩnh biệt thế gian" gửi từ Houston TX, "Chào anh" gửi từ San Jose CA, "Buổi hẹn ban đầu" gửi từ Chesnut Hill MAS, "Người thuê phòng" gửi từ Issaquah WA, "Trao đổi với ông TVT và NQT..." gửi từ Redmond WA, "Về một bài thơ phổ nhạc" gửi từ Chicago IL, "Giòng sông chảy ngược" gửi từ Rosemead CA, "Đêm thánh vô cùng" gửi từ Ontario Canada, "Có những mùa đông, những mùa xuân", "Vọng âm", "Sầu ghi tên người", "Chim hót sau vườn" gửi từ Roslindale MA, "Đêm, mái hiên xanh", "Khu rừng mai Đồng Bò, Hoài niệm nguy nga" gửi từ San Jose CA, "Tiếng gọi" gửi từ Saint Paul, MN, "Cảm ơn Thượng đế" gửi từ San Jose CA, "Rồi ra, ta cũng không đành", "Ở chỗ giữa một và hai", "Gửi Bùi ca"...gửi từ Dallas TX, "Tháng Giêng" gửi từ Dortmund Germany, "Nhà cho thuê" gửi từ Hamilton Canada, "Ví dụ thôi", "Chế biến một nỗi buồn" gửi từ Gretna LA, "Sáu chân dung của thi sĩ Bàng Giúi" gửi từ Hawthorne CA, "Hành trình của chuỗi hạt sen hồ Tịnh" gửi từ Blaxland Australia, "Hiu hắt đuôi mắt của người" gửi từ Portland OR, "Tay với đất" gửi từ Irvine CA, "Tiếng loa cảnh báo" gửi từ San Jose CA, "Rượu mùa đông" gửi từ Memphis TN, "Không còn gặp lại người tôi mong gặp" gửi từ Seattle WA, "Gọi người giữa chốn bùi ngùi", "Thời nhỏ ở vườn kinh" gửi từ Roxboro Canada, "Tiếc thương Bùi Giáng", "Có một bài thơ", "Xa vắng", "Lời ru của mẹ", "Ru giấc quê hương" gửi từ Germany, Thư của nhà văn Huyền Châu (Paris France), "Huyền Trân" gửi từ Portland OR , "Xong một kiếp người", Trăn trở" gửi từ Netherlands, "Cũng vẫn là Nghiêu Đề" gửi từ Roxboro Canada, "Ngày xuân trò chuyện với NXT" gửi từ Dallas TX, "Một mảnh đời H.O." gửi từ Alief TX

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

● **Nhắn tin:**

Trong thời gian gần đây, Văn Học nhận được rất nhiều bài vở gửi qua e-mail. Hiện nay Văn Học dùng font chữ VNU Windows (VNTimes) để layout báo. Nếu có thể được, xin quí văn hữu gửi bài qua email theo dạng chữ VNU nói trên, tránh cho tòa soạn khỏi phải chuyển hệ. Trường hợp quí bạn gửi diskette, xin kèm theo bản in để tòa soạn theo đó trình bày theo ý các bạn (các chữ in nghiêng, các chữ đậm, xuống hàng...).

Bài lưu trữ trong file hoặc diskette dưới dạng "saved as text", hoặc "saved as rich text format". Xin cảm tạ sự cộng tác quí hóa của quí bạn. Văn Học

Đã phát hành khắp nơi hai tác phẩm mới nhất của Trần Hoài Thư

Về Hướng Mặt Trời lặn, tập truyện

- *Gần đây ra tiệm sách tôi lại thấy tên Trần Hoài Thư in trên bìa cuốn "Về hướng mặt trời lặn". Mua về, đọc, lại tìm được những ý nghĩ trong sáng, những tình cảm chứa chan tình người, tình quê. Đúng là tâm hồn đẹp. Tôi rất thích đọc, và đã đọc nhiều nhưng chưa bao giờ tìm được những dòng văn nhẹ nhàng, như nhạc, như thơ chứa những tình cảm quê hương đạt dào tình người như văn Trần Hoài Thư...*

NKT California thư độc giả ngày 1/9/98

Sách dày 280 trang, giá $14. Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí.

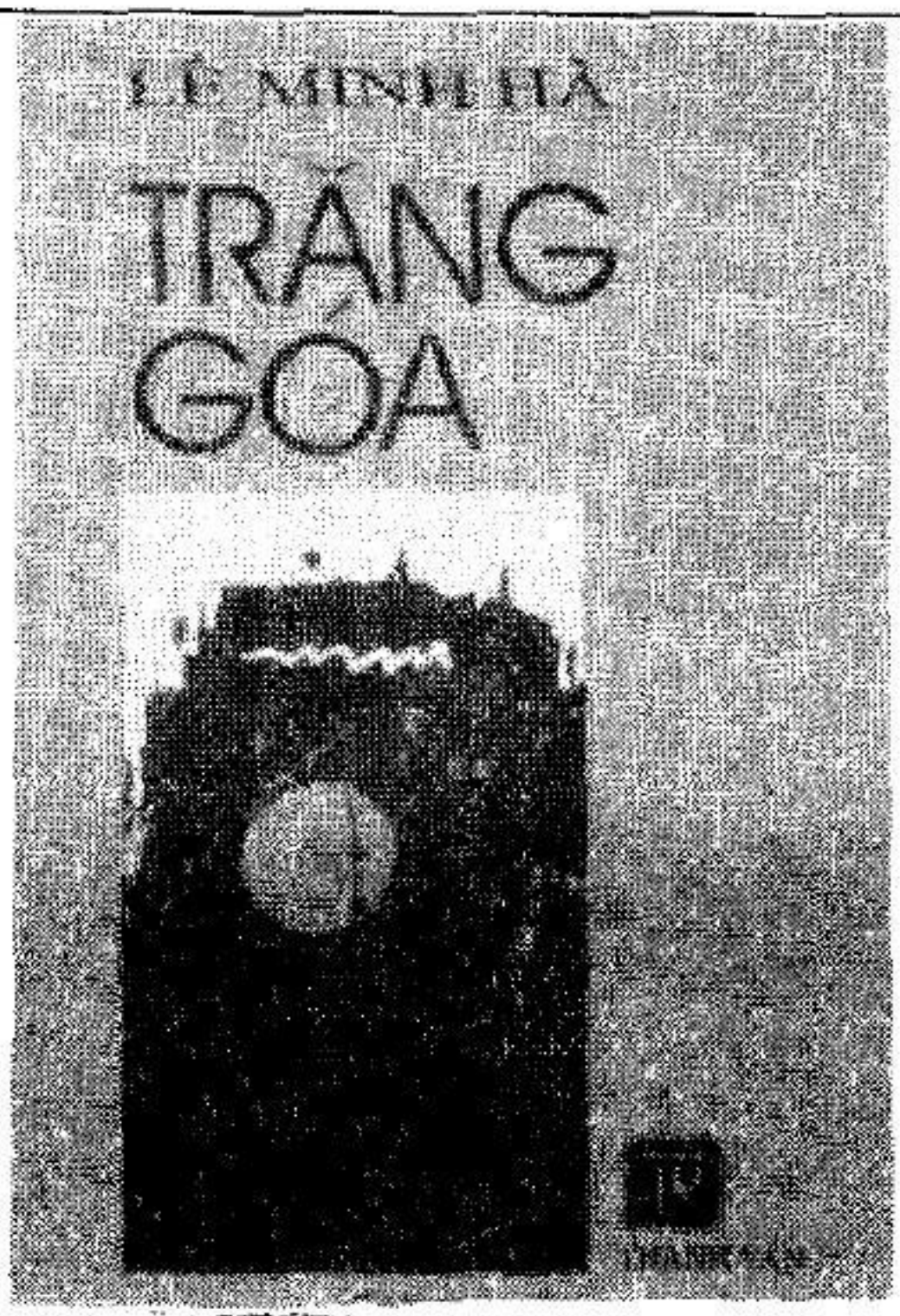
Thơ Trần Hoài Thư, thi phẩm

Mỗi bài thơ là một truyện cô đọng, đẹp, hào khí, ngang tàng của một người lính miền Nam. Có cái nét của một Quang Dũng: *Mặt trời đỏ ối trên Vàm Xáng. Cởi áo ngâm bài thơ Cổ lai...*, đến một Nguyễn Bắc Sơn: *Cám ơn những nàng má phấn môi son. Yêu ta vội vàng trước khi tiếp Mỹ*...Từ cái lãng mạng si mê: *Tại sao em lại pha cho anh ly cà phê thật đen. Để anh về nhớ em trong những đêm không ngủ*....đến nỗi đau thương cùng cực khi tác giả ôm lấy xác người thiếu nữ bị giết trong đêm Tiếp Cứu quận Tuy Phước Bình Định: *Em bé quê ơi cho ta nhành bông. Một nhành bông qui vàng như màu áo. Ta đặt lên em. Trống trường áo nảo....*

Các bạn từng yêu văn Trần Hoài Thư, từng công nhận văn Trần Hoài Thư đầy chất thơ và nhạc, chắc chắn sẽ không thất vọng khi đọc thơ Trần Hoài Thư.

Giá $10. Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí

Xin hỏi tiệm sách hay liên lạc:
Trần Hoài Thư
PO Box 58 S. Bound Brook NJ 08880
Phone: (908)769-1718
Email: tht@saigonline.com



Truyện ngắn nào của Lê Minh Hà cũng như vậy: những chuyện nhỏ của đời thường, nhưng trong cái nhỏ cái thường hàm-chứa toàn-cảnh lớn lao của thời đại, của cuộc nhân sinh.. Lối cảm nhận đời sống, lối viết của Lê Minh Hà rất gần với Thạch Lam. Tuy nhiên, vì sống trong một thời đại khắc nghiệt, Lê Minh Hà không thể giữ được nét hồn nhiên lãng mạn của Thạch Lam. Văn của chị có cái ưu uất dồn nén của Nam Cao, một văn tài mà tôi tin là Lê Minh Hà chịu nhiều ảnh hưởng..

Ở vào thời đại mọi người sống hối hả vồ vập như ngày nay, những nỗi đau thầm thường bị những tiếng la hét lấn lướt, nhà văn thường yếu thế trước các chiến sĩ. Nhưng tôi tin rằng cái còn lại dài lâu trong lòng người là những "tiếng đoạn trường", những lời tâm sự chân thành, những vết rạn mong manh xảy ra trong đời thường của những người sống đời sống rất bình thường trong xã hội.

"Trăng Góa" của Lê Minh Hà có đầy đủ những yếu tố tạo dư âm dài lâu nêu trên.

Nguyễn Mộng Giác

trăng góa

tập truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Hà

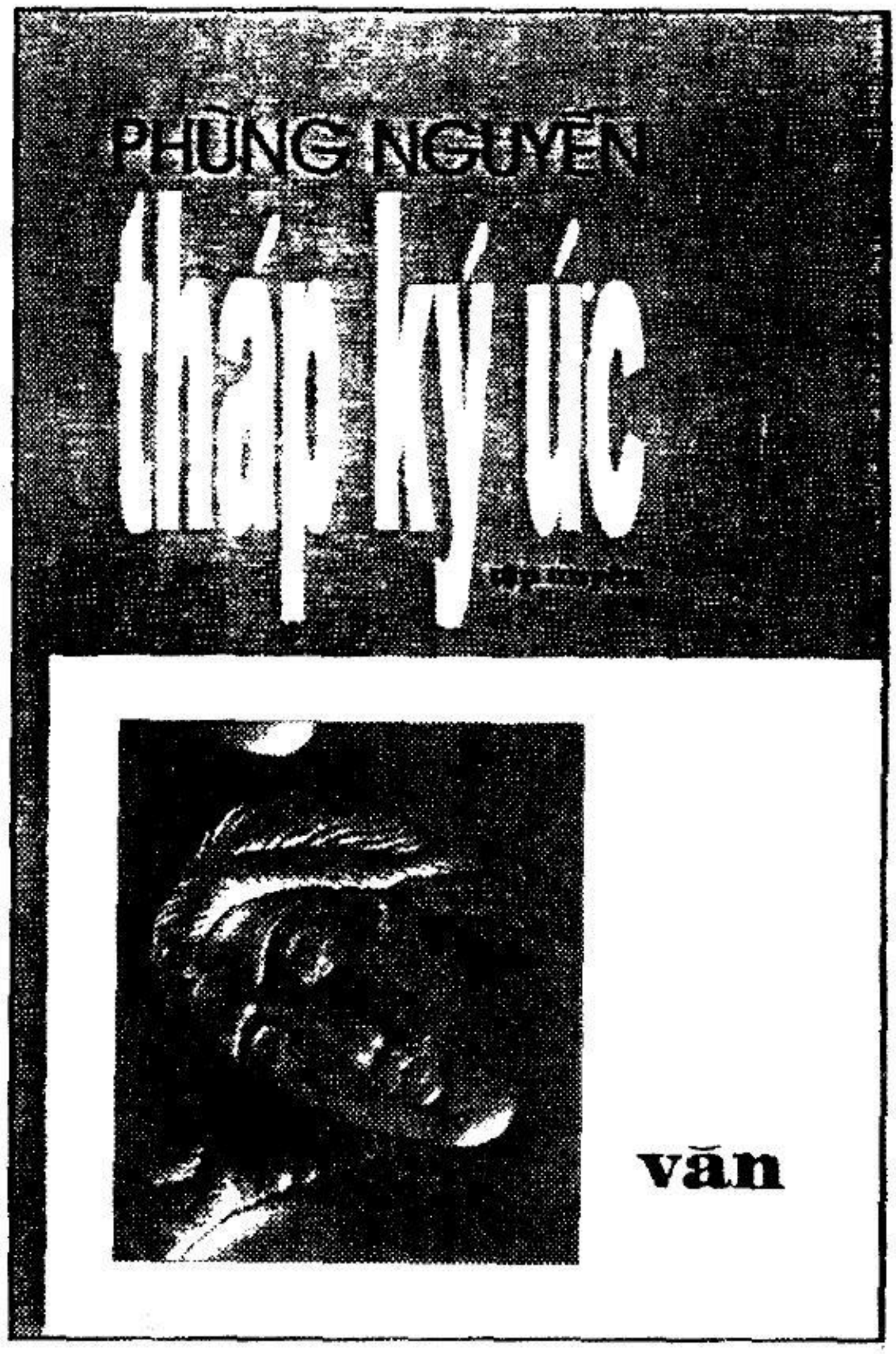
Bìa Khánh Trường, Tựa của Nguyễn Mộng Giác

Giá 10 Mỹ kim. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành

Nhà xuất bản VĂN
hân hạnh giới thiệu tập truyện

THÁP KÝ ỨC

PHÙNG NGUYỄN



Tìm mua tác phẩm nhận định văn nghệ
quan trọng
của nhà xuất bản Văn Nghệ

sóng từ trường

của Thụy Khuê

Sách dày 224 trang, giá 12 Mỹ kim

Tiểu luận phê bình, sưu tập những bài viết về các văn nghệ sĩ đủ mọi ngành: Thái Thanh, Bảo Ninh, Trần Anh Hùng, Lê Phổ, Phạm Tăng, Phạm thị Hoài, Lê thị Lựu, Trần Vũ, Võ thị Hảo, Phạm Duy, Bùi Hoằng Vị, Lê Bá Đảng, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Huy Thiệp, Bé Ký, Lê Đạt. Nghĩa là đủ cả các ngành hội hoạ, điện ảnh, ca nhạc, thi ca, tiểu thuyết. Thụy Khuê luôn luôn đi tìm một cách hiểu mới, một cách thưởng ngoạn mới trước các tác phẩm nghệ thuật, mà cái mới nào cũng có khả năng gây sốc.

Nhờ không theo lối mòn, nhận định của Thụy Khuê về tác phẩm và tác giả luôn luôn có một vẻ độc đáo riêng, nhất là các nhận định về thơ.



Nhà Xuất Bản VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

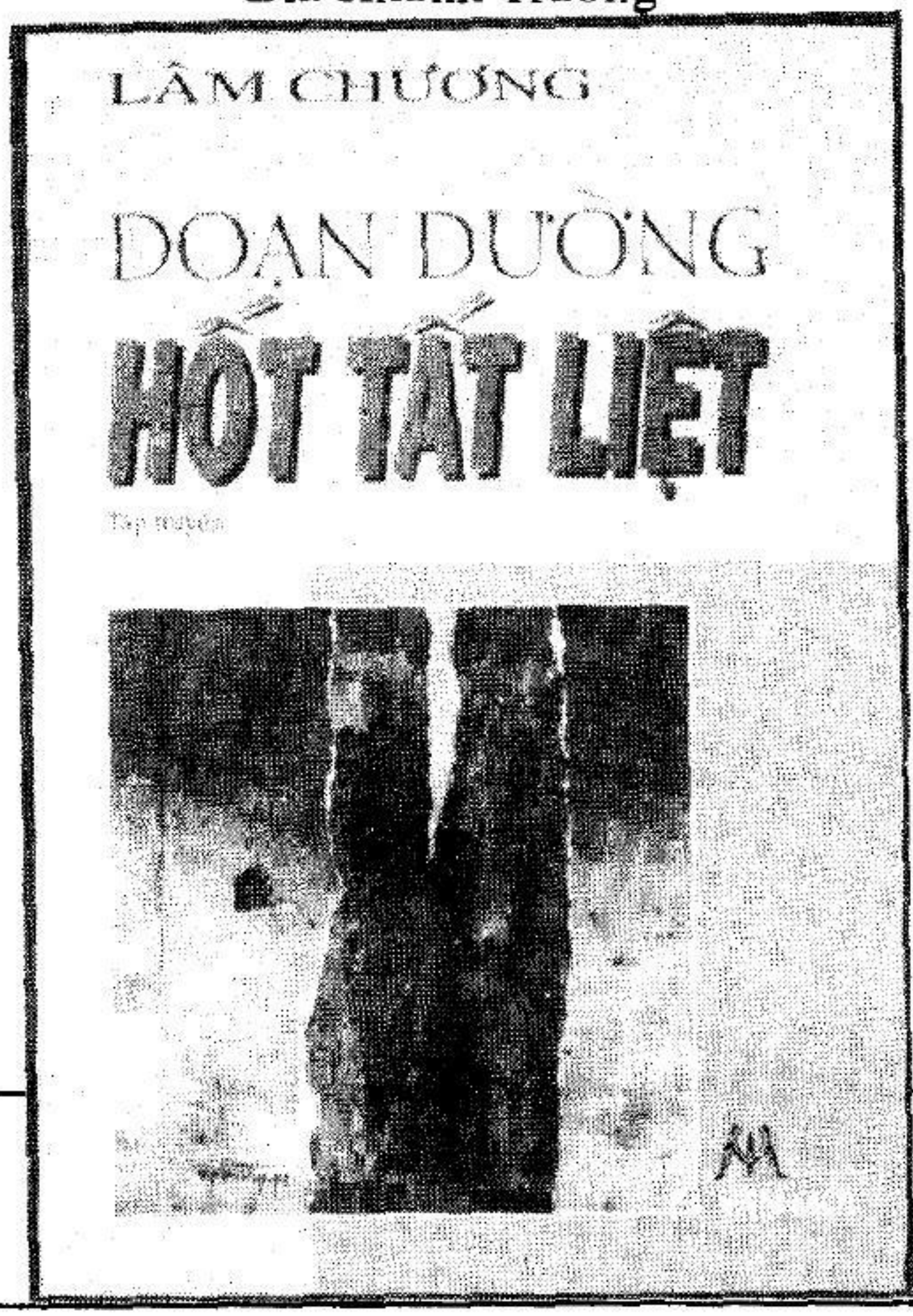
Dưa Cà Mắm Muối (Hết)
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $6.00
Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Lời Của Quá Khứ (Hết)
Tập truyện Khế lêm, giá $7.00
Sống Và Viết (Hết)
Tùy bút Võ Phiến, giá $10.00
Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện Hoàng Thị Bích Ti, giá $8.00
Dấu Quê
Thơ Khế lêm, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00
Những Người Thích Dấu Huyền
Tạp bút Đặng Trần Huân, giá $10.00
Một Mình Em, Đến Giữa Đời
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Lần cuối, Sài Gòn
Thơ, truyện, tạp luận Nguyễn Quốc Trụ, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI

Trân trọng giới thiệu tập truyện ngắn đầu tay của
Lâm Chương, vừa mới phát hành tháng 11 năm 1998.

Đoạn Đường
HỐT TẤT LIỆT
Tập truyện Lâm Chương
Lời mở Trần Doãn Nho
Bìa Khánh Trường



THANH VĂN
P.O. BOX 411723
Los Angeles, CA 90041

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn ____năm,
từ số ____ tháng ____,gởi hạng ____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$ _____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới dây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THU VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

nguyễn xuân thiệp
tôi cùng gió mùa



Văn Học

Sau khi xuất bản **tập thơ quan trọng của Khoa Hữu**, tạp chí Văn Học lại xuất bản một thi tập giá trị nữa của

nguyễn xuân thiệp

tôi cùng gió mùa

bìa Đinh Cường, giá 15 Mỹ kim

Sách vừa phát hành đã được giới phê bình và văn hữu hoan nghênh nhiệt liệt (xin xem bài của Đặng Tiến trên số này)

Xin liên lạc nhà phát hành Văn Nghệ, tạp chí Văn Học hoặc nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp ở địa chỉ

PO Box 803152, Dallas TX 75380

Phone: (972) 392-1489



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- SÀI GÒN TRONG MẮT TÔI, *biên khảo*, Phụng Nghi 12MK
- DÒNG THAMES THÌ THẦM, phiếm luận, *Vĩnh Phúc* 12MK
- THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *biên khảo*, Tâm Diệu 12MK
- LẨU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện*, Võ Đình 11MK
- CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *tiểu luận chính trị*, Nguyễn Minh Cần 18MK
- THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL..., *truyện*, Lê Tất Điều 11MK
- ĐẠO ĐỨC KINH, Lão Tử, cựu Luật Sư Đinh Sĩ Trang *dịch, chú thích, gồm Anh, Việt, Hán* 20MK
- NHÌN CÂY THẤY RỪNG, *18 cuộc phỏng vấn liên quan đến Việt Nam với nhiều khám phá lý thú*, Đỗ Quyên 18MK
- EINSTEIN, ĐỜI SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG, Nguyễn Hiến Lê 8MK
- ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ, Ernest Hemingway, Mặc Đỗ *dịch* 7MK
- MÀU TÍM, Alice Walker, Nguyên Thi *dịch* 15MK
- HÀNH TRÌNH CUỐI ĐÔNG, Tiêu Dao Bảo Cự 16MK
- MIỀN THƠ ẤU, *hồi ký* Vũ Thư Hiên 13MK
- NHỮNG GIỌT MƯA TRÊN GIÀN BÔNG GIẤY, *tiểu thuyết*, Nguyễn Hùng Vũ 14MK
- TRẮNG GÓA, *tập truyện đầu tay của* Lê Minh Hà, *nhà văn nữ trẻ hiện đang sống tại Đức* 10MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin trả thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Riêng *Đêm Giữa Ban Ngày* thêm 5MK

Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục
với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

Giá:$4.00